*Ngày soạn: ……………… Ngày dạy:…………….*

**TUẦN**

**Bài 6**

**TRUYỆN**

**(TRUYỆN ĐỒNG THOẠI, TRUYỆN CỦA PUSKIN**

**VÀ AN-ĐEC-XEN)**

(12 tiết)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức ngữ văn (truyện, truyện đồng thoại, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).

- Bài học cuộc sống được thể hiện qua 3 văn bản đọc.

- Chủ ngữ, mở rộng chủ ngữ.

- Văn bản tự sự và cách làm bài văn tự sự.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại (cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Nhận biết được chủ ngữ, biết cách mở rộng chủ ngữ trong câu.

- Viết được bài văn, kể được một trải nghiệm của bản thân, biết viết VB đảm bảo các bước.

- Kể được trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Khám phá tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung**:  - Chơi trò chơi khởi động: Kể tên một kỷ niệm tuổi thơ của em?  (Một HS làm trưởng trò: Nêu tên kỉ niệm của mình rồi lần lượt chỉ điểm các bạn trong nhóm. Mỗi bạn nêu một kỉ niệm có dấu ấn sâu đậm nhất. (Khoảng 8-10 bạn tham gia chơi)  **c) Sản phẩm:**HS nêu/trình bày được  - Các kỉ niệm của học sinh.  - Tri thức ngữ văn (truyện và truyện đồng thoại; cốt truyện; nhân vật; người kể chuyện; lời người kể chuyện và lời nhân vật; từ đơn và từ phức).  **d) Tổ chứcthực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Hãy kể tên một số truyện mà em đã đọc? Em thích nhất truyện nào?  ? Ai là người kể trong truyện này? Người kể ấy xuất hiện ở ngôi thứ mấy?  ? Nếu muốn tóm tắt lại nội dung câu chuyện, em sẽ dựa vào những sự kiện nào?  ? Nhân vật chính trong truyện là ai? Nêu 1 vài chi tiết giúp em hiểu đặc điểm của nhân vật đó?  ? Giới thiệu ngắn gọn một truyện đồng thoại và chỉ ra những “dấu hiệu” của truyện đồng thoại trong tác phẩm đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** - Đọc phần tri thức Ngữ văn.  - Thảo luận nhóm:  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV:**  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Đọc văn bản**

**Văn bản (1)**

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần | Ngày soạn: …./…../20.. |
| Tiết 73,74,75 | Ngày dạy: …………………… |

BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

TÔ HOÀI

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**1. MỤC TIÊU**

***1.1 Về kiến thức:***

- Nắm được thế nào là truyện đồng thoại.

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Tô Hoài.

- Người kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ…

- Tính chất của truyện đồng thoại được thể hiện trong văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.

***1.2Về năng lực:***

- Xác định được ngôi kể trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”.

- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt. Từ đó hình dung ra đặc điểm của từng nhân vật.

- Phân tích được đặc điểm của nhân vật Dế Mèn.

- Rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

***1.3 Về phẩm chất:***

Nhân ái, khoan hoà, tôn trọng sự khác biệt.

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà văn Tô Hoài và văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”

- Phiếu học tập.

*+ Phiếu số 1:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình dáng**  (Dế Mèn) | **Hành động**  (Dế Mèn) | **Suy nghĩ**  (Dế Mèn) |
|  |  |  |
|  |  | |

*+ Phiếu số 2*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Làm việc nhóm**  Tái hiện lại hình ảnh dế Choắt qua hình ảnh và ngôn ngữ trong 3 phút.  **Hình ảnh Dế Choắt**   * Trạc tuổi …………………………………….…. * Người ……………., cánh ……………………..,   càng ………………..., râu ……………..………   * Mặt mũi: …………………………….……….. * Xưng hô:…………………………… * Ăn ở: …………………………….…………… * Choắt: …………………………….…………….. * Đối lập với ……………………………………..   Kết quả hình ảnh cho dế hoạt hình |

*+ Phiếu học tập số 3*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Trước khi trêu chị Cốc** | **Sau khi trêu chị Cốc** | **Kết quả** |
| **Hành động** |  |  |  |
| **Thái độ** |  |  |  |

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Em đã bao giờ xem một bộ phim hay đọc 1 truyện kể về một sai lầm và sự ân hận của ai đó chưa? Khi đọc, xem, em có những suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **(Tiết 73) I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | | | |
| **1. Tác giả** | | | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về nhà văn Tô Hoài và tác phẩm “Dế mèn phiêu lưu kí” cũng như đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| Hoạt động của GV và HS | | | Nội dung cần đạt | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Tô Hoài?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | | | - Tô Hoài (1920 – 2014)  ***Tô Hoài***  - Tên: Nguyễn Sen  - Quê: Hà Nội  - Ông viết văn từ trước  CMT8/1945  - Có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi  - Các tác phẩm chính: “Võ sĩ Bọ Ngựa”, “Dê và Lợn”, “Đôi ri đá”, “Đảo hoang”… | | |
|  | Picture1 | Picture1 | | | Sống lại tuổi thơ với “Dế mèn phiêu lưu ký” |
|  | | | | | |
| **2. Tác phẩm** | | | | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng câu hỏi cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| Hoạt động của GV và HS | | | Nội dung cần đạt | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Em hãy kể lại nội dung văn bản Bài học đường đời đầu tiên?  ? Truyện “Dế mèn phiêu lưu kí” thuộc loại truyện nào?  ? Truyện đồng thoại là gì?  ? Dựa vào đâu em nhận ra Bài học đường đời đầu tiên là truyện đồng thoại?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc, kể của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | | | a) Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc đúng.  - HS kể tóm tắt nội dung cơ bản  b) Tìm hiểu chung  - Văn bản là truyện đồng thoại nổi tiếng nhất của nhà văn Tô Hoài.  - Truyện đồng thoại là loại truyện thường lấy loài vật làm nhân vật. Các con vật trong truyện đồng thoại được các nhà văn miêu tả, khắc hoạ như con người (gọi là nhân cách hoá).  - Hệ thống nhân vật là loài vật (nhân vật chính: Dế Mèn).  - Sử dụng ngôi thứ nhất (lời kể của Dế Mèn).  - Văn bản chia làm 3 phần  + P1: Từ đầu …sắp đứng đầu thiên hạ rồi.  🡪 Bức chân dung tự hoạ của Dế Mèn.  + P2: còn lại:  🡪 Bài học đường đời đầu tiên | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiết 74. II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| 1. **Bức chân dung tự hoạ của Dế Mèn** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết nói về ngoại hình, hành động, suy nghĩ và ngôn ngữ của Dế Mèn.  - Đánh giá nét đẹp và nét chưa đẹp của Dế Mèn.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng câu hỏi cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| Hoạt động của GV và HS | Nội dung cần đạt | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp ra làm 4 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  **Nhóm I**: Tìm những chi tiết miêu tả hình dáng của Dế Mèn.  **Nhóm II**: Tìm những chi tiết miêu tả hành động của Dế Mèn.  **Nhóm III**: Tìm những chi tiết nói về suy nghĩ của Dế Mèn.  **Nhóm IV**: Tìm những chi tiết là lời nói của Dế Mèn với các nhân vật khác?  ? Chỉ ra biện pháp NT được sử dụng khi miêu tả Dế Mèn?  ? Lối miêu tả Dế Mèn thường được sử dụng ở loại truyện nào?  ? Em có nhận xét gì về trình tự miêu tả?  ? Cách miêu tả như vậy có tác dụng gì?  ? Và qua lời miêu tả ấy, em hình dung ra hình ảnh Dế Mèn như thế nào? (chỉ ra nét đẹp và nét chưa đẹp của nhân vật)?  ? Đứng trước hình ảnh Dế Mèn em có thái độ, tình cảm ra sao?  ? Theo em chi tiết nào là đặc sắc, thú vị nhất, vì sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **HS**: làm việc cá nhân để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | | |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Hình dáng** | **Hành động** | | **Suy nghĩ** | **Ngôn ngữ** | | - chàng dế thanh niên cường tráng  + càng: mẫm bóng  + vuốt: cứng, nhọn hoắt  + cánh: dài tận chấm đuôi  một màu nâu bóng mỡ  + đầu: to,nổi từng tảng rất bướng  + răng: đen nhánh  + râu: dài, cong | - đạp phanh phách  - vũ lên phành phạch  - nhai ngoàm ngoạp  - trịnh trọng vuốt râu  - cà khịa, quát nạt, đá ghẹo | | - Tôi tợn lắm  - Tôi cho là tôi giỏi.  - Tôi lầm tưởng lầm cử chỉ ngông cuồng là tài ba, càng tưởng tôi là tay ghê ghớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi. | - Gọi Dế Choắt là “chú mày”, xưng “anh”. Gọi chị Cốc là “mày” xưng “tao”. | | * NT: Miêu tả, so sánh, nhân hoá, sử dụng nhiều tính từ , giọng kể kiêu ngạo | | | | | | **=>Dế Mèn khỏe mạnh, cường tráng, có vẻ đẹp hùng dũng của con nhà võ (*nét đẹp*).** | | **=>Dế Mèn kiêu căng tự phụ, xem thường mọi người, hung hăng hống hách, xốc nổi (*nét chưa đẹp*).** | | | |
| 1. **Nhân vật Dế Choắt** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  Tìm chi tiết về ngoại hình, cách sinh hoạt và ngôn ngữ của Dế Choắt  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| Hoạt động của GV và HS | Nội dung cần đạt | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  1. Tìm những chi tiết thể hiện hình dáng, cách sinh hoạt và ngôn ngữ của Dế Choắt?  2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật gì khi tái hiện hình ảnh Dế Choắt?  3. Qua đó chúng ta nhận ra hình ảnh Dế Choắt ntn trong cái nhìn của Dế Mèn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 2  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Tác giả đã sử dụng biện pháp kể hay tả để tái hiện hình ảnh Dế Mèn?).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Hình dáng** | **Cách sinh hoạt** | **Ngôn ngữ** | | - Chạc tuổi: Dế Mèn  - Người: gầy gò, dài lêu ngêu như gã nghiện thuốc phiện.  - Cánh: ngắn củn … như người cởi trần mặc áo ghi lê.  - Đôi càng: bè bè, nặng nề  - Râu: cụt có một mẩu  - Mặt mũi: ngẩn ngẩn ngơ ngơ | - Ăn xổi, ở thì | - Với Dế Mèn:  + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”.  + Trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” và nói: “ở đời….thân”.  - Với chị Cốc:  + Van lạy  + Xưng hô: chị - em. | | * NT: miêu tả,so sánh, tính từ, từ láy, sử dụng thành ngữ | | | | **=> Gầy gò, xấu xí, ốm yếu, nhưng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.** | | | |
| **Tiết 75: 3. Bài học đường đời đầu tiên**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Thấy được thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt.  - Hiểu được bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.  - Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **?** Dế Mèn đã nói gì khi sang thăm nhà Dế Choắt và khi Dế Choắt nhờ sự giúp đỡ?  **?** Những lời nói đó thể hiện thái độ gì của Dế Mèn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm chi tiết thể hiện câu nói của Dế Mèn để hoàn thiện phiếu học tập.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | | **a) Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt**  - Gọi là *“chú mày”* (mặc dù = tuổi).  - Hếch răng, xì một hơi rõ dài, mắng về không chút bận tâm  => Khinh bỉ, coi thường Dế Choắt. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  **?** Tìm những chi tiết thể hiện hành động của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc?  **?** Hành động của Dế Mèn đã gây ra hậu quả gì?  **?** Qua hành động đó, em có nhận xét gì về thái độ của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc, đặc biệt là khi chứng kiến cái chết của Dế Choắt?  **?** Theo em Dế Mèn đã rút ra được cho mình bài học gì từ những trải nghiệm trên? Câu văn nào cho em thấy điều đó?  ? Từ đó em rút ra được bài học gì cho bản thân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:**Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diệnlên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | **b) Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Dế Mèn** | **Trước khi**  **trêu chị Cốc** | **Sau khi**  **trêu chị Cốc** | **Hậu**  **quả** | | Hành động | -Mắng, coi thường, bắt nạt Choắt.  - Cất giọng véo von trêu chị Cốc. | - Chui tọt vào hang.  - Núp tận đáy hang, nằm in thít.  - Mon men bò lên.  - Chôn Dế Choắt. | Dế Choắt bị chị Cốc mổ cho đến chết | | Thái độ | 🡪  Hung hăng, ngạo mạn, xấc xược. | 🡪  Sợ hãi, hèn nhát | 🡪  Hối hận | | Bài học | **- Không nên kiêu căng, coi thường người khác.**  **- Không nên xốc nổi để rồi hành động điên rồ.** | | |   **- Bài học rút ra cho bản thân**  + Tôn trọng sự khác biệt của bạn.  + Sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ khi bạn cần.  + Nên biết sống đoàn kết, thân ái với mọi người, kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác khiến phải ân hận suốt đời |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân và trả lời   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).  **B3: Báo cáo, thảoluận**  **HS**: trình bày  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  - Chuyển dẫn sang đề mụcsau. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác  - Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ.  **2. Nội dung**  - Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.  - Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.  **3. Ý nghĩa**  - Không quá đề cao bản thân rồi rước hoạ.  - Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh. |

**Tiết: 76,77,78: Văn bản 2. ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

+ Tri thức mở rộng về thể loại truyện cổ tích nước ngoài và truyện cổ tích của Pus-kin; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản truyện “ Ông lão đánh cá và con cá vàng”.

+ Tư tưởng, tình cảm của nhân dân được thể hiện qua văn bản

+ Cuộc đấu tranh giai cấp được thể hiện trong câu chuyện.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố tưởng tượng, kì ảo..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện cổ tích Pus-kin; xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả được thể hiện qua văn bản

- Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyện cổ tích; những biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp trong tác phẩm.

- Viết được đoạn văn nếu cảm nhận về một nhân vật trong truyện.

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:*HS biết tôn trọng, yêu thương, sống chan hòa với mọi người xung quanh, trân trọng cuộc sống đang có

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình( học tập những đức tính tốt, tránh những biểu hiện xấu, sai lệch như: tham lam, bội bạc, dữ dằn, thô lỗ), có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:*Giúp học sinh huy động những hiểu biết về thể loại truyện cổ tích nói chung và truyện cổ tích của Pus-kin nói riêng; kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .  *b) Nội dung:*Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Khám phá” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Những câu hỏi này nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của hs về những câu chuyện cổ tích Việt Nam quen thuộc, tạo không khí và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.  *c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Khám phá”**  Luật chơi: cô giáo đưa ra 4 bức tranh về 4 câu chuyện cổ tích khác nhau. Đội nào giơ tay nhanh nhất sẽ giành quyền trả lời. Trả lời sai, đội khác sẽ giành quyền trả lời. Đội thắng sẽ nhận được phần quà  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học: Việt Nam ta có kho tàng truyện cổ tích vô cùng phong phú và hấp dẫn.Đây cũng là điểm chung với nhiều nền văn học dân gian trên thế giới. Trong đó quen thuộc hơn cả là nền văn hóa của Trung Quốc, Nga.Rất nhiều những câu chuyện dân gian Nga được đại thi hào Pus-kin viết lại bằng ngòi bút vừa dung dị, chất phác lại vừa điêu luyện và tinh tế. “ Ông lão đánh cá và con cá vàng” là một câu chuyện như vậy. | |  | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung**  *a)Mục tiêu:* Học sinh nhắc lại được kiến thức cơ bản vầ thể loại truyện cổ tích; nắm được những nét cơ bản về truyện cổ tích Pus-kin, các chi tiết tưởng tượng kì ảo, về *tác giả* cũng như hoàn cảnh ra đời, thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, cách đọc, bố cục văn bản  *b) Nội dung:*Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *kiến thức ngữ văn* trong SGK.  **Nhóm 1: Hiểu biết chung về truyện cổ tích, truyện Pus-kin và tác giả Pus-kin**  **Nhóm 2: Điều hành phần đọc, kể- tóm tắt**  **Nhóm 3: Tìm hiểu chung về tác phẩm**  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Nhóm 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1: Hiểu biết chung về truyện cổ tích và tác giả Pus-kin.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (Khi ở nhà đọc văn bản, đọc *kiến thức ngữ văn*, tìm tư liệu)  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + 1 nhóm trưởng điều hành chung  + 1 thư kí ghi chép  + Người thiết kế power point, người trình chiếu và cử báo cáo viên  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về truyện cổ tích và hiểu biết về tác giả Pus-kin, tác phẩm của Pus-kin.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV:**Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Nhóm 1: Báo cáo hiểu biết về truyện cổ tích, tác giả Pus-kin; truyện của Pus-kin và đại thi hào này.**  *\*Thời gian: 2 phút*  *\*Hình thức báo cáo: thuyết trình*  *\*Phương tiện:* Bảng phụ  *\*Nội dung báo cáo:*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét và bổ sung  **?** Thế nào là các yếu tố tưởng tượng, kì ảo?  - Các chi tiết tưởng tượng không có thật, rất phi thường.  ? Truyện cổ tích Pus-kin có những điểm nào giống và khác truyện cổ tích dân gian  **\*GV diễn giảng** :  - Các yếu tố kì ảo còn được gọi là các chi tiết kì ảo, thần kì, phi thường, hoang đường, là 1 loại chi tiết đặc sắc của các truyện dân gian như thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích.  - Chi tiết kì ảo do trí tưởng tượng của người xưa thêu dệt, gắn liền với quan niệm mọi vật đều có linh hồn, thế giới xen lẫn thần linh và con người.  **GV**:  -Truyện cổ tích Pus-kin bên cạnh những nội dung gắn sát với truyện dân gian( kể về cuộc đời con người nghèo khổ, bất hạnh; có yếu tố hoang đường, kì ảo…) còn chứa đựng kín đáo tư tưởng mà tác giả gửi gắm: chống chế độ Nga hoàng độc ác, chuyên quyền; thức tỉnh tinh thâng đấu tranh của nhân dân Nga.  **?** Nhân vậtông lão trong truyện này thuộc kiểu nhân vật quen thuộc nào của truyện cổ tích ?  - Nhân vật ông lão thuộc kiểu nhân vật: nghèo khổ, bất hạnh. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **\* Truyện cổ tích**  + Truyện dân gian  + Kể về cuộc đời một số kiểu nhân vật quen thuộc.  + Có yếu tố hoang đường, kỳ  ảo  + Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện với cái ác.  \*Tác giả: Pus-kin  - Đại thi hào- mặt trời thi ca của nước Nga.  - Kể lại nhiều truyện cổ tích dân gian: truyện cổ tích về con gà trống, Nàng công chúa và bảy chàng hiệp sĩ…  - Bản dịch của: Vũ Đình Liên và Lê Trí Viễn. | | | |
| **Nhóm 2**: Đọc và kể, tóm tắt văn bản  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS:** đọc và kể, tóm tắt văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết về cách đọc, sự việc chính, kể chuyện  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV:**Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  ?Trong văn bản có một số từ khó, từ Hán Việt chúng ta cùng giải thích.  + Sinh phúc: mở lòng nhân từ  + Nữ hoàng: người phụ nữ làm vua  + Nhất phẩm phu nhân:vợ của người có địa vị cao.  + Chỉnh tề: xếp đặt ngay ngắn  - Giáo viên : *Đây không phải là từ thuần Việt mà*  là những từ có nguồn gốc mượn từ tiếng Hán ⇒ Hán Việt | **2. Tác phẩm.**  **\*** Đọc và tóm tắt  - Đọc  - Tóm tắt:  Những sự việc chính:  - Ông lão đánh cá bắt được con cá vàng rồi thả nó về biển  - Sau khi nghe chuyện, mụ vợ mắng ông lão và đòi hỏi cái máng lợn mới.  - Lần thứ 2: mụ vợ đòi căn nhà rộng.  - Lần thứ 3: mụ vợ đòi làm nhất phẩm phu nhân.  - Lần thứ 4: mụ vợ đòi làm Nữ hoàng  - Lần thứ 5: mụ vợ đòi làm Long Vương  - Kết cục xứng đáng cho sự tham lam , bội bạc của mụ vợ. | | | |
| **\* Nhóm 3: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi và hoạt động dự án**  **\* Nhóm 3: Tìm hiểu chung về văn bản**  *(Gợi ý:thể loại, PTBĐchính, ngôi kể, nhân vật, bố cục…)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (Khi ở nhà đọc văn bản, đọc chú thích, tìm tư liệu)  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về tác giả, tác phẩm.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Nhóm 3 báo cáo tìm hiểu chung về văn bản**  *\*Thời gian: 5 phút*  *\*Hình thức báo cáo: trò chơi (ai hiểu biết hơn, ai là triệu phú...: đưa câu hỏi phát vấn các bạn phía dưới)*  *\*Phương tiện: Trình chiếu*  *\*Nội dung báo cáo:*  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét và bổ sung: | \* Văn bản:  **- Thể loại:** Truyện cổ tích  **- Phư­ơng thức biểu đạt chính:** Tự sự  ***-* Ngôi kể**: ngôi thứ ba  - **Nhân vật*:*** ông lão, mụ vợ, con cá vàng...  + **Nhân vật chính:** mụ vợ  + Nhân vật trung tâm: ông lão  + Nhân vật phụ: con cá, binh lính  **- Bố cục:** 3 phần  a)**Mở truyện: (Từ đầu…. kéo sợi)**  **Giới thiệu ông lão đánh cá và tình huống phát sinh truyện**  b) **Thân truyện: (Tiếp theo …. trở về): Những đòi hỏi tham lam của mụ vợ.**  **c)Kết truyện: (Còn lại)**  **Vợ chồng ông lão đánh cá trở về cuộc sống nghèo khổ khi xưa** | | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  *a) Mục tiêu:*  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  *c, Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi**  **1. Tình huống mở đầu truyện như thế nào?**  2. Mụ vợ đòi hỏi và bắt buộc ông lão xin cá vàng những gì?  3. Chỉ ra sự thay đổi ở thái độ của mụ vợ qua mỗi lần đòi hỏi?( hs làm phiếu bài tập)  \* Phiếu bài tập.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Điều mụ vợ đòi hỏi | Thái độ của mụ vợ | | Lần 1 |  |  | | Lần 2 |  |  | | Lần 3 |  |  | | Lần4 |  |  | | Lần 5 |  |  |   4. Thảo luận: em có nhận xét gì qua những lần đòi hỏi của mụ vợ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**  **1.** Mụ vợ đòi hỏi: cái máng lợn mới, ngôi nhà rộng, làm nhất phẩm phu nhân, làm nữ hoàng, làm Long Vương.  2.Đòi hỏi tăng dần từ vật nhỏ đến vật lớn, từ vật chất đến danh vọng, quyền lực, từ chức vị thấp đến chức vị cao => tham lam vô độ.  *3. Thái độ của mụ vợ:*  - Mắng: đồ ngốc ( đòi máng)  - Quát to hơn : đồ ngu( đòi nhà)  - Mắng như tát nước vào mặt.  - giận dữ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão  - Nổi cơn thịnh nộ, sai người đi bắt ông lão.  \* Phiếu bài tập.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Điều mụ vợ đòi hỏi | Thái độ của mụ vợ | | Lần 1 | Cái máng mới | Mắng : đồ ngốc | | Lần 2 | Ngôi nhà rộng | Quát to: đồ ngu | | Lần 3 | Làm Nhất phẩm phu nhân | Mắng như tát nước vào mặt. | | Lần4 | Làm Nữ hoàng | iận dữ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão | | Lần 5 | Làm Long vương | Nổi cơn thịnh nộ |   => Mụ vợ chua ngoa, đanh đá, thô lỗ => bội bạc, vong ân bội nghĩa.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  - ***GV mở rộng:***  *- Lòng tham của mụ vợ tăng mãi ko có điểm dừng. Đây ko phải con người mang tính xấu mà là tính xấu hiện hình dưới lốt người. Sự thay đổi trong thái độ của mụ với ông lão làm nổi rõ nghịch lí: lòng tham càng lớn thì tình nghĩa vợ chồng càng teo lại rồi tiêu biến.*  *- Ông lão ko chỉ là chồng mà còn là ân nhân. Vậy nhưng mụ lại bội bạc, vong ân phụ nghĩa.*  *- Mụ ko có công gì để đòi hỏi ác vàng trả ơn nhưng mụ lại đòi hỏi tất cả và còn muốn biến cá vàng thành đầy tớ để mụ sai khiến. Sự bội bạc của mụ đi tới tột cùng, người và trời đều ko thể dung tha.*  *- Thành công trong việc khắc họa nhân vật mụ vợ: nghệ thuật tăng cấp.* | | | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Nhân vật bà vợ**  \* Tình huống: ông lão bắt được cá vàng rồi thả cá về biển. Cá vàng hứa giúp ông lão.  - Những thứ mụ vợ đòi hỏi:  + Cái máng lợn  + Ngôi nhà rộng  + Làm nhất phẩm phu nhân.  + Làm Nữ hoàng  + Làm Long vương ngự trên mặt biển.  => Đòi hỏi tăng dần từ vật nhỏ đến vật lớn, từ vật chất đến danh vọng, quyền lực, từ chức vị thấp đến chức vị cao => tham lam vô độ  - Thái độ của mụ vợ :  + Mắng: đồ ngốc ( đòi máng)  + Quát to hơn : đồ ngu( đòi nhà)  + Mắng như tát nước vào mặt.  + Giận dữ nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão  + Nổi cơn thịnh nộ, sai người đi bắt ông lão.  => Mụ vợ chua ngoa, đanh đá, thô lỗ => bội bạc, vong ân bội nghĩa.  \* *Đây ko phải con người mang tính xấu mà là tính xấu hiện hình dưới lốt người. Sự bội bạc của mụ đi tới tột cùng, người và trời đều ko thể dung tha.*  *\* Nghệ thuật: tăng tiến* | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi.**  **?** Mở đầu câu chuyện, em thấ ông lão là người thế nào?  ?Trước yêu cầu và thái độ của mụ vợ, ông lão cư xử thế nào?  ? Bài học rút ra từ cách cư xử của ông lão.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm, cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi thảo luận nhóm**  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  ***GV bình:***  *-*Ông lão đánh cá là người hiền lành, nhân hậu, ông đã cứu con cá và không đòi hỏi điều gì cho bản thân. Điều đó cho chúng ta thấy ông là người không màng lợi danh, có tấm lòng vị tha dù hoàn cảnh sống của ông vô cùng khó khăn, thiếu thốn.  - Điều đáng trách ở ông lão là đã quá nhu nhược, không có chính kiến nên mụ vợ ngày càng lấn tới với những đòi hỏi quá quắt. Ông lão phải thực hiện những yêu cầu của mụ dù biết là không đúng.  => Qua hình ảnh ông lão đáng thương, tác giả ngầm gửi gắm hình ảnh của những người nông dân khốn khổ dưới chế độ phong kiến chuyên chế Nga hoàng tàn bạo, độc đoán. Tác giả cũng muốn thức tỉnh tinh thần đấu tranh của nhân dân Nga nói chung. | | | **2. Nhân vật ông lão đánh cá:**  ***-*** Ba lần kéo lưới, bắt được cá vàng; thả cá kèm theo lời chúc.  => Hiền lành, tốt bụng.  - Với vợ: phục tùng yêu cầu, duy nhất 1 lần can ngăn.  => Con người nhu nhược, can ngăn cái ác quá muộn.  => Tiếp tay cho cái ác; gây ra tai vạ.  \* Bài học  - Cần dũng cảm đấu tranh chống lại cái ác.  - Không khuất phục trước sức mạnh, cường quyền.  - Cần chỉ rõ những sai trái trước khi quá muộn. | |
| **Nội dung 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua phiếu học tập cá nhân và hoạt động nhóm.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Đòi**  **hỏi của**  **mụ vợ** | **Thái độ**  **của biển** | **Nghệ thuật** | **Ý nghĩa của hình ảnh biển** | | **Đòi cái máng** |  |  |  | | **Đòi ngôi nhà rộng** |  | | **Làm Nhất phẩm phu nhân** |  | | **Làm Nữ hoàng** |  | | **Làm Long vương** |  |   **\* Hđ nhóm:** Theo em, ý nghĩa tượng trưng của hình tượng cá vàng là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh làm phiếu bài tập**  **- Học sinh hoạt động nhóm**  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  Gv mở rộng: Nếu như truyện cổ tích Việt Nam có những ông tiên, ông Bụt luôn hiện lên giúp những người tốt, những người bất hạnh thì vh dân gian Nga lại gửi gắm điều đó qua hình tượng cá vàng. Dù vậy chúng ta vẫn thấy được điểm chung giữa các nền vh dân gian: chân lí của dân gian là chân lí của cuộc sống: người nhân hậu được đền ơn xứng đáng, kẻ xấu xa sẽ bị trừng trị đích đáng. | | | **3. Ý nghĩa tượng trưng của biển cả và cá vàng/**  **a. biển cả**  *-*Lần 1: biển gợn sóng êm ả  - Lần 2: biển xanh nổi sóng  - Lần 3: biển xanh nổi sóng dữ dội  - Lần 4: biển xanh nổi sóng mù mịt  - Lần 5:biển xanh nổi sóng ầm ầm, một cơn giống tố kinh khủng kéo đến.  => NT: tăng tiến, lặp lại.  => Lòng tham của mụ vợ tăng lên thì phản ứng của biển cả cũng tăng.  - Ý nghĩa của hình ảnh biển: biển là nhân dân, thái độ của biển là thái độ của nhân dân. Nhân dân giận dữ trước sự xấu xa, tham lam của mụ vợ và sự nhu nhược của ông lão.  **b. Cá vàng**  **-** Cá vàng tượng trưng cho lòng biết ơn, tấm lòng của nhân dân đới với những người nhân hậu, biết cứu giúp kẻ hoạn nạn.  - Cá vàng đại diện cho cái tốt, cái thiện  - Cá vàng tượng trưng cho chân lí của dân gian: trừng trị đích đáng những kẻ tham lam, bội bạc. | |
| **Nội dung 4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  **? Theo em, câu truyện có ý nghĩa như thế nào?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh trình bày cá nhân  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  GV bình: | | | **4. Ý nghĩa của truyện**  - Ca ngợi lòng nhân hậu  - Phê phán những kẻ tham lam, bội bạc.  - Phê phán sự nhu nhược.  - Nêu bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc.  - Khơi gợi tinh thần đấu tranh chống áp bức, cường quyền. | |
|  | | |  | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  *a) Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c) Sản phẩm:*Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  1. Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  2. Câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì về quan niệm và ước mơ của nhân dân?  3. Qua câu chuyện giúp em hiểu gì về thái độ của nhân dân với những kẻ cường quyền, những kẻ xấu xa, tham lam, bội bạc?  4. Bài học nào được rút ra từ câu chuyện này.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  -Học sinh trình bày cá nhân  1. Nội dung: Ca ngợi lòng biết ơn, nêu ra bài học cho kẻ tham lam, bội bạc.  Nghệ thuật: tăng tiến, đối lập, yếu tố tưởng tượng, hoang đường.   1. Quan niệm và ước mơ của nhân dân   + Cái ác, cái xấu xa sẽ bị trừng trị đích đáng.  + Con người có lòng nhân hậu sẽ được đền đáp.   1. Thái độ của nhân dân   + Căm ghét cái xấu  + Sẵn sàng đứng lên đấu tranh chống lại cường quyền.   1. Bài học   + Những con người tốt bụng, nhân hậu sẽ được đền đáp.  + Những kẻ xấu xa, tham lam, bội bạc sẽ bị trừng trị đích đáng.  + Không nhân nhượng với kẻ mạnh.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV** chốt kiến thức : | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Sử dụng những biện pháp nghệ thuật tiêu biểu của truyện cổ tích như: sự lặp lại, tăng tiến của các tình huống, sự đối lập giữa các nhân vật, sự xuất hiện của các yếu tố tưởng tượng, hoang đường.  **2. Nội dung:**  **-**Truyện ca ngợi lòng biết ơn đối với những người nhân hậu và nêu ra bài học đích đáng cho những kẻ tham lam, bội bạc. | | | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:*Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:*GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV phát phiếu học tập cho học sinh**  **1.** Câu chuyện kết thúc như thế nào? Ý nghĩa cách kết thúc đó?  **2.** Nếu ý kiến của em về tên truyện.  **\*GV chia hs làm 4 tổ và tổ chức thi đọc diễn cảm giữa các tổ. ( đoạn đoạn ngắn).**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân.  + Với ông lão: kết thúc truyện như vậy ông lão không mất gì mà chủ như vừa trải qua cơn ác mộng. Có lẽ từ đây ông lão càng trân quý hơn cảnh sống xưa kia. Ông lão đã được trả lại cuộc sống bình yên.  + Với mụ vợ: Kết thúc truyện, tất cả trở về như xưa ( lều nát, máng sứt mẻ..). Nhưng thực ra mọi chuyện không còn như xưa nữa. Cá vàng ko chỉ lấy đi những gì nó đã cho.Bởi mụ vợ đã trải qua tột đỉnh giàu sang giờ phải trở về cuộc sống nghèo khổ ban đầu. Điều đó ko dễ dàng chút nào. Đó là sự trừng phạt đích đáng đối với mụ ta.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh nhận xét câu trả lời.  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | | **IV. Luyện tập** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:*  HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống  *b) Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...trong thời gian tự học ở nhà.  *c) Sản phẩm:*Bài làm của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ và với cá nhân.**  **- Bài tập cá nhân: viết đoạn văn 7-10 câu nêu cảm nhận của em về nhân vật mụ vợ trong truyện.**  **- Bài tập theo tổ: Các tổ lựa chọn một trong các nội dung sau:**  **+ vẽ tranh minh họa một nội dung của truyện.**  **+ chọn một đoạn để đóng hoạt cảnh và quay video.**  **+ Viết một đoạn kết khác cho câu chuyện.**  **+ chuyển thể câu chuyện thành bài thơ tự sự.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trả lời câu hỏi  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh nhận xét câu trả lời  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **- GV: Chốt lại bài học , nhắc nhỏ bài tập làm ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.** | | | |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| Tuần | Ngày soạn: …./…../20.. |
| Tiết 79 | Ngày dạy: …………………… |

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: MỞ RỘNG CHỦ NGỮ**

Môn: Ngữ văn, lớp 6

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

1. Về kiến thức: HS nắm được

- Chủ ngữ là gì?

- Thế nào là mở rộng chủ ngữ?

2. Về năng lực:

- Nhận diện được từ ghép, từ láy và tác dụng.

- Xác định dược chủ ngữ trong câu.

- Nhận biết được cụm danh từ và cấu tạo của nó.

3. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:*Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   GV chia lớp thành 2 nhóm tham gia trò chơi: ***Ai nhanh hơn?***  Em hãy điền thêm các tiếng vào sau các tiếng dưới đây để tạo từ ghép, từ láy***Bút, nhẹ***.Nhóm nào tìm được nhiều từ nhất sẽ chiến thắng.  ( 2 Bảng phụ ghi các tiếng)  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thảo luận, cử đại diện trình bày trên bảng phụ  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung phần trình bày của nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học:  *Ở học kì I chúng ta đã được làm quen với từ ghép , từ láy và thành ngữ. Trong bài ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em tìm hiểu sâu hơn về nội dung kiến thức đó và mở rộng chủ ngữ.* | - HS tìm ra một số từ láy: |

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**a. Mục tiêu:**- Trình bày được thế nào là mở rộng chủ ngữ.

*-* Sử dụng mở rộng chủ ngữ trong khi nói và viết

- Định hướng phát triển năng lực sử dụng mở rộng chủ ngữ trong viết văn kể chuyện, trong giao tiếp tiếng Việt.

**b. Nội dung:**Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Nhiệm vụ 1: Từ ghép, từ láy**   1. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   ? Tìm và lập danh sách các từ đơn, từ ghép, từ láy trong câu sau:  Sứ giả/ vừa/ kinh ngạc,/ vừa/ mừng rỡ,/ vội vàng/ về/ tâu/ vua.  ( Thánh Gióng)  ? Thế nào là từ ghép, từ láy?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - Từng HS chuẩn bị độc lập.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày cá nhân  - Dự kiến sản phẩm: HS nhắc lại được khái niệm từ ghép, từ láy  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2: Thành ngữ**   1. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   Xác định thành ngữ trong câu sau:  Chú mày hôi như cú mèo thế này ta nào chịu được.  ? Em hiểu thế nào là thành ngữ?  ? Muốn hiểu được nghĩa của thành ngữ phải căn cứ vào đâu?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS thảo luận theo nhóm.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày kết quả cá nhân  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **I. Lý thuyết**  **1. Từ ghép, từ láy**  - Từ ghép: là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.  - Từ láy: là những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng.  **2. Thành ngữ**  - Là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.  - Nghĩa của thành ngữ có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thường thômh qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh… |
| **Nhiệm vụ 3: Mở rộng chủ ngữ**   1. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   ? Chủ ngữ là gì?  ? Chủ ngữ thường trả lời cho câu hỏi nào?  ? Chủ ngữ thường được biểu hiện bằng những từ loại nào?  ? Trong các từ loại đó, từ loại nào được dùng làm chủ ngữ nhiều hơn?  ? Nêu cấu tạo của cụm danh từ làm chủ ngữ ?  ? Việc mở rộng chủ ngữ có tác dụng gì?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - Trình bày sơ đồ tư duy (đã chuẩn bị ở nhà)  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  + HS quan sát sơ đồ về chủ ngữ, mở rộng chủ ngữ | **3. Mở rộng chủ ngữ**  - Chủ ngữ là một trong hai thành phần chính của câu; chỉ sự vật, hiện tượng có hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở vị ngữ; trả lời cho câu hỏi Ai? Con gì? Cái gì? Chủ ngữ thường được biểu hiện bằng danh từ, đại từ. Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.  - Để phản ánh đầy đủ hiện thực khách quan và biểu thị tình cảm , thái độ của người viết, người nói, chủ ngữ là danh từ thường được mở rộng thành cụm danh từ, tức là cụm từ có từ làm thành tố chính và một số thành tố phụ. |
| Chủ ngữ thường được biểu hiện bằng danh từ, đại từ. Câu có thể có một hoặc nhiều chủ ngữ.  Chủ ngữ là một trong hai thành phần chính của câu; chỉ sự vật, hiện tượng có hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở vị ngữ  Trả lời cho câu hỏi Ai? Con gì? Cái gì?  Để phản ánh đầy đủ hiện thực khách quan và biểu thị tình cảm, thái độ của người viết, người nói, chủ ngữ là danh từ thường được mở rộng thành cụm danh từ  SƠ ĐỒ MỞ RỘNG CN  DT, ĐT, TT khi làm chủ ngữ có thể mở rộng thành CDT, CĐT, CTT bao gồm DT, ĐT, TT làm thành tố chính (trung tâm) và một số TTthành tố phụ đứng trước hoặc sau trung tâm.  CDT, CĐT, CTT  CỤM C-V  *Chú ý: Chủ ngữ là danh từ thường được mở rộng thành cụm danh từ, tức là cụm từ có danh từ làm thành tố chính và một số thành tố phụ.* | |

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** HS được luyện tập để khái quát lại kiến thức đã học trong bài, áp dụng kiến thức để làm bài tập.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh làm tập SGK/16

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Nội dung cần đạt | |
| 1. *Bài 1+2* 2. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   ? Xếp các từ sau đây vào nhóm từ ghép, từ láy: mẫm bóng, hủn hoẳn, lợi hại, phành phạch, giòn giã.  ? Em hiểu nghĩa của từ mẫm bóng là gì? Hủn hoẳn là gì?  ? Từ mẫm bóng, hủn hoẳn là sự sáng tạo trong cách dùng từ ngữ của Tô Hoài. Qua đó em hình dung ngoại hình của Dế Mèn như thế nào?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - Từng HS chuẩn bị độc lập.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày cá nhân  - Dự kiến sản phẩm: + HS nhắc lại được khái niệm từ ghép, từ láy  + Xác định Từ ghép: mẫm bóng, lợi hại  Từ láy: hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã  + Mẫm bóng: đầy đặn, mập mạp  Hủn hoản: ngắn đến nỗi khó coi.  + Tác dụng: Hai từ mẫm bóng, hủn hoẳn diễn tả nét khác biệt về ngoại hình của Dế Mèn ở hai thời điểm. Nếu lúc nhỏ đôi cảnh ngắn ngủn, xấu xí đến khó coi thì nhờ ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực mà trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng, đáng yêu.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  => Ghi lên bảng.  Bài 3   1. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   ? Các thành ngữ “ Chết ngay đuôi”, “ vái cả sáu tay” trong văn bản Bài học đường đời đầu tiên được Tô Hoài sáng tạo dựa trên những thành ngữ nào có sẵn?  ? Thành ngữ “ Chết ngay đuôi”, “ vái cả sáu tay” trong văn bản có gì khác so với thành ngữ có sẵn?  ? Vậy trong các thành ngữ đó, thành ngữ nào phù hợp với miêu tả loài dế?  ? Việc sử dụng những thành ngữ trên có tác dụng gì?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu  - HS thảo luận theo nhóm.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày kết quả của các nhân  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  Bài 4+5   1. **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   ? Xác định chủ ngữ trong các câu trong bài tập 3  ? Chủ ngữ nào trong các câu trên được cấu tạo bằng cụm danh từ?  ? Xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong từng cụm danh từ làm chủ ngữ nói trên?  ? Việc sử dụng các cụm danh từ trên làm chủ ngữ có tác dụng gì?  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  **- Hs chia 4 đội, chơi trò chơi *“Ai hiểu biết hơn”*, làm bài tập trong 2 phút**  **Thể lệ: Chia lớp thành 4 đội chơi: các đội lên bảng tìm phiếu in sẵn ghép vào chỗ trống của đội mình ( đội 1-ý a; đội 2-ý b; đội 3-ý c; đội 4-ý đ).**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành phần trước** | **Thành phần trung tâm** | **Thành phần sau** | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  |   **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả của nhóm mình trên phiếu học tập.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung phần trình bày của nhóm bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  GV chốt: Như vậy trong câu thông thường chủ ngữ, vị ngữ được cấu tạo bởi một từ (Danh từ, động từ, tính từ…) nhưng để phản ánh đầy đủ hiện thực khách quan và biểu thị tình cảm, thái độ của người viết (người nói) người ta có thể mở rộng chủ ngữ, vị ngữ thành cụm từ (Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ…)  *Chú ý: Chủ ngữ là danh từ thường được mở rộng thành cụm danh từ, tức là cụm từ có danh từ làm thành tố chính và một số thành tố phụ.* | **Bài 1+2**  *- Xác định từ ghép, từ láy*  *+* Từ ghép: mẫm bóng, lợi hại  + Từ láy: hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã  + Tác dụng: Hai từ mẫm bóng, hủn hoẳn diễn tả nét khác biệt về ngoại hình của Dế Mèn ở hai thời điểm. Nếu lúc nhỏ đôi cảnh ngắn ngủn, xấu xí đến khó coi thì nhờ ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực mà trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng, đáng yêu.  **Bài 3**  *- Thành ngữ có sẵn: Chết thẳng cẳng, vái cả hai tay*  *- Khác nhau*  + Thành ngữ ***"chết ngay đuôi, vái cả sáu tay "*** sử dụng các bộ phận đuôi và 6 tay thay vì các bộ phận cẳng và 2 tay ở thành ngữ ***"chết thẳng cẳng, vái cả hai tay"***  + Thành ngữ ***"chết ngay đuôi, vái cả sáu tay "***  phù hợp hơn với loài dễ, vì loài dế khác với con người, đặc tính của chúng là có đuôi và có 6 chân  - Tác dụng: làm cho cách diễn đạt cô đọng, hàm súc, có tính hình tượng, giàu sức biểu cảm.  **Bài 4+5**  - Xác định chủ ngữ  a. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo  b. Những gã xốc nổi  c. Hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi và rất nhiều bức tranh màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành phần trước** | **Thành phần trung tâm** | **Thành phần sau** | | những | cái vuốt | ở chân, ở khoeo | | những | gã | xốc nổi | | hàng ngàn | ngọn nến | sáng rực, lấp lánh trên cành cây xanh tươi | | rất nhiều | bức tranh | màu sắc rực rỡ như những bức bày trong các tủ hàng |   => Tác dụng của việc mở rộng chủ ngữ để phản ánh đầy đủ hiện thực khách quan và biểu thị tình cảm, thái độ của người viết (người nói) | |
| HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Bài 6**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Viết một đoạn văn ngăn (khoảng 5 — 7 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong văn bản Bài học đường đời đầu tiên hoặc Ông lão đánh cá và con cả vàng, trong đoạn văn có sử dụng chủ ngữ là cụm từ. Xác định chủ ngữ là cụm từ trong đoạn văn đó.  ? Em chọn nhân vật nào để phát biểu cảm nghĩ?  ? Nếu phát biểu cảm nghĩ về nhân vật Dế Mèn em sẽ sử dụng cụm danh từ nào làm chủ ngữ trong câu?  ? Nếu phát biểu cảm nghĩ về nhân vật mụ vợ hoặc nhân vật ông lão đánh cá em sẽ sử dụng cụm danh từ nào làm chủ ngữ trong câu?  ? Xác định chủ ngữ là cụm từ trong đoạn văn đó.  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và thực hiện yêu cầu  - HS làm việc cá nhân.  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  - HS có thể chọn một trong các cụm từ: Những cái vuốt ở chân, những gã xốc nổi, mụ vợ tham lam… để viết về nhân vật mình chọn.  - HS trình bày kết quả ( đọc đoạn văn)  - GV gọi hs nhận xét bài làm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  + GV nhận xét, bổ sung, cho điểm và cho HS tham khảo đoạn văn trình bày cảm nghĩ về nhân vật mụ vợ trong Ông lão đánh cá và con cá vàng | | **Bài 6**  *2. Từ l* |

HS có thể tham khảo đoạn văn sau:

Nhân vật mà tôi muốn nói đến ở đây chính là mụ vợ trong truyện Ông lão đánh cá và con cá vàng. Lợi dụng việc con cá mang ơn chồng mình mà mụ ta đã đưa ra những đòi hỏi quá đáng kiến chồng mình phục tùng nghe theo và khi đạt được mục đích mụ trở thành kẻ bạc tình, bạc nghĩa. **Mụ vợ tham lam** lần lượt đưa ra những yêu cầu có cấp độ tăng dần: máng lợn, tòa nhà, muốn làm nhất phẩm phu nhân, nữ hàng và yêu cầu quá quắt nhất là muốn trở thành Long Vương để bắt cá phục tùng. Kết cục xứng đáng cho sự tham lam vô độ và bội bạc mà mụ vợ chính là mụ ta phải trở về với túp lều rách nát và chiếc máng sứt mẻ.

**Cụm chủ ngữ là cụm từ: Mụ vợ tham lam**

\* Củng cố

? Em hiểu thế nào là từ ghép, từ láy?

? Qua bài học em nắm được thế nào là mở rộng chủ ngữ?

\* Hướng dẫn học sinh học ở nhà

- Học và nắm chắc ND bài học.

- Hoàn thiện các bài tập và chọn viết về một nhân vật trong văn bản còn lại.

- Chuẩn bị bài: *Thực hành đọc hiểu: Cô bé bán diêm*

**Tiết 80: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**CÔ BÉ BÁN DIÊM( An-đéc-xen)**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

+ Tri thức về thể loại truyện nói chung và truyện An-đéc-xen nói riêng ( đề tài, nhân vật, tình huống…); nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản truyện “ Cô bé bán diêm”.

+ Hiện thực xã hội được thể hiện qua văn bản

+ Tấm lòng của nhà văn được thể hiện trong tác phẩm…

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố tưởng tượng, kì ảo..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện An-đéc-xen; xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Hiểu được cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả được thể hiện qua văn bản và tác dụng, ý nghĩa của những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu.

- Phân tích được nhân vật, chi tiết, tình huống trong văn bản.

- Viết được đoạn văn nếu cảm nhận về một nhân vật trong truyện.

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:*HS biết tôn trọng, yêu thương, sống chan hòa với mọi người xung quanh, biết sẻ chia với cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống; trân trọng cuộc sống đang có

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình( học tập những đức tính tốt, tránh những biểu hiện xấu, sai lệch như: vô tâm, thiếu tình thương, sống ích kỉ), chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:*Giúp học sinh huy động những hiểu biết về thể loại truyện và truyện nước ngoài tiêu biểu, gần gũi với trẻ em Việt Nam; kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .  *b) Nội dung:*Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Du lịch qua màn ảnh nhỏ” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Những câu hỏi này nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của hs về những miền đất xinh đẹp trên khắp thế giới, tạo không khí và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.  *c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Du lịch qua màn ảnh nhỏ”**  Luật chơi: cô giáo đưa ra 4 bức tranh về 4 miền đất khác nhau. Đội nào giơ tay nhanh nhất sẽ giành quyền trả lời. Trả lời sai, đội khác sẽ giành quyền trả lời. Đội thắng sẽ nhận được phần quà  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học: Thế giới của chúng ta rộng lớn với muôn vàn những vùng đất tươi đẹp. Và Đan Mạch ở Bắc Âu được mệnh danh là xứ sở tuyết trắng. Thế nhưng nơi đó vẫn có những đốm lửa hồng vô cùng ấm áp. Đó chính là tình yêu thương, sự đồng cảm và thấu hiểu của những nhà văn như An –đéc-xen.Những cung bậc từ trái tim ông đã ngân lên thành bản nhạc ấm áp “ Cô bé bán diêm”. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản này để hiểu rõ hơn tấm lòng An-đéc-xen. | |  | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung**  *a)Mục tiêu:* Học sinh nhắc lại được kiến thức cơ bản vầ thể loại truyện; nắm được những nét cơ bản về truyện An-đéc-xen, các chi tiết hiện thực, mộng tưởng đan cài, về *tác giả* cũng như hoàn cảnh ra đời, thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể, cách đọc, bố cục văn bản  *b) Nội dung:*Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *kiến thức ngữ văn* trong SGK.  **Nhóm 1: Hiểu biết chung về truyện và truyện An- đéc- xen và tác giả An-đéc-xen**  **Nhóm 2: Điều hành phần đọc, kể- tóm tắt**  **Nhóm 3: Tìm hiểu chung về tác phẩm**  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Nhóm 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1: Hiểu biết chung về truyện An-đec-xen và tác giả An-đec-xen.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (Khi ở nhà đọc văn bản, đọc *kiến thức ngữ văn*, tìm tư liệu)  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + 1 nhóm trưởng điều hành chung  + 1 thư kí ghi chép  + Người thiết kế power point, người trình chiếu và cử báo cáo viên  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về truyện An-đec-xen và tác giả An-đec-xen.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV:**Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Nhóm 1: Báo cáo hiểu biết về tác giả An-đéc-xen..**  *\*Thời gian: 2 phút*  *\*Hình thức báo cáo: thuyết trình*  *\*Phương tiện:* Bảng phụ  *\*Nội dung báo cáo:*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét và chốt kiến thức: An-đéc-xen là nhà văn của trẻ em. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-** An-đec-xen (1808 – 1875). Nhà văn Đan mạch, nổi tiếng với các loại truyện kể cho trẻ em.  - Phong cách: nhân văn, hư ảo, thơ mộng, thông minh, vui vẻ, đáng yêu  - Tác phẩm tiêu biểu: Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Nàng công chùa và hạt đậu. | | | |
| **Nhóm 2**: Đọc và kể, tóm tắt văn bản  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS:** đọc và kể, tóm tắt văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết về cách đọc, sự việc chính, kể chuyện  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV:**Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  ?Trong văn bản có một số từ khó, từ Hán Việt chúng ta cùng giải thích.  + Thịnh soạn: có nhiều món ăn ngon, sang trọng, bày biện tươm tất.  + Lãnh đạm: lạnh lùng, thờ ơ.  + Chí nhân: hết sức nhân từ, hiền hậu  - Giáo viên : chốt và chuyển ý | **2. Tác phẩm.**  a. Đọc và tóm tắt.  - Đọc  - Tóm tắt:  Truyện kể về một em bé mồ côi mẹ phải đi bán diêm trong đêm giao thừa rét buốt, không bán được diêm em chẳng dám về nhà vì sợ bố đánh, đành ngồi nép vào góc tường, liên tục quẹt diêm để sưởi ấm. Hết một bao diêm thì em bé đã chết cóng trong giấc mơ cùng bà nội lên trời. Sáng hôm sau – ngày đầu năm, mọi người qua đường vẫn thản nhiên nhìn cảnh tượng thương tâm ấy. | | | |
| **\* Nhóm 3: Tìm hiểu chung về văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi và hoạt động dự án**  **\* Nhóm 3: Tìm hiểu chung về văn bản**  *(Gợi ý:thể loại, PTBĐchính, ngôi kể, nhân vật, bố cục…)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (Khi ở nhà đọc văn bản, đọc chú thích, tìm tư liệu)  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về tác giả, tác phẩm.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Nhóm 3 báo cáo tìm hiểu chung về văn bản**  *\*Thời gian: 2 phút*  *\*Hình thức báo cáo: trò chơi (ai hiểu biết hơn, ai là triệu phú...: đưa câu hỏi phát vấn các bạn phía dưới)*  *\*Phương tiện: Trình chiếu*  *\*Nội dung báo cáo:*  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét và bổ sung: | **b. Văn bản**  **-** Hoàn cảnh sáng tác:viết năm 1845, trích gần hết truyện “ Cô bé bán diêm”.  - Thể loại: truyện ngắn  - Ngôi kể: ngôi thứ 3  - Nhân vật chính:cô bé bán diêm  - PTBĐ:tự sự, miêu tả, biểu cảm.  - Bố cục:  + Phần 1: *Từ đầu … Cứng đờ ra: Hoàn cảnh sống của cô bé bán diêm*  *+Phần 2: Tiếp … Chầu thượng đế : Những mộng tưởng của cô bé*  + Phần 3: *Còn lại: Cái chết của cô bé bán diêm* | | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  *a) Mục tiêu:*  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  *c, Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi**  **1. Tình huống mở đầu truyện như thế nào? ( chỉ rõ thời gian, không gian)**  2. Em biết điều gì về gia cảnh của nhân vật cô bé bán diêm.  3.Liệt kê những hình ảnh tương phản đối lập trong đoạn này và nêu tác dụng của việc sử dụng những hình ảnh đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  - ***GV chốt kiến thức và mở rộng vấn đề:*** *Bằng việc sử dụng những hình ảnh tương phản, đối lập, tác giả đã cho người đọc thấy được hoàn cảnh đáng thương, thiếu thốn về cả vật chất lẫn tinh thần của cô bé bán diêm.*  *Không chỉ ở đất nước Đan Mạch xa xôi mà ngay ở đất nước chúng ta cũng còn rất nhiều những trẻ em có cảnh ngộ đáng thương* | | | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1.Cảnh ngộ của cô bé bán diêm**  - Cảnh ngộ:  + Mồ côi mẹ, gia sản tiêu tán sau khi bà mất  + Bố hay đánh đập, chửi rủa em  + Em cô đơn, đói rét, phải tự đi kiếm sống  + Sống chui rúc cùng bố trong một xó tối tăm, trên gác xép, sát mái nhà.  **=>Đáng thương, thiếu thốn cả vật chất lẫn tinh thần.**  - Tình huống:  + Bán diêm, cô đơn giữa đêm giao thừa  + Thời tiết khắc nghiệt – em đầu trần, bụng đói  + Không bán được diêm, em không dám về vì sợ bố đánh  =>Nghệ thuât: xây dựng hình ảnh đối lập.  **Td: Làm nổi bật tình cảnh hết sức tội nghiệp của cô bé, tác động đến lòng trắc ẩn của người đọc.** | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua phiếu bài tập, hs thảo luận nhóm 4 để hoàn thiện phiếu.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Mộng tưởng** | **Thực tại** | **Mong ước** | | **Lần 1** |  |  |  | | **Lần 2** |  |  |  | | **Lần 3** |  |  |  | | **Lần 4** |  |  |  | | **Lần 5** |  |  |  | | **Nhận xét:** | | | | | **Nghệ thuật:** | | | | | **Thông điệp:** | | | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm, cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Đại diện học sinh lần lượt trình bày kết quả thảo luận.**  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  ***GV bình:*** *Tác giả An-đec-xen thật am hiểu tâm lí và thấu hiểu nỗi lòng trẻ thơ. Đoạn văn như bản đàn ngân lên những cung bậc yêu thương. Qua đây, tác giả đã làm nổi bật khao khát cháy bỏng của cô bé bán diêm, của những con người cùng khổ trong xã hôi. Nhà văn cũng muốn gửu gắm thông điệp: Hãy biết trân trọng tình cảm gia đình và những hạnh phúc bình dị bên người thân.* | | | **2. Ước muốn của em – Thực và mộng tưởng.**  **- Mộng tưởng:** *lò sưởi, bàn ăn và ngông quay, cây thông Nô-en; người bà hiền hậu.*  **=> Đẹp đẽ, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại của em.**  **- Thực tại:** ở góc phố lạnh lẽo, cô đơn và buồn tủi.  **=>*Luôn khao khát cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đầy tình thương yêu***  **\* Nghệ thuật:** Kể chuyện đan xen, đối lập giữa thực tế và mộng tưởng *🡪 Nổi bật khát khao cháy bỏng và tình cảnh đáng thương của cô bé bán diêm; của những người cùng khổ trong xã hội*  **\* Thông điệp:** Phải biết trân trọng tình cảm gia đình và hạnh phúc bình dị bên người thân ; sống phải biết ước mơ, biết giữ tâm hồn trong sáng. | |
| **Nội dung 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi thảo luận:**  **?Em có suy nghĩ gì về đoạn kết của văn bản.**  **( chi tiết miêu tả cái chết của cô bé, nguyên nhân dẫ đến cái chết, tác giả thể hiện tình cảm và gửi gắm thông điệp gì qua đoạn kết).**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh thảo luận nhóm.**  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  Gv mở rộng: | | | **3. Cái chết của cô bé bán diêm**  - Chi tiết: Ở xó tường, người ta thấy em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em chết vì giá rét trong đêm giao thừa.  -Nguyên nhân: Đói, rét, sự tàn nhẫn của bố, sự vô cảm của mọi người  - Tình cảm của tác giả: Cảm thông, thương xót  - Thông điệp: Con người phải biết yêu thương đùm bọc nhau ; trẻ em cần được quan tâm và yêu thương. | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  *a) Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c) Sản phẩm:*Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  ? Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  -Học sinh trình bày cá nhân  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV** chốt kiến thức : | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, đan xen giữa hiện thực và mộng tưởng, với các tình tiết, diễn biến hợp lí.  **2. Nội dung:**  **-**Truyện kể về cảnh ngộ bất hạnh của cô bé bán diêm và gợi lên lòng thương cảm sâu sắc với những cảnh đời cùng khổ. | | | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:*Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:*GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV chia hs làm 4 tổ và tổ chức thi đọc diễn cảm giữa các tổ. ( đoạn đoạn ngắn).**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh tập đọc diễn cảm và chọn đại diện đọc.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh nhận xét các.  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | | **IV. Luyện tập** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:*  HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống  *b) Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...trong thời gian tự học ở nhà.  *c) Sản phẩm:*Bài làm của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ và với cá nhân.**  **- Bài tập cá nhân: viết đoạn văn 7-10 câu nêu cảm nhận của em về nhân vật cô bé bán diêm trong truyện.**  **- Bài tập theo tổ: Các tổ lựa chọn một trong các nội dung sau:**  **+ vẽ tranh minh họa một nội dung của truyện.**  **+ chọn một đoạn để đóng hoạt cảnh và quay video.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trả lời câu hỏi  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh nhận xét câu trả lời  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **- GV: Chốt lại bài học , nhắc nhỏ bài tập làm ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.** | | | |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**HOẠT ĐỘNG VIẾT**

**Tiết 81,82,83:**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ.**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

*1. Về kiến thức:*

- Người kể chuyện ngôi thứ nhất

- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

- Cảm xúc của người viết trước sự việc được kể

*2. Về năng lực:*

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ

- Tập trung vào sự việc đã xảy ra

*3. Về phẩm chất:*

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm ( chuyến đi đáng nhớ) của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyến đi đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào? | ……………………………………… |
| Những ai có liên quan đến chuyến đi đó? Họ đã nói và làm gì? | ……………………………………… |
| Điều gì đã diễn ra ? Theo thứ tự thế nào? | ……………………………………… |
| Sự việc nào là ấn tượng nhất?Vì sao ? | ……………………………………… |
| Cảm xúc của em như thế nào khi chuyến đi diễn ra và khi kể lại chuyến đi đó? |  |

\\\

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động1: Xác định vấn đề.**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| *a) Mục tiêu:*  - Biết được kiểu bài kể về một trải nghiệm.  - Nhận biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện.  *b) Nội dung:*  - GV hỏi, HS trả lời.  *c) Sản phẩm:*Câu trả lời của HS.  *d) Tổ chức thực hiện* | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  **GV hỏi:**  ? Trong “*Bài học đường đời đầu tiên*” Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào?  ? Câu chuyện sử dụng ngôi kể thứ mấy?  ? Em có một trải nghiệm nào đáng nhớ không? Hãy kể lại trải nghiệm đó một cách ngắn gọn ?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  **HS:**  - Quan sát vb “*Bài học đường đời đầu tiên*”.  - Suy nghĩ cá nhân  - HS kể lại trải nghiệm của bản thân.  **GV**:  - Dự kiến khó khăn HS gặp: không biết kể về trải nghiệm của bản thân.  - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:  ?Trải nghiệm đó tên là gì (kỉ niệm, lỗi lầm, chuyến tham quan…)? Diễn ra khi nào? Ra sao?  *B3: Báo cáo, thảo luận*  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời.  - Các bạn còn lại nhận xét về nội dung báo cáo của bạn đã trình bày.  *B4: Kết luận, nhận định*  - GV nhận xét câu trả lời của HS. Nhận xét, bổ sung từ các bạn khác.  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm*”. | ***Văn bản*:**“*Bài học đường đời đầu tiên*”  - Dế Mèn kể về bài học đường đời đầu tiên của bản thân từ sự việc trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.  - Dế Mèn xưng “tôi”. |

**Hoạt động2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU**  **ĐỐI VỚI BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM** | | | | | |
| **Nhiệm vụ 1: Định hướng**  *a) Mục tiêu:* HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài kể lại một trải nghiệm:  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Biết cách kể trải nghiệm của bản thân  *b)Nội dung:*  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  *c) Sản phẩm:*Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | | **Nội dung cần đạt** | |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  - GV Chia nhóm lớp& giao nhiệm vụ:  Với đề bài: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.  ? Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?  ? Người kể sẽ phải sử dụng ngôi kể thứ mấy? Vì sao?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  HS :  - Nhớ lại văn bản “*Bài học đường đời đầu tiên*”.  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến  *B3: Báo cáo, thảo luận*  **- GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **- HS:**  -Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | | | | **I. Định hướng.**  **1. Đề bài.**  Kể về một trải nghiệm đáng nhớ.  **2. Các yêu cầu.**  - Kể về một trải nghiệm của bản thân.  - Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện.  - Truyện gồm những ai.  - truyện diễn ra như thế nào  - Người kể: sử dụng ngôi kể thứ nhất (xưng “tôi).  - Cảm xúc của bản thân… | |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH VÍ DỤ** | | | | | |
| *a) Mục tiêu:*  - Biết được ngôi kể thứ nhất trong văn kể chuyện (người kể chuyện xưng “tôi”).  - Chỉ ra được các yếu tố tạo nên bài văn (nhân vật, sự việc, thời gian, địa điểm), các phần của bài văn (mở bài, thân bài, kết bài).  *b)Nội dung:*  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Nội dung cần đạt** | | |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ*  **GV** hỏi: Bài văn kể về trải nghiệm của ai?  **GV**chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Xác định ngôi kể trong bài?  2. Truyện có những nhân vật nào?  3. Thời gian, địa điểm được đề cập đến?  3. Cónhững sự việc nào trong câu chuyện? Xác định các sự việc theo trình tự: sự việc mở đầu; sự việc phát triển; sự việc kết thúc.  4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  *B3: Báo cáo thảo luận*  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  *B4: Kết luận, nhận định*  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | | **Văn bản** *“ Bài học đường đời đầu tiên”*  - Kể về trải nghiệm của Dế Mèn.  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”- nhân vật Dế Mèn)  - Nhân vật: Dế Mèn; chị Cốc; Dế Choắt.  - Thời gian, địa điểm: buổi chiều; trước cửa hang.  - Các sự việc:  + Sự việc mở đầu: sang chơi nhà Dế Choắt  + Sự việc phát triển: trêu chị Cốc.  + Sự việc kết thúc: chứng kiến cái chết của Dế Choắt. Sự ân hận của Dế Mèn. | | |
| **Nhiệm vụ 2: Thực hành**  *a) Mục tiêu:*Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những sự việc đã xảy ra.  - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  *b) Nội dung:*  **- GV** sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - **HS** suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  *c) Sản phẩm:*Câu trả lời của HS.  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** | | | | |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*  ? Em đã có những chuyến đi nào? trong đó chuyến đi nào là đáng nhớ ?  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  **GV:**  - Hướng dẫn HS và hoàn thiện phiếu tìm ý.  **HS:**  - Đọc và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  *B3: Báo cáo thảo luận*  - **GV** yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  **HS:**  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **II. Thực hành.**  **1, Chuẩn bị.**  **2, Tìm ý và lập dàn ý.**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Chuyến đi đáng nhớ nhất là gì? Xảy ra khi nào? |  | | Những ai có liên quan đến chuyến đi đó? Họ đã nói và làm gì? |  | | Điều gì đã diễn ra ? Theo thứ tự thế nào? |  | | Sự việc nào là ấn tượng nhất?Vì sao ? |  | | Cảm xúc của em như thế nào khi chuyến đi diễn ra và khi kể lại chuyến đi đó? |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu câu chuyện  ( giới thiệu chuyến đi đáng nhớ)  - *Thân bài*: Kể diễn biến câu chuyện  ( Kể lại diễn biến của chuyến đi đó đã diễn ra như thế nào?)  + Lí do có chuyến đi  + Thời gian  + Không gian  + Những nhân vật có liên quan  + Kể lại các sự việc ( bắt đầu, trên đường, điểm đến ... kết hợp với miêu tả quang cảnh thiên nhiên...)  - *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân ( Cảm xúc khi chuyến đi kết thúc)  **2. Viết bài**  - Kể theo dàn ý  - Nhất quán về ngôi kể  - Sử dụng những từ ngữ biểu cảm, biện phá nghệ thuật...  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết theo. | | | | |
| **Nhiệm vụ 3: Trả bài**  *a) Mục tiêu:*Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  *b) Nội dung:*  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  *c) Sản phẩm:*Bài đã sửa của HS.  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | | | **Nội dung cần đạt** |
| *B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)*  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  *B2: Thực hiện nhiệm vụ*  - **GV** giao nhiệm vụ  - **HS** làm viện theo nhóm  *B3: Báo cáo thảo luận*  - **GV** yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - **HS** nhận xét bài viết.  *B4: Kết luận, nhận định (GV)*  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | | | | | Bài viết đã được sửa của HS |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:*Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:*HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | | |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*  GV giao bài tập cho HS:  Bài tập: Hãy đóng vai Ông lão để hình dung về trải nghiệm đã qua của Ông lão trong văn bản “*Ông lão đánh cá và con cá vàng*”. Bài học rút ra?  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Dựa vào trải nghiệm của nhân vật Dế Mèn trong văn bản“*Bài học đường đời đầu tiên*” để thực hiện đối với nhân vật Ông lão trong văn bản “*Ông lão đánh cá và con cá vàng*”.  - Chú ý chuỗi sự kiện (mở đầu, phát triển, kết thúc), các sự việc gì, có những nhân vật nào, cảm xúc qua các sự việc.....  **HS**: Đóng vai Ông lão trong văn bản “*Ông lão đánh cá và con cá vàng*” để xác định các yêu cầu.  *Bước 3: Báo cáo, thảo luận:*  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  *Bước 4: Kết luận, nhận định:*  GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét. | |  | | | |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Phát triển năng lực kể lại truyện ( thông qua việc xác định sự việc, nhân vật, tình huống truyện...)  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:*Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** | | | |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*  GV giao nhiệm vụ:  ?Hãy kể lại một trải nghiệm khác của bản thân  ( một lần mắc lỗi).  - Nộp sản phẩm bằng giấy hoặc qua zalo của cô giáo.  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**: Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  *Bước 3: Báo cáo, thảo luận*  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm bằng giấy hoặc qua zalo của cô giáo.  *Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)*  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. | |  | | | |

*Ngày soạn: ……………… Ngày dạy:…………….*

**TUẦN …..**

**Bài 6 – Tiết 84**

**C. NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Ngôi kể và người kể chuyện

- Trải nghiệm đáng nhớ của bản thân

***2. Về năng lực:***

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ nhất.

- Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, trân trọng kỉ niệm và yêu cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói. ( Phiếu số 2 cuối bài)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**- Kể lại một chuyến đi đáng nhớ của em**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một trải nghiệm của bản thân: Kể về một chuyến đi đáng nhớ

**d) Tổ chứcthực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** Kể về một chuyến đi đáng nhớ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

* Lập dàn ý kể về một hoạt động trải nghiệm của bản thân

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét xâu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. | | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. | |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS | |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai cô bé Bán Diêm kể về những ước mơ của em bé.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Đóng vai Ông lão kể về câu chuyện Ông lão đánh cá và con cá vàng.

Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:***

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

***b) Nội dung:***

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

***c) Sản phẩm:***Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chứcthực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết một kỉ niệm của bản thân và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, hãy gạch chân câu văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh và nêu tác dụng.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

**c) Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm ví dụ về một truyện đồng thoại và chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại trong văn bản đó?

Bài tập 2: Hãy kể thêm về một trải nghiệm của bản thân mà em

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

+ Phiếu số 1

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Đó là chuyện gì? Xảy ra khi nào? | ……………………………………… |
| Những ai có liên quan đến câu chuyện? Họ đã nói gì và làm gì? | ……………………………………… |
| Điều gì xảy ra? Theo thứ tự thế nào? | ……………………………………… |
| Vì sao truyện lại xảy ra như vậy? | ……………………………………… |
| Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại câu chuyện? | ………………………………………  ……………………………………… |

\\\

+ Phiếu số 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Nội dung câu chuyện phong phú và hấp dẫn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

**BÀI 7: THƠ (Thơ có yếu tố tự sự)**

**Tổng 12 tiết.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| PHẦN | NỘI DUNG | Tên người soạn | Địa chỉ | Điện thoại |
| ĐỌC HIỂU  (6 T) | 1- Đọc chính: *Đêm nay Bác không ngủ* (Minh Huệ) – 2T | Bùi Thị Hiền | THCS Nghĩa Tân- Cầu Giấy- Hà Nội | 0968966279 |
| 2- Đọc chính: *Lượm* (Tố Hữu)- 2T | Lê Thị Thoa | THCS Trần Kiệt- Đông Hoà- Phú Yên | 0966065458 |
| **3-**Thực hành đọc hiểu: *Gấu con có chân vòng kiềng* (Usachev)-2T | Nguyễn Duy Bắc | THCS Phạm Hồng Thái- Tuyên Quang | 0914344315 |
| Thực hành tiếng Việt (2 tiết): | **4-**Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Biện pháp hoán dụ | Nguyễn Duy Bắc |  |  |
| Viết (3 tiết) | 5- Viết (3 tiết): Ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả | Trần Thu Huyền | THCS Cổ Phúc- Trấn Yên- Yên Bái | 0977521803 |
| Nói và nghe (1 tiết) | 6- Nói và nghe (1 tiết): Trình bày ý kiến về một vấn đề | Bùi Thị Hiền |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài 7: THƠ**  **(THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ)** | 1. ***1.Trần Thu Huyền*** | *Trường THCS Thị Trấn Cổ Phúc, Trấn Yên, Yên Bái* |  |
| 1. ***2.Bùi Hiền.***   ***Sinh năm 1979*** | *Trường THCS Nghĩa Tân- Cầu Giấy- Hà Nội* |  |
| 1. ***3.Nguyễn Duy Bắc, sinh năm 1981*** | *Trường THCS Hồng Thái- thành phố Tuyên Quang- Tuyên Quang* |  |
| 1. ***4.Lê Thị Thoa*** | *Trường THCS Trần Kiệt*  *TX Đông Hoà- tỉnh Phú Yên* |  |

*Ngày soạn: ………………                                          Ngày dạy:…………….*

**TUẦN ..........**

**Bài 7: THƠ**

**(THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ)**

(12 tiết)

|  |
| --- |
| **MỤC TIÊU**  (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)  ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (Thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả).  - Hình ảnh Bác Hồ, hình ảnh chú bé Lượm và hình ảnh Gấu con được thể hiện qua 3 văn bản đọc.  - Biện pháp tu từ hoán dụ.  ***2. Về năng lực:***  - Nhận biết được một số yếu tố của bài thơ sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả (về hình thức và nội dung)  - Nhận biết được biện pháp tu từ Hoán dụ, hiểu được tác dụng của việc sử dụng hoán dụ trong văn bản.  - Viết được đoạn văn nghi lại cảm nghĩ về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả  - Bước đầu biết trình bày ý kiến về một vấn đề.  ***3. Về phẩm chất:***  *- Xúc động trước những việc làm và tình cảm cao đẹp*  *- Trân trọng những suy nghĩ, hành động dũng cảm*  *- Yêu quý bản thân tự hào về những giá trị của bản thân.*  - *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.  -*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ. |

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**ĐÊM NAY BÁC KHÔNG NGỦ**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Kiến thức:**

+ Tri thức về thể loại thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả; nội dung, ý nghĩa và một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong văn bản .

+ Tư tưởng, tình cảm của tác giả Minh Huệ được thể hiện qua văn bản.

+ Hình ảnh Bác Hồ trong cảm nhận của người chiến sĩ.

+ Đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của bài thơ: Sự kết hợp giữa yếu tố tự sự, miêu tả, với biểu cảm và các biện pháp nghệ thuật khác.

***2. Về năng lực:***

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiểt, nhân vật, thể thơ, yếu tố miêu tả và tự sự; sự kết hợp giữa các yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm trong bài thơ ), nội dung (đề tài; chủ đề; ý nghĩa; tình cảm của tác giả, của anh đội viên với Bác và tình cảm của Bác đối với chiến sĩ và dân công,...) ..

- Rèn kỹ năng đọc – hiểu văn bản thơ.

- Kể tóm tắt diễn biến câu chuyện bằng một đoạn văn ngắn.

- Biết cách đọc thơ tự sự viết theo thể thơ năm chữ có kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm, thể hiện được tâm trạng lo lắng không yên của Bác Hồ; tâm trạng ngạc nhiên, xúc động lo lắng và niềm vui sướng HP của người chiến sĩ.

- Trình bày suy nghĩ ý tưởng, cảm nhận của bản thân về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương chia sẻ với những người xung quanh, tự hào về truyền thống đánh giặc của dân tộc.

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ

- Yêu nước, tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc thể hiện trong tác phẩm.

- Biết ơn, kính trọng đối với những người có công.

- Tự lập, tự tin, có tinh thần vượt khó.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:**

**-** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

*a) Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về thơ kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .

*b) Nội dung:*

- Tổ chức cuộc thi Tinh thần đồng đội, chia lớp thành 2-4 nhóm, các nhóm kể tên các bài thơ, bài hát viết về Bác Hồ, cử đại diện lên thể hiện đọc/ hát một bài hoặc nêu vài câu cảm nhận về tình cảm của các nhà thơ, nhạc sĩ.

*c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*

*d) Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua** cuộc thi Tinh thần đồng đội   Luật chơi:  - Trong thời gian 2 phút, mỗi nhóm trao đổi, ghi lại và kể tên các bài thơ, bài hát viết về Bác Hồ.  - Trong thời gian 2p, mỗi nhóm cử đại diện lên kể tên bài thơ/ bài hát và thể hiện một bài thơ/ bài hát yêu thích **hoặc** nêu vài câu văn cảm nhận về tình cảm chung của nhà thơ/ nhạc sĩ đối với Bác Hồ trong các bài thơ, bài hát mà các em vừa nêu.   * Tiêu chí chấm: Đọc đúng – 10 điểm,Đọc sai – 0 điểm. Thể hiện bài/ nêu cảm nhận trôi chảy: 10đ, nếu vấp , quên..: trừ 05đ/ từ.   🡪 Nhóm nào nhiều điểm hơn sẽ chiến thắng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn, quan sát học sinh trao đổi câu hỏi, gợi ý nếu cần  - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt  trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** ***nhận xét và giới thiệu bài học***: Bác Hồ, vị lãnh tụ thiên tài, người cha già kính yêu của dân tộc, người dành tất cả tình yêu cho đất nước, mon sông Việt Nam. Tình yêu thương bao la của người làm thổn thức bao trái tim nghệ sĩ. Đã có rất nhiều bài thơ, bài hát của nhiều tác giả với những cách tiếp cận và thể hiện khác nhau. Bài “Đêm nay Bác không ngủ” là một trong những bài thơ viết về Bác được thể hiện bằng hình thức thơ tự sự rất gần gũi, giản dị. | ***\* Tên một số bài hát về Bác:***  - Em mơ gặp Bác Hồ" ([Xuân Giao](https://vi.wikipedia.org/wiki/Xu%C3%A2n_Giao))  - "Em về quê Bác Hồ" (Hồ Tĩnh Tâm)  - "Giữa [Mạc Tư Khoa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Moskva) nghe câu hò [Nghệ Tĩnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_T%C4%A9nh)" ([Trần Hoàn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Ho%C3%A0n))  - "Gửi tới Bác Hồ" (Kapapúi, lời Việt của [Tường Vi](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%C6%B0%E1%BB%9Dng_Vi))  - “Hát tên Người Hồ Chí Minh” ([Nguyễn Trung Hoà](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nguy%E1%BB%85n_Trung_Ho%C3%A0&action=edit&redlink=1))  ***\*Tên một số bài thơ về Bác:***   * “Ảnh Bác” của Trần Đăng Khoa * “Bác đến” của Trần Ninh Hồ (1970) * “Bác Hồ - Người cho em tất cả” của Hoàng Long, Hoàng Lân |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**   |  | | --- | | **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung**  *a)Mục tiêu:*  Học sinh nắm được những nét cơ bản về nhà thơ Minh Huệ và bài thơ Đêm nay Bác không ngủ.  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *kiến thức ngữ văn* trong SGK.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | |
|  | **I.ĐỌC-TÌM HIỂU CHUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV **Chia lớp thành 8 nhóm, mỗi nhóm khoảng 4-6 học sinh** tổ chức trò chơi “Bông hoa điểm 10” cho hs tìm hiểu về tác giả, tác phẩm trong vòng 8p   (Hoa 5 cánh: tác giả, hoàn cảnh st, thể loại và thể thơ, Ptbđ, cấu trúc vb)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ-8p**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (Khi ở nhà đọc văn bản, đọc *kiến thức ngữ văn*, tìm tư liệu)  - HS tương tác với các bạn trong nhóm thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + 1  nhóm trưởng  điều hành chung  + 1 thư kí ghi chép  + Người thiết kế bông hoa trên giấy/ bảng phụ/ máy tính và cử báo cáo viên  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về tác giả, tác phẩm  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận- 5p**  - GV gọi một nhóm trình bày. Các nhóm khác nghe và nhận xét, bổ sung.  *\*Thời gian: 3 phút*  *\*Hình thức báo cáo:  thuyết trình*  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  *\*Phương tiện:* Bảng phụ/ power point  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập- 3p**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét và bổ sung  **-Hs ghi bài**  **\*GV diễn giảng** :  - Sự nghiệp sáng tác của Minh Huệ ghi dấu ấn qua bảy tập thơ, bốn tập truyện ký và ký, hai tập truyện và nhiều bài thơ, tiểu luận về đời sống văn học nghệ thuật và văn hóa VN. Bài thơ nổi tiếng Đêm nay Bác không ngủ được nhà thơ Minh Huệ viết năm 1951 lúc 24 tuổi.  - Bài thơ viết về một đêm không ngủ của Bác Hồ trên đường đi chiến dịch năm 1950.  ***- GV chiếu một số hình ảnh bác trong chiến dịch biên giới cuối năm 1950***  \*GV hướng dẫn HS tìm từ khó và cách đọc bài thơ như thế nào cho phù hợp.  - GV hỏi một số từ khó HS cần sự giúp đỡ. HS cùng bàn giải thích cho nhau nghe. GV gọi HS giải thích.  - GV hướng dẫn cách đọc: *Giọng tâm tình, chậm rãi, thủ thỉ, ngắt nhịp 3/2 – 2/3.Phân biệt 3 giọng:*  + *Giọng kể chuyện, miêu tả của tác giả*  + *Giọng anh chiến sĩ lo lắng*  + *Giọng Bác trầm ấm, yêu thương.*  - GV phân vai cho HS đọc: vai dẫn chuyện, vai Bác Hồ và vai anh chiến sĩ – HS đọc bài  GV nhận xét, nhắc HS về tập đọc diễn cảm. | **1-Tác giả.**  - Minh Huệ tên khai sinh là Nguyễn Thái, sinh năm 1927, quê ở tỉnh Nghệ An, làm thơ từ thời kháng chiến chống Pháp.  **2-Tác phẩm** :   * 1. **Hoàn cảnh ra đời.** * Đêm nay Bác không ngủ là bài thơ nổi tiếng nhất của Minh Huệ. * Bài thơ dựa trên sự kiện có thực: Trong chiến dịch Biên giới cuối năm 1950, Bác Hồ trực tiếp ra trận theo dõi và chỉ huy cuộc chiến đấu của bộ đội và nhân dân ta.   **b.**Thể loại : Thơ tự sự.Thể thơ: 5 chữ   1. PTBĐ: TS + BC + MT 2. Cấu trúc: 3 phần   + Phần 1: 9 khổ thơ đầu: Lần thức dậy thứ nhất của anh đội viên.  + Phần 2: 6 khổ tiếp: Lần thức dậy thứ ba của anh đội viên.  + Phần 3: Còn lại: Tình cảm của tác giả đối với Bác. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  *a) Mục tiêu:*  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  *c, Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm  *d) Tổ chức thực hiện:* | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (GV)-2p**  ***\* Vòng chuyên sâu (7p)***  - Chia lớp ra làm 6 hoặc 8 nhóm:  - Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4,5,6 (nếu 6 nhóm) hoặc 1,2,3,4,5,6,7,8 (nếu 8 nhóm)...  - Yêu cầu HS xem phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  - HS làm việc cá nhân đọc thầm bài thơ và chú ý những lần thức giấc của anh chiến sĩ, xem lại phiếu bt cá nhân GV đã giao.- 2p  - Tám nhóm tiếp tục làm việc:  + Tìm hiểu cốt truyện và bối cảnh.  +Trao đổi, hoàn thành bảng về *hình ảnh của Bác qua những lần thức giấc của anh chiến sĩ* vào bảng phụ (5’)   * Nhóm 1,3,5,7: Lần 1 * Nhóm 2,4,6,8: Lần 3  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Bác trong lần thức dậy thứ...... | | | | | Phân tích ngữ liệu | | Nghệ thuật | Nội dung | | Tư thế |  |  |  | | Thái độ |  |  |  | | Cử chỉ, hành động |  |  |  | | Lời nói |  |  |  |   ***\* Vòng mảnh ghép (10p)***  - Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. ***Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật em vừa tìm được trong bài?***   |  |  | | --- | --- | | ***Nghệ thuật*** | ***Tác dụng*** | |  |  | |  |  | |  |  |   ***3. Qua phân tích thơ ở trên giúp em hiểu gì về Bác và tình cảm của Bác?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập(17p)**  ***\* Vòng chuyên sâu ( 7p)***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (10 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-5p**  GV:  - Yêu cầu đại diện lần lượt của 2 nhóm chẵn và lẻ lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 2 nhóm lần lượt trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-5p**  - Gv nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.      ***2- Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật em vừa tìm được trong bài?***   |  |  | | --- | --- | | ***Nghệ thuật*** | ***Tác dụng*** | | Sử dụng từ láy trong khổ thứ 2 | Từ láy : *trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác, nhẹ nhàng, mơ màng lồng lộng, thổn thức, thầm thì, bồn chồn, bề bộn, hốt hoảng, (đinh ninh, phăng phắc, nằng nặc, mau mau, mênh mông.)*  Phân tích giá trị biểu cảm của một vài từ:  - tượng hình gợi cảnh đêm khuya, trời mưa nhỏ, kéo dài, lạnh giá và *gợi tâm trạng*  - “Lồng lộng” (trong câu: "Bóng Bác cao lồng lộng") đã nói được hình ảnh và tấm lòng cao đẹp của Bác Hồ.  - “Bồn chồn” nói được tâm trạng nóng ruột, lo âu của anh đội viên khi nhìn thấy Bác không ngủ mà cứ thức hoài trong đêm. | | Biện pháp AD trong khổ 3 | Người Cha chính là Bác. Gợi sự gần gũi và tình cảm yêu thương của Bác | | Dấu gạch đầu dòng thơ | Lời đối thoại của Bác và anh Đội viên thể hiện trực tiếp suy nghĩ, tâm tư của nhân vật. |   ***3-Qua phân tích thơ ở trên giúp em hiểu gì về Bác và tình cảm của Bác?***  ***- Dự kiến câu trả lời:Bác Hồ vĩ đại, cao cả mà bình dị, gần gũi.***  **- GV mở rộng:** *Những câu thơ thể hiện tình yêu thương và chăm sóc ân cần của Bác Hồ với chiến sĩ như người cha, người mẹ chăm lo giấc ngủ cho những đứa con. Sự chăm sóc chu đáo không sót một ai "từng người một". Đặc biệt cử chỉ "nhón chân nhẹ nhàng" thể hiện sự tôn trọng, nâng niu của vị lãnh tụ đối với những người chiến sĩ bình thường giống như cử chỉ của người mẹ nâng niu giấc ngủ của đứa con nhỏ.*  *Giàu đức hy sinh quên mình:*  *"Ôi lòng Bác vậy cứ thương ta.*  *Thương cuộc đời chung thương cỏ hoa*  *Chỉ biết quên mình cho hết thảy*  *Như dòng sông chảy nặng phù sa”. (Tố Hữu)*Thật khó có thể phân biệt được đâu là tình thương của lãnh tụ, đâu là tình thương của người cha trong những câu thơ mộc mạc xúc động lòng người. Bởi tất cả đều giản dị như chính cuộc sống của Bác… | **II. ĐỌC –HIỂU VĂN BẢN**  *1. Hình tượng Bác Hồ qua cảm nhận của anh đội viên:*  \* Cốt truyện và bối cảnh:  - Truyện kể về một đêm không ngủ của Bác ở chiến khu Việt Bắc vào ngày mùa đông, trời mưa, lạnh giá. Khi Bác cùng các chiến sĩ tham gia chiến dịch Biên giới 1950.  \* Bác trong lần thức dậy thứ nhất.  \* Bác trong lần thức dậy thứ ba.  => Sử dụng nghệ thuật:miêu tả dùng hiều từ láy gợi hình; nghệ thuật so sánh, ẩn dụ.  => Hình ảnh Bác: ***Bác Hồ vĩ đại, cao cả mà bình dị, gần gũi.*** | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, phiếu bài tập**  **\* Cá nhân làm phiếu bài tập (5p)-Trao đổi cặp (3p)**  **\* Phiếu bài tập:**  1-Tìm chi tiết, so sánh những cảm xúc, suy nghĩ của anh đội viên đối với Bác trong những lần thức dậy và hoàn thiện vào sơ đồ sau   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | | Lần thứ 1 | Lần thứ 2 | | Chi tiết | |  |  | | Cảm xúc,  Suy nghĩ | Giống nhau |  | | | Khác nhau |  |  |   2-Vì sao trong bài thơ không có lần thứ hai anh đội viên thức dậy mà lại có lần thứ ba? Tác dụng của việc lược bỏ đó?  3-Dựa vào những chi tiết em vừa tìm được em cảm nhận được tình cảm của anh đội viên đối với Bác như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập-10p**  - HS làm **phiếu bài tập (5p)-Trao đổi cặp (3p)**  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-5p**  - Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi thảo luận cặp  - Học sinh hoàn thành phiếu bài tập  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-3p**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  ***GV bình:*** | *2. Nhân vật anh đội viên.* | |
| **Nội dung 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV: gọi học sinh đọc khổ thơ cuối.  GV giao nhiệm vụ:  \* TL cặp đôi: (TG 3 ph)   * Câu 1: Nghệ thuật nổi bật trong khổ thơ ? * Câu 2: Lời thơ giúp em hiểu thêm gì về Bác?   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập-3p**  - HS làm việc cá nhân, hoạt động cặp, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-3p**   * **Gọi đại diện HS trình bày.** * ***HS khác quan sát, lắng nghe***   - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-3p**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **3. Cảm nhận của tác giả**  + Điệp ngữ " đêm nay", giọng thơ nhẹ nhàng  -> Khẳng định đêm nay cũng như biết bao đêm khác Bác đã mất ngủ vì lo cho dân, cho nước. Bác hiện lên kì vĩ nhưng cũng rất đời thường.   * Lời giải thích như một chân lí chắc chắn khẳng định Bác giản dị nhưng cũng thật cao cả.   ***=>*** Tình yêu thương, chăm sóc của Bác dành cho các chiến sĩ, cho dâ và lòng kính yêu của anh đội viên dành cho Bác. | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  *a) Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản  để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện* | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  Bằng sơ đồ tư duy, em hãy khái quát nghệ thuật, nội dung chính của văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập-5p**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận-2p**  -Học sinh trình bày cá nhân  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-1p**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV**: Bài thơ đã thể hiện thật cảm động tấm lòng yêu thương bao la của BH đối với bộ đội và nhân dân; tình cảm kính yêu, cảm phục của nhân dân, bộ đội đối với Bác. | | **III. Tổng kết**  **1.Nghệ thuật**  + Dùng thể thơ năm tiếng có vần, điệu   * Có sự kết hợp kể chuyện ,miêu tả và biểu cảm * Lời thơ giản dị, chân thành với nhiều từ láy gợi hình, gợi cảm.   - Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật  2. Nội dung**:**  Bài thơ đã diễn đạt một cách chân thực và cảm động tình cảm kính yêu, cảm phục của anh đội viên cũng như của cả dân tộc đối với Bác. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:*  GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1\*GV yêu cầu học sinh trả lời vào vở câu hỏi sau:**  Văn bản Đêm nay Bác không ngủ là một câu chuyện được kể bằng thơ. Hãy lựa chọn và phân tích các đặc điểm trong văn bản để chứng minh việc kể bằng thơ sẽ góp phần làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn. So sánh điểm giống và khác giữa câu chuyện Minh Huệ được nghe kể so với bài thơ.  **2\*GV cho học sinh chơi trò chơi: Ô chữ bí mật**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập- 2p**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.   - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả- 6p**  - Học sinh trả lời câu hỏi.  - Học sinh trả lời ô chữ bí mật  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ-1p**  -Học sinh nhận xét câu trả lời.  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức trên máy.  GV bình: việc kể chuyện bằng thơ thường vận dụng thể thơ 4 chữ, 5 chữ như chuyện Đêm nay Bác không ngủ, Lượm,... đã góp phần làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn sinh động, dễ nhớ hơn. | | **IV. Luyện tập** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:*  HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống  *b) Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ về Bác  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **1\*GV giao bài tập viết đoạn, vẽ tranh, làm thơ, hoạt cảnh....:**  Chủ tịch Hồ Chí Minh là vĩ nhân đã in đậm dấu ấn vào lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại. Bằng hiểu biết và tình cảm của mình, em có thể viết đoạn văn cảm nhận hoặc em có thể vẽ tranh, làm thơ...về Bác  2. Thực hiện những việc làm thể hiện lòng biết ơn với Bác và các chiến sĩ bộ đội trong kháng chiến chống Pháp.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập- sau giơ học/ ở nhà**  - Học sinh trả lời câu hỏi  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh nộp bài vào giờ học sau  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá bài làm | | **V. VẬN DỤNG**  **(về nhà thực hiện)** |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Lời kết: Các em ạ, Chủ tịch Hồ Chí Minh là vĩ nhân đã in đậm dấu ấn vào lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại. Dù đã mãi mãi đi xa, nhưng hình ảnh giản dị, tư tưởng và tấm gương đạo đức sáng ngời của Người luôn sống mãi trong trái tim các thế hệ người Việt Nam. Giờ học kết thúc nhưng hình ảnh Bác vẫn còn mãi trong trái tim của cô, của các em và các em hãy tìm đọc thêm những tác phẩm về Bác, tiếp tục hoàn thiện, viết thêm cảm nhận về Bác bằng lời văn, ý thơ hay bằng những nét vẽ đáng yêu của mình nhé.

*Ngày soạn: ……*

*Ngày dạy:………*

**Bài 7: THƠ**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN: LƯỢM**

**-Tố Hữu-**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Học sinh nhận biết được những đặc điểm hình thức (vần, nhịp, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,..) của bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.

- HS cảm nhận được vẻ đẹp hồn nhiên, vui tươi, trong sáng của hình ảnh Lượm, ý nghĩa cao cả về sự hi sinh của nhân vật, nghệ thuật miêu tả nhân vật kết hợp với kể và biểu hiện cảm xúc.

- Suy nghĩ, cảm xúc, ấn tượng về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả đã được học, được đọc, được nghe hoặc sưu tầm,…

***2. Về năng lực:***

- Sử dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để trình bày những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, ấn tượng của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.

- Nhận biết được một số đặc điểm hình thức của bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự và miêu tả.

***3. Về phẩm chất:***

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Biết làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**-** Giáo dục lòng yêu mến khâm phục các bạn nhỏ dũng cảm hy sinh vì nghĩa lớn; lòng tự hào về những tấm gương anh dũng của tuổi trẻ Việt Nam.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, hình ảnh tác giả Tố Hữu, hình ảnh nhân vật Lượm, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, sgv, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, ....

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Hoạt động 1: Xác định vấn đề** | | |
| *a) Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về thơ kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản.  *b) Nội dung:* Giáo viên lấy ví dụ cho học sinh quán sát và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV.  Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Lật ô hình đoán tên” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Những câu hỏi này nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS về nhân vật Lượm, tạo không khí và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.    *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh    *d) Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “**Lật ô hình đoán tên**”**  Luật chơi:  GV cho HS quan sát hình ảnh 1 số hình ảnh về các anh hùng nhỏ tuổi và đặt câu hỏi: Điểm chung giữa họ là gì ? - HS trả lời lời đúng em sẽ nhận được một món quà, nếu sai thì sẽ nhường cơ hội cho người khác.  - Giáo viên gọi tinh thần xung phong để học sinh thể hiện sự tự tin của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lới câu hỏi, gọi ý nếu cần  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  **Giáo viên nhận xét, đánh giá – giới thiệu bài học:** Thánh Gióng, Lê Văn Tám, Trần Quốc Toản, Võ Thị Sáu, Kim Đồng,... họ đều là những thiếu niên nhưng anh dũng, kiên cường, có lòng căm thù giặc.... Trong những trang lịch sử hào hùng của dân tộc chống giặc ngoại xâm, đã có sự đóng góp công sức rất lớn của những anh hùng độ tuổi thiếu niên. Người nhỏ nhưng trí không nhỏ, luôn trung dũng, kiên cường trong công việc nhưng vẫn luôn hồn nhiên, vui tươi. Lượm là một trong những đồng chí nhỏ như thế.... | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới** | | |
| *a) Mục tiêu:*  - Nắm được câu chuyện trong bài thơ.  - Hiểu và cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật Lượm. Cảm phục trước sự hy sinh anh dũng của Lượm.  - Nắm được nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả nhân vật Lượm, kết hượp tự sự và bộc lộ cảm xúc.  *b) Nội dung:* *GV Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | |
| **Nội dung 1:Tìm hiểu chung**  *a)Mục tiêu:* Học sinh nắm được những nét cơ bản về thơ có yếu tố tự sự, miêu tả, cũng như tác giả và hoàn cảnh ra đời, thể thơ, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản.  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *kiến thức ngữ văn* trong SGK.    **- Giáo viên hướng dẫn đọc:** đoạn đầu lướt nhanh, vui, phấn khởi. Đoạn Lượm hi sinh đọc lắng xuống, ngừng giữa các dòng thơ, trang nghiêm, cảm động, xót thương  GV đọc- HS đọc.  - Gọi HS đọc chú thích trong SGK/tr 33,34. Sau đó GV nhấn mạnh một số ý.    **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  Nhóm:..............  Nhiệm vụ: Điền những thông tin vào chỗ trống sau.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1 | Hiểu biết chung về thơ có yếu tố tự sự, miêu tả. | - Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả:...... | | 2 | Nêu những hiểu biết của em về tác giả. | - Tác giả:.............. | | 3 | Theo em, hoàn cảnh sáng tác bài thơ có gì đặc biệt ? | -Hoàn cảnh sáng tác:....................... | | 4 | Em có nhận xét gì về thể thơ? | -Thể thơ:...... | | 5 | Xác định các phương thức biểu đạt của bài thơ. | -PTBĐ:............ | | 6 | Theo em bố cục của bài thơ như thế nào ? | -Bố cục:........... |   *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh    **6. Bố cục: gồm có 3 phần**  **- Phần 1:** Từ đầu đến “*Cháu đi xa dần* ” : Hình ảnh Lượm trong lần gặp gỡ tình cờ với tác giả.  **- Phần 2:** Từ *“Cháu đi đường cháu”* đến *“Hồn bay giữa đồng”*: Câu chuyện Lượm làm nhiệm vụ và hi sinh.  **- Phần 3:** Từ *“Lượm ơi, còn không!”* đến hết: Hình ảnh Lượm còn sống mãi.  **GV nhấn mạnh và bổ sung các thông tin về tác giả – tác phẩm:** Ông sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, sớm giác ngộ cách mạng. Ông được xem như là lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng Việt Nam. Sự nghiệp sáng tác của ông tương đối phong phú với nhiều thể loại như thơ, tiểu luận, hồi kí,...Song nổi bật nhất là thơ, với các tập thơ lớn như: *Từ ấy, Việt bắc, Gió lộng, Ra trận, Máu và hoa,*  *-* GV giải thích thêm: Thể thơ 4 chữ: xuất hiện từ xa xưa, được sử dụng nhiều trong tục ngữ, ca dao và đặc biệt là vè, thích hợp với lối kể chuyện , thường có vần lưng và vần chân xen kẽ, gieo liền hoặc gieo cách, nhịp phổ biến là 2/2  *d) Tổ chức thực hiện:*  **Nội dung 2: Tìm hiểu phần 1 (5 khổ thơ đầu)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV dẫn dắt: Tác giả và chú bé Lượm đã có cuộc gặp gỡ tình cờ không hẹn trước nhưng hình ảnh Lượm đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng tác. **HS: Đọc lại các khổ thơ ở phần 1 (5 khổ thơ đầu)**  GV chia lớp thanh 4 nhóm, thảo luận phiếu học tập số 2 (5 phút)  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi  1. Chú ý cách ngắt nhịp và biện pháp tu từ trong khổ thơ thứ nhất.  2. Tìm và chỉ ra tác dụng của các từ láy trong các dòng thơ 5-8.  3. Chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ trong các dòng thơ 10-12.  4. Ngoại hình và tính cách của chú bé liên lạc được thể hiện qua các bức tranh minh họa này thế nào ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  *Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm  **1.** - **Chú ý cách ngắt nhịp và biện pháp tu từ trong khổ thơ thứ nhất:**  Ngày Huế//  đổ máu  Chú Hà Nội về//  Tình cờ // chú, cháu  Gặp nhau // Hàng Bè   * Biện pháp tu từ hoán dụ: “ Ngày Huế đổ máu”   **2. Tìm và chỉ ra tác dụng của các từ láy trong các dòng thơ 5-8**  - Các từ láy: *loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh*.  => Tác dụng : góp phần khắc họa hình ảnh chú bé Lượm – một em bé liên lạc hồn nhiên, vui tươi, say mê tham gia công tác kháng chiến thật đáng mến, đáng yêu.  **3. Chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ trong các dòng thơ 10-12:**  - So sánh” mồn huýt sáo vang- như con chim hót nhảy trên đường vàng”  => Tác dụng: tái hiện lại cách thật cụ thể và sinh động hình ảnh một chú bé liên lạc : nhanh nhẹn , yêu đời, nhiệt tình tham gia phục vụ kháng chiến  **4. Ngoại hình và tính cách của chú bé liên lạc được thể hiện qua bức tranh minh họa:**   |  |  | | --- | --- | | **luom** | | | **Ngoại hình:** | – Lượm là một cậu bé thanh mảnh, nhỏ nhắn.  – Cậu có đôi chân thật nhanh nhẹn.  – Lượm luôn đội chiếc mũ ca lô trên đầu, lệch về một phía trông thật ngộ nghĩnh và đáng yêu.  – Chú liên lạc này luôn đeo một cái xắc xinh xinh trên vai trông rất ra dáng “cán bộ”. Đó cũng là một cậu bé rất yêu đời.  =>  Lượm rất lạc quan trong khi làm nhiệm vụ. | | **Tính cách:** | – Vui vẻ, yêu đời, lúc nào cũng hát ca khi làm nhiệm vụ.  – Dũng cảm, không sợ nguy hiểm vượt qua bom đạn để đưa những bức thư khẩn cực kỳ quan trọng cho các đơn vị khác.  – Nguyện hi sinh vì đất nước. |   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  ***GV bình:*** Trong năm khổ thơ đầu, bằng cái nhìn trìu mến thân thương, tác giả đã miêu tả một chú bé liên lạc nhỏ nhắn, xinh xinh, nhanh nhẹn hồn nhiên, nhí nhảnh vui tươi. Những từ láy loát choắt, xinh xinh, thoăn thoát, nghênh nghềnh được dùng rất gợi hình gợi cảm, cùng với thể thơ bốn chữ và nhịp thơ nhanh, tạo âm hưởng vui tươi, nhí nhảnh rất phù hợp với một chú bé như Lượm. Một hình ảnh so sánh đẹp như con chim chích – nhảy trên đường vàng… gợi lên trước mắt chúng ta một chú bé hồn nhiên yêu đời. Thật thú vị! Nhà thơ Lê Đức Thọ cũng có bài thơ *Em bé liên lạc*, ông cũng hình dung em như một con chim non vui tươi ở những câu kết:  Ngày mai trên quãng đường trắng  Có em bé lại dẫn đường bên anh.  Miệng cười chân bước nhanh nhanh,  Như con chim nhỏ trên cành vui tươi.  **Nội dung 3: Tìm hiểu phần 2 (8 khổ thơ tiếp theo)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **HS: Đọc lại các khổ thơ ở phần 2 (8 khổ thơ tiếp theo)**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, phiếu bài tập  **\* Thảo luận theo bàn**   |  |  | | --- | --- | | 1. Khổ thơ ( dòng 25-26) có gì đặc biệt so với các khổ khác? | .............................. .............................. .............................. | | 2. Cách ngắt nhịp trong khổ thơ ( dòng 39-42) có gì đặc biệt? | .............................. .............................. .............................. .............................. | | 3.Câu hỏi dùng 47 có ý nghĩa gì? | .............................. .............................. .............................. |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm, cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi thảo luận theo bàn**   |  |  | | --- | --- | | **1. Khổ thơ ( dòng 25-26) có gì đặc biệt so với các khổ khác là:** | Được tách riêng chỉ gồm 2 dòng 4 chữ diễn tả niềm thương xót, ngậm ngùi trước sự hi sinh đột ngột của Lượm. | | **2. Cách ngắt nhịp trong khổ thơ ( dòng 39-42) đặc biệt:** | Cách ngắt nhịp trong khổ thơ thể hiện tậm trạng nghẹn ngào, đau đớn, đau xót trước sự hi sinh của Lượm. | | **3.Câu hỏi dùng 47 có ý nghĩa:** | Câu thơ: “Lượm ơi, còn không?” được đặt ở gần cuối bài thơ để bộc lộ cảm xúc và khẳng định. Từ đó:  + Bộc lộ cảm xúc: Tiếc thương, đau xót trước sự hi sinh của Lượm.  + Câu hỏi còn bộc lộ sự ngỡ ngàng như chưa kịp tin vào sự thật Lượm đã hi sinh. |   - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV bình:** Hình ảnh Lượm nằm giữa cánh đồng lúa được miêu tả thật hiện thực và lãng mạn. Lượm ngã ngay trên đất quê hương... Hương thơm của lúa cũng như hương của dòng sữa mẹ đưa em vào giấc ngủ vĩnh hằng. Linh hồn bé nhỏ và anh hùng ấy đã hoá thân vào non sông đất nước. Cái chết của Lượm gợi cho người đọc vừa xót thương, vừa cảm phục. Một cái chết dũng cảm nhưng nhẹ nhàng thanh thản. Lượm không còn nữa nhưng hình ảnh đẹp đẽ của Lượm còn sống mãi với quê hương. Tình cảm của tác giả: Ngạc nhiên, bàng hoàng, đau đớn, nghẹn ngào trước cái chết của Lượm. Nhà thơ đã tách câu thơ làm đôi tạo tiếng gọi thân thương thống thiết.  **Nội dung 4: Tìm hiểu phần 3 (2 khổ thơ cuối)**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **HS: Đọc lại các khổ thơ ở phần 3(2 khổ thơ cuối)**  - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, hoạt động nhóm   1. Tình cảm và tâm trạng của tác giả khi trở về đối với sự hi sinh của Lượm như thế nào?  2. Bài thơ kết thúc bằng việc lặp lại những dòng thơ miêu tả hình Lượm vẫn như ngày đầu có ý nghĩa gì?  3. Nêu ý nghĩa của đoạn thơ điệp khúc này?  4. Trong bài thơ, người kể chuyện đã gọi Lượm bằng nhiều từ xưng hô khác nhau. Hãy tìm và cho biết mỗi từ ngữ đó thể hiện thái độ và tình cảm gì ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV bình:** Hai khổ thơ cuối láy lại khổ thơ thứ hai và khổ thơ thứ ba như một điệp khúc để khẳng định Lượm vẫn còn sống mãi với quê hương đất nước, sống mãi trong lòng tác giả. Bài thơ hết nhưng ý thơ lại mở ra vẫn còn tiếp nối mãi trong lòng người đọc hình ảnh một chú bé liên lạc hồn nhiên mà dũng cảm, đáng yêu và đáng cảm phục. Lượm vẫn còn công mãi trong lòng chúng ta như bài ca bất diệt về tuổi thơ trong sáng đã hiến dâng đời mình cho độc lập, tự do của dân tộc.  **Nội dung 4: Tổng kết**  *a) Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  1. Em cảm nhận được những ý nghĩa nội dung sâu sắc nào từ bài thơ?  2. Em nhận thức được gì về nghệ thuật thơ qua bài Lượm?  3. Bài học nào được rút ra từ bài thơ Lượm?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  -Học sinh trình bày cá nhân  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GVtổng kết**: Với thể thơ bốn chữ, một thể thơ dân gian truyền thống phù hợp với lối kể chuyện có nhịp kể nhanh. Với cách ngắt đôi câu thơ đột ngột, và nghệ thuật tách câu thơ thành một khổ thơ riêng rất độc đáo, kết hợp với cách sử dụng câu hỏi tu từ, câu cảm thán… Lượm thật sự là một bài thơ hay, cảm động về một tấm gương bé bỏng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. | | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả:**  (xem sgk/tr 27)  **2. Tác giả :** Tố Hữu tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành (1920-2002).  - Quê quán: Thừa Thiên- Huế.  - Là nhà cách mạng, là người mở đầu cho thơ ca Cách mạng Việt Nam hiện đại.  **3. Tác phẩm:**  **-Hoàn cảnh sáng tác:** Viết năm 1949. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), in trong tập Việt Bắc.  **- Thể thơ :**  thơ 4 chữ  **- Phương thức biểu đạt**: biểu cảm, tự sự kết hợp miêu tả.  - Bố cục gồm 3 phần  **II. Đọc - hiểu văn bản:**  **1. *Hình tượng chú bé Lượm trong kỉ niệm của tác giả:***  Cách sử dụng thể thơ bốn chữ giàu chất dân gian phù hợp lối kể chuyện, cách sử dụng nhiều từ láy có giá trị gợi hình và giàu âm điệu, tác giả đã thể hiện hình ảnh Lượm một em bé liên lạc hồn nhiên,vô tư, vui tươi,yêu đời, say mê với công việc kháng chiến.  ***2. Lượm hi sinh – cảm xúc của tác giả.***  Bằng cách ngắt dòng các câu thơ:  Ra thế  Lượm ơi !..  thể hiện sự đau xót,xúc động đến nghẹn ngào của tác gỉa khi hay tin Lượm hi sinh.  ***3. Lượm sống mãi trong lòng nhân dân*.**  Kết cấu đầu cuối tương ứng trong bài thơ khắc sâu hình ảnh của nhân vật, làm nổi bật chủ đề tác phẩm: hình ảnh chú bé Lượm vui tươi, hồn nhiên, hăng hái, dũng cảm sẽ sống mãi trong lòng tác giả, trong lòng chúng ta.    **III.Tổng kết:**  Bài thơ khắc họa hình ảnh một chú bé hồn nhiên, dũng cảm hi sinh vì nhiệm vụ kháng chiến.Đó là một hình tượng cao đẹp trong thơ Tố Hữu. Đồng thời bài thơ đã thể hiện chân thật tình cảm mến thương và cảm phục của tác giả dành cho chú bé Lượm nói riêng và những em bé yêu nước nói chung. |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV phát phiếu học tập cho học sinh**  1. Đọc các khổ thơ: 2, 3, 4, 5, lập bằng sau vào vỡ và điền các chỉ tiết miêu tả Lượm phù hợp vào các cột  2**.** Hình ảnh nào của Lượm là hình ảnh đẹp nhất?  (Hình ảnh nào trong bài thơ gây xúc động nhất trong em?)  3.Đọc diễn cảm khổ thơ mà em thích nhất.  4. Em có suy nghĩ gì về tuổi trẻ chúng mình?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh nhận xét câu trả lời.  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV tổng kết:** | | **IV. Luyện tập** |
| **Hoạt động 4: Vận dụng** | | |
| *a) Mục tiêu:*  HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống  *b) Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn kể lại câu chuyện trong bài thơ dựa theo trật tự thời gian hoặc viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ để dự án viết đoạn, vẽ tranh, làm thơ, hoạt cảnh,...:**  1. Kể lại câu chuyện trong bài thơ dựa theo trật tự thời gian ? (khoảng 10 dòng).  2. Trong cuộc sống và trong tác phẩm văn học có rất nhiều tấm gương thiếu niên dũng cảm như nhân vật Lượm. Em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 3-4 dòng) giới thiệu về một người mà em biết hoặc em có thể vẽ tranh, làm thơ...  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trả lời câu hỏi  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Học sinh nhận xét câu trả lời  -Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | ***\* Gợi ý sản phẩm:***  1. Đó là ngày của những năm năm 1946, thực dân Pháp trở mặt xâm lược nước ta một lần nữa, từ Hà Nội, tôi trở về quê hương, đúng lúc gặp giặc Pháp tấn công vào Huế. Tình cơ tôi quen được Lượm, một cậu bé giao liên làm nhiệm vụ vận chuyển điện tín mật ở đồn Mang Cá. Cậu bé loắt choắt, da sạm nắng, trên đầu là chiếc mũ ca nô đội lệch, trông mới tinh nghịch làm sao, luôn cười, phô hàm răng trắng đều, sải bước thật nhanh về phía tôi, hai tay dang rộng, chiếc xắc cốt nhún nhảy trên lưng theo nhịp bước. Và rồi vào một ngày hè sau đó, tôi bàng hoàng khi nhận được tin Lượm đã hi sinh trong một trận tấn công đồn giặc. Tôi nghe kể lại rằng giữa lúc cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, Lượm nhận nhiệm vụ chuyển thư thượng khẩn ra mặt trận và hi sinh trên mặt trận đầy bom đạn. Chiến tranh thật đau đớn làm sao!  **\*Gợi ý đoạn văn mẫu:**  **2.** Mỗi khi nhắc tới Côn Đảo người ta không thể không nhắc tới tên tuổi Võ Thị Sáu – những người chết còn trẻ mãi. Nhiều thế hệ cả nước đều gọi chị bằng hai tiếng rất gần gũi, thân thương là “Chị Sáu”. Chị tham gia cách mạng từ năm 14 tuổi và bị bắt ra Côn Đảo. Hình ảnh chị ra pháp trường với vụ cười và tiếng hát trên môi là hình ảnh sống mãi trong lòng chúng ta. |

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**GẤU CON CHÂN VÒNG KIỀNG**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 2 tiết

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/4203647.jpg | C:\Users\FPT SHOP\Desktop\tải xuống.jpg | https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/361-3619243_bear-cub-clipart-animated-bears-animated.jpg |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

+ Nhận biết được những đặc điểm hình thức (vần, nhịp, biện pháp tu từ , yếu tố tự sự và miêu tả… ), nội dung ( đề tài, chủ đề, ý ngĩa….) của thơ có sử dụng yếu tố biểu cảm và miêu tả.

***2. Về năng lực:***

- Xác định được câu chuyện trong bài thơ

- Nhận biết những yếu tố biểu cảm , miêu tả trong văn bản.

- Xác định một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ

- Rút ra ý nghĩa bài thơ

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống.

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về tình bạn khẳng định ngoại hình không quan trọng và không nên đánh giá người khác qua vẻ bề ngoài  *b) Nội dung:* Giáo viên cho học sinh xem đoạn vidio và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Vidio gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS về tình bạn và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.  *c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV trình chiếu Vidio cho HS xem**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học: *Gấu con chân vòng kiềng.* Bài học ngày hôm nay sẽ giúp các em cánh nhìn nhận và không nên đánh giá người khác qua ngoại hình! | | |  | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung**  *a)Mục tiêu:* Học sinh nắm được những nét cơ bản về tác giả, thể thơ, phương thức biểu đạt, cách đọc, bố cục văn bản  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần chú thích trong SGK .  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  ? Tác giả bài thơ là ai ? giới thiệu một và thông tin chính về tác giả ?  ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào ? đặc điểm hình thức nổi bật của thể thơ được thể hiện trong bài thơ đó ntn ?  ? Có thể chia nội dung bài thơ thành mấy phần ? nội dung của từng phần ?  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Đọc bài thơ và thực hiện các yêu cầu**   |  |  | | --- | --- | | GẤU CON CHÂN VÒNG KIỀNG  (U-xa-chốp)  Gấu con chân vòng kiềng Đi dạo trong rừng nhỏ, Nhặt những quả thông già, Hát líu lo, líu lo.  Đột nhiên một quả thông Rụng vào đầu đánh bốp… Gấu luống cuống, vướng chân Và ngã nghe cái bộp!  Có con sáo trên cành Hét thật to trêu chọc: Ê gấu, chân vòng kiềng Giẫm phải đuôi à nhóc!  Cả đàn năm con thỏ Núp trong bụi, hùa theo: – Gấu con chân vòng kiềng! Hét thật to – đến xấu.  Thế là ai cũng biết Chả ai phải bảo ai: Gấu con chân vòng kiềng Đi dạo trong rừng nhỏ…  Gấu con chân vòng kiềng Vội chạy về mách mẹ: – Vòng kiềng thật xấu hổ – Con thà chết còn hơn.  Nó nấp sau cánh tủ, Tủi thân khóc thật to: Cả khu rừng này chê Chân vòng kiềng xấu, xấu!  Ngạc nhiên lắm, mẹ gấu Nói với con thế này: – Chân của con rất đẹp, Mẹ luôn thấy tự hào!  Chân mẹ vòng kiềng nhé, Cả chân bố cũng cong, Vòng kiềng giỏi nhất vùng Chính là ông nội đấy!  Gấu con nghe mẹ nói Bình tâm trở lại ngay. Ra rửa sạch chân tay, Rồi ngồi ăn bánh mật.  Và bước ra kiêu hãnh, Vui vẻ hét thật to: Chân vòng kiềng là ta Ta vào rừng đi dạo! | 1.Hãy tìm hiểu và giới thiệu ngắn gọn về tác giả bài thơ :  ……………………………………………….  2. Sử dụng dấu gạch chéo (/) để xác định ngắt nhịp phù hợp ở khổ thơ 1.  3. Đánh dấu vào tiếng được gieo vần trong khổ thơ thứ 2 *(sử dụng bút màu)*  4. Văn bản được viết theo thể thơ nào ?  …………….  5. Phương thức biểu đạt:…………………  6. Có thể chia nội dung bài thơ thành mấy phần ? nội dung của từng phần ?  ……………………………………………………………………………………………. |   - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày. ( 2 nhóm trình bày – hs trả lời đan xem từng câu hỏi)   |  |  | | --- | --- | | GẤU CON CHÂN VÒNG KIỀNG  (U-xa-chốp)  Gấu con /chân vòng kiềng Đi dạo /trong rừng nhỏ, Nhặt những quả/ thông già, Hát líu lo,/ líu lo.  Đột nhiên một quả thông Rụng vào đầu đánh bốp… Gấu luống cuống, vướng chân Và ngã nghe cái bộp!  Có con sáo trên cành Hét thật to trêu chọc: Ê gấu, chân vòng kiềng Giẫm phải đuôi à nhóc!  Cả đàn năm con thỏ Núp trong bụi, hùa theo: – Gấu con chân vòng kiềng! Hét thật to – đến xấu.  Thế là ai cũng biết Chả ai phải bảo ai: Gấu con chân vòng kiềng Đi dạo trong rừng nhỏ…  Gấu con chân vòng kiềng Vội chạy về mách mẹ: – Vòng kiềng thật xấu hổ – Con thà chết còn hơn.  Nó nấp sau cánh tủ, Tủi thân khóc thật to: Cả khu rừng này chê Chân vòng kiềng xấu, xấu!  Ngạc nhiên lắm, mẹ gấu Nói với con thế này: – Chân của con rất đẹp, Mẹ luôn thấy tự hào!  Chân mẹ vòng kiềng nhé, Cả chân bố cũng cong, Vòng kiềng giỏi nhất vùng Chính là ông nội đấy!  Gấu con nghe mẹ nói Bình tâm trở lại ngay. Ra rửa sạch chân tay, Rồi ngồi ăn bánh mật.  Và bước ra kiêu hãnh, Vui vẻ hét thật to: Chân vòng kiềng là ta Ta vào rừng đi dạo! | 1.Hãy tìm hiểu và giới thiệu ngắn gọn về tác giả bài thơ :  - **Quê quán**: Mát-xcơ-va, Nga.  - Là nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch cho thiếu nhi.  2. Sử dụng dấu gạch chéo (/) để xác định ngắt nhịp phù hợp ở khổ thơ 1.  3. Đánh dấu vào tiếng được gieo vần trong khổ thơ thứ 2 *(sử dụng bút màu)*  4. Văn bản được viết theo thể thơ nào ?  - **Thể thơ**: 5 chữ.  5. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.  6. Có thể chia nội dung bài thơ thành mấy phần ? nội dung của từng phần ?  - **Bố cục**: 2 phần.  + Phần 1 (5 khổ đầu): Gấu con bị loài vật khác trêu chọc về chân vòng kiềng.  + Phần 2 (Còn lại): Gấu con sau nghe mẹ giải thích rất tự tin vào chân vòng kiềng của mình. |   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  Gv: Nhấn mạnh về tác giả | | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/4203647.jpg  U-xa-chốp (1958) - Andrey Usachev  - **Quê quán**: Mát-xcơ-va, Nga.  - Là nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch cho thiếu nhi.  **2. Tác phẩm**  - **Thể thơ**: 5 chữ.  - **Phương thức biểu đạt**: Biểu cảm kết hợp tự sự và miêu tả.  - **Bố cục**: 2 phần.  + Phần 1 (5 khổ đầu): Gấu con bị loài vật khác trêu chọc về chân vòng kiềng.  + Phần 2 (Còn lại): Gấu con sau nghe mẹ giải thích rất tự tin vào chân vòng kiềng của mình. | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  *a) Mục tiêu:*  + Gv hướng dẫn Hs tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  **PHIẾU HỌC TẬP**  **1. Cách đối xử của các loài vật khác với gấu con chân vòng kiềng**  **2. Diễn biến tâm lí của gấu con chân vòng kiềng**  *c, Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm.  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi**  1. Thảo luận nhóm đôi để điền kết quả vào phiếu học tập:  - Hoàn cảnh gặp gỡ:  - Thái độ của các loài vật:  + Con sáo:  + Cả đàn 5 con thỏ:  + Tất cả:  + Biện pháp nghệ thuật:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  C:\Users\FPT SHOP\Desktop\tải xuống.jpg | | **II. Tìm hiểu văn bản**  **1. Cách đối xử của các loài vật khác với gấu con chân vòng kiềng**  - Hoàn cảnh gặp gỡ:  + Gấu con đi dạo trong rừng nhỏ, nhặt những quả thông.  + Đột nhiên bị một quả thông rụng vào đầu, vấp chân ngã.  - Thái độ của các loài vật:  + Con sáo: Hét thật to trêu chọc. "Ê gấu, chân vòng kiềng/ Giẫm phải đuôi à nhóc!".  + Cả đàn 5 con thỏ: Núp trong bụi hùa theo, hét thật to "Đến xấu!".  + Tất cả: đều chê bai "Gấu con chân vòng kiềng/ Đi dạo trong rừng nhỏ..."  → Số lượng động vật chê bai tăng dần: một con sáo → 5 con thỏ → Tất cả khu rừng.  → Điệp ngữ: "Gấu con chân vòng kiềng" nhấn mạnh đặc điểm của gấu con là có đôi chân vòng kiềng.  Dấu ba chấm cuối câu tạo độ mở, dư âm của tiếng trêu đùa còn theo mãi cho đến khi gấu về nhà.  ➩ Nếu như một người có suy nghĩ ác ý thì sau đó sẽ lan ra rất nhiều người. Sự ác ý xuất phát từ những điều nhỏ nhất. | | | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi**  1. Thảo luận nhóm đôi để điền kết quả vào phiếu học tập:  - Khi vừa đi dạo:  - Khi gặp tai nạn:  - Khi bị trêu chọc về ngoại hình:  - Sau khi nghe mẹ gấu giải thích:  → Thái độ của gấu con:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  C:\Users\FPT SHOP\Desktop\361-3619243_bear-cub-clipart-animated-bears-animated.jpg | | **2. Diễn biến tâm lí của gấu con chân vòng kiềng**  - Khi vừa đi dạo: rất vui vẻ, yêu đời "Hát líu lo, líu lo." → Từ láy, điệp từ thể hiện sự hồn nhiên, yêu đời của gấu con.  - Khi gặp tai nạn: "luống cuống, vướng chân", "ngã nghe cái bộp" → Từ láy, câu cảm thán thể hiện sự luống cuống, bối rối của chú gấu.  - Khi bị trêu chọc về ngoại hình:  + Chạy về mách mẹ "Vòng kiềng thật xấu hổ/ Con thà chết còn hơn" → Chạy về với tình thương yêu, với gia đình.  + Nấp sau cánh tủ, tủi thân khóc to "Cả khu rừng này chê/ Chân vòng kiềng xấu, xấu!"  → Sự tủi thân, uất ức, xấu hổ của gấu con về ngoại hình của mình.  - Sau khi nghe mẹ gấu giải thích:  + Mẹ gấu giải thích:  .Khen chân đẹp "Chân của con rất đẹp,/ Mẹ luôn thấy tự hào!"  .Không chỉ có mình con chân vòng kiềng, đây là nét di truyền "Chân mẹ vòng kiềng nhé/ Cả chân bố cũng cong" và cả ông nội.  .Nhấn mạnh việc chân vòng kiềng không ảnh hưởng đến tài năng vì: Hoán dụ "Vòng kiềng giỏi nhất vùng/ Chính là ông nội đấy!"  + Tâm trạng gấu con:  .Bình tâm trở lại ngay.  .Ăn bánh mật.  .Kiêu hãnh bước ra hét to "Chân vòng kiềng là ta/ Ta vào rừng đi dạo!"  → Thái độ: tự hào, không quan tâm lời người khác phê bình về ngoại hình. Nhận thấy rằng vòng kiềng không có gì là xấu.  ➩ Diễn biến tâm trạng hợp lý: tủi thân → tự hào. Khẳng định ngoại hình không quan trọng bằng tài năng, tâm hồn. | | | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  *a) Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  ? Nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?  ? Nội dung chủ yếu của bài thơ là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS trình bày cá nhân  - Nghệ thuật: Thể thơ năm chữ cùng các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, hoán dụ,...  - Nội dung: Gấu con chân vòng kiềng nêu lên vấn đề về ngoại hình của con người……  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV**: *Nhấn mạnh.* | | | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  Thể thơ năm chữ cùng các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ, hoán dụ,...  **2. Nội dung:**  Gấu con chân vòng kiềng nêu lên vấn đề về ngoại hình của con người. Bài thơ khẳng định ngoại hình không quan trọng và không nên đánh giá người khác qua vẻ bề ngoài. | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **( 4 nhóm)**  **\*GV phát phiếu học tập cho học sinh**  **Nhóm 1. Kể lại câu chuyện trong bài thơ theo diễn biến tâm trạng của gấu con trong khoảng 7 dòng.**  **Nhóm 2. Ngoại hình của gấu con trong cảm nhận của sáo và thỏ như thế nào? Điều này có ảnh hưởng gì đến gấu con?**  **Nhóm 3. Tại sao ở hai dòng thơ số 43 và 44, gấu con kiêu hãnh nhắc đến chân vòng kiềng của mình và tự tin vào rừng đi dạo?**  **Nhóm 4. Theo em, ngoại hình của một người có quan trọng không? Chúng ta có nên trêu chọc người khác về ngoại hình không? Vì sao?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu  \*Học sinh thực hiện nhiệm vụ:  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh trả lời câu hỏi  - HS phát biểu tuỳ theo ý kiến của từng nhóm.  **Nhóm 1. Kể lại câu chuyện trong bài thơ theo diễn biến tâm trạng của gấu con trong khoảng 7 dòng.**  Đoạn văn mẫu:  Một ngày nọ, gấu con đi dạo trong rừng nhỏ. Đột nhiên, khi đang nhặt thông và hát líu lo, một quả thông rơi trúng gấu con. Gấu con loạng choạng, vấp phải chân và ngã cái bộp. Thấy gấu con bị ngã, con sáo trên cành hét to trêu chọc "Ê gấu, chân vòng kiềng/ Giẫm phải đuôi à nhóc". Rồi lại đến cả năm con thỏ trong bụi hùa theo rồi hét thật to "đến xấu". Thế rồi ai cũng biết, tất cả đều chê bai. Gấu con tủi thân chạy về mách mẹ "Con thà chết còn hơn". Nó nấp sau cánh tủ, khóc nức vì bị cả khu rừng trêu chân vòng kiềng xấu. Ngạc nhiên thay, mẹ gấu khen chân gấu rất đẹp, mẹ luôn tự hào. Cả mẹ, bố chân đều cong và ông nội - con gấu giỏi nhất vùng - cũng vậy. Gấu con nghe vậy thì bình tâm trở lại, ăn bánh mật và bước ra kiêu hãnh, vui vẻ hét to "Chân vòng kiềng là ta/ Ta vào rừng đi dạo!".  **Nhóm 2. Ngoại hình của gấu con trong cảm nhận của sáo và thỏ như thế nào? Điều này có ảnh hưởng gì đến gấu con?**  Trong cảm nhận của sáo và thỏ, ngoại hình của gấu con rất xấu.  Điều này đã khiến gấu buồn, tủi thân khóc nức nở.  **Nhóm 3. Tại sao ở hai dòng thơ số 43 và 44, gấu con kiêu hãnh nhắc đến chân vòng kiềng của mình và tự tin vào rừng đi dạo?**  Bởi vì gấu con thấy chân vòng kiềng không có gì đáng xấu hổ cả. Người tài giỏi như ông nội cũng chân vòng kiềng.  **Nhóm 4. Theo em, ngoại hình của một người có quan trọng không? Chúng ta có nên trêu chọc người khác về ngoại hình không? Vì sao?**  Ngoại hình của một người không quan trọng. Chúng ta không nên trêu chọc người khác về ngoại hình của họ. Bởi vì ngoại hình không quyết định tài năng hay tích cách của họ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Yc hs nhận xét câu trả lời.  -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | | | **IV. Luyện tập** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:*  HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết bài tập  *b) Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm cặp  Quan sát bức tranh trong sách giáo khoa trang 39. Kể chuyện theo bức tranh (có sáng tao) viết đoạn văn, vẽ tranh, làm thơ theo tranh sgk /T39  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ để dự án viết đoạn văn, vẽ tranh, làm thơ theo tranh sgk /T39**  **C:\Users\FPT SHOP\Desktop\z2582292042336_af2d2a78cd553a12a8f88f1cbdcf5eed.jpg**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | | |  |

Ngày soạn:…..

Ngày dạy:……

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**HOÁN DỤ**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6A

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU:** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức***

- HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;

- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

***2. Về năng lực***

- Xác định được hoán dụ.

- Nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;

- Hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

***3. Về phẩm chất***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:* Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh; tạo tình huống/vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập  *b) Nội dung:* Giáo viên lấy ví dụ cho học sinh quán sát và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV.  *c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua ví dụ**  *Bàn tay ta làm nên tất cả*  *Có sức người sỏi đá cũng thành cơm*  (*Bài ca vỡ đất* – Hoàng Trung Thông)  Gv:Theo em, từ “bàn tay” trong dòng thơ thứ nhất chỉ đối tượng nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  Từ “bàn tay” trong ví dụ trên dùng để chỉ người lao động.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học:  *Từ “bàn tay” trong ví dụ trên dùng để chỉ người lao động; ở đây nhà thơ đã lấy cái bộ phận để thay thế cho cái toàn thể. Đó chính là một trong những dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ. Trong bài ngày hôm nay, cô sẽ giúp các em, tìm hiểu về biện pháp tu từ hoán dụ để các em có thể sử dụng từ được tốt hơn.* |  |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  *a) Mục tiêu:*  - Nắm được các khái niệm về hoán dụ, các kiểu hoán dụ.  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng hệ thống câu hỏi.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  ? Thế nào là hoán dụ ?  ? Vẽ sơ đồ hoán dụ ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Đọc phần kiến thức ngữ văn nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Hoán dụ.**  - Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:*  -HS được luyện tập để khái quát lại kiến thức đã học trong bài, áp dụng kiến thức để làm bài tập  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm tập SGK/36,37  *c) Sản phẩm:* Kết quả của HS.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống bài tập**  **1. Tìm các từ được viết hoa trong hai bài thơ Đêm nay Bác không ngủ của Minh Huệ và Lượm của Tổ Hữu. Xếp các từ được viết hoa vào hai nhóm:**  a) Việt hoa tên riêng.  b) Viết hoa tu tử (viết hoa để thế hiện sự kính trọng).  **2. Tìm các từ láy trong bài thơ Đêm nay Bác không ngủ. Phân tích tác dụng miêu tả hoặc biểu cảm của một từ láy trong số đó.**  **3. Các từ láy trong khổ thơ sau giúp em hình dung chú bé Lượm như thể nào?**  *Chủ bé loắt choát*  *Cái xắc xinh xinh*  *Cái chân thoăn thoắt*  *Cái đâu nghênh nghênh*  *(Tố Hữu)*  **4. Trong những câu thơ dưới đây, các từ ngữ in đậm chỉ ai, chỉ cái gì, việc gì? Giữa sự vật, sự việc mà các từ ngữ ấy biểu thị với sự vật, sự việc mà các từ ngữ ấy hàm ý có mỗi liên hệ như thế nào? Cách diễn đạt này có tác dụng gì?**  a. *Bàn tay mẹ chắn mưa sa*  ***Bàn tay mẹ****chặn bão qua mùa màng*  ***Bàn tay mẹ****thức một đời*  *À ơi này cái Mặt Trời bé con*  *( Bình Nguyên)*  b. *Ngày Huế****đổ máu***  *Chú Hà Nội về*  *Tình cờ chú, cháu*  *Gặp nhau Hàng Bè*  *( Tố Hữu)*  c. *Vì lợi ích****mười năm****phải trồng cây*  *Vì lợi ích****trăm năm****phải trồng người*  **5. Ghép thành ngữ ở cột bên trái với nghĩa tương ứng ở cột bên phải:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành ngữ** |  | **Nghĩa** | | 1. Buôn thúng bán mẹt |  | a. giúp nhau lúc khó khăn, thiếu thốn | | 2. Châm lấm tay bùn |  | b. Làm lụng vất vat dãi dầu sương nắng | | 3. Gạo chợ nước sông |  | c. Buôn bán vặt ở đầu đường, góc chợ | | 4. Một nắng hai sương |  | d. cuộc sống bấp bênh, phụ thuộc | | 5. Nhường cơm sẻ áo |  | e. Sự lam lũ, cực nhọc của việc đồng áng |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * **HS** đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.   +Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  **- GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  \* Lưu ý: gv: điều khiển hs: Thực hiện từng bài một.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức (máy chiếu). | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1.**  a) Việt hoa tên riêng: Hồ Chí Minh, Huế, Hà Nội, Hàng Bè, Mang Cá  b) Viết hoa tu từ (viết hoa để thế hiện sự kính trọng): Bác, người Cha, Lượm  ***Bài tập 2.***  **-** Từ láy trong bài thơ *Đêm nay Bác không ngủ*: trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác, nhẹ nhàng, mơ màng, lồng lộng, thổn thức, thầm thì, ngủ ngon, bồn chồn, bề bộn, hốt hoảng, đinh nình, phăng phắc, vội vàng, nằng nặc, lầm thâm, mênh mông.  - Từ láy được sử dụng như một yếu tố nghệ thuật nổi bật, đem đến cho bài thơ một vẻ đặc sắc riêng:  + Từ láy có tác dụng miêu tả tạo hình: trầm ngâm, xơ xác, đinh ninh, lồng lộng…  + Từ láy làm tăng giá trị biểu cảm:mơ màng, thổn thức, thầm thì, bồn chồn, hốt hoảng, nằng nặc…  ***Bài tập 3*.** Các từ láy: loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt, nghênh nghênh  Tác dụng: miêu tả hình dáng, tính cách của cậu bé liên lạc nhỏ tuổi  ***Bài tập 4.***  a. Bàn tay là bộ phận của cơ thế người dùng để cầm nắm, tượng trưng cho sức lao động=> Bàn tay mẹ chỉ người mẹ  b. Đổ máu: là thương tích mất mát hi sinh, ở đây nhắc đến sự kiện khởi nghĩa tháng 8/1945 ở thành phố Huế  c. Mối quan hệ: mười năm : gọi cái cụ thể, câu trăm năm thay cho cái trùi trượng, không rõ ràng  => Những cách diễn đạt này làm tăng sức gợi hình, gợi cảm giúp cho sự diễn đạt có tính hiệu quả cao, tăng ý nghĩa giá trị cho câu văn  ***Bài tập* 5. Ghép thành ngữ ở cột bên trái với nghĩa tương ứng ở cột bên phải:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành ngữ** |  | **Nghĩa** | | 1. Buôn thúng bán mẹt | 1 - c | a. giúp nhau lúc khó khăn, thiếu thốn | | 2. Châm lấm tay bùn | 2 - e | b. Làm lụng vất vat dãi dầu sương nắng | | 3. Gạo chợ nước sông | 3 – d | c. Buôn bán vặt ở đầu đường, góc chợ | | 4. Một nắng hai sương | 4 - b | d. cuộc sống bấp bênh, phụ thuộc | | 5. Nhường cơm sẻ áo | 5 - a | e. Sự lam lũ, cực nhọc của việc đồng áng | |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:*  - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống  - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài 6 SGK/37 và bài tập mở rộng.  *c) Sản phẩm:* Phần trình bày của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV chia nhóm cặp đôi  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống bài tập thảo luận cặp đôi**  ***Bài tập* 6: Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trong đó sử dụng ít nhất một thành ngữ trong bài tập 5.**  **Bài tập mở rộng:**  ***?Cho các cụm từ sau:*** *bộ óc lớn*, *áo xanh tình nguyện*, *tấm lòng nhân ái, tay chuyền hai xuất sắc. H****ãy viết 4 câu có sử dụng phép hoán dụ chứa cụm từ đó.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * **HS** đọc bài tập trong SGK và mở rộng để xác định yêu cầu của đề bài.   **+**-HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  +Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  **- GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.  -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | ***Bài tập 6.***  Đoạn văn mẫu:  Trong nhà tôi yêu bà tôi nhất. Cả cuộc đời bà tần tảo, một nắng hai sương một tay nuôi đàn con thơ khôn lớn trưởng thành. Ngày ông đi bộ đội, bà trở thành trụ cột chính trong gia đình, chạy ngược chạy xuôi buôn thúng bán mẹt  để chăm lo cho gia đình. Vừa là một người mẹ tuyệt vời nhất, bà tôi trong xóm luôn được mọi người yêu quý. Những năm đói khổ nhất, bà không ngần ngại nhường cơm sẻ áo, giúp đỡ những người hoàn cảnh khó khăn.  **Bài tập mở rộng:**  ***Ví dụ:***   * Chúng ta đang cần những *bộ óc lớn* để xây dựng đất nước. * Những chiếc *áo xanh tình nguyện* đã bắt đầu hành trình đến với các em thơ. * Chương trình "Nối vòng tay lớn" đã đón nhận nhiều *tấm lòng nhân ái.* * Đội bóng chuyền quốc gia đang sở hữu một *tay chuyền hai xuất sắc.* |

**VIẾT**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ BÀI THƠ**

**CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ, MIÊU TẢ**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Đặc điểm về hình thức (thể loại, vần nhịp, các hình ảnh, chi tiết nghệ thuật, các biện pháp tu từ, yếu tố tự sự, miêu tả,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, tình cảm,…) của bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.

- Suy nghĩ, cảm xúc, ấn tượng về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả đã được học, được đọc, được nghe hoặc sưu tầm,…

***2. Về năng lực:***

- Biết viết một đoạn văn đảm bảo yêu cầu về hình thức, nội dung.

- Sử dụng năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học để trình bày những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, ấn tượng của bản thân về một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.

- Rèn luyện kĩ năng tư duy, hình thành ý tưởng và trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo, giàu sức thuyết phục.

***3. Về phẩm chất:***

- Biết cảm nhận, rung động trước vẻ đẹp của cuộc sống và con người.

- Yêu quý, trân trọng những nhân vật, sự vật, sự việc cao đẹp, ý nghĩa trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập số 1, số 2, bảng kiểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **(Phân tích đoạn văn mẫu)**  ***Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới:***  Bài thơ ***Đêm nay Bác không ngủ*** của nhà thơ Minh Huệ là một trong số những bài thơ giản dị nhất, quen thuộc nhất và cũng là bài thơ đẹp nhất viết về Bác (1). Câu chuyện được nhà thơ kể lại bằng những vần thơ vô cùng dung dị, chân thực, cảm động đã cho ta hiểu được tấm lòng yêu thương sâu sắc, rộng lớn của Bác đối với bộ đội và nhân dân trong kháng chiến khiến ta thêm yêu kính và cảm phục trước một nhân cách cao đẹp – một vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc (2). Lần thứ nhất thức giấc là lúc đêm đã khuya lắm rồi, anh đội viên thấy Bác vẫn ngồi đốt lửa sưởi ấm cho giấc ngủ của những người chiến sĩ, rồi Bác lại “*rón chân nhẹ nhàng*” đi “*dém chăn*” cho “*từng người từng người một*” (3). Hành động ân cần, giản dị, ấm áp đó của Bác đã biến khoảnh khắc ấy trở nên thiêng liêng vô cùng, “*ngọn lửa*” ấy đã sưởi ấm và bừng sáng trong anh lòng yêu thương, biết ơn và xúc động sâu sắc khi được đón nhận tình yêu thương của Bác (4). Nhưng đến lần thứ ba thức dậy khi trời sắp sáng mất rồi, anh mới “*hốt hoảng, giật mình*” vì Bác vẫn “*ngồi đinh ninh*” với “*chòm râu im phăng phắc*”, “*vẻ mặt trầm ngâm*” (5). Bác “*ngủ không an lòng*” bởi “*Bác thương đoàn dân công/ Đêm nay ngủ ngoài rừng/ Rải lá cây làm chiếu/ Manh áo phủ làm chăn*” trong cái lạnh giá đến cắt da, cắt thịt của núi rừng Việt Bắc (6). Đến đây thì anh đội viên đã hiểu được nỗi lòng của Bác, một trái tim yêu thương giản dị mà mênh mông, rộng lớn của một vị lãnh tụ đến với những con người bình thường nhất như là lẽ sống của Bác, cuộc đời của Bác (7). Để rồi, anh chợt nhận ra chân lí “*Vì một lẽ thường tình/ Bác là Hồ Chí Minh*” (8). Qua những chi tiết, hình ảnh thơ vô cùng chân thật, cảm động, giàu sức biểu cảm, ta càng cảm nhận sâu sắc hơn tình yêu bao la của Bác dành cho chiến sĩ đồng bào, cũng như tình cảm của chiến sĩ, đồng bào dành cho Bác – vị cha già đáng kính của dân tộc (9). Phải chăng, vẻ đẹp ở con người Bác chính là sự thống nhất, hòa hợp giữa vĩ đại và giản dị, càng giản dị bao nhiêu Bác lại càng vĩ đại bấy nhiêu (10). Chính sự giản dị đã làm nên sự vĩ đại trong con người Hồ Chí Minh (11).  *(Theo bài làm của học sinh, có sửa chữa)*   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nhận xét về bài viết mẫu** | | Nhận xét về hình thức, cấu trúc, dung lượng của đoạn văn |  | | Người viết đã giới thiệu được nhan đề và tên tác giả của bài thơ chưa? Yêu cầu đó được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | Người viết đã nêu được cảm xúc chung về bài thơ chưa? Đó là cảm xúc gì, được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | Người viết đã chỉ ra được được những chi tiết tự sự, miêu tả đặc sắc của bài thơ chưa? Đó là những chi tiết nào, được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | Người viết đã trình bày được ý nghĩa, tác dụng, lí do yêu thích những chi tiết đó chưa? Yêu cầu đó được thể hiện qua những câu văn nào? |  | | Người viết đã khái quát được những cảm xúc, ấn tượng, suy nghĩ của bản thân về những chi tiết nội dung, nghệ thuật có yếu tố tự sự, miêu tả của bài thơ chưa? Đó là những suy nghĩ, cảm xúc nào, được thể hiện qua những câu văn nào? |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **(Thực hành tìm ý cho đoạn văn**  **ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả)**   |  |  | | --- | --- | | **Định hướng** | **Dự kiến** | | Bài thơ nào của tác giả nào để lại cho em nhiều ấn tượng / em yêu thích nhất? |  | | Em có ấn tượng hoặc yêu thích các chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào của bài thơ? (Có thể chỉ lựa chọn một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc, độc đáo) |  | | Vì sao em yêu thích các chi tiết đó? (Hoặc các chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?) |  | | Bài thơ đã gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì? |  | |
| **BẢNG KIỂM**  **(Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả)**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Sáng tạo** | **Đạt** | **Chưa đạt** | **Dự kiến**  **chỉnh sửa** | | Đảm bảo hình thức đoạn văn (cấu trúc, dung lượng) |  |  |  |  | | Giới thiệu được nhan đề, tác giả và nêu được cảm nhận chung về bài thơ |  |  |  |  | | Chỉ ra được các yếu tố tự sự, miêu tả và ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ |  |  |  |  | | Chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự, miêu tả của nhà thơ |  |  |  |  | | Khái quát lại cảm xúc của bản thân về bài thơ trong hình thức tự sự, miêu tả độc đáo của nó |  |  |  |  | | Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt |  |  |  |  | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1: Xác định vấn đề** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Tái hiện kiến thức về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.  - Hiểu được việc ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả là gì?  **b) Nội dung:** Trao đổi, chia sẻ, thảo luận.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hỏi: Em đã từng được học, được đọc, được nghe những bài thơ nào có yếu tố tự sự, miêu tả? Trong đó em thích nhất bài thơ nào? Vì sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS:  - Xem lại phần chuẩn bị bài học ở nhà.  - Chuẩn bị ý kiến cá nhân  GV:  - Quan sát, hỗ trợ nếu có.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS:  - Trả lời câu hỏi dựa trên sự chuẩn bị ở nhà.  - Trình bày ý kiến cá nhân.  GV:  - Giúp học sinh xác định đúng các bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả.  - Lắng nghe, chia sẻ, dẫn dắt học sinh trao đổi ý kiến cá nhân.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - Kết nối với bài học: Như vậy qua hoạt động trên, các em đã biết trình bày miệng những ý kiến, suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về các bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cách để ghi những suy nghĩ, ý kiến, cảm xúc đó của mình thành một đoạn văn hoàn chỉnh. | - Học sinh kể được tên các bài thơ có sử dụng yếu tố tự sự, miêu tả.  - Học sinh biết trình bày miệng những ý kiến, suy nghĩ về bài thơ có sử dụng yếu tố miêu tả, tự sự. |
| **HĐ 2: Hình thành kiến thức mới** | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **a) Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.  **b) Nội dung:**  - HS xác định các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả dựa vào phần Định hướng (SGK/40).  - HĐ phân tích mẫu: HS làm việc cá nhân và nhóm trên phiếu học tập số 1.  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập số 1.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hỏi:  ? Dựa vào phần Định hướng (SGK/40) hãy xác định các yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả.  - GV yêu cầu học sinh đọc đoạn văn mẫu, phân tích đoạn văn dựa trên các yêu cầu của phiếu học tập số 1.  - Thảo luận nhóm (cặp đôi hoặc bàn) về các yêu cầu của phiếu học tập số 1.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc mục Định hướng trong SGK kết hợp với bài soạn, nêu các yêu cầu của đoạn văn.  - GV gọi HS đọc văn bản mẫu.  - HS làm việc cá nhân trên phiếu học tập số 1.  - HS trao đổi, thảo luận, bổ sung, sửa chữa hoàn thiện phiếu học tập số 1.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV gọi một số HS trình bày.  HS:  - Trình bày kết quả phiếu học tập số 1.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức. | | **1. Yêu cầu:**  ***\* MĐ:***  - Giới thiệu nhan đề bài thơ và tác giả.  - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ.  ***\* TĐ:***  - Nêu các chi tiết có yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ và đánh giá ý nghĩa của chúng.  - Chỉ ra nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.  ***\* KĐ:*** Khái quát lại cảm xúc, ấn tượng của bản thân về bài thơ.  *\* Lưu ý:* Có thể chỉ nêu cảm xúc về một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật mà em có ấn tượng và yêu thích. |
| **HĐ 3: Luyện tập, vận dụng** | | |
| **a) Mục tiêu:** HS biết viết đoạn văn đúng quy trình các bước và đảm bảo các yêu cầu về hình thức, nội dung.  **b) Nội dung:**  - GV hướng dẫn HS phân tích đề bài và tiến hành các bước chuẩn bị (trước khi viết) bằng phiếu học tập số 2.  - HS viết bài.  - Đánh giá bằng bảng kiểm.  **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập số 2, bài viết của học sinh và kết quả đánh giá bài viết dựa trên bảng kiểm.  **d) Tổ chức thực hiện:** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV trình chiếu đề bài và cung cấp phiếu học tập số 2.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK/40,41 và hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 2.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  ***\* Giai đoạn 1:***  GV: Gọi một số HS trình bày phần tìm ý của cá nhân.  HS:  - Lắng nghe, trao đổi, thảo luận, chỉnh sửa, hoàn thiện ý tưởng.  ***\* Giai đoạn 2:***  - HS viết bài.  - GV gọi một số HS trình bày bài viết của cá nhân.  HS:  - Trình bày bài viết của cá nhân.  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá bài viết của bạn dựa trên bảng kiểm.  **B4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét sản phẩm của HS, rút kinh nghiệm và chốt kĩ năng, phẩm chất cần đạt.  - Yêu cầu học sinh về nhà hoàn thiện bài viết sau chỉnh sửa. | **2. Thực hành**  **Đề bài:** *Em hãy viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một trong các bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả đã học.*  a. Trước khi viết.  b. Viết bài.  c. Đọc và chỉnh sửa. | |

**PHỤ LỤC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **(Phân tích đoạn văn mẫu)**   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Nhận xét về bài viết mẫu** | | Nhận xét về hình thức, cấu trúc, dung lượng của đoạn văn. | - Đảm bảo hình thức của một đoạn văn.  - Cấu trúc: MĐ – TĐ – KĐ.  - Dung lượng: 11 câu. | | Người viết đã giới thiệu được nhan đề và tên tác giả của bài thơ chưa? Yêu cầu đó được thể hiện qua những câu văn nào? | - Người viết đã giới thiệu được nhan đề, tên tác giả của bài thơ.  - Câu (1). | | Người viết đã nêu được cảm xúc chung về bài thơ chưa? Đó là cảm xúc gì, được thể hiện qua những câu văn nào? | - Khái quát được cảm xúc chung về bài thơ và nhân vật chính trong bài thơ là Bác.  - Câu (2). | | Người viết đã chỉ ra được được những chi tiết tự sự, miêu tả đặc sắc của bài thơ chưa? Đó là những chi tiết nào, được thể hiện qua những câu văn nào? | - Nêu được các chi tiết tự sự, miêu tả qua 2 lần thức giấc của anh đội viên.  - Câu (3), (5), (6), (8). | | Người viết đã trình bày được ý nghĩa, tác dụng, lí do yêu thích những chi tiết đó chưa? Yêu cầu đó được thể hiện qua những câu văn nào? | - Cảm xúc của người viết về các chi tiết tự sự, miêu tả đặc sắc của bài thơ.  - Câu (4), (7). | | Người viết đã khái quát được những cảm xúc, ấn tượng, suy nghĩ của bản thân về những chi tiết nội dung, nghệ thuật có yếu tố tự sự, miêu tả của bài thơ chưa? Đó là những suy nghĩ, cảm xúc nào, được thể hiện qua những câu văn nào? | - Khái quát cảm xúc về bài thơ và Bác.  - Câu (9), (10), (11). | |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Trình bày một vấn đề cuộc sống gợi ra từ tác phẩm

***2. Về năng lực:***

***- Biết lập ý*** *và* trình bày một vấn đề bằng lời văn nói của bản thân

- Biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể)

- Biết cách nói và nghe phù hợp với nội dung bài trình bày.

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* Trân trọng, yêu mến những tác phẩm văn học.

- *Chăm chỉ:*  Luôn nỗ lực, sáng tạo những điều mới mang dấu ấn cá nhân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:**

**-** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:* HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học  *b) Nội dung:*  **-** GV yêu cầu HS quan sát video thuyết trình hoặc giáo viên trực tiếp thuyết trình về một vấn đề (nếu không sử dụng được màn hình) và giao nhiệm vụ cho HS.  *c) Sản phẩm:* HS xác định được nội dung của tiết học là trình bày ý kiến về một vấn đề  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:***  - GV chiếu video/ trình bày ý kiến về vấn đề Tính tự lập và sự chủ động và giao nhiệm vụ cho HS:  + Nội dung của đoạn bài trình bày?  +So với kể lại một câu chuyện hay một trải nghiệm đáng nhớ thì có điểm gì khác không?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe đoạn video/ nghe giáo viên thuyết trình và suy nghĩ cá nhân  - GV nhắc nhở những HS chưa tập trung vào video (nếu có), phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài   * Khác với kể lại một câu chuyện, một trải nghiệm người kể dựa vào cốt truyện và sự việc đã có để kể lại bằng lời văn của mình. Ơ đây khi thuyết trình một vấn đề người thuyết trình phải tự xây dựng các ý để làm rõ cho vấn đề mình đưa ra. * Cụ thể các bước như thế nào chúng ta cùng chuyển sang phần Thực hành |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  *a) Mục tiêu:*  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung thuyết trình  *b) Nội dung:*  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- GV yêu cầu HS đọc lại phần *Định hướng* và nêu những băn khoăn, thắc mắc.**  **- GV yêu cầu học sinh xem lại phần thực hành Đọc hiểu trước đó (Gấu con chân vòng kiềng) vì phần này sẽ cung cấp tư liệu cho các HĐ nói-nghe.**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  1. Trình bày ý kiến là gì?  2. Các yêu cầu để thực hiện bài trình bày?  3. Nêu lại các bước để thực hiện bài trình bày GV đã hướng dẫn trong phiếu học tập.  - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và nhắc lại bước trình bày bài nói, chuyển dẫn sang mục sau. | | **I- ĐỊNH HƯỚNG**  **(1)-** Ở phần *Nói và nghe,* các em không viết thành văn, cũng không phải kể lại bằng lời câu chuyện đã đọc mà là trình bày bằng miệng một vấn đề trong cuộc sống được nêu lên trong tác phẩm văn học nhằm thuyết phục người nghe .  (2). Để trình bày ý kiến về một vấn đề các em cần:  +Xác định vấn đề của cuộc sống đặt ra trong một tác phẩm văn học  +Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói  + Thực hành trình bày ý kiến  +Lưu ý những lỗi khi trình bày  (3). Các bước thực hiện:  **\*Trước khi nói:**  **a. Chuẩn bị nội dung nói**  - Mục đích nói: chia sẻ ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống được nêu lên trong tác phẩm văn học. Cụ thể trong tiết học hôm nay là: Ngoại hình con người có quan trọng hay không.  - Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân…  - Dựa vào trải nghiệm của bản thân để tìm ý  - Đọc lại văn bản trong SGK để có thêm ý tưởng.  - Chuẩn bị tranh, ảnh minh họa (nếu cần).  - Ghi ra giấy những ý chính cần nói và sắp xếp theo trình tự.  **b. Tập luyện**  - Trình bày trước người thân và bạn bè… để được mọi người nhận xét, góp ý về cách trình bày, nội dung trình bày.  - Cách nói tự nhiên, gần gũi. Phân biệt trình bày miệng với trình bày bằng viết, chú ý cách trình bày, giọng nói, kết hợp với ngôn ngữ hình thể (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt) phù hợp với nội dung bài thuyết trình.  **\*Trình bày bài nói**   * Trình bày theo các ý chính đã chuẩn bị. Có lời chào, giới thiệu, lời kết thúc cảm ơn. * Tập trung vào vấn đề đã chọn, liên hệ với trải nghiệm của bản thân. * Kết hợp sử dụng tranh ảnh, bài hát để hấp dẫn hơn. Chú ý sắp xếp tranh ảnh cho phù hợp   **\*Sau khi nói**   * Người nghe: chia sẻ và nhận xét về cách trình bày. * Người nói: Phản hồi về nhận xét, đóng góp. | | |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2:TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  ***a) Mục tiêu:* Giúp HS**  **- Luyện kĩ năng nói cho HS**  **- Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.**  ***b) Nội dung:***  **GV yêu cầu: HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị & nhận xét HĐ nói của bạn.**  ***c) Sản phẩm:***  **- Sản phẩm nói của học sinh.**  ***d) Tổ chức thực hiện:*** | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **\* Vòng 1(8p)**  - GV yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị cho bài thuyết trình.  - Chia nhóm 4 học sinh/ nhóm trao đổi về dàn ý bài thuyết trình  - Học sinh tập trình bày trong nhóm và góp ý cho nhau  **\* Vòng 2(6p)**  - Đại diện 2 nhóm lên trình bày trước lớp (Có dàn ý cho cả lớp xem)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ vòng 1- 5p**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Báo cáo vòng 2 – 6p**  - Ba HS trình bày. Mỗi HS nói 2 phút.  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS  - Tôn trọng các ý kiến khác nhau  - Chú ý lí lẽ và dẫn chứng phải chọn lọc, tiêu biểu có sức thuyết phục  - Chuyển dẫn sang mục sau. | **II-THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE**  **a. Vòng 1(8p-10p)**  - HS xem lại phần chuẩn bị cho bài thuyết trình.  - 4 học sinh/ nhóm trao đổi về dàn ý bài thuyết trình  - Học sinh tập trình bày trong nhóm và góp ý cho nhau  \* Dàn ý tham khảo:  - Lời chào.  - MB:Từ bài Gấu con chân vòng kiềng đặt ra vấn đề: Ngoại hình con người không quan trọng  - TB:  +  vẻ đẹp nhan sắc thôi thì chưa đủ để nói lên giá trị của con người, hơn nữa vẻ đẹp này rất phù du, không tồn tại lâu dài. Và sự đánh giá vẻ đẹp nhan sắc cũng không thống nhất, không tuyệt đối, những quy chuẩn về cái đẹp luôn thay đổi theo thời đại, theo từng địa phương, theo từng quốc gia, từng khu vực và tùy thuộc vào cảm xúc thẩm mỹ của mỗi người.Vẻ đẹp bên ngoài theo thời gian sẽ phai nhạt dần, khi ấy thứ để đánh giá cái đẹp của con người chính là vẻ đẹp tâm hồn bên trong con người họ.  +nếu chân giá trị của vật dụng là chất gốc thì chân giá trị của con người chính là đạo đức tài năng và trí tuệ. Chính vì thế ngoại hình của con người lúc này đây không được đánh giá cao  +Nhưng trong xã hội ngày nay, một người có tâm hồn đẹp đến đâu mà không biết chăm chút cho nhan sắc bên ngoài của mình thì rất khó có thể thành công được. Bởi vậy chúng ta cũng không nên coi thường vẻ đẹp bên ngoài.  + Bài thơ gấu con chân vòng kiềng một lời khuyên sáng suốt, thiết thực trong cách đánh giá sự vật và con người trong mọi hoàn cảnh, đồng thời đó cũng là lời cảnh tỉnh đối với những ai chỉ chạy theo hình thức hào nhoáng bên ngoài mà quên đi phẩm chất tốt đẹp – yếu tố cơ bản tạo nên giá trị đích thực của một con người  - KB: Ngoại hình con người không quan trọng nhưng cũng không thể xem thường. Học sinh cần chú ý rèn luyện vẻ đẹp tâm hồn và chau chuốt cả vẻ đẹp ngoại hình của bản thân.  - Lời kết  **b. Vòng 2:**  - Đại diện 2 nhóm lên trình bày trước lớp (Dựa vào dàn ý để trình bày) | | | |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3:TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.  - Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.  *b) Nội dung:*  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  *c) Sản phẩm:* Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Giáo viên:**  \* Trình / gắn bảng phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  \* Yêu cầu HS đánh giá:  \* GV đặt thêm câu hỏi:  *+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  *+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  **- Học sinh:**  tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  **HS**: Ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | III**. TRAO ĐỔI, CHỈNH SỬA**  - Người nói: Xem xét nội dung và cách thức trình bày: đã nói hết các nội dung có trong dàn ý đã làm chưa? Còn thiếu nội dung nào? Có mắc lỗi về cách trình bày không?  - Người nghe tự đánh giá cách nghe của bản thân: +Kiểm tra lại thông tin thu được từ người nói.  + Tự xác định các lỗi cần khắc phục khi nghe: Đã hiểu và nắm được nội dung chính của bài trình bày chưa? Thái độ khi nghe bạn kể chuyện thế nào? | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Yêu cầu học sinh thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ-2P**  - HS xem lại điều chỉnh các ý (nếu cần)  - GV hướng dẫn HS hoàn thiện bài  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận-6p**  - GV  yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định-1p**   GV nhận xét bài làm của HS. | IV. LUYỆN TẬP | | | |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  (GV giao bài tập)  Bài tập 1 (tại lớp): tìm thêm các vấn đề của cuộc sống được gợi ra trong tác phẩm văn học  Bài tập 2 (về nhà): Lập ý một vấn đề và tiếp tục luyện nói trình bày vấn đề đó. HS quay clip và gửi cho giáo viên.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. | | | | V. VẬN DỤNG |

**\* Kết thúc: GV gọi HS nhắc lại nội dung bài học: Để trình bày ý kiến về một vấn đề các em cần lamg gì?**

**GV chiếu bài học. Nhắc nhở, dặn dò học sinh**

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

**1- BẢN TRÌNH BÀY CỦA GV VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

***Đề : Trong văn bản Cổng trường mở ra, Lý Lan viết: Mẹ sẽ đưa con đến***

***trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: đi đi con, hãy can***

***đảm lên, thế giới này là của con.***

***Từ sự hiểu biết và thực tế của bản thân, hãy trình bày về tính tự lập và sự chủ động hòa nhập với thế giới xung quanh.***

Thế giới ngày càng rộng mở và con người cũng cần tự lập, chủ động hơn để hòa mình với sự

chuyển biến của cuộc sống. Và trong tâm sự của người mẹ nhân ngày khai trường của con, Lý

Lan đã viết trong “Cổng trường mở ra”: “Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh

cổng, rồi buông tay mà nói: đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con.”. Đó không chỉ là

những lời yêu thương từ tấm lòng người mẹ mà còn là lời nhắn gửi rất ý nghĩa: sự dìu dắt, chỉ

bảo, nâng đỡ của cha mẹ là rất cần thiết nhưng sự tự lập, chủ động của mỗi chúng ta là yếu tố

quyết định sự trưởng thành , năng lực và sự thành công của mỗi người. “Cầm tay con mà dắt”

chính là sự dẫn dắt, chăm sóc của cha mẹ trên những bước đường đời đầu tiên của con nhưng rồi

đến ngưỡng cửa nào đó, sự dìu dắt đó sẽ thay thế bằng những bước chân con tự đi là sự “buông

tay” để con được tự do, tự chủ. Lúc ấy sẽ là lúc con cần đến sự can đảm, bản lĩnh, khả năng để

biến vạn vật xung quanh thành “thế giới của con” – con tự mình khám phá và hòa nhập. Hay nói

cách khác, đó chính là khả năng tự lập và chủ động của mỗi chúng ta. Tự lập là khả năng tự làm

việc, học tập, giải quyết những vấn đề cá nhân của mình mà không ỷ lại, nhờ vả, dựa vào sự giúp

đỡ của người khác. Và khi bản thân mình tích cực thực hiện, không chờ đợi, không phụ thuộc

hoàn cảnh là chủ động, mức độ cao hơn của tự lập. Không phủ nhận rằng, sự chăm sóc, yêu thương, đùm bọc của cha mẹ, người thân đối với chúng ta là những điều quý giá, đáng

trân trọng, là nền tảng vững chắc cho sự thành công. Tuy nhiên, yếu tố đóng vai trò là sức bật

chính là sự tự lập. Nó giúp chúng ta có ý thức rèn luyện để hoàn thiện bản thân. Sự chủ động

giúp chúng ta vươn lên, thích nghi với hoàn cảnh, vượt qua mọi thử thách, không gục ngã lùi

bước trước thử thách. Trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, tự lập và chủ động là chìa khóa giúp

mỗi cá nhân phát triển, không lệ thuộc, phát huy tính sáng tạo. Có như vậy mới đến được ánh

sáng của thành công. Chắc hẳn chúng ta còn nhớ “thần đồng” Đỗ Nhật Nam, dù tuổi còn nhỏ

nhưng em đã tạo nên tiếng vang lớn trong và ngoài nước bằng chính khả năng bản thân. Khi còn

nhỏ, cha mẹ em đã định hướng, dẫn dắt em những bước đầu như dạy em nên học tiếng anh như

thế nào hay rèn luyện ra sao. Để rồi sau đó bằng sự tự chủ, em đã vươn lên, nỗ lực bằng chính

đôi chân của mình. Tự lập biểu hiện ở các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời, tuy nhiên là

những người trẻ điều này càng cần thiết hơn. Muốn hình thành sự tự lập, chủ động, cần xác định

rõ lối sống, quan niệm sống dựa vào năng lực bản thân, phải khẳng định sự tự tin, tích lũy rèn

luyện các kĩ năng sống, suy nghĩ độc lập…Đặc biệt mỗi chúng ta phải biết lập kế hoạch cho công

việc, học tập, bởi có mục tiêu sẽ tạo cơ hội để chủ động phấn đấu. Tự lập không có nghĩa là chủ

nghĩa cá nhân ích kỷ, xa rời mọi người mà ngược lại cần xây dựng tập thể. Hãy tạo cho mình

tính tự chủ, độc lập từ suy nghĩ đến hành động, từ học tập đến đời sống, từ phẩm chất đến bảnnlĩnh, từ cá nhân đến cộng đồng dân tộc.

2-**BẢNG HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ BÀI NÓI TRÌNH BÀY MỘT VẤN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | |
| **CHƯA ĐẠT**  **(0 điểm)** | **ĐẠT**  **(1 điểm)** | **TỐT**  **(2 điểm)** |
| **1** | **Nói đúng vấn đề yêu cầu** | Không nói đúng vấn đề | Nói đúng vấn đề | Nói đúng và nội dung phong phú, hấp dẫn |
| **2** | **Nói to, rõ ràng, truyền cảm** | Nói nhỏ, kos nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng và câu. | Nói to, truyền cảm, trôi chảy, không bị vấp |
| **3** | **Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (tư thế, điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt...) phù hợp** | Tư thế, điệu bộ thiếu tự tin, mắt không nhìn vào người nghe, nét mặt không biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp | Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện | Tư thế, điệu bộ tự tin, tự nhiên, mắt nhìn vào người nghe, biểu cảm sinh động |
| **4** | **Các lí lẽ, bằng chứng, lập luận hợp lí, thuyết phục** | Không có lí lẽ dẫn chứng đúng cho vấn đề hoặc có nhưng lộn xộn, lủng củng, không đầu không đuôi. | Đúng, đủ lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, sắp xếp hợp lí | Đúng, đủ lí lẽ, dẫn chứng hay, phong phú, sắp xếp mạch lạc, thuyết phục |
| **5.** | **Có lời mở đầu và kết thúc; nội dung đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài.** | Không chào hỏi, thiếu các phần. | Có lời chào hỏi, kết thức; bài đủ bố cục | Bài đủ bố cục. Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. |

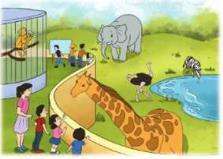
|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Bài*** | ***Nội dung soạn*** | ***Giáo viên soạn*** | ***Địa chỉ*** |
| **BÀI 8**  **VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**  **(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)** | **-Đọc hiểu văn bản:**  ***+ Văn bản 1:*** *Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?* | ***Cô Phan Thị Thùy Dung*** | *THCS Bình An, Dĩ An, Bình Dương* |
| ***+ Văn bản 2:***  *Khan hiếm nước ngọt.* | ***Cô Nguyễn Thị Huệ*** | *Trường THCS Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.* |
| **-Thực hành tiếng Việt:** *Từ Hán Việt, văn bản và đoạn văn* | ***Cô Phan Thị Thùy Dung(W)***  ***Cô Nguyễn Thị Huệ(PP)*** | *THCS Bình An, Dĩ An, Bình Dương*  *Trường THCS Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.* |
| -**Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản 3:*** *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?* | ***Cô Hoàng Thị Nhinh***  ***Cô Nguyễn Thị Sáu*** | *Trường PTDTBT THCS Đứa Mòn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.*  *THCS Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Giang* |
| **-Viết**: Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. | ***Cô Đỗ Như Phượng*** | *Trường Phan Sào Nam- Nha Trang- Khánh Hòa* |
| **-Nói và nghe:**Trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống. | ***Cô Hoàng Thị Nhinh(W)***  ***Cô Đỗ Như Phượng(PP)*** | *Trường PTDTBT THCS Đứa Mòn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.*  *Trường Phan Sào Nam- Nha Trang- Khánh Hòa* |

**Bài 8**

**VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)**

(12 tiết)



**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức ngữ văn (khái niệm nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng).

- Thực hành tiết kiệm nước, chăm sóc và bảo vệ động vật, cây xanh.

- Từ Hán Việt, văn bản, đoạn văn.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Biết tiết kiệm nước, chăm sóc và bảo vệ động vật, cây xanh,

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

- Trình bày được ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

***3. Về phẩm chất:***

- Biết chăm sóc, yêu quý đối xử thân thiện với động vật.

- Có ý thức tiết kiệm bảo vệ nguồn nước sạch.

- Có ý thức giữ gìn tiếng Việt, học hỏi, trân trọng từ Hán Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

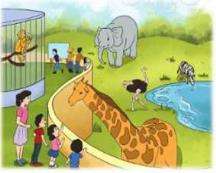
**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***B1: Giao nhiệm vụ học tập:***  **-** HS quan sát, lắng nghe video bài hát “ Colour of the wind” suy nghĩ cá nhân và trả lời.  ? Nội dung của video đề cập đến vấn đề gì? B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:- HS quan sát và lắng nghe video, suy nghĩ câu trả lờiB3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:Học sinh trình bày trước lớp ý kiến của mình. Các học sinh khác bổ sung, nhận xét.B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập - Nội dung của video: Cần bảo vệ động vật, phê phán hành động săn bắt, phá hoại động vật  Nhận xét câu trả lời của học sinh, chuyển dẫn vào hoạt động |

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Văn bản**

**VÌ SAO CHÚNG TA PHẢI ĐỐI XỬ THÂN THIỆN VỚI ĐỘNG VẬT**



**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)

- Ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết

- Tóm tắt được văn bản nghị luận để nắm được ý chính của văn bản

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài

- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.

- Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu quý động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Chiếu cho học sinh quan sát bức tranh trong SGK. Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Một HS trả lời câu hỏi của GV

- Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **1. Văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)** | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS nêu được khái niệm văn nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, vai trò của lí lẽ, bằng chứng.  **b. Nội dung**:  - GV nêu ý kiến, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  - Hs đọc thông tin SGK, thảo luận nhóm, điền vào phiếu học tập.  - GV hướng dẫn HS đọc SGK, nêu ý kiến, giải thích  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh, phiếu học tập  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Đưa ra vấn đề, ý kiến bằng sơ đồ để giải thích cho học sinh  **Lí lẽ 1**  Giúp bổ trợ kiến thức cho các môn học trong nhà trường  **Lí lẽ 2:**  Kết nối chia sẻ đam mê đọc sách và lan tỏa văn hóa đọc  **Lí lẽ 3:**  Giúp rèn luyện phát triển kĩ năng sống cần thiết  ***Bằng chứng****:*  *Các hoạt động thảo luận giới thiệu sách liên quan đến bài học sẽ cũng cố, nâng cao kiến thức cho các bạn*  ***Bằng chứng***  *Các hoạt động thi cảm nhận sách, thiết kế bìa sách… sẽ khơi gợi lan tỏa tình yêu sách*  ***Bằng chứng***  *Qua các hoạt động các thành viên hình thành kĩ năng, giao tiếp, tổ chức sự kiện, ứng dụng công nghệ thông tin*  **Ý KIẾN**  **Cần thành lập câu lạc bộ đọc sách cho học sinh**  ? Qua việc tìm hiểu ý kiến trên, em hiểu thế nào là văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)  ? Vai trò của các yếu tố lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận xã hội?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - HS đọc kiến thức Ngữ văn ở phần đầu, quan sát, lắng nghe ý kiến, suy nghĩ cá nhân về yêu cầu của GV  **GV**: Hướng dẫn học sinh đọc sách, giải thích về ý kiến đưa ra.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu HS trả lời  **HS** - Học sinh trả lời câu hỏi  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | - **Nghị luận xã hội** (trình bày một ý kiến) Nêu lên một vấn đề mình quan tâm trong đời sống, sử dụng các lí lẽ bằng chứng cụ thể để củng cố cho ý kiến của mình nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó  - Lí lẽ: là cơ sở cho ý kiến, quan điểm của người viết, người nói.  - Bằng chứng: là những minh chứng làm rõ lí lẽ.  => Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. | |
|  | | |
| **2. Tác phẩm** | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, nhan đề, bố cục…)  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Đọc mẫu, hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Cho học sinh thảo luận cặp đôi  - Chiếu yêu cầu lên màn hình máy tính, giao nhiệm vụ:  ? Nối cột A với cột B   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Tổ tiên | a) Đấng tạo ra muôn vật với mọi sự biến hoá, đổi thay, theo quan niệm duy tâm | | 2. Trực tiếp | b) Là một hiện tượng xảy ra trong tự nhiên khi một loài hoặc một quần thể biến mất hoàn toàn trên trái đất. | | 3. Tạo hóa | c) Quan hệ giữa sinh vật với môi trường | | 4. tuyệt chủng | d) Có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc, không qua khâu trung gian gián tiếp: không có quan hệ thẳng với đối tượng tiếp xúc mà phải qua khâu trung gian | | 5. Sinh thái | e) Những người thuộc thế hệ đầu tiên của một dòng họ. |   ?Văn bản “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật thuộc thể loại gì?  ?Dựa vào nhan đề em hãy cho biết nội dung, đề tài của bài viết?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Đọc văn bản, suy nghĩ câu trả lời theo yêu cầu của GV  **GV**: - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV  Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **GV***:* - Nhận xét cách đọc của HS, nhận xét câu trả lời của học sinh  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Dự kiến sp câu nối: 1- e; 2-d; 3-a; 4-b; 5-c  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | | *a) Đọc và tìm hiểu chú thích*  - HS đọc đúng.  *b) Thể loại*  - Văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến)  *c) Nội dung, đề tài*  - Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật.  *d) Bố cục*  - 4 phần  + Phần 1: Đoạn 1,2  -> Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ.  +Phần 2: Đoạn 3  => Vai trò của động vật trong hệ sinh thái  + Phần 3: Đoạn 4 Thực trạng hiện nay  + Phần 4: Còn lại => Lời kêu gọi bảo vệ động vật. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU VĂN BẢN** | |
| 1. **Vấn đề nghị luận** | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm ra được ý kiến, vấn đề nghị luận trong bài  **b. Nội dung**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Ở văn bản này người viết định bảo vệ hay phản đối điều gì?  ? Con người cần có thái độ như thế nào với động vật?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **- Vấn đề nghị luận**: Cần đối xử thân thiện, yêu quý và bảo vệ động vật |
| 1. **Phân tích vấn đề nghị luận** | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết cách dẫn dắt vấn đề vào bài  - Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hiểu mối quan hệ giữa động vật và con người gắn liền với nhau  - Có ý thức thái độ yêu quý, trân trọng và đối xử thân thiện với động vật.  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 1  ? Xác định ý chính của đoạn 1, 2  ? Để làm rõ ý chính đó tác giả đã đưa ra bằng chứng nào?  ? Biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng ở phần 1? Tác dụng?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 3  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (?).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | ***a) Động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, gắn liền với cuộc sống con người***  - Bằng chứng: Đứng nhìn lũ kiến hành quân, buộc chỉ vào chân cánh cam làm diều.  - Bằng chứng: Gà gáy báo thức, chim hót trên cây, lũ trâu cày ruộng…  NT: Sử dụng phép liệt kê  ***=> Khẳng định về vai trò không thể thiếu của động vật đối với đời sống con người.*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Phát phiếu học tập số 2 & đặt câu hỏi:  - Chia nhóm cho HS thảo luận  ? ý chính của đoạn 3 là gì?  ? Câu nào trong phần 3 cho thấy con người liên quan đến động vật?  ? Môi trường sinh tồn là gì?  ? Con người, động vật và môi trường có mối quan hệ như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**: - Đọc SGK và tìm chi tiết để hoàn thiện phiếu học tập.  - Thảo luận nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu đại diện nhóm trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** : - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:**  **GV: -** Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau  - Dự kiến câu 3: Môi trường sinh tồn là hệ sinh thái bao gồm các sinh vật, yếu tố vật lí, con người cùng nhau sinh sống và tồn tại. | **b) Vai trò của động vật trong hệ sinh thái**  **-** Bằng chứng: khỉ và vượn có chung tổ tiên với con người.  - Bằng chứng: Mỗi loài động vật có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người.  ***=> Con người, động vật, và môi trường có mối quan hệ chặt chẽ với nhau****.* |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3  - Sử dụng KT khăn trải bàn, chia nhóm cho hs thảo luận  ? Tác giả đã nêu lên thực trạng đáng báo động nào?  ? Để nêu lên thực trạng đó tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  ? Tác giả có thái độ như thế nào trước thực trạng đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | **c) Thực trạng**  **-** Bằng chứng  **+** Con người phá hoại môi trường sống của động vật  + Săn bắt động vật trái phép  + Các loại động vật đang ngày càng giảm đi  **-** NT: đối lập  **=>** Thể hiện thái độ bất bình của tác giả. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Ý chính của đoạn 5 là gì? Tìm câu văn thể hiện ý chính đó?  ? Em cần có thái độ như thế nào với động vật? Kể một số biện pháp em có thể làm để bảo vệ động vật?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **- Dự kiến sp câu 3**  Biện pháp bảo vệ động vật.  - Tham gia bảo vệ, chăm sóc và trồng cây xanh ở trường, địa phương  - Tạo môi trường sống cho động vật (tham gia trồng cây, gây rừng, không xã rác bữa bãi)  - Tuân thủ và tuyên truyền các biện phát bảo vệ, yêu quý động vật cho bạn bè, người thân, hàng xóm…  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | **e) Lời kêu gọi bảo vệ động vật**  **-** Chúng ta phải thay đổi, phải bảo vệ ngôi nhà chung của Trái Đất, để động vật cũng có quyền được sống giống như con người.  ***=> Nhấn mạnh sự cấp thiết phải bảo vệ động vật*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 4  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “ Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Suy nghĩ cá nhân 2’, trao đổi cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **GV** hướng theo dõi, quan sát, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lí lẽ bằng chứng chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.  - Bố cục mạnh lạc, sử dụng phép liệt kê, đối lập làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  **2. Nội dung**  **-** Cần phải đối xử thân thiện với động vật, yêu quý và bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của trái đất.  - Động vật cũng có quyền được sống giống như con người. |
| **3. HĐ 3: Luyện tập**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS  Bài tập 1: Văn bản trên giúp em hiểu biết thêm gì về động vật? Tìm các lí lẽ, và bằng chứng khác để làm sáng tỏ sự cần thiết phải thân thiện với động vật.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: Tìm thêm một số lí lẽ về vai trò của động vật đối với đời sống con người  **HS** : Liệt kê các vai trò vai trò của động vật đối với đời sống con người  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | **Bài tập 1**   * Văn bản trên giúp em hiểu động vật và con người có mối quan hệ chặt chẽ, gắn liền với nhau. * Một số lí lẽ khác: Động vật có vai trò to lớn trong đời sống con người:   + Cung cấp thực phẩm (thịt, cá, trứng, tôm….)  + Giúp con người lao động  + Giúp con người giải trí  + Bảo vệ an ninh…. |
| **4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**  **a) Mục tiêu:** Cũng cố kiến thức, làm rõ mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, bằng chứng bằng sơ đồ. Biết ứng dụng sơ đồ trong việc tóm tắt nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy hệ thống lại nội dung bài học bằng sơ đồ để thấy được mối quan hệ giữa ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn nghị luận (trình bày một ý kiến)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và hệ thống lại kiến thức bài học  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** báo cáo kết quả học tập, tự đánh giá  **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs, hướng dẫn học sinh tự đánh giá.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho |  |

**HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**+ Phiếu số 1**

**Ý chính đoạn 1, 2**

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 2**   * **Ý chính đoạn** 3 …………………………………………………………………… * Bằng chứng 1 …………………………………………………………………..   …………………………………………………………………………………….   * Bằng chứng 1 …………………………………………………………………..   ………………………………………………………………………………   * Môi trường sinh tồn: ………………………………………………   ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………. |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 3**  ? Tác giả đã nêu lên thực trạng đáng báo động nào  ? Để nêu lên thực trạng đó tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?  ? Tác giả có thái độ như thế nào trước thực trạng đó?  **Thực trạng**   * Nghệ thuật……………………………………………………………… * Thái độ…………………………………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số kí hiệu trong KHBD**  **?** Câu hỏi của giáo viên  **GV**: hoạt động của giáo viên  **HS**: hoạt động của học sinh | Người soạn: Nguyễn Thị Huệ  Đơn vị: Trường THCS Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long A. |

*Tuần 25,26,27 Ngày soạn: ……………… Tiết 97-108 Ngày dạy:………*……........

**Bài 8**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Admin\Desktop\images (1).jpg** | **C:\Users\Admin\Desktop\tải xuống.jpg** | **C:\Users\Admin\Desktop\images.jpg** |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức**

- Tri thức ngữ văn (khái niệm nghị luận xã hội trình bày một ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng).

- Thực hành tiết kiệm nước

- Xác định được Từ Hán Việt, văn bản, đoạn văn.

**2. Về năng lực**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng, …) nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,…) của các văn bản nghị luận xã hội.

- Biết tiết kiệm nước trong cuộc sống hàng ngày

- Vận dụng được những hiểu biết về văn bản, đoạn văn và một số từ Hán Việt thông dụng vào đọc, viết, nói và nghe

- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

- Trình bày được ý kiến về một hiện tượng trong đời sống

**3. Về phẩm chất**

- *Nhân ái:* HS biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, trân trọng và bảo vệ môi trường sống. Biết cảm thông, ca ngợi những hành động đẹp; lên án những hạnh động xấu.

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân. Vượt lên trên hoàn cảnh, nhiệt tình tham giác công việc của tập thể về tuyền truyền, vận động mọi người xung quanh cùng nhau tiết kiệm nước.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước về vấn đề tiết kiềm nước. Biết không đổ lỗi cho người khác.

- *Trung thực*:Luôn tôn trọng lẽ phải về những vấn đề về nước; thật thà, ngay thẳng trong vấn đề lên án thực trạng khan hiếm nguồn nước ngọt.

- *Yêu nước*: HS luôn tự hào và bảo vệ thiên nhiên, con người Việt Nam khi chung tay bảo vệ nguồn nước ngọt. Tự hào về vốn từ phong phú Hán Việt của nước mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Bảng tương tác, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: HS huy động vốn hiểu biết cuộc mình để nói lên thực trạng khan hiếm nước ngọt trên thế giới  **b) Phương thức thực hiện:** Hoạt động cá nhân  **c)Yêu cầu sản phẩm**: HS trình bày cá nhân bằng miệng  **d) Tổ chức thực hiện**  ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***  **-**GV: Chiếu hình ảnh  - HS : quan sát hình ảnh các bức tranh, qua đó em có suy nghĩ như thế nào về vấn đề nước ngọt hiện nay?    ***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời theo quan điểm cá nhân.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  ***Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: Nếu như ngày 5/6 hàng năm là ngày môi trường thế giới thì ngày 22/3 hàng năm chính là ngày nước thế giới. Đến năm 2021, ngày nước thế giới đã lấy chủ đề “ giá trị của nước”nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của tài nguyên nước; giá trị của nước về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội; giải pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước trước các áp lực do gia tăng dân số, phát triển công nghiệp, nông nghiệp và biến đổi khí hậu. Và điều đó được thể hiện như thế nào thì chúng ta cùng nhau đi vào tác phẩm ngày hôm nay. |

**Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **a)Mục tiêu**  + Học sinh biết phân loại nguồn nước: nước, nước mặn, nước ngọt, nước sạch.  + HS nêu ra được tác dụng của nước ngọt  + HS chỉ ra những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước.  + HS có những giải pháp và liên hệ bản thân.  **b)Phương thức thực hiện**: pp giải quyết vấn đề, pp dạy học nhóm  **c) Yêu cầu sản phẩm:** Trình bày cá nhân, nhóm, phiếu học tập...  **d) Tổ chức thực hiện:** thời gian 30p | |
| Hoạt động của giáo viên – học sinh | 1. **Tìm hiểu chung** |
| **Hoạt động : Tìm hiểu chung**   1. **Mục tiêu:** HS xác định được thông tin văn bản, thể loại văn bản. 2. **Phương thức thực hiện:** Kĩ thuật khăn trải bàn 3. **Yêu cầu sản phẩm:** HS trình bày qua sản phẩm nhóm, thực hiện được nhiệm vụ vào vở ghi của mình. 4. **Tổ chức thực hiện**   ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***   * Gv: Theo thông tin văn bản em hãy nêu tên tác giả ; nguồn gốc và bố cục của tác phẩm   ***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***   * HS: triển khai nhiệm vụ, thực hiện cá nhân vào vở ghi. * Nhiệm vụ:   + HS xác định thông tin và bố cục của văn bản.  + Phương pháp: giải quyết vấn đề, hợp tác, xử lí vấn đề  + Thời gian: 3p  +HS làm việc cá nhân  + HS thống nhất kết quả đưa ra ý kiến chung.  ***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  + Đại diện 1-2 nhóm trình bày kết quả; nhóm khác nhận xét, tương tác nhóm bạn.  ***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.***  **+** GV nhận xét, tuyên dương  +GV định hướng kiến thức, HS tự xác định thông tin ghi vào vở.  ***\* Phương pháp đóng vai***  -Mục tiêu: HS giải thích những từ khó trong văn bản.  -Phương pháp: PP đóng vai  -Thời gian: 1p  -Các bước thực hiện:  +HS: 2 HS, 1 HS là Cù Trọng Xoay, 1HS là người trả lời  + HS sẽ hỏi nhanh, đáp lẹ 4 từ khóa mà người hỏi đưa ra.  + HS củng cố kiến thức cho bản thân qua pp đóng vai. | 1. Tác giả: theo Trịnh Văn 2. Tác phẩm   \*Xuất Xứ: Báo nhân dân, số ra 15/06/2003  \*Thể loại: Văn nghị luận.  \* Bố cục:  -Phần 1: nội dung 1: Nêu thực trạng khan hiếm nước ngọt.  - Phần 2: nội dung 2: Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt.  Phầm 3: nội dung 3: Nếu quan điểm và giải pháp của việc khan hiếm nước ngọt.  \* Giải thích từ khó  -Nước: là một phân tử gọi là H2O chứa hai nguyên tử hydro và một nguyên tử ôxy. Đó là một chất lỏng trong suốt, không mùi mà bạn có thể tìm thấy trong hồ, sông ngòi và đại dương.  -Nước mặn:  **+** là thuật ngữ chung để chỉ nước chứa một hàm lượng đáng kể các muối hòa tan (chủ yếu là NaCl). Hàm lượng này thông thường được biểu diễn dưới dạng phần nghìn (ppt) hay phần triệu (ppm) hoặc phần trăm (%) hay g/l.  **+** Là nước bị nhiễm mặn và không sử dụng được trong sinh hoạt.  -Nước ngọt: hay  được gọi là nước nhạt là loại nước chứa một lượng tối thiểu các muối hòa tan, đặc biệt là natri clorua (thường có nồng độ các loại muối hay còn gọi là độ mặn trong khoảng 0,01 - 0,5 ppt hoặc tới 1 ppt), vì thế nó được phân biệt tương đối rõ ràng với nước lợ hay các loại nước mặn và nước muối.  -Nước sạch: là nguồn **nước**: trong, không màu, không mùi, không vị, không chứa các độc chất và vi khuẩn gây bệnh cho con người. **Nước sạch** phải bảo đảm 14 chỉ tiêu, trong đó các tiêu chí về: Nitrat, clorua, asen, sắt, chì, mangan, thủy ngân,... theo quy chuẩn của Bộ Y tế. |
| **Hoạt động: Đọc- hiểu văn bản** | 1. **Đọc- hiểu văn bản** |
| **HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: TỔ CHỨC HỌC DỰA TRÊN DỰ ÁN PHÓNG VIÊN NHỎ ĐIỀU TRA “ KHAN HIẾM NƯỚC NGỌT**”   1. ***Môn phối hợp***:Hóa học, Địa lí, Giáo dục công dân 2. ***Nội dung kiến thức***   HS nêu ra được tác dụng của nước ngọt  + HS chỉ ra những nguyên nhân gây ra ô nhiễm môi trường nước.  + HS có những giải pháp và liên hệ bản thân.   1. ***Yêu cầu cần đạt***  * Từ văn bản “ Khan hiếm nước ngọt”, thông tin HS thu tập được qua kênh internest, sách báo, phỏng vấn ..từ đó HS xác định được vấn đề nghiêm trọng của việc khan hiếm nước ngọt. Qua đó xác định được nguyên nhân, hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt. * Qua kiến thức đã tìm hiểu từ văn bản, nguồn tư liệu , HS nêu ra được biện pháp giải quyết vấn đề của tác giả đồng thời qua đó liên hệ với chính bản thân mình. * HS xác định được hành động của bản thân mình trong cuộc sống hàng ngày đối với việc tiết kiệm nước, bảo vệ nguồn nước và lên án phê bình những hành vi lãng phí, gây phá hoại nguồn nước ngọt. * HS phát triển năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sáng tạo, năng lực CNTT.. * Phát triển năng lực ngôn ngữ ( đọc hiểu nội dung, viết được văn bản nghị luận); năng lực văn học (kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận)  1. ***Cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm***   -GV: chia lớp thành 4 nhóm  **+ NHóm 1: Nghiên cứu về thực trạng khan hiếm nướ ngọt.**   * *Văn bản “Khan hiếm nước ngọt đề cập đến vấn đề gì?* * *Vấn đề đó được khái quát ở phần nào?* * *Tến văn bản và vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan như thế nào?* * *Nước ngọt có những tác dụng gì đối với chúng ta?*   *LƯU Ý: Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình kèm theo clip phỏng vấn về thực trạng của vấn đề ( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 2: Nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt**  *? Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình về nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 3: Nghiên cứu tác hại của việc khan hiếm nước ngọt mang lại**  *? Sử dụng tranh ảnh trình chiếu thuyết trình kèm theo clip về tác hại của việc khan hiếm nước ngọt ( đảm bảo thông tin tác giả đã đưa ra và lồng ghép tư liệu nhóm đã thu tập được)*  **+ Nhóm 4: Xây dựng phương án phòng chống việc khan hiếm nước ngọt.**  *?Trình bày nhanh những giải pháp tác giả đề xuất bằng các hình ảnh máy chiếu và đề xuất giải pháp bổ sung theo ý tưởng của nhóm mình, đóng vai tuyên truyền (sử dụng tranh vẽ tuyên truyền)*  + GV hỗ trợ hs về CNNT khi HS gặp khó khăn   * Dự kiến hệ thống câu hỏi   ? Thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt.  ? Nguyên nhân dẫn đến việc khan hiếm nước ngọt?  ? Từ kiến thức của văn bản “Khan hiến nước ngọt” thông tin đã thu thập em có suy nghĩ như thế nào về tác hại của việc khan hiếm nước ngọt? Qua đây, tác giả đã có giải pháp như thế nào em rút ra được bài học gì cho bản thân mình? Em cần làm gì đề đẩy lùi việc khan hiếm nước ngọt như hiện nay?   1. ***Tiêu chí đánh giá***  |  |  | | --- | --- | | Tiêu chí đánh giá | Điểm (thang điểm 100) | | 1. Thời gian trình bày (10đ) |  | | 1. Thái độ và tinh thần đoàn kết (10đ) |  | | 1. Nội dung kiến thức (20đ) |  | | 1. Kĩ năng thuyết trình (10đ) |  | | 1. Kĩ năng xử lí thông tin (10đ) |  | | 1. Kĩ năng xử lí vấn đề trong tương tác (10đ) |  | | 1. Tính khả thi trong phương pháp phòng trống (10đ) |  | | 1. Tính sáng tạo (10đ) |  | | 1. Thu thập nội dung thông tin qua các nhóm để hoàn thiện nội dung yêu cầu của bài học (10đ) |  | | Tổng điểm |  |  1. ***Kế hoạch tổ chức trải nghiệm***  * Thời gian thực hiện: 5 ngày trước khi tiết học diễn ra * Địa điểm tổ chức: trong lớp học * Thành phần tham gia: GVBM ngữ văn, sinh học, GDCD trong trường, toàn thể HS lớp được giao nhiệm vụ.  1. ***Tổ chức thực hiện (20p***)  * Bước 1. GV chuyển giao hoạt động cho lớp * Bước 2. Lớp trưởng thông qua hoạt động * Bước 3. Đại diện thành viên của các nhóm lên thuyết trình thông qua bảng tương tác. * Bước 4. Sau khi nhóm thuyết trình, các nhóm khác tương tác và đại diện nhóm đang trình bày hoặc thành viên của nhóm ở dưới giải quyết vấn đề được đặt ra đối với nhóm mình. * Bước 5. Ban cán sự lớp thu thập lại phiếu đánh, công bố kết quả. * Bước 6. GV tổ chuyên môn Hóa học, Địa lí, GDCD nhận xét * Bước 7. GV nhận xét, tuyên dương, phát phần thưởng, định hướng kiến thức cho học sinh  1. **Đặt vấn đề ( nêu thực trạng của việc khan hiếm nước ngọt)**  * Tác phẩm viết về vấn đề báo động của việc khan hiếm nước ngọt hiện nay. * Vấn đề được khái quát ở phần 1 của tác phẩm. * Vấn đề được nêu lên có nội dung tương ứng với đề tài được nói lên trong tên văn bản, tạo tính thống nhất trong văn bản. * Nước ngọt đóng vai trò to lớn trong sinh hoạt, sản xuất của con người. Tạo thúc đẩy cân bằng sinh thái, phát triển kinh tế, duy trì sự sống cho con người, động thực vật trên trái đất. * Hiện nay, con người chúng ta bị ảo tưởng về vấn đền nước không không bao giờ cạn kiệt   +Bởi hệ thống nước xung quanh chúng ta là rất nhiều.  + Điều đó tạo cảm giác chúng ta sẽ không bao giờ thiếu nước  +Đây chính là suy nghĩ sai lầm, thật “ nhầm to” của chúng ta.   * Đặt vấn đề ngắn gọn , thông qua chính thực tế của chúng ta.  1. **Giải quyết vấn đề (Nguyên nhân- hậu quả của việc khan hiếm nước ngọt)**   \****Nguyên nhân***  - Xung quanh chúng ta đều là nước, nhưng là nước mặn không phải nước ngọt. Cũng không phải nước sạch mà con người và động thực vật có thể sử dụng.  - Phân hóa nước ngọt không đồng đều ngay cả trên thế giới và ở Việt Nam.  +Trên thế giới nói chung  ++ Nước ngọt hầu hết nằm ở Bắc cực đang trong trạng thái đóng băng.  ++ Số lượng nước ngọt chỉ có thể sử dụng ở sông, suối, đầm, ao, hồ, nguồn nước ngầm.  + Ở Việt Nam  ++ Có những nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại khan hiếm  ++ Như ở Đồng văn, Hà Giang để lấy nước ngọt bà con phải đi xa vài ba cây số.  ++ Nước ngọt ở đây có nhưng lại nằm sâu dưới lòng đất, kinh phí để khai thác rất tốn kém và cũng vô vàn khó khăn khi bị phân bố dưới chủ yếu là núi đá.   * Số nước ngọt không tự tạo ra, bên cạnh đó đang bị ô nhiễm do chính con người tạo ra.   + Rác thác được bắt nguồn từ các mặt trong cuộc sống.  + Có những rác thải mất hàng chục năm mà chưa tiêu hủy được.  + Những chất độc ngấm xuống đất, thải ra sông suối   * Nước ngày càng khan hiếm.   - Dân số ngày càng tăng cao, khoảng hơn 2 tỉ người đang sinh sống điều đó có nghĩa hơn 2 tỉ người đang sống trong cảnh thiếu ngước ngọt trong sinh hoạt.  - Cuộc sống con người ngày càng văn minh, tiên bộ, nhu cầu sử dụng nước tăng cao đi đôi với sự gia tăng dân số dẫn đến tình trạng thiếu nước ngày càng nghiêm trọng. Chúng ta tốn từ 1000 đến 70000 nghìn tấn nước chỉ vì một tấn lương thực, thực phẩm.  ***\* Hậu quả***  -Tình trạng thiếu nước diễn ra trong sinh hoạt con người, đất đai khô cằn; cây cối, muôn vật không sống nổi.  => Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và kinh tế nghiêm trọng đối với con người.  **3.Khẳng định và nêu giải pháp**  - Khẳng định vấn đề  + Nước ngọt ngày càng khan hiếm  + Chi phí để có nước sạch và hợp vệ sinh rất tốn kém.   * Nêu giải pháp   + Tăng cường khai thác nguồn nước ngọt.  + Sử dụng hợp lí nguồn nước.  + Tiết kiệm nguồn tài nguyên nước có sẵn trong tự nhiên. | |
| **Hoạt động: Tổng kết** | 1. **Tổng kết** |
| 1. **Mục tiêu:** HS tổng kết lại kiến thức đã học về nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa, cách đọc hiểu văn bản nghị luận 2. **Phương thức thực hiện**: thảo luận cặp đôi 3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày bằng miệng 4. **Đánh giá kết quả thực hiện**   ***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Em hãy cho biết tác phẩm đề cập đến vấn đề gì? Văn bản đã có ý nghĩa như thế nào với chúng ta? Cách trình bày văn bản nghị luận?  ***Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận trong 3p  ***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  HS: Đại diện 2 nhóm trình bày, hs nhận xét, phản hồi  ***Bước 4. Báo cáo kết quả và thảo luận***  GV nhận xét, định hướng kiến thức  HS tự ghi vào vở. | 1. Nội dung   Văn bản là hồi chuông báo động cho thực trạng khan hiếm nước ngọt trên toàn cầu. Đồng thời là thức tỉnh bài học nhận thức của mỗi chúng ta về thực trạng khan hiếm nước ngọt.   1. Nghệ thuật   Sử dụng thành công văn nghị luận xã hội để phản ánh một sự việc, hiện tượng trong cuộc sống qua phương pháp lập luận thông qua số liệu, dẫn chứng cụ thể đầy thuyết phục.   1. Hướng dẫn đọc hiểu văn bản nghị luận sự việc, hiện tượng đời sống  * Đề tài: những hiện sự việc, hiện tượng có thật nổi lên trong đời sống của toàn xã hội. * Bài viết cần có giải pháp cho vấn đề, đây là giải pháp thiết thực và đi đến bài học nhận thức cho con người. * Phương pháp lập luận: nêu khái niệm, định nghĩa, so sánh, đối chiếu, bàn luận, liệt kê, nêu số liệu.. * Các bước làm văn nghị luận: Bố cục gồm 3 phần ( Nêu/đặt vấn đề; giải quyết vấn đề; khẳng định vấn đề) |

**Họạt động 3. Luyện tập**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Em hãy kể 3 tác dụng của nước ngọt mang lại? Em sẽ làm gì trước tình trạng khan hiếm nước ngọt hiện nay? So với những điều về nước, văn bản cho em hiểu thêm những gì?*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 2p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức

**Hoạt động 4. Vận dụng**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề.
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Viết đoạn văn khoảng 8-10 dòng về chủ đề môi trường, có sử dụng thành ngữ “ nhiều như nước”*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 5p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức.

**Hoạt động 5. Tìm tòi mở rộng**

1. **Mục tiêu**: Hs sử dụng kiến thức đã học để mở rộng vấn đề
2. **Phương thức thực hiện**: hoạt động cá nhân.
3. **Yêu cầu sản phẩm**: trình bày miệng, có sản phẩm trong vở .
4. **Tổ chức thực hiện**

***Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ***

*GV: Em hãy tìm sự khác biệt giữa nước ngọt trong trong sinh hoạt với nước ngọt có ga.*

***Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ***

HS thực hiện nhiệm vu trong thời gian 5p.

***Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận***

HS: 3 hs trình bày kết quả, tương tác, giải quyết vấn đề.

***Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***

Gv nhận xét, định hướng kiến thức.

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

(Thời lượng 2 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm văn bản, đoạn văn, từ Hán Việt.

- Học sinh viết được đoạn văn theo chủ đề

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết các từ Hán Việt

- Nhận biết nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và từ có yếu tố Hán Việt.

- Biết cách trình bày đúng hình thức một đoạn văn, văn bản.

- Nhận biết được câu chủ đề của đoạn văn, văn bản

- Biết cách viết một đoạn văn theo chủ đề, có sử dụng câu chủ đề

***3. Về phẩm chất:***

- Có ý thức giữ gìn tiếng Việt, học hỏi, trân trọng từ Hán Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
3. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

* Cho học sinh xem video bài hát “Thương ca Tiếng Việt”

? Bài hát gợi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì?

****

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS xem, nghe và suy nghĩ cá nhân

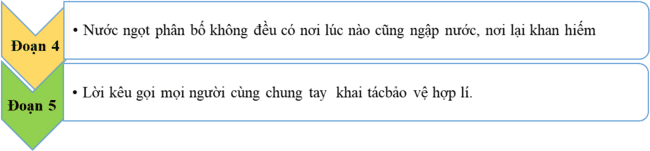
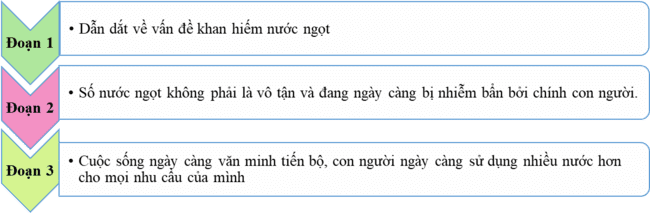
**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời

* Dự kiến sản phẩm: Tiếng Việt rất giàu và đẹp, qua bài hát em thêm yêu quý trân trọng tiếng mẹ đẻ.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, dẫn dắt vào bài

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Từ Hán Việt** | | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu được thế nào là từ Hán Việt  **b. Nội dung**:  GV đặt câu hỏi cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV đọc phần kiến thức Ngữ văn và quan sát ví dụ:  ? Nối cột A với Cột B   |  |  | | --- | --- | | **A** | **B** | | 1. Tráng sĩ | a. Người làm thơ | | 2. Dũng sĩ | b. Người có sức lực cường tráng chí khí mạnh mẽ. | | 3. Thi sĩ | c.Người giỏi nghề vẽ. | | 4. Họa sĩ | d.Người dũng cảm, không ngại hiểm nguy |   ? Theo em các từ trên có nguồn gốc từ đâu?  ? Thế nào là từ Hán Việt  ? Cho ví dụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 48  **GV: H**ướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trả lời câu hỏi  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Chốt kiến thức lên màn hình.  Dự kiến sp   * 1-b; 2-d; 3-a; 4-c * Đây là từ mượn của tiếng Hán * Từ Hán Việt | *a) Khái niệm từ Hán Việt*  - Là những từ mà tiếng Việt mượn từ tiếng Hán (tiếng Trung Quốc) được đọc theo cách đọc Hán Việt.  Ví dụ: sơn hà, quốc gia, vĩ đại, nhân ái   * Cấu tạo: thường không có khả năng sử dụng như một từ đơn, để tạo câu như từ thuần việt, mà thường dùng để tạo từ ghép * Một số từ Hán Việt được Việt hóa ở mức độ cao được sử dụng như từ thuần việt. * Ví dụ: áo, quần, buồm, buồng | | | |
| 1. **Văn bản, đoạn văn** | | | | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS:  - Hiểu được khái niệm văn bản, đoạn văn  - Nhận biết được câu chủ đề trong đoạn văn, hình thức của đoạn văn  - Viết một đoạn văn theo chủ đề, có sử dụng câu chủ đề  **b. Nội dung**:  - GV chia nhóm, đưa ra yêu cầu cho HS  - HS làm việc thảo luận nhóm thống nhất ý kiến đưa ra đáp án  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc phần kiến thức ngữ văn, đọc bài tập 3  - Chia lớp thành 4 nhóm  - Phát phiếu học tập  ? Qua tìm hiểu bài tập trên em hiểu thế nào là văn bản, đoạn văn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Thảo luận nhóm  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | a) Khái niệm văn bản, đoạn văn  \* Văn bản  - Là một đơn vị ngôn ngữ trình bày trọn vẹn một vấn đề trong giao tiếp. Thông thường văn bản là bài nói, bài viết, có các bộ phân thống nhất về chủ đề, liên kết bằng những từ ngữ nhất định và được sắp xếp theo một thứ tự hợp lí.  - Văn bản có thể gồm một hoặc một số đoạn.  - Đoạn văn thể hiện một chủ đề nhỏ, thường có một câu nêu lên chủ đề của đoạn, và một số câu phát triễn chủ đề. | | | |
| **3. HĐ 3: Luyện tập**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập SGK  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | | | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 1, 2 SGK tráng 54.  - Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau | | | | ***Bài tập 1***  - Từ Hán Việt: văn minh  - Văn minh là quy tắc ứng xử tôn trọng lẫn nhau, cử xử đúng phép tắc, lịch sự với nhau.  - Cách đối xử kém văn minh với động vật đó là: đánh đập động vật, hành hạ, ngược đãi động vật.  ***Bài tập 2***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ thuần việt** | **Từ Hán Việt** | **Cặp từ đồng nghĩa** | | * Đất liền * Biển cả | * Đại dương * Lục địa | * Đất liền- lục địa * Đại dương- biển cả | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập 4, 5 SGK trang 54.  - GV chia nhóm cho HS thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK , đặt nhan đề, tìm câu chủ đề  **GV** hướng dẫn HS đặt nhan đề, xác định câu chủ đề  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau | | | | **Bài tập 4**   * Nhan đề: + Hoa hậu của tôi   + Mẹ người xinh đẹp tốt bụng nhất  **Bài tập 5**: Câu chủ đề   * a) Chăm sóc vật nuôi sẽ giúp trẻ có một cơ hội tuyệt vời để tìm hiểu về hậu quả. * b) Những loài động vật bé nhỏ đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, vẽ nên những bức tranh kí ức về thời ấu thơ tươi đẹp   c) Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao. |
| **4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**  ***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể  ***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  ***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập  ***d) Tổ chức thực hiện*** | | | | |
| **Hoạt động của GV &HS** | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giáo bài tập cho HS  **Bài tập:** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 dòng) với câu chủ đề: Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: đúng hình thức, đúng chủ đề  + Một đoạn văn, không xuống dòng, tách đoạn, có liên kết câu chặt chẽ.  + Đúng chủ đề, có sử dụng câu chủ đề trong đoạn văn.  **HS : L**àm bài theo yêu cầu của GV  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá nhận xét bài làm của HS bằng điểm số   * Dặn dò HS chuẩn bị nội dung cho bài học tiếp theo | | | | **Bài tập 1**  Chúng ta cần đối xử thân thiện với động vật. Động vật không chỉ có vai trò quan trọng trong đời sống con người, mà nó còn nuôi dưỡng tâm hồn, kí ức tuổi thơ của mỗi chúng ta. Vì vậy mỗi chúng ta cần yêu quý bảo vệ động vật như bảo vệ ngôi nhà chung của Trái đất, bằng những việc làm cụ thể. Tạo môi trường sống cho động vật, tham gia bảo vệ, trồng và chăm sóc cây xanh, không xả rác bữa bãi. Tuân thủ tuyên truyền các biện pháp bảo vệ, yêu quý động vật cho bạn bè, người thân. Động vật cũng có quyền được sống giống như con người. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**



**Chủ đề văn bản: Sự khan hiếm của nước ngọt**

**ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP**

1. Nội dung các đoạn là luận điểm phục vụ cho chủ đề của văn bản
2. Sử dụng phép nối là quan hệ từ “Vì vậy” tạo liên kết giữa các câu trong đoạn

|  |  |
| --- | --- |
| **Một số kí hiệu trong KHBD**  **?** câu hỏi của giáo viên  **GV**: hoạt động của giáo viên  **HS**: hoạt động của học sinh | Người thiết kế: **HOÀNG THỊ NHINH**  Đơn vị: Trường PTDTBT THCS Đứa Mòn, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.  Số ĐT: 0987.963.361 |

**THỰC HÀNH ĐỌC - HIỂU**

**TẠI SAO NÊN CÓ VẬT NUÔI TRONG NHÀ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

*-* Vận dụng những hiểu biết về văn nghị luận xã hội vào đọc hiểu văn bản:

+ Xác định được nhan đề, nội dung, đề tài của bài viết

+ Hiểu, xác định, lý giải được ý kiến nghị luận, lí lẽ, bằng chứng của người viết đưa ra trong văn bản nghị luận xã hội.

+ Nắm được cách trình bày văn bản nghị luận.

+ Nhận ra được ý nghĩa, mối quan hệ giữa vấn đề đặt ra trong văn bản đối với đời xống xã hội và bản thân.

**2. Về năng lực:**

- Phát triển năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học.

**3. Về phẩm chất:**

- Biết chăm sóc, yêu quý và bảo vệ động vật, sống hòa hợp với thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Chiếu cho học sinh quan sát 03 bức tranh chuẩn bị trong slides. Bức tranh gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa con người và vật nuôi trong nhà?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Administrator\Desktop\24-hinh-anh-ly-giai-vi-sao-tre-em-nen-co-mot-thu-cung_194d517a11.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\tải xuống.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\24-hinh-anh-ly-giai-vi-sao-tre-em-nen-co-mot-thu-cung_c3ab3498db.jpg** |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

- Dự kiến sản phẩm: Con người và vật nuôi trong nhà có mối quan hệ gần gũi, thân thiết với nhau. Vật nuôi đem lại cho con người rất nhiều lợi ích…

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. HƯỚNG DẪN CÁCH ĐỌC** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS biết cách đọc một văn nghị luận xã hội (trình bày một ý kiến, vấn đề, hiện tượng đặt ra trong cuộc sống)  **Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS cách đọc, đọc mẫu.  - HS đọc văn bản | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV**: Hướng dẫn học sinh đọc văn bản, đọc mẫu.  **GV:** yêu cầu HS đọc văn bản: “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà” trong SGK.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Hoạt động cá nhân đọc văn bản “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà”.  GV: Gọi một số HS đọc.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS: Theo dõi bạn đọc, nhận xét, chỉnh sửa  GV: Nhận xét, chỉnh sửa cách đọc của HS  HS: Tiếp thu, rút kinh nghiệm cho lần đọc sau tốt hơn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhấn mạnh cho HS những điểm quan trọng trong khi đọc một văn bản nghị luận bất kỳ. | | | - HS biết cách đọc to, rõ ràng, nhấn mạnh những từ in đậm, từ khóa lý giải lý do tại sao nên có vật nuôi trong nhà. |
| **II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN** | | | |
| 1. **Vấn đề nghị luận** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Xác định được bố cục, những luận điểm chính, lý lẽ, dẫn chứng, lập luận lý giải vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận.  **Nội dung**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV chuẩn bị phiếu học tập cho HS. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV:** HS Chú ý các chữ in đậm ở đầu mỗi đoạn trong văn bản.  ? Ở văn bản này người viết định bảo vệ hay phản đối điều gì?  ? Văn bản chia làm mấy đoạn, và có mấy lý do để lý giải vì sao nên có vật nuôi trong nhà?  ? Nội dung triển khai ở từng đoạn có làm sang tỏ cho các chữ in đậm ở đầu đoạn không?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** tìm kiếm thông tin trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức. | | **- Vấn đề nghị luận**: Bảo vệ, khẳng định, lý giải vì sao cần có vật nuôi trong nhà.  - Có 11 đoạn và 9 lí do  - Làm sáng tỏ. | |
| 1. **Phân tích vấn đề nghị luận** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Biết cách dẫn dắt vấn đề vào bài  - Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản  - Hiểu mối quan hệ gần gũi, gắn bó giữa động vật và con người  - Có ý thức bảo vệ, thái độ yêu quý, trân trọng và đối xử thân thiện với động vật.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV:** Chia nhóm hoàn thành phiếu học tập nhanh thông qua trò chơi tiếp sức. (Phiếu học tập số 1)  - Phát phiếu học tập số 1: Dựa vào cách trình bày văn bản để nêu khái quát các lợi ích của vật nuôi?  - Phát phiếu học tập số 2: Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng trong đoạn giảm stress  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận nhóm, 2 phút hoàn thành phiếu học tập thông qua trò chơi tiếp sức.  **GV**: Theo dõi, dướng dẫn, hỗ trợ, tháo gỡ khó khan, vướng mắc cho HS.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu nhóm HS trình bày thông qua trò chơi tiếp sức.  **HS:** - Trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | ***a) Các lợi ích của vật nuôi trong nhà***  + Phát triển ý thức  + Bồi dưỡng sự tự tin  + Vui chơi và luyện tập  + Giúp trẻ thoải mái, bình tĩnh.  + Giảm stress  + Cải thiện kĩ năng đọc  + Tìm hiểu về hậu quả  + Học cách cam kết  + Tạo tính kỉ luật  \* Lí lẽ và bằng chứng trong đoạn giảm stress:  - Lí lẽ: Loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress  + Cử chỉ âu yếm, vuốt ve những chú chó có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ  + Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người  + Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cùng với tiếng :" gừ, gừ" sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên  ***=>Khẳng định lợi ích, tầm quan trọng của việc nuôi một con vật trong nhà sẽ giúp trẻ học được nhiều kĩ năng sống cũng như cái thiện đời sống tinh thần.*** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV: Đặt câu hỏi:  ? Theo em hiểu “Hậu quả” là gì?  ? Nội dung hai văn bản “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà” và “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật” có điểm gì giống nhau? Điểm giống nhau ấy có ý nghĩa gì đối với em? (câu hỏi 5/sgk)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Hoạt động cá nhân  - Đọc SGK và so sánh điểm giống nhau giữa hai văn bản đã đọc hiểu.  **GV:** Dự kiến KK: câu hỏi số 5 so sánh hai văn bản.  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (5/sgk) bằng câu hỏi gợi mở điểm giống nhau giữa hai văn bản.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu HS trình bày ý kiến, qua điểm  **HS** : - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:**  **GV: -** Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của cá nhân.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau | ***b) Bài học liên hệ bản thân***  - Hậu quả là kết quả không hay về sau  - Điểm giống nhau của hai văn bản chính là nội dung của hai văn bản đều hướng về đối xử, bảo vệ động vật. Điểm giống nhau ấy chính là bài học cho em, giúp em hiểu được cách nên đối xử với động vật như thế nào.  ***=> Con người cần có ý thức bảo vệ, chăm sóc, yêu quý động vật và thiên nhiên.*** | | |
| **3. HĐ 3: Luyện tập**  **a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào thực tiễn.  **b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao  **c) Sản phẩm:** Ý kiến, quan điểm của học sinh  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS  Tình huống: Con vật mà em yêu quý nhất là con gì? Em hãy đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng nhằm thuyết phục bố mẹ em để được nuôi con vật em yêu quý đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS: Tìm thêm một số lí lẽ, dẫn chứng về vai trò, lợi của động vật đối với đời sống con người  **HS** : Liệt kê các vai trò, lợi ích của động vật đối với đời sống con người  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày quan điểm, ý kiến của bản thân  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bằng khuyến khích, khen ngợi… | |  | |
| **4. HĐ 4: Củng cố, mở rộng**  **a) Mục tiêu:** Cũng cố kiến thức, làm rõ mối quan hệ của ý kiến, lí lẽ, bằng chứng bằng sơ đồ. Biết ứng dụng sơ đồ trong việc tóm tắt nội dung bài học.  **b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d) Tổ chức thực hiện** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy hệ thống lại lợi ích cả vật nuôi trong nhà bằng sơ đồ để thấy được vai trò, tầm quan trọng của vật nuôi, thiên nhiên đối với cuộc sống của con người.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.  **HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập, suy nghĩ và hệ thống lại kiến thức bài học  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** báo cáo kết quả học tập, tự đánh giá  **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs, hướng dẫn học sinh tự đánh giá. | |  | |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi**  **chú** |
| - Hình thức hỏi  đáp  - Thuyết trình sản  phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội  dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia  tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các  phong cách học khác nhau  của người học | - Báo cáo thực hiện  công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi  và bài tập  - Trao đổi, thảo  luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**+ Phiếu học tập số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lợi ích của vật nuôi** | Giảm stress |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**Phiếu học tập số 2**

\* Lí lẽ lợi ích của vật nuôi trong giảm stress:

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………

**- Bằng chứng 1:**

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………

**- Bằng chứng 2:**

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………

**- Bằng chứng 3:**

…………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………

**C. NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Xác định được ý kiến, trình bày quan điểm, suy nghĩ của bản thân trước một hiện tượng trong đời sống.

- Trình bày ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của bản thân về một hiện tượng trong đời sống.

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***2. Về năng lực:***

- Biết cách nói và nghe phù hợp, sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

***3. Về phẩm chất:***

- Yêu quý, trân trọng những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói và nghe về một hiện tượng trong cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video có nội dung ý nghĩa về một hiện tượng trong đời sống, sau đó giao nhiệm vụ cho HS:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Video gợi cho em những suy nghĩ và cảm xúc như thế nào về hiện tượng đời sống đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ quan sát, lắng nghe đoạn video và chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân sau khi xem video*.*

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học nói và nghe.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS chia sẻ, thảo luận về vấn đề nghị luận trong video

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét xâu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Các bước để hoàn thành một bài nói?  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Phát phiếu học tập cho HS?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV, hoàn thành phiếu học tập  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  - HS hoàn thành, trình bày phiếu học tập  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành**  **\* Trước khi nói**  + Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  + Tìm ý, lập ý cho bài nói;  + Chỉnh sửa bài nói;  + Tập luyện.  *- Xác định vấn đề nghị luận: Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà, em có ý kiến gì về vấn đề này.*  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. | | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (bàn luận về ý kiến: Nên có các con vật nuôi trong nhà)  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt…phù hợp. | |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả. | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**3. Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Giúp các em vận dụng các kĩ năng nói và nghe vào giải quyết một tình huống, hiện tượng trong đời sống.

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ trình bày quan điểm

**c) Sản phẩm:** Ý kiến, quan điểm, lí le, dẫn chứng của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao tình huống cho HS

Tình huống: “*Em rất thích nuôi chó con, nhưng bố em không đồng ý; vậy em hãy đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục bố em thay đổi ý kiến để đồng ý cho em nuôi chó con”*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**4. Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

? Em hãy sắp xếp các bước theo thứ tự, điều cần thực hiện trước khi trình bày một bài nói:

+ Tìm ý, lập ý cho bài nói;

+ Tập luyện.

+ Lựa chọn đề tài, nội dung nói;

+ Chỉnh sửa bài nói;

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- HS sắp xếp các bước cần làm để có một bài nói hoàn chỉnh, thuyết phục.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

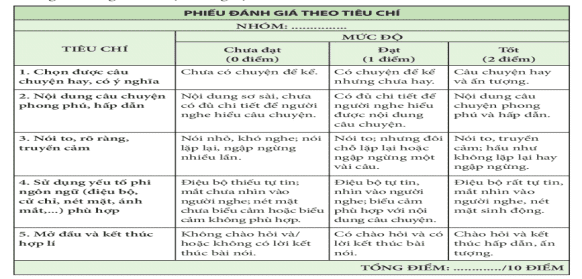
- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS chưa tích cực trong học tập.

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**IV**. **KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**



**PHIẾU HỌC TẬP**

Chuẩn bị bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề, hiện tượng trong đời sống

* Vấn đề, hiện tượng tôi sẽ trình bày:
* Ý kiến của tôi:

Bước 1: Xác định đề tài, không gian, thời gian nói:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Yếu tố | Dự kiến | Cách trình bày phù hợp |
| Mục đích bài nói |  |  |
| Người nghe |  |  |
| Thời gian |  |  |
| Không gian |  |  |

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

Những phương tiện phi ngôn ngữ tôi sẽ sử dụng để tang sức thuyết phục cho bài nói:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Dự kiến các ý kiến phản biện và ý kiến phản hồi:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Stt | Dự kiến ý kiến phản biện | Phản hồi của tôi |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |
| 3 |  |  |

\* Lập dàn ý nói dựa vào sơ đồ sau:

Sơ đồ hệ thống ý

Lí lẽ 1

Lí lẽ 3

Lí lẽ 2

Bằng chứng 3.2; 3.2…

Bằng chứng 2.1; 2.2…

Bằng chứng 1.1; 1.2…

\* Bước 3: Luyện tập và trình bày

- Những cách trình bày hấp dẫn:

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………

- Dự kiến phần mở đầu:

……………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………..………………………………………………………………………………..

- Dự kiến phần kết thúc:

……………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………..

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG.**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức****:*

- HS biết chọn một hiện tượng (vấn đề) để trình bày ý kiến của bản thân bằng một bài viết được thực hiện theo các bước của quy trình viết bài bản.

- Bài viết bảo đảm các đặc trưng của kiểu bài nghị luận, dùng lí lẽ, bằng chứng, có phương thức biểu đạt phù hợp.

***2. Về năng lực****:*

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) để bàn luận.

- Người viết có thái độ rõ ràng về hiện tượng.

- Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để ý kiến có sức thuyết phục.

- Trình bày được mối quan hệ giữa ý kiến lí lẽ, bằng chứng dưới dạng sơ đồ.

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản đối đời xống xã hội và đối với bản thân.

***3. Về phẩm chất****:*

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, học hỏi, sáng tạo.

-*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:*  - Tạo tâm thế hứng thú cho Hs.  - Kích thích Hs tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của kiểu bài nghị về một sự vật, hiện tượng trong đời sống.  *b) Nội dung:*  *-* GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh.    - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi.  *c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  **Quan sát hình và cho biết:**  ?Hãy kể một số sự việc hiện tượng trong cuộc sống mà em biết?  ?Theo em sự việc nào đáng khen, sự việc nào đáng chê? Vì sao?  ?Để làm rõ điều đó, chứng ta cần lập luận như thế nào để thuyết phục người nghe, người đọc?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV chỉ định 1 - 2 học sinh trình bày nội dung câu trả lời.  - HS trình bày.  - Các bạn còn lại nhận xét về nội dung b của bạn đã trình bày.  - Dự kiến sản phẩm: Con người và thiên nhiên phải sống hòa hợp với nhau  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  ***GV từ đó dẫn dắt vào bài học:*** NL là dùng luận cứ, luận chứng, luận điểm để làm sáng tỏ 1 vấn đề. Vấn đề NL rất trừu tượng có thể là một sự việc, hiện tượng đời sống đáng khen hoặc đáng chê ... | - Nêu một số truyện truyện truyền thuyết, cổ tích đã học, đã nghe hoặc đã đọc (trước khi bước vào học lớp 6).  - Kể lại được một trong số các truyện đã nêu tên. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Định hướng**  *a) Mục tiêu:*  **HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một sự vật, hiện tượng trong đời sống:**  - Trước một hiện tượng trong đời sống, có thể có nhiều ý kiển khác nhau.  -Nêu lên ý kiến và các lí lẽ, bàng chứng cụ thể nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến của người viết, người nói về hiện tượng ấy. (trình bày một ý kiến).  *b) Nội dung:* GV sử dụng KT động não để hỏi HS về xác định yêu cầu, nội dung của đề.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  Với đề bài: Viết bài văn nghị luận về một sự vật, hiện tượng trong đời sống.  1. Kiểu bài yêu cầu chúng ta làm gì?  2. Kể những ra những hiện tượng đời sống cần quan tâm mà em biết?  3. Để trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, các em cần làm gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện học sinh trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục: Thực hành viết bài văn | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **1. Đề bài:**  Viết bài văn nghị luận về một sự vật, hiện tượng trong đời sống.  **2. Các yêu cầu**  a) Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống là nêu lên những suy nghĩ và đưa ra được lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của người viết về hiện tượng ấy.  b) Hiện tượng đời sống thường do đề bài nêu lên nhưng cũng có thể do người viết tự xác định. Dưới đây là một số ví dụ về hiện tượng đời sống cần quan tâm:  - Phải trồng nhiều cây xanh.  - Việc nuôi các con vật trong nhà.  - Việc sử dụng nước ngọt.  - Việc sử dụng bao bì ni lông.  - Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  - Một hiện tượng cần biểu dương trong nhà trường.  c) Để trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống, các em cần: nêu ý kiến của minh, giải thích vì sao, đưa ra các lí lẽ và bằng chứng. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2:Thực hành**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.  *b) Nội dung:* GV giao hoạt động dự án, yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ theo tổ.    *c) Sản phẩm:*Phần thực hiện dự án của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua dự án**  **\*Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị**  *- Tìm hiểu về các con vật nuôi.*  *- Ghi lại những thông tin về vật nuôi: Vật nuôi khác động vật hoang dã như thế nào? Lợi ích của vật nuôi là gì?... (Tham khảo văn bản Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?).*  *- Có thể sử dụng internet đề thu thập thông tin, lấy tư liệu như video, hình ảnh minh hoạ, ý kiến của các nhân vật nổi tiếng,... và ghi lại nguồn dẫn các tư liệu đó.*  **Nhiệm vụ 2: Tìm ý**  ***Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:***  *+ Hiểu nào là những con vật nuôi?*  *+ Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?*  *+ Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?*  *+ Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?*  **Nhiệm vụ 3: Lập dàn ý bài văn**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:  - Hướng dẫn học sinh để thực hiện các yêu cầu trong dự án: Chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý.  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS, gợi ý bằng những câu hỏi nhỏ:  1. Đề bài trên thuộc loại gì ?  2.Nêu sự việc hiện tượng gì? Đề yêu cầu làm gì?  3. Muốn làm được bài nghị luận cần phải trải qua các bước nào ?  4. Cần tìm ý như thế nào ?  5. Từ các ý tìm được trên hãy đưa ra dàn ý của đề bài trên ?  6. Khi đã có dàn ý lẫn viết bài như thế nào ?  7. Khi viết xong bài ta cần làm gì?  8. Khi sửa chữa cần chú ý những gì .  9. Qua việc tìm hiểu cách viết trên em rút ra kết luận gì về cách viết bài ?  - Sửa bài cho học sinh.  **Học sinh**:  - Hoàn thiện dự án theo tổ.  - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi, nhiệm vụ giao.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**: Yêu cầu HS cử đại diện báo cáo sản phẩm.  - **HS**:  + Trình bày sản phẩm của mình.  + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho tổ nhóm của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **II. THỰC HÀNH**  Bài tập: *Nhiều người cho rằng nên có các con vật nuôi trong nhà. Em có ỳ kiến như thể nào về vấn đề này?*  **1. Chuẩn bị**  - Tìm hiểu về các con vật nuôi.  - Ghi lại những thông tin về vật nuôi: Vật nuôi khác động vật hoang dã như thế nào? Lợi ích của vật nuôi là gì?... (Tham khảo văn bản *Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?).*  - Có thể sử dụng internet đề thu thập thông tin, lấy tư liệu như video, hình ảnh minh hoạ, ý kiến của các nhân vật nổi tiếng,... và ghi lại nguồn dẫn các tư liệu đó.  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  **a) Tìm ý**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Hiểu nào là những con vật nuôi?  + Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?  + Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?  + Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?  **b) Lập dàn ý**  + Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?).  + Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tuỳ vào ý kiến (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?) để trình bày các lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ:  -Nên có vật nuôi trong nhà (ý kiến).  -Nêu các lí lẽ để làm rõ vì sao nên có vật nuôi trong nhà (lí lẽ).  -Nêu các bằng chứng cụ thế về lợi ích của vật nuôi (bằng chứng).  Lưu ý: Nếu em cho rằng không nên có vật nuôi trong nhà thì cũng cần nêu lí lẽ và bằng chứng.  + Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của em; đề xuất các biện pháp bảo vệ và thái độ đối xử vói vật nuôi.  **3. Viết bài**  - Viết theo dàn ý  **4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**  -Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.  -Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3:Trả bài**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  *b) Nội dung:*  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  *c) Sản phẩm:* Bài của học sinh đã chữa  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | **III. TRẢ BÀI** |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập: Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  a. Xác định vấn đề: Dựa vào các văn bản em đã học và gợi ý về các hiện tượng trong đời sống và Định hướng ở phần Viết, lựa chọn vấn đề em định trình bày ý kiến  b. Để trình bày ý kiến trước lớp về vấn đề đã xác định, các em cần: Xác định ý kiến của mình về vấn đề đó và các lí lẽ, bằng chứng em định sử dụng để thuyết phục mọi người. Chuẩn bị tranh ảnh hoặc video, thiết bị hỗ trợ  **HS**: Tìm các sự kiện, lập ý, lập dàn ý cho đề bài nghị luận: Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét. |  |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Phát triển năng lực làm bài văn nghị luận về các hiện tượng trong đời sống, xã hội.  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Dựa vào dàn ý đã làm, em hãy viết bài văn nghị luận: Hiện tượng học sinh chơi game(*Game* ở đây hiểu là trò chơi điện tử.)  - Nộp sản phẩm về qua zalo của cô giáo.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Bài*** | ***Nội dung soạn*** | ***Giáo viên soạn*** | ***Địa chỉ*** |
| **BÀI 9**  **Truyện (Truyện ngắn)** | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+Văn bản 1:*** *Bức tranh của em gái tôi.(Tạ Duy Anh)* | ***Cô Vũ Thị Ánh Tuyết*** | *THCS Tô Hiệu – Lê Chân - Hải Phòng* |
| ***+ Văn bản 2:*** *Điều không tính trước.(Nguyễn Nhật Ánh)* | ***Cô Bùi Vũ Ngọc Trâm*** | *Trường PTDTNT THCS Yên Bình, Yên Bái* |
| **Thực hành Tiếng Việt: *Trạng ngữ*** | ***Cô Vũ Thị Ánh Tuyết*** | *THCS Tô Hiệu – Lê Chân - Hải Phòng* |
| **Thực hành đọc hiểu**:  ***+ Văn bản:*** *Chích bông ơi!(Cao Duy Sơn)* | 1. ***Cô Vũ Thị Huê*** | *GV trường THCS Văn Môn , huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.* |
| **Viết:** Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt | ***Cô Hoàng Thị Mây*** | *Trường THCS Thanh Hồng, Thanh Hà, Hải Dương* |
| **Nói và nghe:** Thảo luận nhóm về một vấn đề. |

*Ngày soạn: ……………… Ngày dạy:…………….*

**TUẦN 29+30+ 31**

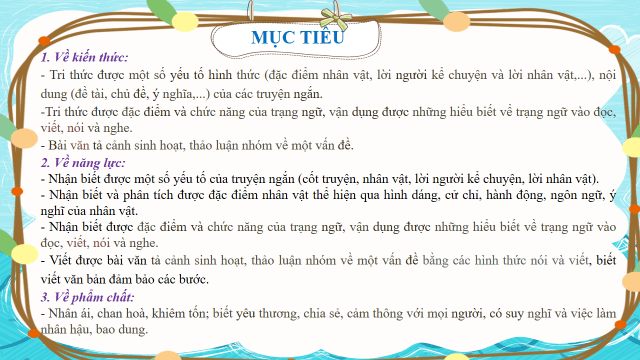
**Bài 9**

**TRUYỆN**

**(TRUYỆN NGẮN)**

(12 tiết)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

****

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6A1

Thời gian thực hiện: 3 tiết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức bước đầu biết về thể loại truyện ngắn; đọc- hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm. Sự chiến thắng của tình cảm trong sáng, nhân hậu đối với lòng ghen ghét đố kị. Tình cảm của người em có tài năng đối với người anh

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.

- Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.

***2. Về năng lực:***

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố nghệ thuật,,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện ngắn

- Hiểu hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật thể hiện qua văn bản.

- Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền ngắn.

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* Biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, nhận thức và xác định cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện ngắn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về truyền thuyết kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .  *b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Ai nhanh hơn” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Những câu hỏi này nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS  *để xác định vấn đề cần giải quyết:* tình cảm anh em, tình cảm gia đình....tạo không khí và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.    *c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*    *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Ai nhanh hơn”**  Luật chơi:  Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về tình cảm anh em trong gia đình.  *Thời gian chuẩn bị: 1 phút.*  *Thời gian trình bày: dưới 2 phút.*  + Giáo viên gọi tinh thần xung phong để học sinh thể hiện sự tự tin của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lới câu hỏi, gợi ý nếu cần.  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học: *Đã bao giờ em ăn năn, ân hận vì thái độ cư xử của mình với người thân trong gia đình chưa? Đã bao giờ em cảm thấy rằng mìh rất tồi tệ, xấu xa, không xứng đáng với anh chị em của mình chưa? Có những sự ân hận hối lỗi làm cho tam hồn ta trong trẻo hơn, lắng dịu hơn. Truyện ngắn Bức tranh của em gái tôi” viết về anh em Kiều Phương đã rất thành công trong việc thể hiện chủ đề tế nhị này. Đó cũng là nội dung mà bài học này sẽ đem đến cho các em!* | |  | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung**  *a) Mục tiêu:* Học sinh nắm được những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của Tạ Duy Anh cũng như hoàn cảnh ra đời, thể loại, cách đọc, bố cục văn bản.  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *kiến thức ngữ văn* trong SGK.  Cho HS từ tiết trước chuẩn bị ở nhà:  **Nhóm 1: Hiểu biết chung về tác giả**  **Nhóm 2: Giới thiệu truyện ngắn, điều hành phần đọc, kể tóm tắt văn bản.**  **Nhóm 3: Tìm hiểu chung về tác phẩm**  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh          *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1: Hiểu biết chung về truyền thuyết**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc *kiến thức ngữ văn*, tìm tư liệu).  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + 1 nhóm trưởng điều hành chung.  + 1 thư kí ghi chép.  + Người thiết kế power point, người trình chiếu và cử báo cáo viên.  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về truyền thuyết  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV**: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Nhóm 1: Báo cáo hiểu biết về tác giả**  *\* Thời gian: 2 phút*  *\* Hình thức báo cáo: Thuyết trình*  *\* Phương tiện:* Bảng phụ Blog facbook  *\* Nội dung báo cáo:*  **Về tác giả Tạ Duy Anh**    **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  -Tạ Duy Anh tên khai sinh là Tạ Viết Đãng  - Sinh ngày 9 tháng 9 năm 1959.  - Quê ông ở xã [Hoàng Diệu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_Di%E1%BB%87u), huyện [Chương Mỹ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C6%B0%C6%A1ng_M%E1%BB%B9), [Hà Tây](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_T%C3%A2y) (nay là huyện Chương Mỹ, [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)).  - Ông từng làm cán bộ giám sát chất lượng bê tông ở [nhà máy thủy điện Hòa Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_m%C3%A1y_th%E1%BB%A7y_%C4%91i%E1%BB%87n_H%C3%B2a_B%C3%ACnh), trung sĩ bộ binh ở [Lào Cai](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o_Cai)… Hiện ông là biên tập viên tại Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Tạ Duy Anh trở thành hội viên [Hội Nhà văn Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%99i_Nh%C3%A0_v%C4%83n_Vi%E1%BB%87t_Nam) từ năm 1993.  - Là cây bút trẻ xuất hiện trong thời kỳ XH đổi mới.  - Giải truyện ngắn nông thôn [báo Văn nghệ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%C3%A1o_V%C4%83n_ngh%E1%BB%87&action=edit&redlink=1), [báo Nông nghiệp](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%C3%A1o_N%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p&action=edit&redlink=1) và [Đài Tiếng nói Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0i_Ti%E1%BA%BFng_n%C3%B3i_Vi%E1%BB%87t_Nam) tổ chức , [tạp chí Văn nghệ Quân đội](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BA%A1p_ch%C3%AD_V%C4%83n_ngh%E1%BB%87_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i&action=edit&redlink=1). | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS:**  **Nhóm 2**: Giới thiệu khái niện truyện ngắn, cách đọc và kể, tóm tắt văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm.  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: Nhữnghiểu biết về cách đọc, sự việc chính, kể chuyện.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV**: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Tác phẩm.**  \*Khái niệm truyện ngắn  **\*** Đọc và tóm tắt văn bản | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi và hoạt động dự án.**  **\* Nhóm 3: Tìm hiểu chung về văn bản**  *(Gợi ý: thể loại, PTBĐ chính, ngôi kể, nhân vật, bố cục…)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc chú thích, tìm tư liệu).  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: Nhữnghiểu biết chung về tác giả, tác phẩm.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Nhóm 3 báo cáo tìm hiểu chung về văn bản**  *\* Thời gian: 5 phút*  *\* Hình thức báo cáo: Trò chơi (ai hiểu biết hơn, ai là triệu phú...: đưa câu hỏi phát vấn các bạn phía dưới)*  *\* Phương tiện: Trình chiếu*  *\* Nội dung báo cáo:*  **Về văn bản *“Bức tranh của em gái tôi”***    - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | \* Văn bản:  **- Xuất xứ:** In trong  ***Con dế ma***, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1999  - Là truyện ngắn đạt giải nhì cuộc thi viết (Tương lai vẫy gọi) của báo thiếu niên tiền phong.  **- Thể loại:** Truyện ngắn  **- PTBĐ:** Tự sự  **- Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất.( người anh kể chuyện)  **Nhân vật chính**: Hai anh em (trong đó người anh là nhân vật trung tâm)  **- Bố cục**: 3 phần  ***+ Phần 1:*** "Từ đầu..tài năng": Kiều Phương được phát hiện có tài năng hội họa.  ***+ Phần 2***: "Tiếp ...nhận giải" : Sự thay đổi thái độ của người anh đối với Kiều Phương  ***+ Phần 3:*** " Còn lại": Người anh nhận ra sai lầm của mình và tình cảm của em gái | | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  *a. Mục tiêu:*  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  *b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.      *c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm      *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi**  ? Trong cuộc sống hàng ngày, người anh có thái độ ntn với em gái mình ? Tìm những chi tiết thể hiện thái độ ấy của người anh?  ? Khi phát hiện ra em gái chế thuốc về từ nhọ nồi, người anh nghĩ gì ?  ? Ý nghĩ ấy đã nói lên thái độ của người anh đối với em ntn?  ? Không chỉ bằng những chi tiết được kể, thái độ ấy của người anh cũng được lộ rõ qua ngôn ngữ kể, em hãy đọc lại đoạn này để thể hiện rõ hơn thái độ ấy.  ? Trước tài năng của em được phát hiện, thái độ của mọi người ntn ?  ? Trong khi mọi người có thái độ như vậy, người anh có những tâm trạng hành động như thế nào ?  ? Theo em tại sao người anh lại có cảm giác mình bị cả nhà lãng quên, từ đó nảy sinh sự gắt gỏng với em, không thể thân được với em ?  ? Theo em, tại sao người anh lại nén một tiếng thở dài khi xem tranh của em  ? Trong con mắt của người anh, những bức tranh ấy hiện lên ntn?  ? Tình huống nào của câu chuyện tạo điều kiện cho diễn biến tâm trạng của người anh được bộc lộ rõ ?  ? Khi em gái bộc lộ tình cảm chia vui với người anh vì được giải thưởng tranh, người anh đã có cử chỉ gì ?  ? Tại sao người anh lại có cử chỉ không thân thiện đó  ? Đằng sau cử chỉ và thái độ không bình thường ấy là tâm trạng gì của người anh ?  ?Nếu cần có lời khuyên, em sẽ nói gì với người anh?  ? Truyện không dừng lại đây mà kết thúc bằng sự việc nào? ? Nhận xét gì về sự việc này?  ? Nhân vật trong bức tranh được miêu tả qua lời kể của người anh ntn?  ? Em hãy nêu cảm nhận của mình về bức tranh ấy ?  ? Đứng trước bức tranh ấy, người anh có diễn biến tâm trạng ntn ?  ? Theo em, tại sao người anh lại có diễn biến tâm trạng ấy ?  ? Trong tâm trạng ấy, người anh muốn nói với mẹ ntn ?? Em hiểu thêm gì về người anh qua câu nói này?  ? Đến đây, em hãy cho biết điều gì có sức cảm hoá người anh đến như thế ?  ? Nhận xét nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật?  ? Em hiểu thế nào về đoạn kết của truyện (Tôi không trả lời mẹ ... lòng nhân hậu của em con đấy)?  ? Qua đó em có cảm nghĩ gì về người anh?  ? Tại sao, bức tranh của cô em gái lại có sức cảm hoá ng­ười đến vậy?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**  1.Trong cuộc sống hàng ngày.  - Gọi em là Mèo  - Rất khó chịu khi thấy em hay lục lọi các đồ vật.  - Bí mật theo dõi việc pha chế màu của người em.  2. Coi thường, ra vẻ  3. Ngạc nhiên xem thường.  *4, một hôm tôi bắt gặp nó nhào một thứ bột gì đó đen sì, trông rất sợ, thỉnh thoảng lại bôi bôi ra cổ tay. Trời ạ, thì ra nó đang chế thuốc vẽ.*  5. Khi tài năng của em được mọi người phát hiện:  6. Bố, mẹ, chú Tiến Lê đều ngạc nhiên vui mừng.  7. Người anh cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài.  - Chỉ muồn gục xuồng khóc  - Không thể thân với Mèo được nữa  - Gắt um lên với em  - Xem trộm những bức tranh của Mèo  - Lén trút một tiếng thở dài.  8. Cảm thấy thất vọng về mình.  9. Cảm thấy tự ái và tự ti khi thấy người khác nhất là người em luôn được nhìn trong mắt coi thường của người anh lại có tài năng nổi bật.  10. Qua cái nhìn bi quan, những bức tranh của em gái hiện lên vẫn rất đẹp, chính vì thế, người anh lén trút một tiếng thở dài. Có lẽ người anh đã cảm nhận được người em có tài thật, còn mình thì kém cỏi.  11. Đẩy em ra.  12. Vì không chịu được sự thành đạt của em.  => Càng thấy mình thua kém em.  -Tức tối, ghen tỵ với người hơn mình.  13. em sẽ nói với người anh :  - Ghen tỵ là thói xấu làm cho người ta nhỏ bé đi.  - Ghen tỵ sẽ chia rẽ tình cảm tốt đẹp của con người.  - Ghen tỵ với em, sẽ không xứng đáng với tư cách của người làm anh.  14. Kết thúc bất ngờ: bức tranh được giải của người em là bức vẽ chân dung người anh  15. Ngỡ ngàng, hãnh diện, xấu hổ.  - **Ngỡ ngàng** vì bức tranh lại vẽ chính mình.  - **Hãnh diện** vì mình hiện ra với những nét đẹp như được miêu tả trong tranh  - **Xấu hổ** chính là tự nhận ra những yếu kém của mình, thấy mình không xứng đáng được như vậy trong bức tranh của em gái.  16. "Không phải con đâu. Đấy là tâm hồn và lòng nhân hậu của em con đấy"  17. Vẻ đẹp của bức tranh  **- Học sinh hoàn thành phiếu bài tập**  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv sửa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. | | | **II. Đọc - hiểu văn bản**  ***1. Nhân vật người anh.***  ***\* Trước lúc tài năng của em được phát hiện***  *-* Gọi em gái Kiều Phương là Mèo, bí mật theo dõi việc làm bí mật của em, chê bai em gái bẩn thỉu, nghịch ngợm, trẻ con…  - Coi thường em là trẻ con, không cần để ý đến những trò nghịch ngợm ấy và vẫn thương yêu, gần gũi em.  ***\* Khi tài năng của em gái được phát hiện:***  - Mọi người: xúc động, mừng rỡ, ngạc nhiên.  - Người anh: buồn rầu, muốn khóc, thất vọng hay gắt gỏng, bực bội với em.  - Miễn cưỡng trước thành công bất ngờ của em, miễn cưỡng cùng gia đình đi xem triễn lãm tranh được giải của Mèo.  => Tự ái, mặc cảm, đố kị với tài năng của em gái.  *- Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật chân thực, tự nhiên.*  ***\* Khi đứng trư­ớc bức tranh đư­ợc giải của em gái:***  - Ngạc nhiên *vì bé Phương lại vẽ mình, và sao bức tranh lại đẹp thế kia*  **-** Hãnh diện tự hào: *em lại vẽ chính mình với một vẻ đẹp hoàn hảo*  - Xấu hổ: *vì mình đã xa lánh và ghen tị với em gái, tầm thường hơn em gái.*  - Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật đặc sắc. | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, phiếu bài tập.**  ? Trong truyện, cô bé Kiều Phương hiện lên với những đặc điểm nào về tính tình và tài năng?  ? Tài năng hay tấm lòng của cô bé đã cảm hoá được người anh? Vì sao?  ? Điều gì khiến em cảm mến nhất ở nhân vật?  ? Tại sao tác giả lại để cô em gái vẽ bức tranh ng­ười anh "hoàn thiện" đến thế.  **\* Phiếu bài tập:**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm, cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**  1. Trong truyện, cô bé Kiều Phương hiện lên :  *- Nhân vật Kiều Phương có hương sắc của một loài hoa*  *- Hồn nhiên từ việc bôi bẩn lên mặt mỗi ngày,*  *- Hồn nhiên nhận cái tên một cách vui vẻ, thậm chí còn để xưng hô với bạn bè một cách vô tư, hồn nhiên lục lọi đồ vật vì một lý do "Mèo mà lại"*  *- Trong giao tiếp hàng ngày Mèo vừa làm vừa hát kể cả công việc bố mẹ giao*  *- Tâm hồn bé như một buổi sáng đẹp trời không hề gợn một bóng mây*  *- Sống thân ái với mọi người, vui vẻ với mình, như cuộc đời sinh ra vốn phải thế...*  2. Tài năng hay tấm lòng của cô bé đã cảm hoá được người anh:  *- Một thế giới mới mở ra đầy ánh sáng và tương lai, bị bao vây bởi không khí hồ hởi tưng bừng với bao thay đổi diễn ra nhưng bé không hề kiêu căng, lên mặt và tâm hồn em thật là thánh thiện*  *- Sau khi tham gia trại vẽ trở về, người chờ đợi đón nó là bố mẹ chứ không phải là tôi, thế mà "nó lao vào ôm cổ tôi"như một nhu cầu cần chia sẻ, ngay cả khi bị từ chối...*  *- Dành những gì đẹp nhất cho anh trai, tâm hồn bé thánh thiện đến nhường nào, sự trong trẻo hồn nhiên như tâm hồn trẻ thơ từ bao đời vẫn thế...*  3. Cô em gái vẽ bức tranh ng­ười anh "hoàn thiện":  - *Bức tranh là tình cảm tốt đẹp của em dành cho anh. Em muốn anh mình thật tốt đẹp.*  *- Cái gốc của nghệ thuật là ở tấm lòng-> Sứ mệnh của nghệ thuật là hoàn thiện con người.*  **- Học sinh hoàn thành phiếu bài tập**  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | ***2. Nhân vật em gái- cô bé Kiều Phương.***  - Tính tình: hồn nhiên, trong sáng, độ lượng, nhân hậu.  - Tài năng: Có năng khiếu hội hoạ., vẽ sự vật có hồn, vẽ những gì yêu quý nhất, vẽ đẹp những gì mình yêu mến nhất như con mèo, người anh.  - Bức tranh là tình cảm tốt đẹp của em dành cho anh. Em muốn anh mình thật tốt đẹp.  -> Tài năng, tấm lòng của Kiều Phương giúp người anh nhận ra hạn chế của mình. | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  *a. Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c. Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh    *d. Tổ chức thực hiện* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  ? Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  ? Em học tập đ­ược gì từ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả?  ? Em cảm nhận được những ý nghĩa nào từ truyện?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  -Học sinh trình bày cá nhân  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Kể chuyện ngôi thứ nhất tạo nên sự chân thật.  - Miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật và cách kể chuyện tự nhiên.  **2. Nội dung:**  - Tình cảm trong sáng hồn nhiên và lòng nhân hậu của người em gái đã giúp người anh nhận ra phần hạn chế ở chính mình. | | | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a. Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b. Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập, trò chơi ô chữ.  *c. Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh    *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV phát phiếu học tập cho học sinh**  Câu 1: Nhà văn Tạ Duy Anh sáng tác văn bản bào?  Câu 2: Trong truyện "Bức tranh em giá tôi” ai là nhân vật chính?  Câu 3: Truyện "Bức tranh em giá tôi” tác giả sử dụng phương thức biểu đạt gì trong truyện?  Câu 4: Vì sao khi xem trộm tranh của em, người anh lén trút tiếng thở dài?  Câu 5: Truyện "Bức tranh của em gái tôi"được kể bằng lời kể của ai?  Câu 6. Thái độ của người anh khi thoạt đầu thấy em gái thích vẽ và tự chế màu vẽ?  **\* GV cho học sinh chơi trò chơi: Ô chữ bí mật**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | | **IV. Luyện tập** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a. Mục tiêu:*  HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống  *b. Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...  *c. Sản phẩm:* Bài làm của học sinh  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ để dự án viết đoạn, vẽ tranh, làm thơ, hoạt cảnh....:**  ***- Viết một bức thư gửi cho bố/mẹ hoặc người thân trong gia đình về cảm giác khi bị/ được so sánh với người khác.***  ***-Chọn hình ảnh đẹp nhất của người anh hoặc Kiều Phương để vẽ tranh, làm thơ, đóng hoạt cảnh....***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trả lời câu hỏi  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**ĐIỀU KHÔNG TÍNH TRƯỚC**

**(***Nguyễn Nhật Ánh)*

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6A1

Thời gian thực hiện: 3 tiết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/47ca7ab5-f6d4-43ac-a6dd-24c48bd0647c.jpg |  | [Cánh Diều] Soạn văn 6 bài : Điều không tính trước |  |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức bước đầu biết về thể loại truyện ngắn; đọc- hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm. Ca ngợi sự điềm đạm, bình tĩnh, suy nghĩ thấu đáo cũng như sự đoàn kết trong tình bạn; phê phán sự bốc đồng, hiếu thắng, thấm thía nhất là sự đoàn kết trong tình bạn. Bởi vì đó là một tình cảm tốt đẹp cần được trân trọng.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.

- Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.

***2. Về năng lực:***

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố nghệ thuật,,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện ngắn

- Hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật thể hiện qua văn bản.

- Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền ngắn.

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* Biết tôn trọng, yêu thương mọi người xung quanh, nhận thức và xác định cách ứng xử, sống khiêm tốn, biết tôn trọng người khác.

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về truyền thuyết kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .  *b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Thử tài hiểu biết” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Những câu hỏi này nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS  *để* tạo không khí và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.    *c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Thử tài hiểu biết” : Ông là ai?**  Luật chơi:  Có ba gợi ý, trả lời ở gợi ý thứ nhất được10 điểm, gợi ý thứ 2: 9 điểm, gợi ý thứ 3: 8 điểm.  + Giáo viên gọi tinh thần xung phong để học sinh thể hiện sự tự tin của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lới câu hỏi, gợi ý nếu cần.  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học. | | | |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung**  *a) Mục tiêu:* Học sinh nắm được những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Nhật Ánh cũng như hoàn cảnh ra đời, thể loại, cách đọc, bố cục văn bản.  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *kiến thức ngữ văn* trong SGK.  Cho HS từ tiết trước chuẩn bị ở nhà:  **Nhóm 1: Hiểu biết chung về tác giả**  **Nhóm 2: Giới thiệu truyện ngắn, điều hành phần đọc, kể tóm tắt văn bản.**  **Nhóm 3: Tìm hiểu chung về tác phẩm**  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh        *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Nhóm 1: Hiểu biết chung về truyền thuyết**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc *kiến thức ngữ văn*, tìm tư liệu).  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + 1 nhóm trưởng điều hành chung.  + 1 thư kí ghi chép.  + Người thiết kế power point, người trình chiếu và cử báo cáo viên.  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về truyền thuyết  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV**: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Nhóm 1: Báo cáo hiểu biết về tác giả**  *\* Thời gian: 2 phút*  *\* Hình thức báo cáo: Thuyết trình*  *\* Phương tiện:* Bảng phụ Blog facbook  *\* Nội dung báo cáo:*  **Về tác giả Nguyễn Nhật Ánh**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **-Tên:** **Nguyễn Nhật Ánh**  -**Sinh năm:** ngày 7 tháng 5 năm 1955  **-Quê:** làng Đo Đo, xã Bình Quế, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.  **-Bút danh**:*Chu Đinh Ngạn, Đông Phương Sóc, Lê Duy Cật, ...*  **Vị trí:** Là nhà văn hiện đại, là cây bút trẻ của thời kì đổi mới.  **-Đề tài:** Ông rất thành công trong việc tái hiện và đưa người đọc trở về những năm tháng tuổi thơ dữ dội cùng với bè bạn, cùng với những thứ cảm xúc mơ hồ tuổi mới lớn mà bất cứ ai cũng đã từng trải qua.  **- Tác phẩm: Khối lượng tác phẩm đồ sộ:** Tôi thấy hoa vàng trên cỏ xanh, Mắt biếc, Cho tôi xin một vé về tuổi thơ, [Cô gái đến từ hôm qua](https://zicxabooks.com/vi/tri-thuc/truyen-teen-tuoi-hoc-tro/co-gai-den-tu-hom-qua.html)….là một trong những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh  **Giải thưởng:** Ông nhận được rất nhiều giải thưởng: Giải thưởng văn học trẻ hạng A, Được trao tặng huy chương Vì thế hệ trẻ, Nhận giải văn học Asean. | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS:**  **Nhóm 2**: Cách đọc và kể, tóm tắt văn bản.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm.  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: Nhữnghiểu biết về cách đọc, sự việc chính, kể chuyện.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV**: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | **2. Tác phẩm.**  **\*** Đọc và tóm tắt | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi và hoạt động dự án.**  **\* Nhóm 3: Tìm hiểu chung về văn bản**  *(Gợi ý: thể loại, PTBĐ chính, ngôi kể, nhân vật, bố cục…)*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc chú thích, tìm tư liệu).  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + Xây dựng nội dung: Nhữnghiểu biết chung về tác giả, tác phẩm.  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Nhóm 3 báo cáo tìm hiểu chung về văn bản**  *\* Thời gian: 5 phút*  *\* Hình thức báo cáo: Trò chơi (ai hiểu biết hơn, ai là triệu phú...: đưa câu hỏi phát vấn các bạn phía dưới)*  *\* Phương tiện: Trình chiếu*  *\* Nội dung báo cáo:*  **Về văn bản *“Điều không thể tính”***  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | \* Văn bản:  **- Xuất xứ:** 1988, in trong tập *Út Quyên và tôi.*  **- Thể loại:** Truyện ngắn  **- PTBĐ:** Tự sự+ miêu tả, biểu cảm  **- Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất.  **Nhân vật**: tôi, Nghị, Phước  **- Bố cục**: 2 phần  ***+ Phần 1:*** (Từ đầu đến *lăn đùng ra đất*): Nguyên nhân và sự chuẩn bị cho trận đánh nhau.  ***+ Phần 2:*** " Còn lại": Điều không lường trước khi giải quyết mâu thuẫn. | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  *a. Mục tiêu:*  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  *b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.    *c. Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm    *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi và phiếu bài tập**  1. Tìm những chi tiết kể lại sự việc dẫn đến nguyên nhân trận đánh?  2. Thảo luận:  - Có nhận xét gì về các chi tiết dẫn đến trận đánh  - Điêu đó phần nào cho em thấy được tính cách gì của 2 nhân vật?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời câu hỏi hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi để hoàn thành phiếu bài tập.**    - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  - ***GV mở rộng:*** *Cả 2 đều chưa tìm thấy điểm chung rằng đây chỉ là trận bóng giao hữu để nâng cao tinh thần đoàn kết nên bên nào thắng thua không quan trọng bằng sự vui vẻ hòa thuận trong tình bạn.*  *- Trong cuộc sống nhiều khi chúng ta cứ mải đi tìm Đúng – Sai để rồi lỡ mất đi những phút giây vui vẻ hạnh phúc bên nhau.* | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Nguyên nhân và sự chuẩn bị cho trận đánh:**  **a. Nguyên nhân**   |  |  | | --- | --- | | **Tôi** | **Nghi** | | - Pha bóng việt vị  - Ức chế vì không được công nhận bàn thắng | - Nhất định không công nhận bàn thắng  - Lúc về còn nhe răng trêu, cười hô hố | | 🡪 Không ai chịu ai, hai bên đều gom mũ áo, giày dép hậm hực ra về | |   **Vậy nguyện nhân**:  - Nhân vật Tôi là người hiếu thắng dễ xúc động  - Nhân vật Nghi tôn trọng và thực hiện đúng luật chơi  🡪 Cả 2 đều chưa tìm thấy điểm chung rằng đây chỉ là trận bóng giao hữu để nâng cao tinh thần đoàn kết nên bên nào thắng thua không quan trọng bằng sự vui vẻ hòa thuận trong tình bạn. | | | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua kĩ thuật phòng tranh để học sinh thảo luận trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu bài tập với 6 nhóm theo nôi dung 2 câu hỏi:**  **1.** Nhân vật Tôi đã lên kế hoạch cho sự chuẩn bị trận đánh như thế nào ?  **2.** em có nhận xét gì về việc chuẩn bị của nhân vật Tôi và Nghi**?**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh hoàn thành phiếu bài tập**  **- Các nhóm lần lượt dán sản phẩm thảo luận của nhóm mình lên bảng và theo dõi nhận xét chéo giữa các nhóm**    - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **b, Sự chuẩn bị cho trận đánh:**  \* **Nhân vật Tôi:**  **-** Chuẩn bị kỹ càng:  + Tìm “” vũ khí”  + Rủ Phước cùng tham gia  + Lê kế hoạch đầy đủ  🡪 Nhân vật Tôi là người hiếu thắng, coi trọng phần thắng  \* **Nhân vật Nghi:**  - Không có một sự chuẩn bị nào  + Mang cuốn sách “luật bóng đá” và 3 vé xem phim cho nhân vật Tôi  + Không hề có đồng đội  + Không có một kế hoạch gì cả  🡪 Nhân vật Nghi là người coi trọng tình bạn hơn việc đúng- sai, thắng - thua | | | |
| **Nội dung 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua kĩ thuật mảnh ghép để học sinh thảo luận trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu bài tập.**  **1.** Điều gì khiến người đọc hồi hộp?  **2.** « Điều không tính trước » trong câu chuyện là điều gì ?  **3**. Em thấy nhân vật Tôi và Nghi là người thế nào ?  **4**. Theo em, qua câu chuyện, tác giả muốn ca ngợi hay phê phán điều gì? Điều gì đối với em là thấm thía và sâu sắc nhất? Vì sao?  ***\* Vòng chuyên sâu (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm hoặc 8 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3, 4… (nếu 4 nhóm) hoặc 1,2,3,4,5,6,7,8 (nếu 8 nhóm)...  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  **Nhóm I**: Tìm những chi tiết miêu tả điều gì khiến người đọc hồi hộp?  **Nhóm II**: Tìm những chi tiết miêu tả « Điều không tính trước » trong câu chuyện  **Nhóm III**: Tìm những chi tiết khắc họa đặc điểm nhân vật Tôi và Nghi  **Nhóm IV**: Theo em, qua câu chuyện, tác giả muốn ca ngợi hay phê phán điều gì? Điều gì đối với em là thấm thía và sâu sắc nhất? Vì sao?  ***\* Vòng mảnh ghép (10 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III mới, số 4 tạo thành nhóm IV & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Em có nhận xét gì về điều không lường trước khi giải quyết mâu thuẫn ?  3. ***Vì sao em lại thấm thía với bài học?***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **- Học sinh**:  + Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  +Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **Giáo viên:** hướng dẫn học sinh thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (10 phút)***  **- Học sinh**:  + 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  + 7 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **- Giáo viên:** theo dõi, hỗ trợ cho học sinh (nếu học sinh gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Giáo viên**:  + Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  + Hướng dẫn học sinh trình bày (nếu cần).  **- Học sinh**:  + Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  + Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Điều không lường trước khi giải quyết mâu thuẫn.**    **-** Hồi hộp vì sợ rằng Phước sẽ không nhận Nghị ra hiệu dừng lại mà tiếp tục như kế hoạch  🡪 Nghị là cậu bé tốt, cậu ấy suy nghĩ thấu đáo và đối xử rất tốt với bạn bè  🡪 Nhân vật Tôi là cậu bé dễ xúc động, nông nổi nhưng cũng rất tốt  - Trước một sự việc, chúng ta cần bình tĩnh để đánh giá mọi việc không nên lấy bạo lực để giải quyết mọi chuyện.  🡪Nêu cao tinh thần đoàn kết, yêu thương, giải quyết vấn đề một cách nhẹ nhàng  *“Một cây làm chẳng nên non,*  *Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”* | | | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  *a. Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c. Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh    *d. Tổ chức thực hiện* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  ? Nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?  ? Em học tập đ­ược gì từ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả?  ? Em cảm nhận được những ý nghĩa nào từ truyện?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  -Học sinh trình bày cá nhân  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Kể chuyện theo ngôi kể thứ nhất.  - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại nội tâm vô cùng chân thực  - Quan sát tinh tế, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu.  **2. Nội dung:**  -Văn bản kể về việc giải quyết một mâu thuẫn trong trận bóng giữa nhân vật tôi và Nghi.  -Mỗi người lại có những suy nghĩ và cách giải quyết khác nhau trước một vấn đề. Tuy nhiên, nếu như đoàn kết, giải quyết theo hướng tích cực thì mọi việc sẽ nhẹ nhàng hơn. | |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a. Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b. Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập thông qua trò chơi.    *c. Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\* GV cho học sinh chơi trò chơi: đóng vai**  **LUẬT CHƠI**: sắm vai ở tình huống  *Em thích nhân vật nào nhất? Điểm mạnh, điểm yếu của nhân vật?...*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ thông qua nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân, của nhóm.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | **IV. Luyện tập** | | |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a. Mục tiêu:*  HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống  *b. Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...    *c. Sản phẩm:* Bài làm của học sinh  *d. Tổ chức thực hiện:* | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ để dự án viết đoạn, vẽ tranh, làm thơ, hoạt cảnh....:**  *Hình ảnh nhân vật “tôi” đã bao giờ bạn bắt gặp trong cuộc sống chưa? Kể lại một lần nóng giận của em với bạn bè và cách em giải tỏa sự nóng giận của mình với bạn bè? Em hãy hoàn thành dự án sau:*   * *Nhóm 1: Viết đoạn văn kể lại một lần nóng giận của em.* * *Nhóm 2: Vẽ tranh minh họa đoạn truyện hoặc nhân vật mình thích.* * *Nhóm 3: Viết kịch bản, dựng hoạt cảnh*   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trả lời câu hỏi  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét câu trả lời  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | |  | | |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TRẠNG NGỮ**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6A1

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

+ Tri thức được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ, vận dụng được những hiểu biết vể trạng ngữ vào đọc, viết, nói và nghe.

***2. Về năng lực:***

- Xác định được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ.

-Vận dụng được những hiểu biết vể trạng ngữ vào đọc, viết, nói và nghe.

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng trạng ngữ.

***3. Về phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a. Mục tiêu:* Giúp học sinh huy động những hiểu biết về trạng ngữ, kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu.  *b. Nội dung:* Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi “Ai hiểu biết” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Câu hỏi này nhằm tạo không khí và dẫn dắt hs vào bài học.    *c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh*  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Ai hiểu biết”**  ***Luật chơi:***  -Nhóm (hai bạn) hãy thảo luận cặp đôi, một bạn hỏi, một bạn trả lời câu hỏi: Xác định cấu trúc ngữ pháp 2 câu sau:  a, Lớp 6A1 học bài hai giờ.  b, Hai giờ, lớp 6A1 học bài.  *-Thời gian chuẩn bị: 1 phút.*  *-Thời gian trình bày: 1 phút.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh chơi trò chơi “Ai hiểu biết”.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học: |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  *a. Mục tiêu:*  - Trình bày được thế nào là trạng ngữ.  *-* Sử dụng trạng ngữ trong khi nói và viết bài văn tả sinh hoạt, trong giao tiếp tiếng Việt.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh vận dụng kiến thức để thực hiện nhiệm vụ học tập bằng sơ đồ tư duy.  *c. Sản phẩm:* Sơ đồ tư duy của học sinh.    *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ: Trình bày sản phẩm tự học ở nhà.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần kiến thức ngữ văn nhận biết trạng ngữ.  - Trình bày bản đồ tư duy (đã chuẩn bị ở nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Kiến thức cơ bản**  - Trạng ngữ là thành phần phụ trong câu chỉ bối cảnh (thời gian, vị trí, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, tính chất,..) của sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ có thể được biểu hiện bằng từ, cụm từ và thường trả lời cho các câu hỏi: *Khi nào?, ở đâu?, Vì sao?, Để làm gì?, Bằng gì?, Như thế nào?,*  - Trạng ngữ không phải là thành phân bắt buộc trong câu. Nhưng trong giao tiếp, ở những câu cụ thể, việc lược bỏ trạng ngữ sẽ làm cho câu thiếu thông tin, thậm chí thiếu thông tin chính hoặc không liên kết được với các câu khác. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a. Mục tiêu:*  - HS thực hành làm bài tập để hiểu kiến thức về trạng ngữ.  *b. Nội dung:* Học sinh làm tập SGK/75.  *c. Sản phẩm:* Phần bài tập hs đã làm*.*  *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Nhiệm vụ 1: HS làm bài tập 1.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV phát phiếu bài tập, yc hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo.**  **Bài 1:** Trong những câu dưới đây, cụm từ ***ngày hôm nay*** ở câu nào là trạng ngữ? Vì sao?  ***a. Ngày hôm nay*** *là ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.* (Hồ Chí Minh)  ***b.Ngày hôm nay,*** *nhân buổi tựu trường của các em, tôi chỉ biết chúc các em một năm đầy vui vẻ và đầy kết quà tốt đẹp.* (Hồ Chí Minh)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs hoạt động cá nhân làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó đổi bài và chấm chéo  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc cá nhân.  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: HS làm bài tập 2.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV phát phiếu bài tập, yc hs hoạt động nhóm đôi, làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó trình bày.**  2. Tìm 3 trạng ngữ chỉ thời gian trong truyện *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh). Nêu tác dụng liên kết câu của một trong các trạng ngữ đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs hoạt động nhóm đôi làm bài tập vào phiếu bài tập trong 2 phút, sau đó trình bày.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 3: HS làm bài tập 3.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV treo bảng trống lên bảng, yc hs chia 2 đội, chơi trò chơi “Ai hiểu biết hơn”, làm bài tập trong 2 phút, sau đó trình bày.**  **3. Thử lược bỏ các trạng ngữ (in đậm) trong những câu dưới đây và cho biết nghĩa cùa câu bị ảnh hường như thế nào. Từ đó, hãy rút ra nhận xét về vai trò của trạng ngữ đối với nghĩa của câu.**  ***a. Mùa đông, giữa ngày mùa,*** *làng quê toàn màu vàng* (Tô Hoài)  *b. Đó, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem bức tranh của Kiều Phương đã được đóng khung lồng kính.* ***Trong tranh, một*** *chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh.* (Tạ Duy Anh)  *c.Con đường trải nhựa kẻ thẳng băng sóng soài không bóng cây.* ***Đã bao nhiêu năm tháng, mỗi ngày hai buổi*** *má đạp xe đi về trên con đường ấy.* (Phong Thu)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs chia 3 đội, chơi trò chơi *“Ai nhanh hơn”*, làm bài tập trong 2 phút  Thể lệ: Gv để bảng trống, đội 1, 2 lên bảng tìm phiếu in sẵn từ ghép và dán vào bảng trống, đội 3 trọng tài, chấm điểm cho 2 đội.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Câu a | Câu b | Câu c | | Trạng ngữ |  |  |  | | Tác dụng |  |  |  | | Kết luận |  | | |   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 4: HS làm bài tập 4.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Gv yc hs hoạt động cá nhân trong 2 phút và trả lời câu hỏi sau:**  **4. So sánh vị trí của trạng ngữ trong những cặp câu dưới đây và cho biết vì sao tác già lựa chọn cách diên đạt ờ câu a1 và câu b1.**  a1. *Nghe chuyện, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng* ***để biết chính xác hơn nữa,*** *vua cho thử lại. (Em bé thông minh)*  a2) *Nghe chuyện, vua lấy làm mừng lắm. Nhưng vua cho thử lại* ***để biết chính xác hơn nữn.***  b1) *Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh.* ***Trước đền,*** *những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang múa quạt xoè hoa.* (Theo Đoàn Minh Tuấn)  b2) *Đền Thượng nằm chót vót trên đình núi Nghĩa Lĩnh. Những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sac bay dập dờn như đang múa quạt xoè hoa* ***trước đền.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**   * **HS** đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.   + Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  **- GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả.  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Luyện tập**  ***1. Bài tập 1***  - Cụm từ ngày hôm nay ở câu a là chủ ngữ.   * Cụm từ ngày hôm nay ở câu b là trạng ngữ vì cụm từ này ngăn cách bằng dấu phẩy với các thành phần khác của câu.   ***2. Bài tập 2***  - Ba trạng ngữ chỉ thời gian trong truyện bức tranh của em gái tôi (Tạ Duy Anh): một hôm, kể từ hôm đó, trước khi đi thi  - Tác dụng của trạng ngữ: *"Kể từ hôm đó"* nhằm liên kết nội dung với đoạn văn trước đó.  ***3. Bài tập 3:***  - Các trạng ngữ trong câu khi bị lược bỏ sẽ khiến nội dung câu bị thiếu, không rõ ràng về thời gian, địa điểm, nơi chốn, mục đích, phương tiện, nguyên nhân,...  => Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, bổ sung cho nòng cốt câu, tức là bổ nghĩa cho cả cụm chủ vị trung tâm biểu thị các ý nghĩa tình huống: thời gian, địa điểm, nguyên nhân, mục đích, kết qủa, phương tiện,...  ***4. Bài tập 4:***  Tác giả sử dụng các diễn đạt ở a1 và b1 là do ở 2 câu này đã sử dụng trạng ngữ thay đặt đầu câu bổ sung ý nghĩa cho các thành phần còn lại của câu, tạo điểm nhấn khiến câu văn hay hơn. |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a. Mục tiêu:*  - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.  - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.  *b. Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài SGK/74 và bài tập mở rộng bằng cách tổ chức trò chơi    *c. Sản phẩm:* Phần trình bày của học sinh.    *d. Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Gv yc hs hoạt động nhóm tham gia trò chơi: “Ai nhanh ai giỏi”  Thể lệ: Gv chia lớp thành 4 nhóm, hs thảo luận nhóm theo 3 bước:  + Bước 1: Suy nghĩ độc lập: (1’).  + Bước 2: Chia sẻ với bạn bên cạnh: (1’).  + Bước 3: Thống nhất trong nhóm và cử đại diện trình bày trước lớp.  Câu hỏi: Tìm trạng ngữ cho câu sau:  ***Họa mi cất tiếng hót du dương.***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS làm việc cá nhân và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **- GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.   * Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. |  |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **\*GV giao bài tập viết đoạn**  **5. Chọn một trong hai đề sau:**  a. Viết đoạn văn kể lại một đoạn truyện đã học hoặc đã đọc, trong đó có sử dụng một số trạng ngữ chỉ thời gian có chức năng liên kết các câu trong đoạn  b. Viết đoạn văn trình văn suy nghĩ của em về một tác phẩm đã học đã đọc trong đó có sử dụng một số trạng ngữ chỉ vị trí để liên kết các câu trong đoạn  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS làm việc cá nhân  + Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả.  **- GV** hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả làm việc cá nhân.  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.  Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**CHÍCH BÔNG ƠI!**

*(CAO DUY SƠN)*

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6A1

Thời gian thực hiện: 1 tiết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Cao Duy Sơn - nhà văn chung thủy với đề tài miền núi - Hội Nhà Văn Việt Nam | Sách Ngôi Nhà Xưa Bên Suối - Tác Phẩm Được Nhận Giải Văn Học Asean 2009 | Minh Khai Book Store - Cua hang Sach truc tuyen, Bang Dia, CD Nhac, Van  Phong Pham | http://static.cand.com.vn/Uploaded_VNCA/maiphuong/21_nha122.jpg |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Tri thức bước đầu biết về thể loại truyện ngắn; đọc- hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tâm lý nhân vật trong tác phẩm. Sự chiến thắng của tình cảm trong sáng: biết nhận lỗi sai và luôn ân hận về những hành vi sai lầm của mình.

- Những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật và nghệ thuật kể chuyện.

- Cách thức thể hiện vấn đề giáo dục nhân cách của câu chuyện: không khô khan, giáo huấn mà tự nhiên, sâu sắc qua sự tự nhận thức của nhân vật chính.

***2. Về năng lực:***

- Xác định được ngôi kể trong văn bản.

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, yếu tố nghệ thuật,,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ người kể,...) của truyện ngắn

- Hiểu hiểu nội dung văn bản truyện hiện đại có yếu tố tự sự kết hợp với miêu tả tâm lý nhân vật thể hiện qua văn bản.

- Phân tích được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền ngắn.

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* HS biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông với những sự vật xung quanh, có suy nghĩ và việc làm nhân hậu, bao dung, biết nhận lỗi sai và luôn ân hận về những hành vi sai lầm của mình.

- *Chăm học, chăm làm:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Hành động có trách nhiệm với chính mình, giúp đỡ mọi người, mọi vật xung quanh bằng những hành động cụ thể.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Khởi động**  *a) Mục tiêu:* Tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản.  *b) Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh* tiếp cận văn bản “ Chích bông ơi!”*bằng cách chơi trò chơi “Ai hiểu biết”* để từ đó khơi gợi tình yêu thiên nhiên và trách nhiệm bảo vệ thiên nhiên.  *c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:* Thiên nhiên với các loài sinh vật rất đẹp, con người cần phải yêu thương muôn loài.  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV yêu cầu HS quan sát tranh trên máy chiếu chơi trò chơi: “Ai hiểu biết”**    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, quan sát, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV** nhận xét và giới thiệu bài học: Các em đã được tìm hiểu 2 văn bản truyện ngắn. Hôm nay, các em sẽ áp dụng những kiến thức về thể loại đã được học vào thực hành 1 văn bản cụ thể. | |  | | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung**  *a)Mục tiêu:* Học sinh nắm được những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm: thể loại, đọc, tóm tắt tác phẩm.  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần chú thích trong SGK .    *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh      *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS:**  + Đọc văn bản và chú thích Sgk (chú ý các hộp gợi ý bên cạnh văn bản cần đọc thầm và tưởng tượng câu trả lời trong đầu)  VB đọc với giọng to, rõ ràng. Phân biệt lời của các nhân vật.  + HS hoàn thiện phiếu học tập  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  ? Văn bản của tác giả nào? Ông sinh năm bao nhiêu? Quê ở đâu?  ? Văn bản viết theo thể loại nào? Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?  ? Truyện được kể ở ngôi thứ mấy?  ? Trong văn bản có mấy câu chuyện? Đó là chuyện nào?  ? Tìm những sự việc xảy ra trong truyện? Từ đó chia bố cục của văn bản này?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - 1 HS đọc bài trước lớp, các HS khác theo dõi và đọc thầm theo.  - HS làm việc theo cặp đôi hoàn thành câu trả lời cho các câu hỏi gv đưa ra theo phiếu học tập.  - HS báo cáo kết quả.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Đại diện nhóm trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv đánh giá quá trình đọc bài và theo dõi bài đọc của HS  Trong văn bản có một số từ khó, từ địa phương chúng ta cùng giải thích. (theo chú thích SGK)  - GV cho các nhóm nhận xét, đưa ra ý kiến. Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức phần làm phiếu học tập. | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên thật: Nguyễn Cao Sơn.  - Quê quán: Cao Bằng.  **2. Tác phẩm:**  **a.** **Thể loại**: Truyện ngắn.  **b.** **Phương thức biểu đạt**: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  **c. Ngôi kể:** Ngôi thứ 3  **d**. **Bố cục**: 3 phần.  + Phần 1 (Từ đầu đến *Dế Vân bối rối*): Sự việc gặp chú chim nhỏ.  + Phần 2 (Tiếp đến *run rẩy trong lòng*): Dế Vân hồi tưởng lại chuyện trong quá khứ.  + Phần 3 (Còn lại): Dế Vần và Ò Khìn cứu và thả chú chim lên trời. | | | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  *a) Mục tiêu:*  + Gv hướng dẫn Hs đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.        *c, Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi**  Đọc thầm đoạn 1 và hoàn thành phiếu học tập số 2:   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | **(A)? Truyện viết về ai?**  **Về việc gì?**  **a. Chim chích bông**  1. Tìm những chi tiết miêu tả chú chim chích bông?  ? Em có nhận xét gì về hình ảnh chim chích bông?  2. Chú chim chích bông đang ở trong hoàn cảnh nào?  ? Nhận xét về hoàn cảnh của chim chích bông  3. Hình ảnh chú chim chích bông gợi cho em điều gi? | 1. Hình ảnh chim chích bông:...............  - Hình dáng:  - lông cánh:  - mỏ, ngực:  - đôi chân:  - tiếng kêu  => Nhận xét:  2. Hoàn cảnh của chim chích bông:..................  => Nhận xét:  3. Biểu tượng của chim chích bông:........... | | **b. Nhân vật Ò Khìn**  1. Tìm những chi tiết giới thiệu về nhân vật Ò Khìn?  ? Nhận xét về cậu bé Ò Khìn? | 1. Nhân vật Ò Khìn:...........  - Giới tính:  - Độ tuổi:  - Hành động:  - Mong muốn:  => Nhận xét:......... | | **c. Nhân vật Dế Vần**  **1.** Giới thiệu về nhân vật Dế Vần?  ? Theo em Dế Vần là người như thế nào? | 1. Nhân vật Dế Vần:  - Quan hệ như thế nào với Ò Khìn:....  - Hành động:..........  - Giọng điệu:................  - Cảm xúc:..................  => Nhận xét: ....... |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo cặp đôi, suy nghĩ, trả lời.  Chia lớp thành 3 nhóm lớn: Nhóm 1 làm phần a.  Nhóm 2 làm phần b.  Nhóm 3 làm phần c.  Các nhóm đều làm câu hỏi A và phần của mình.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Học sinh trình bày kết quả của nhóm. Các nhóm khác theo dõi và nhận xét.**  **Dự kiến đáp án: Theo văn bản SGK**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.  - ***GV mở rộng:***  Cách vào truyện vô cùng tự nhiên và hấp dẫn. Kích thích sự tò mò và hứng thú ở người đọc về kết quả bắt chú chim chích bông của Ò Khìn và lí do Dế Vần bối rối khi nhớ về quá khứ của mình. | | | | | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Khi phát hiện chim chích bông**  - Chim chích bông là chú chim rất đẹp, còn non nớt, hồn nhiên, mỏng manh, yếu đuối.   → Gợi liên tưởng đến con người khi còn nhỏ hoặc những người yếu đuối, bất hạnh → Mầm non, cần được nâng niu, châm sóc, che chở và giáo dục.  - Ò Khin là chú bé hồn nhiên, tinh nghịch, đáng yêu. Nó đang tìm hiểu và khám phá thế giới.  - Dế Vần là người cha yêu thương con và giàu cảm xúc. | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV yêu cầu hs đọc thầm đoạn 2 và hoàn thành phiếu học tập số 3:**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | 1. Kỉ niệm cũ của Dế Vần là kỉ niệm gì? Điều gì đã khiến Dế Vần nhớ lại kỉ niệm đó?  2. Trong quá khứ, khi bắt gặp chim chích bông, Dế Vần đã làm gì? Cảm xúc của Dế Vần lúc đó như thế nào?  3. Pa của Dế Vần đã làm gì khi con mình bắt chích bông và thái độ của ông như thế nào khi con mình quyết đem chích bông về nuôi mà không trả lại tổ?  4. Chích bông mẹ có hành động gì? Hành động đó của chích bông mẹ gợi cho em điều gì?  5. Dế Vần có thái độ, hành động và cảm xúc như thế nào khi thấy chích bông mẹ tìm con và chích bông đã chết?  6. Từ việc làm của Dế Vần, em có nhận xét gì về nhân vật này? Nhân vật đã được tác giả xây dựng tập trung ở tâm trạng. Diễn biến tâm trạng của Dế Vần như thế nào?  7. Kết thúc câu chuyện của Dế Vần trong quá khứ, em liên tưởng đến câu chuyện của nhân vật nào, trong tác phẩm nào mà em đã được học. Từ đó, em rút ra bài học gì cho mình? | 1. Kỉ niệm của Dế Vần:..........  Điều đã khiến Dế Vần nhớ lại kỉ niệm đó.............  2. Trong quá khứ, khi bắt gặp chích bông, Dế Vần đã:.  - hành động: ...........  - cảm xúc: ..........  3. Pa của Dế Vần đã:  - Hành động:  - Lời nói:  - Thái độ:  4. Chích bông mẹ:  - Hành động:  - Suy nghĩ của em về hành động đó:...........  5. Dế Vần khi thấy chích bông mẹ tìm con và chích bông con đã chết:  - Hành động:  - Thái độ:  - Cảm xúc:  6. Nhận xét nhân vật Dế Vần:  =>Diễn biến tâm trạng của Dế Vần  Khi bắt gặp chích bông:.....-> Khi bắt được chích bông:........ -> Khi thấy chích bông mẹ tìm con và chích bông con chết:......  7. Liên hệ, bài học:........ |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm, Mỗi nhóm từ 7 đến 10 hs thao luận theo kĩ thuật khăn trải bàn, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Các nhóm học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi, nhóm còn lại nhận xét**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời. Dự kiến câu trả lời theo văn bản SGK.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  ***GV bình:*** *Câu chuyện của Dế Vần, cha của Ờ Khia thật xúc động. Đó là bài học cho Dế Vần, cho Ờ Khia và tất cả mọi người. Hãy yêu thương, giúp đỡ động vật, cũng như yêu thương giúp đỡ con người. Phải suy nghĩ kĩ trước khi hành động để không phải hối hận.* | | | | | **2. Dế Vân hồi tưởng lại chuyện trong quá khứ.**  - Bắt gặp chích bông:  + Hồi hộp, nín thở, kiễng chân lên ngó.  + Không nén nổi sự vui sướng, thò tay nhấc sinh linh đỏ hỏn ra khỏi tổ.  - Chơi đùa với chích bông:  + Khoe với pa trong vui sướng.  + Không nghe lời ba nói, câm chim non chạy đi chơi.  - Khi chích bông mẹ tìm con và chích bông con chết:  + Lo lắng khi chim mẹ tìm con  + Rân rấn nước mắt, giọng nghẹn ngào, tay run run đua ra chú chích bông đã chết.  + Bật khóc nức nở, nước mắt chảy trên khuôn mặt đượm ân hận.  + Ám ảnh trước tiếng chim kêu, tiếng nức nở ngày nào như vẫn run rẩy trong lòng. | |
| **Nội dung 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV yêu cầu hs đọc thầm đoạn 3 và hoàn thành phiếu học tập số 4:**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | 1. Hai cha con Ò Khìa đã có quyết định và hành động như thế nào với chim chích bông?  2. Khi thực hiện hành động đó 2 cha con có cảm xúc như thế nào?  3. Thực chất trong văn bản *Chích bông ơi!* có mấy câu chuyện?  4. Chỉ ra điểm giống nhau giữa hai câu chuyện trong văn bản này:  a) Chuyện của người cha trong quá khứ  b) Chuyện hiện tại của hai cha con Ò Khìn  Từ đó em hiểu cách viết "truyện trong truyện" ở đây thế nào?  5. Vì sao ở đầu truyện, Ò Khìn muốn pa bắt con chích nông để chơi nhưng đến cuối truyện lại thả để chim bay vút lên trời với lời thì thầm: "bay đi, bay về với mẹ mày đi".  6. Theo em Dế Vần là người như thế nào? | - Hành động của Ò Khìn:  - Cảm xúc:  - Hành động của Dế Vân:  - Cảm xúc: |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm cặp, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  Dự kiến câu trả lời.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | 1. Hai cha con Ò Khìa đã có quyết định và hành động như thế nào với chim chích bông?  2. Khi thực hiện hành động đó 2 cha con có cảm xúc như thế nào?  3. Thực chất trong văn bản *Chích bông ơi!* có mấy câu chuyện?  4. Chỉ ra điểm giống nhau giữa hai câu chuyện trong văn bản này:  a) Chuyện của người cha trong quá khứ  b) Chuyện hiện tại của hai cha con Ò Khìn  Từ đó em hiểu cách viết "truyện trong truyện" ở đây thế nào?  5. Vì sao ở đầu truyện, Ò Khìn muốn pa bắt con chích nông để chơi nhưng đến cuối truyện lại thả để chim bay vút lên trời với lời thì thầm: "bay đi, bay về với mẹ mày đi".  6. Theo em Dế Vần là người như thế nào? | 1, 2. Theo văn bản SGK  3. Văn bản có 2 câu chuyện  4. Điểm giống nhau ở chỗ cả Ò Khìn và Dế Vằn đều là những cậu bé tinh nghịch, muốn giữ lấy chim chích bông nhỏ để nuôi.  Cách viết "truyện trong truyện" là  lồng ghép một câu chuyện độc lập (có liên quan hoặc không về mặt nội dung) vào một câu chuyện chính.  5. Vì Ò Khìn sau khi nghe được câu chuyện pa kể và hiểu được nỗi day dứt trong lòng pa, cậu bé hiền lành đã rút được bài học cho mình và  thả để chim bay vút lên trời với lời thì thầm: "bay đi, bay về với mẹ mày đi".  6. Dế Vần là một cậu bé hiền lành, biết nhận lỗi sai và luôn ân hận về những hành vi sai lầm của mình. |   **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **- Các nhóm học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi, nhóm còn lại nhận xét**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời. Dự kiến câu trả lời theo văn bản SGK.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  ***GV bình:*** | | | | | **3. Dế Vân và Ò Khìa cứu và thả chú chim về trời**  - Ò Khìn cùng pa đã cứu giúp chích bông và quyết định thả chim chích bông về với mẹ.  - Dế Vần đã thấy lòng mình nhẹ nhõm.  => Dế Vần là một cậu bé hiền lành, biết nhận lỗi sai và luôn ân hận về những hành vi sai lầm của mình. | |
| **Nhiệm vụ 4: Tổng kết**  *a) Mục tiêu:* Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh*  trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh    *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  ? Nét đặc sắc về nghệ thuật của văn bản?  ? Nội dung chủ yếu của truyện ngắn này là gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  HS trình bày cá nhân  - Nghệ thuật: Nhiều chi tiết, hình ảnh giàu ý nghĩa  - Nội dung: .....  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  **GV**:  https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/s%C6%A1%20%C4%91%E1%BB%93-1.png  ➜ Chích bông ơi là câu chuyện giàu ý nghĩa câu: Giáo dục con người về lòng nhân hậu, yêu thương động vật. Đồng thời nhắn nhủ mọi người phải suy nghĩ kĩ trước khi hành động để không hối hận. | | | | | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Nghệ thuật "truyện lồng trong truyện" độc đáo, sinh động.  **2. Nội dung**  “Chích bông ơi!” là câu chuyện nhắc nhở con người về lòng nhân hậu. Hãy đặt mình vào vị trí của người khác, suy nghĩ thấu đáo trước khi hành động để không phải ân hận sau này. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời học sinh    *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV phát phiếu học tập cho học sinh câu hỏi thảo luận nhóm bàn.**  ? Em hãy thử thay đổi kết thúc câu chuyện theo một hương khác.  ? Truyện muốn nhắn gửi người đọc điều gì? Đối với em điều gì gây ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lới câu hỏi, gợi ý nếu cần.  - Học sinh làm việc cá nhân, nhóm bàn, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh trả lời câu hỏi  - HS phát biểu tuỳ theo ý kiến của từng cá nhân, tổng hợp ý kiến nhóm.  Câu chuyện muốn nhắn gửi ta rằng cần lòng nhân hậu, luôn giúp đỡ người khác, bảo vệ động vật và không nên chọc phá tổ chim, bắt chim non, suy nghĩ cẩn thận trước khi làm một điều gì đó.  Điều gây ấn tượng sâu sắc với em là cách lồng ghép hai câu chuyện một cách khéo léo tài tình, người đọc chúng ta vừa đọc hiểu câu chuyện vừa có thể rút ra bài học đúng đắn cho mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Yc hs nhận xét câu trả lời. | | | | **IV. Luyện tập** | | |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:*  HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống  *b) Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: vẽ tranh, sưu tầm ảnh về sự yêu thương, giúp đỡ trong cuộc sống, kể lại 1 kỉ niệm khiến em hối hận.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập thảo luận nhóm theo tổ để dự án kể chuyện, vẽ tranh, sưu tầm ảnh....:**  ? Em có thể chia sẻ với cô và các bạn về 1 kỉ niệm khiến em hối hận không? hoặc các em có thể vẽ tranh, làm thơ về chủ đề yêu thương, giúp đỡ mọi người.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  Học sinh làm việc nhóm, cử đại diện trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | |  | | |

\*\*\* \*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT**

Thời gian thực hiện: 3 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Về kiến thức****:*

- Nắm được đặc điểm, hình thức, bố cục bài văn tả cảnh sinh hoạt.

- Biết quan sát, tưởng tượng, so sánh, nhận xét khi miêu tả hoạt động của một người hoặc nhiều người trong quá trình lao động và học tập hoặc tham gia các hoạt động khác.

- Trình bày những điều đã quan sát về cảnh sinh hoạt theo một trình tự hợp lí

- Rèn kĩ năng tìm ý, lập dàn ý, viết bài văn cho bài văn tả cảnh sinh hoạt đan xen các yếu tố tự sự, biểu cảm.

***2. Về năng lực****:*

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tạo lập văn bản: Biết dùng lời văn của bản thân kết hợp sử dụng các biện pháp tu từ để tả cảnh sinh hoạt.

- Biết thu thập thông tin liên quan đến đề tài: Biết quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét khi miêu tả cảnh sinh hoạt có đan xen các yếu tố tự sự, biểu cảm.

- Tập trung trọng tâm vào việc miêu tả hoạt động.

***3. Về phẩm chất****:*

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.

-*Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

+ Phiếu học tập số 1:

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Em hãy nhắc lại khái niệm thế nào là văn miêu tả? Em đã được học những dạng bài văn miêu tả nào?

...……………………………………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………………………...…………………………………………………………………………………………………………………..

- Theo em khi làm bài văn miêu tả cần đảm bảo những yêu cầu nào về nội dung và hình thức?

………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….……………………

+ Phiếu học tập số 2:

**PHIẾU VĂN BẢN KEO VẬT**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Đọc văn bản “Keo vật” sách giáo khoa trang 80, 81 và thực hiện các nội dung phía dưới:

|  |  |
| --- | --- |
| Đối tượng tả của văn bản là ai? | ……………………………………………………….  ……………………………………………………….. |
| Đối tượng đó được tả trong hoạt động nào? (Hoặc đối tượng đó được tả về chân dung, hoạt động hay tâm trạng). Tìm các chi tiết, hình ảnh tả đặc điểm ấy của nhân vật? Qua đó, nhận xét chung về nhân vật ấy? | ………………………………………………………..  …………………………………………………………  ………………………………………………………… |
| Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ để tả nhân vật của tác giả? Từ đó nhận xét được tả hoạt động có gì khác với tả chân dung hay tả cảnh? | ………………………………………………………..  ……………………………………………………….. |
| Trình tự miêu tả của văn bản? | ……………………………………………………….  ……………………………………………………….  …………………………………………………………. |
| Tả cảnh sinh hoạt là gì? Những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả cảnh sinh hoạt (cách dùng từ ngữ, hình ảnh, trình tự…)? | ……………………………………………………….  ………………………………………………………. |
|  |  |

\\\

**+ Phiếu số 3**

**PHIẾU TÌM HIỂU TRẬN BÓNG ĐÁ**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: HS tìm hiểu yêu cầu: Tả lại một trận bóng đá mà em đã chứng kiến

|  |  |
| --- | --- |
| Em có những hiểu biết gì về bóng đá? | ………………………………………………………. |
| Nếu miêu tả lại trận bóng đá thì em chú ý những hoạt động nào? Để tả những hoạt động trong một trân bóng đá em sẽ dùng những từ loại nào là chủ yếu? Có cần dùng các hình ảnh so sánh không? | ………………………………………………………. |
| Nếu tả lại một trận bóng đá thì em sẽ tả theo trình tự như thế nào? | ……………………………………………………….  ………………………………………………………. |
| Cảm xúc của em về trận bóng đá ấy ra sao? | ……………………………………………………….. |
|  | ……………………………………………………….  ………………………………………………………. |

\\\

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:*  - Biết được kiểu bài: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.  - Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học về văn miêu tả để làm bài văn tả cảnh sinh hoạt  *b) Nội dung:* **-** GV phát phiếu học tập số 1, HS trả lời vào phiếu học tập.  *c) Sản phẩm: Phiếu học tập của học sinh*  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua phiếu bài tập số 1**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **HS:** Làm vào phiếu học tập số 1.  **GV**: hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV chỉ định 1 - 2 học sinh trình bày nội dung trong phiếu học tập của mình.  - HS trình bày.  - Các bạn còn lại nhận xét về nội dung báo cáo của bạn đã trình bày.  - GV thu lại toàn bộ phiếu học tập (đọc, đánh giá vào phiếu cho học sinh sau).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, sự nhận xét, bổ sung từ các bạn khác.  - Kết nối với dạng bài Tả cảnh sinh hoạt để giới thiệu dẫn dắt vào bài mới. | - Khái niệm: **V**ăn miêu tả là loại văn nhằm giúp người đọc, người nghe hình dung những đặc điểm, tính chất nổi bật của sự vật, sự việc, con người, phong cảnh,… làm cho những cái đó như hiện lên trước mắt người đọc, người nghe.  - Các dạng văn miêu tả đã học ở Tiểu học: tả đồ vật, tả cây cối, tả loài vật, tả cảnh, tả người.  - Khi làm bài văn miêu tả cần chú ý:  + Xác định đúng đối tượng  + Quan sát lựa chọn chi tiết, hình ảnh tiêu biểu.  + Sắp xếp theo trình tự nhất định.  + Bố cục gồm 3 phần: Mở bài- thân bài- kết bài. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Định hướng**  *a) Mục tiêu:*  **HS biết được kiểu bài tả cảnh sinh hoạt và các yêu cầu đối với kiểu bài văn tả cảnh sinh hoạt:**  - Biết được kiểu bài: Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt: miêu tả hoạt động của một hay nhiều người trong quá trình học tập, lao động...  - Học sinh biết quan sát, lựa chọn các chi tiết, biết tưởng tượng, so sánh, nhận xét khi làm bài văn tả cảnh sinh hoạt.  - Biết cách lựa chọn sử dụng từ ngữ và trình tự miêu tả khi tả cảnh sinh hoạt.  - Phân biệt được tả cảnh sinh hoạt với tả người (tả chân dung) và tả cảnh.  *b) Nội dung:* **-** GV phát phiếu học tập số 2, HS trả lời vào phiếu học tập.  *c) Sản phẩm:* *Phiếu học tập của học sinh*  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua phiếu bài tập số 2**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **HS:** Làm vào phiếu học tập số 2.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV chỉ định 1 - 2 học sinh trình bày nội dung trong phiếu học tập của mình.  - HS trình bày.  - Các bạn còn lại nhận xét về nội dung báo cáo của bạn đã trình bày và bổ sung nội dung còn thiếu (nếu có).  - GV thu lại toàn bộ phiếu học tập (đọc, đánh giá vào phiếu cho học sinh sau).  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục: Thực hành viết bài văn tả lại cảnh sinh hoạt | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **1. Ví dụ:** Văn bản “Keo vật” sách giáo khoa NV 6 trang 80, 81.  **2. Nhận xét:**  a. ***Đối tượng tả:*** Quắm đen và Ông Cản Ngũ trong keo vật ở Đền Đô  -> Hai đô vật tài, mạnh.  ***\* Những từ ngữ và hình ảnh thể hiện***  - Quắm Đen : Lăn xả, đánh ráo riết, thế đánh lắt léo, hóc hiểm, vờn tả, đánh hữu, dứ trên, đánh dưới, thoắt biến, thoắt hoá khôn lường, như con cắt luồn qua hai cánh tay… ôm lấy một bên chân, bốc lên…  - Ông Cản Ngũ : lờ ngờ, chậm chạp, lúng túng, hai tay dang rộng ra… xoay xoay chống đỡ, bước hụt, mất đà chúi xuống, đứng như cây trồng giữa xới, thò tay nhấc bổng như giơ con ếch có buộc sợi dây ngang bụng, thần lực ghê gớm...  ***\* Cách sử dụng từ ngữ :***  - Tập trung miêu tả hành động, trạng thái của các nhân vật nên sử dụng nhiều động từ, tính từ.  *-> So sánh với tả người (tả chân dung) và tả cảnh:*  - Tả hoạt động: Sử dụng nhiểu động từ, ít tính từ.  - Tả chân dung và tả cảnh: Sử dụng nhiều tình từ.  ***\* Trình tự miêu tả :***Miêu tả theo trình tự các diễn biến của keo vật :  - *Mở đầu*: Cảnh keo vật chuẩn bị bắt đầu.  - *Diễn biến của keo vật*: Đoạn này có thể chia làm 3 đoạn nhỏ:  + Những nhịp trống đầu tiên. Quắm Đen ráo riết tấn công. Ông Cản Ngũ lúng túng đón đỡ, bỗng bị mất đà do bước hụt.  + Tiếng trống dồn lên, gấp rút giục giã. Quắm Đen cố mãi cũng không bê nỗi cái chân của ông Cản Ngũ.  + Quắm Đen thất bại nhục nhã.  - *Kết thúc*: Mọi người kinh sợ trước thần lực ghê gớm của ông Cản Ngũ.  **3. Kết luận:**  - Tả cảnh sinh hoạt là miêu tả hoạt động của một hay nhiều người trong quá trình lao động, học tập hoặc tham gia các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao, du lịch, lễ hội…  *\* Những điểm cần lưu ý khi làm bài văn tả cảnh sinh hoạt:*  - Tả hoạt động phải tập trung miêu tả các hành động, trạng thái của nhân vật thể hiện bằng các động từ, tính từ.  - Tả hoạt động cần nêu được các diễn biến của một hoạt động.  - Cần phân biệt được tả cảnh sinh hoạt với tả người (tả chân dung) và tả cảnh. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2:Thực hành**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Tập trung vào các diễn biến của hoạt động.  - Biết lựa chọn một số từ ngữ, chi tiết, hình ảnh; bổ sung các yếu tố tự sự, biểu cảm, tìm ý, lập dàn ý.  *b) Nội dung:*  **-** GV sử dụng phiếu học tập số 3, yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ trong phiếu.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời độc lập vào phiếu được phát.  *c) Sản phẩm:*  - Câu trả lời của học sinh.  - Phiếu học tập đã làm của HS.    *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  1. Yêu cầu HS tìm hiểu tả lại trận bóng đá và thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập số 3.  2. Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý.  3. Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:  - Hướng dẫn tìm hiểu yêu cầu tả lại trận bóng đá để thực hiện các yêu cầu trong phiếu học tập, tìm ý và lập dàn ý.  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  - Sửa bài cho học sinh.  **Học sinh**:  - Hoàn thiện phiếu học tập số 3.  - Tìm ý theo hệ thống câu hỏi trong sách giáo khoa.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV**: Yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  - **HS**:  + Trình bày sản phẩm của mình.  + Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **II. THỰC HÀNH**  **1. Chuẩn bị**  Hoàn thiện phiếu học tập số 3  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  **a) Tìm ý**  Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  - Trận bóng đá mà em định tả lại là trận bóng nào? Diễn ra ở đâu? Vào lúc nào?  - Quang cảnh của sân bóng đá như thế nào ( thời tiết, cảnh vật, sân cỏ, người xem…)?  - Trận bóng diễn ra như thế nào? (Mở đầu thế nào? Hoạt động của các cầu thủ và trọng tài ra sao? Có cầu thủ nào nổi trội? Nổi trội như thế nào? Kết quả trận đấu như thế nào?...)  - Khán giả xem trận bóng ra sao?  **b) Lập dàn ý**  **-** Mở bài: Giới thiệu chung về trận bóng đá mà đã chứng kiến (Trận bóng ấy là của hai đội nào? Diễn ra ở đâu, khi nào?...)  - Thân bài: Miêu tả chi tiết, chú ý các hoạt động và diễn biến của trận đấu; có thể miêu tả theo trật tự sau:  + Quang cảnh trận đấu.  + Diễn biến trận đấu: Miêu tả chi tiết hoạt động của các cầu thủ ở các vị trí khác nhau (hậu vệ, tiền vệ, trung phong, thủ môn,…) chú ý các hoạt động và các cầu thủ nổi bật; hoạt động của trọng tài và thái độ, tình cảm của người xem…  + Kết quả trận đấu.  - Kết bài: Cảm xúc và suy nghĩ của em về trận bóng đá đã xem.  **3. Viết bài**  - Viết bài dựa vào dàn ý đã lập  **4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**  - Kiểm tra phát hiện lỗi của dàn ý bài viết; trao đổi nhận xét, sửa chữa  - Đọc và phát hiện các lỗi và sửa lại bài viết theo. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3:Trả bài**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  *b) Nội dung:*  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  *c) Sản phẩm:* Bài của học sinh đã chữa  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. | **III. TRẢ BÀI** |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập: Hãy viết bài văn tả cảnh sinh hoạt của gia đình em vào một ngày cuối tuần hoặc một ngày lễ, tết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Dựa vào các bước trong cách làm Viết bài văn tả lại một trận bóng đá để thực hiện đối với bài văn tả lại cảnh sinh hoạt của gia đình em.  - Chú ý chuỗi sự kiện (mở đầu, phát triển, kết thúc), tìm các ý, lập dàn ý cho bài văn.  **HS**: Tìm các chi tiết chỉ hoạt động, hành động, trạng thái của các thành viên trong gia đình, lập ý, lập dàn ý và viết bài văn tả lại cảnh sinh hoạt của gia đình em.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét. |  |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Phát triển năng lực tả lại một cảnh sinh hoạt cụ thể mà em thích.  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Tả thầy (cô) giáo của em đang say sưa giảng bài.  - Nộp sản phẩm về qua zalo của cô giáo.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV qua zalo của cô giáo.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. |  |

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- HS phân biệt được văn viết với văn nói chú ý đến các yếu tố phi ngôn ngữ (phong cách, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt…).

- Biết lựa chọn vấn đề cần thảo luận.

- Tìm hiểu thu thập thông tin về vấn đề cần thảo luận.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài văn nghị luận

***2. Về năng lực:***

- Năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ: Khiêm tốn, lắng nghe tích cực trong giao tiếp. Diễn đạt ý tưởng một cách tự tin; thể hiện được biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Phát hiện, lựa chọn và thu thập thông tin trong thực tiễn.

- Năng lực sáng tạo: Phát hiện những khía cạnh, giá trị mới của vấn đề.

- Năng lực hợp tác: Tham gia hoạt động nhóm, điều chỉnh thái độ, cách ứng xử phù hợp.

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* Biết quan tâm, nhường nhịn, vị tha, biết chia sẻ.

- *Chăm chỉ:*  Luôn nỗ lực, sáng tạo những điều mới mang dấu ấn cá nhân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ** | **KẾT QUẢ** | |
| **ĐẠT** | **CHƯA ĐẠT** |
| ***NỘI DUNG***  ***THẢO LUẬN*** | Nêu lý do và lựa chọn được vấn đề thảo luận. Xác định rõ tác hại của chơi game, tách rõ các ý gồm: Hại với người nghiện game (về sức khỏe, về thời gian, về tiền bạc, về kết quả học tập); Hại với gia đình; Hại với xã hội. |  |  |
| Đảm bảo các yêu cầu của bài văn nghị luận: luận điểm, luận cứ, cách lập luận chính xác, đầy đủ, rõ ràng và có sức thuyết phục. |  |  |
| Bài có bố cục đầy đủ 3 phần: MB-TB-KB. |  |  |
| ***NGÔN NGỮ TÁC PHONG*** | Phong thái tự tin, nhiệt tình. |  |  |
| Diễn đạt lưu loát, lời nói có cảm xúc với nội dung được trình bày. Không mắc lỗi diễn đạt, ngắt nghỉ đúng, không mắc lỗi phát âm. |  |  |
| Điệu bộ, nét mặt, ánh mắt phù hợp với nội dung nói và tương tác tốt với người nghe. |  |  |
| Vốn ngôn ngữ phong phú, đa dạng các kiểu câu. |  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:* HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học  *b) Nội dung:* **-** GV yêu cầu HS quan sát video bài thuyết trình NLXH về vấn đề Sống ảo và giao nhiệm vụ cho HS.  *c) Sản phẩm:* HS xác định được nội dung của tiết học là thảo luận nhóm về một vấn đề trong học tập, sinh hoạt.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV nêu nhiệm vụ và giao nhiệm vụ cho HS:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát video, lắng nghe và suy nghĩ cá nhân  - GV nhắc nhở những HS chưa tập trung vào bài (nếu có), phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  *a) Mục tiêu:*  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  *b) Nội dung:*  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  *c) Sản phẩm:* Các câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  1. Mục đích nói của bài nói là gì? Đó là những vấn đề nào?  2. Những người nghe là ai?  3. Để tham gia thảo luận các em cần lưu ý những gì?  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói:  - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Định hướng**  - Trong cuộc sống học tập và sinh hoạt có những vấn đề các em cần phải thảo luận trong nhóm nhỏ để có giải pháp thống nhất.  + Một hiện tượng đời sống.  + Các nội dung học tập, các văn bản đọc hiểu.  + Hành động của một nhân vật trước nhiều nhận xét khác nhau.  \* Lưu ý:  - Xác định được vấn đề chưa thống nhất, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.  - Biết đặt và trả lời các câu hỏi trong quá trình thảo luận nhóm.  - Biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.  - Biết nêu ý kiến của mình và tôn trọng, lắng nghe người trao đổi trong nhóm.  **2. Thực hành**  Bài tập: Trao đổi về vấn đề *“Chơi game chỉ có tác hại. Đúng hay sai?”*  a. Chuẩn bị  - Lựa chọn vấn đề cần thảo luận.  - Tìm hiểu, thu thập thông tin về vấn đề cần thảo luận.  - Xem lại các yêu cầu nói và nghe trong thảo luận nhóm.  b. Tìm ý và lập dàn ý  - Xem lại dàn ý đã chuẩn bị, bổ sung và chỉnh sửa.  - Chú ý kiểm tra các luận điểm được đưa ra và chú ý các ý kiến khác nhau trong nội dung chính. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2:TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  *b) Nội dung:*  GV yêu cầu: HS nói theo dàn ý có sắn đã được chuẩn bị & nhận xét HĐ nói của bạn.  *c) Sản phẩm:*  - Sản phẩm nói của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã được gợi ý trong SGK  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | c, Nói và nghe  - Dựa vào dàn ý đã chuẩn bị, trình bày ý kiến thảo luận.  - Nêu các câu hỏi chất vấn những điều chưa rõ hoặc không tán thành ý kiến.  - Trả lời câu hỏi bạn nêu ra cho em.  - Tập trung theo dõi và tôn trọng khi bạn phát biểu. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3:TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.  - Chỉnh sửa bài nói cho mình và cho bạn.  *b) Nội dung:*  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  *c) Sản phẩm:* Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Giáo viên:**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá theo các tiêu chí đã nêu ra trong phiếu đánh giá  - GV đặt thêm câu hỏi:  *+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  *+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  **- Học sinh:** tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  **HS**: Ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **Bước 3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | d, Kiểm tra và chỉnh sửa  - Nhớ lại, rút kinh nghiệm về nội dung vấn đề thảo luận và cách phát biểu, thảo luận:  + Người nói xem xét lại nội dung thảo luận; rút kinh nghiệm cách phát biểu và các lỗi trong phát biểu, thảo luận.  + Người nghe: Xem xét yêu cầu nắm được thông tin; rút kinh nghiệm các lỗi về thái độ trong khi nghe và khi phát biểu, thảo luận. |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS: HS có thể lựa chọn một trong hai vấn đề sau:  Đề 1: Nên xưng hô với các bạn cùng lớp, cùng giới và khác giới như thế nào cho đúng?  Đề 2: Thảo luận về lòng nhân hậu vị tha qua truyện ngắn *Bức tranh của em gái tôi.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xác định được vấn đề cần đưa ra ý kiến và xác lập được luận điểm, luận cứ và cách lập luận cho bài viết của mình.  - GV hướng dẫn HS: đưa ra những luận điểm.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV nhận xét bài làm của HS. |  |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS  *b) Nội dung:* Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  *c) Sản phẩm:* Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  (GV giao bài tập)  Bài tập 1: Thu thập thêm những tư liệu về các vấn đề trong học tập, sinh hoạt mà các em cần phải thảo luận để có giải pháp thống nhất.  Bài tập 2: Em hãy lựa chọn một vấn đề trong bài tập 1 để viết bài trình bày ý kiến của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. |  |

**BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**(THUẬT LẠI SỰ VIỆC THEO NGUYÊN NHÂN – KẾT QUẢ)**

(12 tiết)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Đơn vị kiến thức | Số tiết  dự kiến | Giáo viên soạn |
| **1** | **Đọc hiểu văn bản** |  |  |
|  | ***Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng*** (theo Nguyệt Cát) + Tiếng Việt | 2 | **Cô Đinh Thị Thu Mây**  *Trường THCS Nam Từ Liêm*  *- Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.* |
|  | ***Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng*** (Theo thethaovanhoa.vn) | 2 | **Cô Lê Thị Phương Hồng**  *Trường THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm –*  *Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế* |
| **2** | **Thực hành Tiếng Việt** | 1 | **Cô Đinh Thị Thu Mây**  *Trường THCS Nam Từ Liêm*   * *Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.* |
| **3** | **Thực hành đọc hiểu** |  |  |
|  | ***Những phát minh “tình cờ” và “bất ngờ”*** (Theo khoahoc.tv) | 2 | **Cô Vũ Thị Tình**  *Trường THCS Hướng Sơn,*  *Hướng Hóa, Quảng Trị* |
| **4** | **Viết** |  |  |
|  | Tóm tắt văn bản thông tin | 1 | **Cô Lê Thị Mai Thu**  *Trường THCS Lê Lợi- BMT- Đắc Lắc* |
|  | Viết biên bản | 2 | **Cô Lê Thị Mai Thu**  *Trường THCS Lê Lợi- BMT- Đắc Lắc* |
| **5** | **Nói và nghe** |  |  |
|  | Thảo luận nhóm về một vấn đề | 2 | **Cô Nguyễn Thị Mộng**  *Trường THCS Phú Dương, Tỉnh Thừa Thiên Huế.* |
|  | **Phân công nhiệm vụ, tổng hợp chung** | 0 | **Cô Lê Thị Phương Hồng** |

**BÀI 10: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**(THUẬT LẠI SỰ VIỆC THEO NGUYÊN NHÂN – KẾT QUẢ)**

(12 tiết)

*Niềm tin chiến thắng sẽ đưa ta đến bến bờ vui  
Niềm tin chiến thắng nối con tim yêu thương mọi người  
Niềm tin chiến thắng sẽ đưa ta đi giữa cuộc đời  
Niềm tin chiến thắng luôn mãi trong tim mỗi chúng ta.*

*(Niềm tin chiến thắng)*



**Tiết....**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**PHẠM TUYÊN VÀ CA KHÚC MỪNG CHIẾN THẮNG**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6…

Thời gian thực hiện: ….tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Hình thức trình bày một văn bản thông tin thuật lại một sự kiện, triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

- Những thông tin về quá trình sáng tác và phổ biến bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (từ ngữ, nhan đề, bố cục, sa pô, hình ảnh, cách triển khai,..), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thái độ, tình cảm người viết,...) thể hiện qua văn bản

- Phân tích được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của văn bản

***3. Về phẩm chất:***

- *Nhân ái:* biết đề cao, trân trọng giá trị văn hóa của dân tộc; biết ơn, trân quý những người có công với đất nước, dân tộc.

- *Chăm học, chăm làm:* có ý thức vận dụng bài học rút ra từ văn bản vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Trách nhiệm:* hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước khi hiểu được giá trị văn hóa được gợi lên từ văn bản, bài hát.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bài báo cáo nhóm của HS....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:* HS trình bày hiểu biết về một nhạc phẩm quen thuộc, từ đó có tâm thế hào hứng và nhu cầu tìm hiểu văn bản.  *b) Nội dung:* HS lắng nghe bài hát, trả lời câu hỏi gợi dẫn định hướng nội dung bài học.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | | | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS cho nghe một đoạn trong bài hát“Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  ? 1. Lắng nghe bài hát và cho cô biết cảm giác của em lúc này?  ? 2. Qua quan sát, em thấy bài hát được hát trong dịp nào? Em có biết bài hát được ra đời trong hoàn cảnh nào không?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lới câu hỏi, gợi ý nếu cần  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV giới thiệu**. *Mỗi khi đất nước có ngày hội lớn hoặc trong một cuộc vui nào đó, khi bầu không khí của buổi sum họp trở nên tưng bừng, rạo rực cũng là lúc chúng ta được nghe giai điệu quen thuộc của ca khúc “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”. Ca khúc này được ra đời trong hoàn cảnh như thế nào, cùng tìm hiểu văn bản “Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng” trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ có thêm thông tin hữu ích!* | | | | | | | | ***\*Định hướng***  - Cảm giác của HS: quen, lạ,...  - Hoàn cảnh bài hát được biểu diễn: buổi liên hoan văn nghệ quần chúng, thi đấu thể thao,...  - Hoàn cảnh ra đời bài hát:  + Biết…  + Không biết…. | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu chung**  *a)Mục tiêu:* Học sinh nắm được những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm (xuất xứ, hoàn cảnh ra đời, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục...)  *b) Nội dung:* Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần *Kiến thức ngữ văn* trong SGK theo đơn vị nhóm học tập.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm ở nhà  ?Hãy trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyệt Cát và văn bản “Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng?  (Gợi ý phần văn bản: Xuất xứ và thời gian ra đời; Ý nghĩa thời điểm ra đời; Sự kiện đưa tin; Thể loại và phương thức biểu đạt; Bố cục)  (Hệ thống câu hỏi gợi mở nếu không dùng hình thức báo cáo nhóm:  ?Dựa vào thông tin trong sgk và hiểu biết của bản thân, hãy cho biết tác giả bài báo, tác giả Phạm Tuyên, xuất xứ và thời gian ra đời của bài báo? Theo em, thời điểm ra đời đó có ý nghĩa gì?  ?Văn bản “Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng” thuật lại sự kiện gì?  ?Tác giả đã sử dụng thể loại, kiểu văn bản và PTBĐ nào để cung cấp thông tin tới người đọc?  ?Chỉ ra bố cục của văn bản và xác định nội dung chính của mỗi phần?)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chia 3 nhóm chuẩn bị nội dung và hình thức báo cáo phù hợp (Khi ở nhà đọc văn bản, đọc *Kiến thức ngữ văn*, tìm tư liệu)  - HS tương tác với các bạn trong nhóm thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + 1 nhóm trưởng điều hành chung  + 1 thư kí ghi chép  + Người thiết kế power point, người trình chiếu và cử báo cáo viên  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về tác giả, văn bản  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 01 nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức, dẫn vào bài | | | | | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyệt Cát: nhà báo  **2. Tác phẩm**  a. Xuất xứ và thời gian ra đời  - Bài báo được đăng trên báo điện tử Kiến thức (kienthuc.net) ngày 28/04/2013  b. Ý nghĩa thời điểm ra đời  - Nhân dịp kỉ niệm 38 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2013). Đây là những ngày tháng cả dân tộc cùng hòa chung khúc ca khải hoàn mừng chiến thắng trong niềm vui non sông trọn vẹn, sum họp một nhà.  - Đặc biệt hơn, là ngày ca khúc “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” tròn 38 tuổi.  c. Sự kiện  - Thuật lại (ghi lại) quá trình ra đời bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”.  d. Thể loại và phương thức biểu đạt  - Thể loại: Kí (Kí sự)  + Kí sự: ghi chép lại một câu chuyện, một sự kiện có thật một cách tương đối hoàn chính và có phần ít yếu tố chủ quan của người viết.  - Kiểu văn bản: thuyết minh  - PTBĐ: Thuyết minh  e. Bố cục  Chia 3 phần  - Phần 1: Giới thiệu chung về bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” và hoàn cảnh ghi chép sự kiện (quá trình ra đời bài hát).  - Phần 2: Quá trình ra đời và phổ biến bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”.  - Phần 3: Cảm nhận, suy nghĩ về ý nghĩa của bài hát. | | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  *a) Mục tiêu:* HS đọc, tìm hiểu và hiểu được giá trị nội dung và nghệ thuật của từng phần và trong toàn văn văn bản.  *b) Nội dung: Hướng dẫn học sinh khám phá* nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  *c, Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | | | | |
| **Nội dung 1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi**  ?Đọc 2 đoạn mở đầu phần (2) văn bản. Tìm những chi tiết đưa thông tin về nguyên nhân ra đời bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 01 HS trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung  - Giáo viên quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định** - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức, bình mở rộng.  🡪Bài hát của Phạm Tuyên được khơi nguồn từ nhiều nguồn cảm hứng khác nhau, nhưng có lẽ, cái cảm hứng dồi dào nhất là sự thôi thúc của con tim và ý chí phải góp được một phần nhỏ bé của mình vào cái chung lớn lao của đất nước. Điều này làm chúng ta trân trọng hơn cái tâm với nghề cùng tình yêu với đất nước của người nghệ sĩ tài hoa. | | | | | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Nguyên nhân ra đời bài hát**  - Đầu tháng 4/1975, tin chiến thắng vang dội đến từ các chiến trường phía Tây Nam liên tiếp bay về… đã thôi thúc các nhạc sĩ sáng tác.  - Nhạc sĩ Phạm Tuyên dự định phải viết một bản hợp xướng thật hoành tráng để ca ngợi chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta.  - Bản tin chiều ngày 28/04/1975 của Đài Tiếng nói Việt Nam về hành động oanh tạc sân bay Tân Sơn Nhất của phi công Nguyễn Thành Trung là cú hích quan trọng cho ra đời bài hát, khiến ý nghĩ thắng lợi luôn thường trực trong đầu nhạc sĩ.  - Khi ta giành chiến thắng, mọi người sẽ đều xuống đường ăn mừng chiến thắng, không ai ngồi nhà mà nghe hợp xướng nữa. Nghĩ vậy, nhạc sĩ tự nhủ “phải viết ngay một cái gì đó, góp một tiếng reo vui cùng mọi người mừng chiến thắng”. | | | | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, phiếu học tập**  ? 1.Với ý nghĩ thôi thúc ấy, nhạc sĩ Phạm Tuyên đã hoàn thành bài hát trong thời gian bao lâu? Quá trình bài hát đến với công chúng diễn ra như thế nào? Quan sát phần văn bản trang 92, tìm các chi tiết nêu thông tin sự kiện.  ? 2. Qua những chi tiết vừa tìm được, em có nhận xét gì về thông tin được cung cấp, lời văn kể chuyện về quá trình sáng tác và phổ biến bài hát trong đoạn văn bản này? Nêu hiệu quả của cách truyền tin này?  **\* Phiếu bài tập:**  **Quá trình sáng tác và phổ biến bài hát**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Ngày tháng | Công việc | Kết quả | | a. Thời gian hoàn thành bài hát | Đêm ngày 28/4/1975 | Sáng tác bài hát “trong nguồn cảm hứng dạt dào” | Hoàn thành sau hai “tiếng đồng hồ” , “không cần sửa một câu, một chữ” | | b. Quá trình phổ biến bài hát | -Ngày 29/4 | Hội đồng duyệt bài hát | Quyết định để dành đến 7/5 kỉ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ mới dàn dựng. | | - Chiều 30/4 | Dàn dựng thu thanh bài hát | Bài hát được “dàn dựng thu thanh ngay để kịp truyền đi cùng tin thắng trận ra toàn thế giới”. | | - Đêm 30/4, ngày 1/5 | Biểu bài hát diễn | Bài hát được biểu diễn bằng nhiều hình thức khác nhau: hát, quân nhạc; được truyền đi qua loa phát thanh, biểu diễn trực tiếp trên đường phố. |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm, cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 01 nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, hoàn thiện phiếu học tập  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức, mở rộng.  ***GV bình:***Bài hát ra đời gắn liền với chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, với niềm hạnh phúc của toàn dân tộc trong ngày vui đại thắng. | | | | | | | **2. Quá trình sáng tác và phổ biến bài hát**  a. Thời gian hoàn thành bài hát: đêm ngày 28/4/1975, “trong nguồn cảm hứng dạt dào”, sau “hai tiếng đồng hồ” (khoảng 21h30 – 23h), Phạm Tuyên hoàn thành bài hát, “không cần sửa một câu, một chữ”  b. Quá trình phổ biến bài hát  -Ngày 29/4: bài hát được hội đồng duyệt quyết định để dành đến 7/5 kỉ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ mới dàn dựng.  *(- Sau khi bài hát được hoàn thành (trong vòng 2 tiếng), hôm sau, ngày 29/04, Phạm Tuyên đưa hội đồng duyệt, anh em đùa bảo “sao giống như bài hát viết cho thiếu nhi” và định để dành đến 7/5 kỉ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ mới dàn dựng.*  *- Chiến thắng đến bất ngờ vào ngày 30/4 – ngay ngày hôm sau.*  *- Tất cả mọi người cuống lên. Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam muốn có một bài hát mới mừng giải phóng.)*  - Chiều 30/4: bài hát được “dàn dựng thu thanh ngay để kịp truyền đi cùng tin thắng trận ra toàn thế giới”.  - Đêm 30/4, ngày 1/5: bài hát được biểu diễn bằng nhiều hình thức khác nhau: hát, quân nhạc; được truyền đi qua loa phát thanh, biểu diễn trực tiếp trên đường phố.  *(- Phạm Tuyên mang ca khúc đến, hát cho Giám đốc nghe. Vừa nghe xong, Giám đốc rạng rỡ, quyết định “phải dàn dựng thu thanh ngay để kịp truyền đi cùng tin thắng trận ra toàn thế giới”.*  *- Suốt đêm 30/4, bài hát nhiều lần được cất lên vang dội qua làn sóng phát thanh của Đài TNVN cùng các bản tin thắng trận.*  *- Ngày 1/5, quân nhạc thổi rền vang âm điệu “Việt Nam – Hồ Chí Minh, Việt Nam – Hồ Chí Minh”*  *- Buổi chiều, các loa phát thanh trong thành phố đồng loạt cất vang bài ca mừng chiến thắng này.)*  \*Nghệ thuật:  - Thông tin cụ thể, chính xác  - Lời văn ngắn gọn, rõ ràng, rành mạch, giàu cảm xúc  🡪 bạn đọc tiếp nhận thông tin dễ dàng, hiểu được cả tâm trạng, tình cảm sâu kín của tác giả | | |
| ? Đón nhận đứa con tinh thần ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt của đất nước, nhạc sĩ có tâm trạng, cảm xúc như thế nào? | - Cả hai vợ chồng nhạc sĩ đều “bồi hồi xúc động”  - “Những lần trước, khi nghe bài hát của mình được phát sóng, tôi (nhạc sĩ) hay chú ý đến ca từ, giai điệu xem đã đúng chưa.”  - “Lần này thì khác, cảm giác như bài hát đã có sẵn đâu đó rồi, mình không viết cũng có người khác viết thay.” | | | | | | | | |
| ? Nhìn lại quá trình sáng tác và phổ biến của bài hát cùng tâm sự của Phạm Tuyên, em có cảm nhận gì về người nhạc sĩ này? | \*Phạm Tuyên:  - Nghệ sĩ khiêm tốn, có trách nhiệm, tận tâm với nghề  - Nghệ sĩ tài năng, có tấm lòng nhiệt huyết và yêu nước thiết tha.  🡪 Hiểu vì sao những ca khúc của ông có sức sống, trở thành ca khúc đi cùng năm tháng. | | | | | | | | |
| **Nội dung 3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua các câu hỏi**  ?Những biểu hiện nào cho thấy bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” có số phận đặc biệt?  ?Kể thêm một vài ví dụ để thấy được sức sống của bài hát vẫn mạnh mẽ đến tận hôm nay? | **3. Số phận đặc biệt và ý nghĩa của bài hát**  **a. Số phận đặc biệt**  - Bài hát vượt qua thử thách thời gian  - Đến với mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội, không phân biệt biên giới quốc gia.  - Từ cụ già đến trẻ con, từ miền xuôi lên miền ngược đều hát bài hát này.  - Ở một số nơi, bài hát còn được dùng như bài ca “giã bạn” để kết thúc các cuộc gặp gỡ, mít tinh, văn nghệ quần chúng.  🡪 Sức sống bài hát vẫn còn nguyên vẹn đến hôm nay  + Mừng chiến thắng của đội tuyển bóng đá đạt Á quân VCK bóng đá U-23 châu Á 2018, tấm HCV lịch sử ở môn bóng đá nam SEA Games 2019,…  + Chương trình nghệ thuật mừng ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước  + Buổi giao lưu văn hóa, sinh hoạt tập thể, đặc biệt của học sinh, sinh viên | | | | | | | | |
| ?Em hiểu như thế nào về câu nói của nhạc sĩ Phạm Tuyên ở cuối bài? Những lời nói ấy nhằm khẳng định điều gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 01 HS trả lời các câu hỏi, HS khác nx, bổ sung  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức, khắc sâu bài học. | **b. Ý nghĩa của bài hát**  - *“Tôi viết trong hai tiếng đồng hồ và cả cuộc đời!”*  + “*Hai tiếng đồng hồ”*: thời gian vật lí để hoàn thành, viết ra bài hát, ***khẩn trương, nhanh chóng.***  + “*Cả cuộc đời”*: bài hát được thai nghén, dồn cộng cảm xúc trong sự ***nhẫn nại, bền bỉ, sắt son đợi chờ, tin tưởng*** suốt cả quãngthời gian đau thương đằng đẵng “*sống những ngày gian khổ, nuôi khát vọng giải phóng dân tộc*” thống nhất non sông, sum họp một nhà.  *+ “Để có được như ngày hôm nay, chúng ta đã phải đổi bằng máu và nước mắt”:* nền hòa bình, độc lập, tự do chúng ta có được hôm nay được đánh đổi bằng sự hi sinh, mất mát, khổ đau của bao thế hệ người Việt Nam ở trên khắp các mặt trận.  🡪 Những phút giây thăng hoa, “*cảm xúc có thể vỡ òa cùng ngày chiến thắng*” như thế được kết tinh từ máu và nước mắt thấm đẫm đau thương nhưng cũng đầy tự hào, vinh quang của dân tộc Việt Nam. Cảm xúc ấy có sức sống đến tận hôm nay, khiến chúng ta mỗi lần chạm vào, đều thấy nghẹn ngào, xúc động trào dâng.  - Câu nói của Phạm Tuyên khép lại bài:  + như lời nhà thơ tự nhắc mình khắc ghi, tri ân công ơn của các thế hệ cha anh, nhân dân, đất nước trong những ngày gian khó đã qua; trân trọng những ngày tháng tươi đẹp đang có.  + cũng là lời nhắc nhở chúng ta lẽ sống giản dị: được sống trong niềm vui hôm nay, không được lãng quên một thời quá khứ nhiều gian khó, đau thương, phải biết giữ trọn đạo lí biết ơn, ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ của dân tộc....  🡪 Ý nghĩa sâu xa của bài hát | | | | | | | | |
| **Nội dung 4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi thảo luận nhóm**  ?Bài báo hướng đến đối tượng bạn đọc là ai? Bên cạnh những thông tin được truyền tải, hình thức trình bày của bài báo có tạo được sức hấp dẫn và độ tin cậy với bạn đọc không? Vì sao?  (Tìm hiểu từ ngữ chủ đề, sa pô, dấu ngoặc kép, bố cục, lời văn, hình ảnh minh họa…có trong bài viết)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi, thảo luận nhóm, tìm ý trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 01 nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức. | | | **4. Nét đặc sắc nghệ thuật của bài viết**  \* Đối tượng độc giả: mọi tầng lớp nhân dân  \*Hình thức trình bày  - Từ ngữ chủ đề: *nhạc phẩm, bài hát, cánh nhạc sĩ, bản hợp xướng,…*  - Sa pô: nằm dưới tiêu đề, được in đậm, trích dẫn một câu văn quan trọng của bài viết, thu hút sự chú ý của người đọc.  - Dấu ngoặc kép: trích dẫn nguyên văn lời kể chuyện của nhạc sĩ, tăng tính chân thực, chính xác cho câu chuyện.  - Bố cục: rõ ràng, rành mạch, khoa học  - Lời văn: ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, giàu cảm xúc (của tác giả bài viết, của nhạc sĩ)  🡪 Mang đặc trưng của ngôn ngữ báo chí.  + Tính thông tin thời sự.  + Tính ngắn gọn.  + Tính sinh động, hấp dẫn.  - Hình ảnh minh họa - chiếc xe tăng đầu tiên của Quân Giải phóng tiến vào sân Dinh Độc Lập ngày 30/04/1975 (Ảnh: wordpress): minh họa cho một thông tin quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến việc bài hát được chọn dàn dựng ngay trong chiều 30/4 và biểu diễn suốt đêm hôm đó và nhiều ngày tiếp theo được kể lại trong bài viết 🡪 tiêu biểu, làm tăng tính chân thực cho thông tin được kể lại.  🡪 Bài viết có cách đưa thông tin đa dạng, kết hợp kênh chữ với kênh hình (văn bản đa phương thức)  🡪 Phù hợp với đông đảo đối tượng bạn đọc thuộc mọi lứa tuổi, ngành nghề, tầng lớp, vùng miền,… | | | | | | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3: Tổng kết**  *a) Mục tiêu:* HS nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  *b) Nội dung:* HStrả lời câu hỏi tổng kết văn bản, khái quát những thành công về nghệ thuật, nội dung của văn bản.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện* | | | | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi**  ?Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài viết?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 01 HS trình bày cá nhân, HS khác nhận xét, bổ sung  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức. | | | | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Cung cấp thông tin chính xác về thời gian, địa điểm, quá trình ra đời bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”.  - Cho thấy tài năng, tình yêu Tổ quốc sâu sắc của nhạc sĩ Phạm Tuyên.  - Thể hiện niềm cảm mến, trân trọng của tác giả với bài hát và người nghệ sĩ tài hoa Phạm Tuyên.  **2. Nghệ thuật**  - Bố cục: rõ ràng, rành mạch, khoa học  - Từ ngữ, lời văn: mang đặc trưng ngôn ngữ báo chí.  - Cách đưa thông tin đa dạng, sử dụng sa pô, kết hợp kênh chữ với kênh hình tự nhiên, hiệu quả | | | | | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* HS biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV nêu câu hỏi cho học sinh**  ?Hãy nghe lại hoặc hát bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” và viết lại suy nghĩ, cảm xúc của em (trong khoảng 5 – 6 dòng) về bài hát.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân, bổ sung  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức. | | **IV. Luyện tập**  ***Định hướng***  - Nội dung: nói thay niềm rạo rực, hân hoan, vui sướng, hạnh phúc dâng trào của con người trong ngày vui toàn thắng của dân tộc, cách mạng.  - Tính chất của lời ca: giản dị, chân thành, chứa chan cảm xúc  - Giai điệu: vui tươi, rộn ràng, dễ đi vào lòng người.  - Bài hát làm nhân lên niềm tự hào về chiến công vĩ đại, mở ra những tình cảm mới mẻ với đất nước, quê hương, dù được cất lên trong hoàn cảnh nào…  - Cảm ơn nhạc sĩ Phạm Tuyên – người cha tinh thần của bài hát, tác giả Nguyệt Cát – người đem đến hiểu biết sâu sắc hơn về bài hát. Từ đó thấy tự hào hơn về truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh quật cường, niềm tin thắng lợi của dân tộc…. | | | | | | | |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề thực tiễn trong cuộc sống  *b) Nội dung:* Tình huống thực tiễn được đặt ra sau bài học.  *c) Sản phẩm:* Bài tập dự án của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập dự án cho nhóm thực hiện**  Đề tài: Chào mừng kỉ niệm ngày giải phóng miền Nam 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5, liên đội TNTP nhà trường phát động phong trào làm Tập san. Hãy viết một văn bản thông tin tham gia sự kiện có ý nghĩa này.  - Bước 1: Lựa chọn đề tài  - Bước 2: Viết tiêu đề, sa pô  - Bước 3: Tìm ý, lập dàn ý bài viết, tìm hình ảnh minh họa  - Bước 4: Viết bài, lựa chọn hình thức trình bày  - Bước 5: Đọc, sửa chữa (nếu cần)  (Làm tại lớp theo nhóm: Bước 1,2. Còn lại về nhà)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nghe yêu cầu và thực hiện trong, ngoài giờ học.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 01 nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung  HS nộp bài báo cáo về bài học của bản thân sau 2 tuần thực hiện  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức. | | | | | | | | | **\*Định hướng**  1. Đề tài:  - Học tập  - Trải nghiệm sáng tạo  - Sinh hoạt tập thể  - …  2. Đối tượng tham gia  - Tập thể của lớp  - Cá nhân  3. Hình thức: kênh chữ, kênh hình  4….  **\*Dự kiến**  - Mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu: HS hoàn thành tốt. |
| **\* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**  **-** Ôn lại và nắm chắc kiến thức đã học  - Hoàn thiện bài tập. Lập kế hoạch và thực hiện tốt bài tập vận dụng  - Soạn bài: *Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng.*  + Trả lời câu hỏi theo hướng dẫn sgk  +... | | | | | | | | | |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP**

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**PHẠM TUYÊN VÀ CA KHÚC MỪNG CHIẾN THẮNG**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

**1. Tác giả**

………………………………………………………………………………………

**2. Tác phẩm**

a. Xuất xứ và thời gian ra đời

………………………………………………………………………………………

b. Ý nghĩa thời điểm ra đời

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

c. Sự kiện

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

d. Thể loại và phương thức biểu đạt

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

e. Bố cục

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc 2 đoạn mở đầu phần (2) văn bản. Tìm những chi tiết đưa thông tin về nguyên nhân ra đời bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

1. Nhạc sĩ Phạm Tuyên đã hoàn thành bài hát trong thời gian bao lâu? Quá trình bài hát đến với công chúng diễn ra như thế nào? Quan sát phần văn bản trang 92, tìm các chi tiết nêu thông tin sự kiện.

2. Qua những chi tiết vừa tìm được, em có nhận xét gì về thông tin được cung cấp, lời văn kể chuyện về quá trình sáng tác và phổ biến bài hát trong đoạn văn bản này? Nêu hiệu quả của cách truyền tin này?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Ngày tháng | Công việc | Kết quả |
| a. Thời gian hoàn thành bài hát |  |  |  |
| b. Quá trình phổ biến bài hát |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

\*Nghệ thuật:

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

?Những biểu hiện nào cho thấy bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” có số phận đặc biệt?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

?Kể thêm một vài ví dụ để thấy được sức sống của bài hát vẫn mạnh mẽ đến tận hôm nay?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

?Em hiểu như thế nào về câu nói của nhạc sĩ Phạm Tuyên ở cuối bài? Những lời nói ấy nhằm khẳng định điều gì?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

?Bài báo hướng đến đối tượng bạn đọc là ai? Bên cạnh những thông tin được truyền tải, hình thức trình bày của bài báo có tạo được sức hấp dẫn và độ tin cậy với bạn đọc không? Vì sao?

\* Đối tượng độc giả:

………………………………………………………………………………………

\*Hình thức trình bày

- Từ ngữ chủ đề:

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

- Sa pô:

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

- Dấu ngoặc kép:

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

- Bố cục:

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

- Lời văn:

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

- Hình ảnh minh họa - chiếc xe tăng đầu tiên của Quân Giải phóng

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

MỤC A. ?Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài viết?

\*Nội dung:

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

\*Nghệ thuật: ………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

MỤC B. ?Hãy nghe lại hoặc hát bài hát “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” và viết lại suy nghĩ, cảm xúc của em (trong khoảng 5 – 6 dòng) về bài hát. ………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

MỤC C

DỰ ÁN

Đề tài: Chào mừng kỉ niệm ngày giải phóng miền Nam 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5, liên đội TNTP nhà trường phát động phong trào làm Tập san. Hãy viết một văn bản thông tin tham gia sự kiện có ý nghĩa này.

- Bước 1: Lựa chọn đề tài

- Bước 2: Viết tiêu đề, sa pô

- Bước 3: Tìm ý, lập dàn ý bài viết, tìm hình ảnh minh họa

- Bước 4: Viết bài, lựa chọn hình thức trình bày

- Bước 5: Đọc, sửa chữa (nếu cần)

HẾT

**Tiết: .................. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**ĐIỀU GÌ GIÚP BÓNG ĐÁ VIỆT NAM CHIẾN THẮNG?**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Những thông tin về nguyên nhân chiến thắng của bóng đá Việt Nam.

- Cách triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được đặc điểm của một số yếu tố hình thức (nhan đề, bố cục, sa pô, hình ảnh, cách triển khai, …), nội dung (đề tài, vấn đề, ý nghĩa,…) của văn bản thông tin, cách triển khai thông tin theo mối quan hệ nguyên nhân – kết quả.

- Phân tích được những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

***3. Về phẩm chất:***

- Trung thực và có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện.

- Rút ra bài học cho bản thân từ những nguyên nhân giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng: sự tự tin, có khát vọng, có tinh thần đoàn kết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Tranh ảnh về đội tuyển bóng đá Việt Nam.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: MỞ ĐẦU**

* **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
* **Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.
* **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
* **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Em có thích bóng đá không? Em yêu thích đội tuyển nào?



- Hai bức tranh sau gợi nhắc cho em sự kiện gì trong kì Seagame 2019?

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

*Hai hình ảnh trên ghi lại hai sự kiện vinh quang của bóng đá Việt Nam: Tại Seagame 2019, U22 Việt Nam và tuyển nữ Việt Nam đều giành được Huy chương Vàng. Vậy những nguyên nhân chính nào đã dẫn đến những thành công vang dội như vậy? Chúng ta hãy cùng chuyển sang tiết học ngày hôm nay để cùng khám phá nhé!*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS nắm được những thông tin chính về văn bản: xuất xứ, đề tài.  **Nội dung**:  - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Giao nhiệm vụ thông qua hệ thống câu hỏi:  ? Nêu xuất xứ của văn bản. Thời điểm văn bản ra đời, bóng đá Việt Nam có vị trí như thế nào trong đấu trường khu vực Đông Nam Á?  ? Đề tài chính của văn bản là gì?  ? Hãy chia bố cục của văn bản theo trật tự các đoạn nêu nguyên nhân và kết quả. Cách triển khai vấn đề theo trật tự đó được gọi là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | - Xuất xứ: Bài viết được đăng ở trang web: thethaovanhoa.vn vào 15/12/2019. (Thời điểm bóng đá Việt Nam đang “thống trị” khu vực Đông Nam Á ở thời điểm hiện tại)  - Đề tài: Những nguyên nhân dẫn đến chiến thắng của bóng đá Việt Nam.  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Từ đầu…”thời điểm hiện tại”: Kết quả của bóng đá Việt Nam ở thời điểm hiện tại.  + Phần 2: Những nguyên nhân chính dẫn đến chiến thắng của bóng đá Việt Nam.  → Cách triển khai vấn đề theo trật tự nhân quả. | | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | | |
| * **Vị thế của bóng đá Việt Nam ở thời điểm hiện tại** | | | |
| **\*Mục tiêu:** Giúp HS tìm được những thành tựu mà bóng đá Việt Nam đạt được trong thời điểm hiện tại. | | | |
| **\* Nội dung:**  + Gv sử dụng kĩ thuật (KT) đặt câu hỏi.  **+** HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.  + HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Giao nhiệm vụ thông qua hệ thống câu hỏi:  **?** *Ở thời điểm hiện tại, bóng đá Việt Nam có vị thế như thế nào trong khu vực Đông Nam Á? Nêu dẫn chứng để chứng minh.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | Bóng đá Việt Nam đang thống trị khu vực Đông Nam Á (ĐNÁ) ở thời điểm hiện tại:  - Đội tuyển bóng đá nam: vô địch AFF CUP 2018.  - Đội tuyển bóng đá nữ: đăng quang ở giải vô địch ĐNÁ năm 2019.  - U22 Việt Nam và tuyển nữ Việt Nam đều giành Huy chương Vàng tại Seagame 2019. | |
| * **Những nguyên nhân chính dẫn đến chiến thắng của bóng đá Việt Nam** | | | |
| **\* Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những nguyên nhân chính dẫn đến chiến thắng của bóng đá Việt Nam.  - Nhận biết kiểu chữ và cách đánh số các đề mục để làm nổi bật thông tin chính.  **\* Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Giao nhiệm vụ thông qua hệ thống câu hỏi:  **?***Hãy tóm tắt những nguyên nhân chính giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng. Vì sao bài viết dành phần lớn nội dung để nói về các nguyên nhân này?*  **?***Trong các nguyên nhân ở trên, em thích nguyên nhân nào nhất? Vì sao?*  ***?****Từ những nguyên nhân chính dẫn giúp bóng đã Việt Nam chiến thắng, em rút ra được bài học gì cho mình.*  **?***Dựa vào các câu dẫn từ tờ báo Smmsport trong văn bản trên, em hãy nêu nhận xét về thái độ của tờ báo ấy đối với bóng đá Việt Nam.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**: Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | | - Lòng khao khát của các cầu thủ.  - Sự tự tin.  - Sự tiến bộ của V-League.  - Các cầu thủ Việt Nam gắn bó trong thời gian dài.  - Được dẫn dắt bởi huấn luyện viên giỏi. | |
| * **Đặc sắc nghệ thuật** | | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  Nhận biết những đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của chúng khi sử dụng trong văn bản.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  **?***Văn bản đã sử dụng kiểu chữ và cách đánh số các đề mục, số liệu và hình ảnh như thế nào để làm nổi bật các thông tin chính?*  **?** *Các từ được đặt trong dấu ngoặc kép ở văn bản trên được dùng với nghĩa khác nghĩa thông thường như thế nào?*  **?***Bố cục văn bản được phân chia theo trật tự nhân quả, theo em cách triển khai vấn đề theo trật tự nhân quả có tác dụng gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | | | - Dùng kiểu chữ in đậm và cách đánh số đề mục, dùng số liệu và hình ảnh nổi bật.  → Làm nổi bật thông tin chính.  - Sử dụng các từ ngữ chuyển nghĩa mang tính biểu cảm cao.  - Cách triển khai vấn đề theo trật tự nhân quả.  →Giúp vb dễ hiểu, thông tin nhanh. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 2  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu khái quát những đặc sắc nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  -Dùng kiểu chữ in đậm và cách đánh số đề mục, dùng số liệu và hình ảnh nổi bật.  -Cách triển khai vấn đề theo trật tự nhân quả.  **2. Nội dung**  - Những nguyên nhân chính giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng.  - Thái độ trân trọng, ngưỡng mộ và khâm phục của tờ báo Smmsport đối với bóng đá Việt Nam.  **3. Ý nghĩa**  Cần tự tin, đoàn kết, có khát vọng mạnh mẽ để đạt được ước mơ. | |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

***b) Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Giả định văn bản vừa học cần thêm một đoạn văn nữa. Hãy viết một đoạn văn ngắn đáp ứng yêu cầu này và dự kiến vị trí mà nó được đặt trong văn bản .

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS: ý chính của đoạn văn, cách triển khai đoạn văn.

**HS** tìm ý chính và sử dụng cách triển khai đoạn văn hợp lí.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Vận dụng, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng CNTT trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm ví dụ về các văn bản thông tin và chỉ ra các yếu tố của văn bản thông tin trong văn bản đó?

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có)).

**\* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

**-** Ôn lại và nắm chắc kiến thức đã học

- Hoàn thiện bài tập. Lập kế hoạch và thực hiện tốt bài tập vận dụng

- Soạn bài: Thực hành Tiếng Việt*.*

+ Trả lời câu hỏi theo hướng dẫn sgk

+...

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**LỰA CHỌN TỪ NGỮ VÀ CẤU TRÚC CÂU**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 6…..

Thời gian thực hiện:…. tiết

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Mục đích của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong tạo lập văn bản nói chung, văn bản thông tin nói riêng

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết, hiểu được được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong văn bản

- Tạo lập được văn bản có sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp với mục đích giao tiếp của văn bản.

***3. Về phẩm chất:***

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, bảng phụ

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bài báo cáo nhóm của HS....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Xác định vấn đề**  *a) Mục tiêu:* HS trình bày cảm nhận ban đầu khi nghe một câu chuyện, từ đó có tâm thế hào hứng và nhu cầu tìm hiểu văn bản.  *b) Nội dung:* HS đọc, cảm nhận 01 truyện cười dân gian, trả lời câu hỏi gợi dẫn định hướng nội dung bài học.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV kể câu chuyện (chiếu màn hình), định hướng học sinh lắng nghe và trả lời câu hỏi.  ***Mất rồi, cháy!***  *Một người sắp đi chơi xa, dặn con:*  *- Hễ có ai tới thì đưa cái giấy này cho họ.*  *Ðứa bé bỏ tờ giấy vào túi áo. Cả ngày không thấy ai đến. Tối, sẵn có ngọn đèn, nó lấy ra xem, chẳng may vô ý để tờ giấy cháy mất.*  *Hôm sau, có người đến hỏi:*  *- Thầy cháu có nhà không?*  *Sực nhớ đến tờ giấy, nó buồn rầu đáp:*  *- Mất rồi!*  *Ông khách giật mình, hỏi:*  *- Mấy bao giờ?*  *- Tối hôm qua.*  *- Sao mà mất?*  *- Cháy!*  ?Điều gì khiến em cười khi đọc câu chuyện này?  ?Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 01 Học sinh trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.  **GV** **giới thiệu:** *Trong giao tiếp nói chung, trong việc tạo lập văn bản nói riêng, việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu có một vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin đến người đọc. Vì sao lại như vậy, làm thế nào để có sự lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.* | | | | ***\*Định hướng***  - Điều gì khiến em cười khi đọc câu chuyện: Câu trả lời cộc lốc, tưởng ăn nhập với câu trả lời nhưng thực chất lại được hiểu theo nghĩa khác, dẫn đến hiểu lầm của nhân vật.  - Bài học rút ra từ câu chuyện:  + Dùng từ ngữ, nói năng rõ ràng, phù hợp với nội dung, hoàn cảnh giao tiếp.  + … | |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  *a) Mục tiêu:* HS hiểu và trình bày được yêu cầu sử dụng từ ngữ, cấu trúc câu khi tạo lập văn bản  *b) Nội dung:* HS vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi tìm hiểu nội dung bài học.  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Nội dung 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi**  ? 1. Tìm các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực âm nhạc được sử dụng trong bài viết *“Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng”?* Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của bài viết như thế nào?  ? 2. Tìm các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực bóng đá được sử dụng trong bài viết *“Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?”*. Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của văn bản như thế nào?  ? 3.Từ kiến thức trên, theo em, cần chú ý điều gì khi sử dụng từ ngữ?  Yêu cầu:  - ½ lớp làm câu hỏi 1,3 trao đổi nhóm đôi  - ½ lớp làm câu hỏi 2,3 trao đổi nhóm đôi  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm cá nhân, đọc phần kiến thức ngữ văn, chỉ ra các từ ngữ thích hợp  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - 01 HS lên trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức. | **I. Lựa chọn từ ngữ**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu**  \*Văn bản “Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng”  - Từ ngữ: *nhạc phẩm, bài hát, cánh nhạc sĩ, bản hợp xướng,…*  - Đặc điểm, tính chất:  + phù hợp với đề tài (về văn hóa), thể hiện rõ chủ đề (quá trình sáng tác bài hát)  + thể hiện tính chất trang trọng, gần gũi  + phù hợp với đối tượng độc giả làm nghệ thuật trong lĩnh vực âm nhạc và đối tượng khác thuộc nhiều lứa tuổi, ngành nghề, tầng lớp, vùng miền,…  \*Văn bản “Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?”  - Từ ngữ: *bóng đá Việt Nam, “thống trị”, đội tuyển bóng đá nam, vô địch AFF Cup, thi đấu, sân đấu, khát khao, quyết tâm giành chiến thắng,…*  - Đặc điểm, tính chất:  + phù hợp với đề tài (về văn hóa), thể hiện rõ chủ đề (nguyên nhân chiến thắng của bóng đá Việt Nam)  + thể hiện tính chất tươi vui, sôi nổi, tự hào  + phù hợp với đối tượng độc giả là người hâm mộ, yêu thích thể thao  **2. Kết luận**  - Bên cạnh yêu cầu sử dụng từ ngữ đúng nghĩa, việc dùng từ ngữ còn phải phù hợp với yêu cầu thể hiện nghĩa của văn bản. Cụ thể là:  - Sử dụng từ ngữ  + phù hợp với **đề tài** của văn bản (về văn hóa, giáo dục hoặc thể thao, kinh tế, môi trường…);  + phù hợp với **tính chất của loại văn bản** (VB hành chính sử dụng từ ngữ phải trang trọng; thư từ sử dụng từ ngữ thân mật, phù hợp với quan hệ giữa người viết và người đọc; văn bản giải trí sử dụng từ ngữ vui tươi, giàu hình ảnh…);  + phù hợp với **bạn đọc** (người già hay người trẻ; người hâm mộ thể thao hay người quan tâm đến các vấn đề xã hội…) | | | | |
| **Nội dung 2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm thông qua hệ thống câu hỏi**  Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  “Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát, ông cười trả lời: “Tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời! Bởi nếu không sống những ngày gian khổ, không nuôi khát vọng giải phóng dân tộc, làm sao cảm xúc có thể vỡ òa cùng ngày chiến thắng. Để có được như ngày hôm nay, chúng ta đã phải đổi bằng máu và nước mắt.” *(Nguyệt Cát)*  ? 1. Tìm trạng ngữ của câu mở đầu đoạn văn *(“Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát, ông cười trả lời”*) và cho biết: Vì sao tác giả không cần nêu đích xác ngày tháng như trong các văn bản “Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn độc lập”, “Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ” (sách Ngữ văn 6, tập một, trang 90, 94)?  ? 2. Tìm trạng ngữ trong câu thứ hai của đoạn văn *(“Tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời!”)* và cho biết:  - Vị trí và công dụng của trạng ngữ trong câu?  - Trạng ngữ và những câu tiếp theo có mối quan hệ với nhau như thế nào? (Nội dung trạng ngữ đó được giải thích ở những câu tiếp theo như thế nào? – CH3asgk)  - Việc lựa chọn cấu trúc câu này có tác dụng như thế nào? (Cách viết này phù hợp với yêu cầu thể hiện nghĩa của văn bản (trình bày sự kiện theo quan hệ nguyên nhân – kết quả) như thế nào? CH3bsgk)  ?Từ kiến thức trên, theo em, cần chú ý điều gì khi lựa chọn cấu trúc câu?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** thảo luận nhóm, tìm ý trả lời phù hợp  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 01 nhóm lên trình bày, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức. | | | **II. Lựa chọn cấu trúc câu**  **1. Tìm hiểu ngữ liệu**  \*CH1: - Trạng ngữ: *Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát*  *-* Tác giả không cần nêu đích xác ngày tháng: vì thông tin được nêu không đòi hỏi/yêu cầu phải chính xác về thời gian, không gian.  \*CH2: - Trạng ngữ: *trong hai tiếng cộng cả cuộc đời*  - Vị trí: cuối câu  *­*- Công dụng: chỉ thời gian  - Mối quan hệ của trạng ngữ với những câu tiếp theo:  + TN: chỉ kết quả  + Những câu tiếp theo: chỉ nguyên nhân, giải thích rõ hơn nội dung (thông tin) được nêu ở trạng ngữ.  - Tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu: giúp thông tin cung cấp được rõ ràng, trong bài viết.  **2. Kết luận**  - Bên cạnh yêu cầu đặt câu đúng ngữ pháp, việc đặt câu còn phải phù hợp với yêu cầu thể hiện nghĩa của văn bản. Cụ thể là:  - Đặt câu phù hợp với **tính chất** của loại văn bản. Ví dụ: Văn bản hành chính, thư từ có những quy ước về cách viết; văn bản truyện dân gian thường mở đầu bằng những câu giới thiệu sự tồn tại của đối tượng, kiểu: *“Ngày xửa ngày xưa có…”.*  *-* Việc lựa chọn cấu trúc câu cũng cần phù hợp với **ngữ cảnh** (tức là phù hợp với những câu đứng trước và đứng sau) để tạo thành một mạch văn thống nhất, đồng thời không lặp cấu trúc, gây nhàm chán. | | |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* HS làm bài tập để củng cố, mở rộng kiến thức, trau dồi kĩ năng đã học  *b) Nội dung:* Hệ thống bài tập ngoài sgk và bài tập sgk/98  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống bài tập**  **Bài tập 1.** (Bài tập ngoài sgk) Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  *“(1)Cũng lời Văn Cao kể, đấy là một đêm mùa đông giá buốt của Hà Nội 1944. (2)Buổi chiều, ông đi dọc đường phố qua ga Hàng Cỏ (nay là ga Hà Nội), qua Hàng Bông rồi ra Bờ Hồ. (3)Ông vừa đi vừa ngẫm nghĩ tìm ý cho bản hành khúc mà tổ chức vừa giao trách nhiệm. (4)Hiện thực đập vào mắt ông là những tốp người đói khổ từ nông thôn tràn về Hà Nội, là ánh mắt của bé gái chừng ba tuổi, là ngọn lửa tím sẫm bập bùng trong hốc mắt mọi người. (5)Đêm ấy, về căn gác nhỏ số 171 phố Mông-gơ-răng (nay là 45 Nguyễn Thượng Hiền), nhạc sĩ Văn Cao đã viết nốt nhạc đầu tiên cho bản hành khúc. (6)Cũng phải mất rất nhiều ngày, bản hành khúc cho một dự báo mới hoàn chỉnh. (7)Do đang trong thời kỳ hoạt động bí mật, “Tiến quân ca” được ghi tên tác giả bằng mật danh Anh Thọ.”*  (Theo Nguyễn Thụy Kha– *“Nhạc sĩ Văn Cao và Tiến quân ca”* - Thứ Hai, 17 - 08 - 2015, nhandan.vn)  1.Tìm các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực âm nhạc được sử dụng trong đoạn trích trên*?* Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của bài viết như thế nào?  2. Phân tích tính mạch lạc, khoa học trong cách trình bày của đoạn văn được thể hiện trong các câu (1), (2), (3), (4), (5). (Chú ý mối quan hệ nguyên nhân – kết quả giữa các câu, cách dùng từ ngữ thay thế.)  **Bài tập 2.** (Bài tập 4 sgk/98) Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 dòng) nói về cảm xúc của em khi xem một buổi biểu diễn văn nghệ hoặc một cuộc thi thể thao.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS** đọc bài tập trong PHT, xác định yêu cầu của đề bài, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  + Bài tập 1. Làm việc nhóm đôi  + Bài tập 2. Làm cá nhân  **- GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ, hỗ trợ HS (nếu cần).  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 01 nhóm trình bày kết quả, nhóm khác nhận xét, bổ sung bài tập 1  - 01 HS lên bảng viết bài (đọc bài trước lớp). HS khác nhận xét, bổ sung bài tập 2  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức. | | **Bài tập 1**  ***Định hướng***  1. - Các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực âm nhạc được sử dụng trong đoạn trích: *hành khúc, nhạc sĩ Văn Cao, nốt nhạc, Tiến quân ca*  - Đặc điểm, tính chất:  + phù hợp với đề tài (về văn hóa), thể hiện rõ chủ đề (quá trình sáng tác bài “Tiến quân ca”)  + thể hiện tính chất trang trọng, gần gũi  + phù hợp với đối tượng độc giả làm nghệ thuật trong lĩnh vực âm nhạc và đối nhiều tượng khác thuộc các lứa tuổi, ngành nghề, tầng lớp, vùng miền,…khác nhau  2. Phân tích tính mạch lạc, khoa học trong cách trình bày của đoạn văn được thể hiện trong các câu (1), (2), (3), (4), (5). (Chú ý mối quan hệ nguyên nhân – kết quả giữa các câu, cách dùng từ ngữ thay thế.)  \*Mối quan hệ nguyên nhân – kết quả  - (1): nguyên nhân – (2,3,4,5): kết quả  - (2): nguyên nhân – (3): kết quả  - (3): nguyên nhân – (4): kết quả  - (3), (4): nguyên nhân – (5): kết quả  🡪 đoạn văn mạch lạc  \*Thay thế từ ngữ  - “ông” (câu 2,3,4) thế cho Văn Cao (câu 1); đêm ấy (câu 5) thế cho “một đêm mùa đông giá buốt của Hà Nội 1944” (câu 1)  🡪 đoạn văn trình bày khoa học, tránh lặp từ  **Bài tập 2.**  ***Định hướng***  \*Hình thức  - đoạn văn (khoảng 4 – 5 dòng)  - mạch lạc, lời văn trong sáng, tự nhiên, giàu cảm xúc  \*Nội dung  - Cảm xúc: thích thú, xúc động  - Lí do:  + Nội dung buổi biểu diễn  + Phong cách biểu diễn của nghệ sĩ  + Trang trí sân khấu  +… | | | |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề thực tiễn trong cuộc sống  *b) Nội dung:* Tình huống thực tiễn được đặt ra sau bài học.  *c) Sản phẩm:* Bài tập dự án của học sinh  *d) Tổ chức thực hiện:* | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV giao bài tập dự án cho nhóm thực hiện (tiếp tục triển khai dự án đã thực hiện ở tiết học văn bản trước)**  Đề tài: Chào mừng kỉ niệm ngày giải phóng miền Nam 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5, liên đội TNTP nhà trường phát động phong trào làm Tập san. Hãy viết một văn bản thông tin tham gia sự kiện có ý nghĩa này.  - Bước 1: Lựa chọn đề tài  - Bước 2: Viết tiêu đề, sa pô  - Bước 3: Tìm ý, lập dàn ý bài viết, tìm hình ảnh minh họa  - Bước 4: Viết bài, lựa chọn hình thức trình bày  - Bước 5: Đọc, sửa chữa (nếu cần)  (Làm tại lớp theo nhóm: Bước 3,4 (một phần của bài viết). Còn lại về nhà)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh nghe yêu cầu và thực hiện trong, ngoài giờ học.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - Đại diện 01 nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét, bổ sung  HS nộp bài báo cáo về bài học của bản thân sau 2 tuần thực hiện  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên chốt kiến thức. | | | | | **\*Định hướng**  1. Đề tài:  - Học tập  - Trải nghiệm sáng tạo  - Sinh hoạt tập thể  - …  2. Đối tượng tham gia  - Tập thể của lớp  - Cá nhân  3. Hình thức: kênh chữ, kênh hình  4….  **\*Dự kiến**  - Mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu: HS hoàn thành tốt. |
| **\* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**  **-** Ôn lại và nắm chắc kiến thức đã học  - Hoàn thiện bài tập. Lập kế hoạch và thực hiện tốt bài tập vận dụng  - Soạn bài: *Những phát minh tình cờ và bất ngờ*  + Trả lời câu hỏi theo hướng dẫn sgk  + ... | | | | | |

**HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**LỰA CHỌN TỪ NGỮ VÀ CẤU TRÚC CÂU**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

? 1. Tìm các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực âm nhạc được sử dụng trong bài viết *“Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng”?* Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của bài viết như thế nào?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

? 2. Tìm các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực bóng đá được sử dụng trong bài viết *“Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?”*. Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của văn bản như thế nào?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

? 3.Từ kiến thức trên, theo em, cần chú ý điều gì khi sử dụng từ ngữ?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát, ông cười trả lời: “Tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời! Bởi nếu không sống những ngày gian khổ, không nuôi khát vọng giải phóng dân tộc, làm sao cảm xúc có thể vỡ òa cùng ngày chiến thắng. Để có được như ngày hôm nay, chúng ta đã phải đổi bằng máu và nước mắt.” *(Nguyệt Cát)*

? 1. Tìm trạng ngữ của câu mở đầu đoạn văn *(“Một lần, khi được hỏi về thời gian sáng tác bài hát, ông cười trả lời”*) và cho biết: Vì sao tác giả không cần nêu đích xác ngày tháng như trong các văn bản “Hồ Chí Minh và “Tuyên ngôn độc lập”, “Diễn biến chiến dịch Điện Biên Phủ” (sách Ngữ văn 6, tập một, trang 90, 94)?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

? 2. Tìm trạng ngữ trong câu thứ hai của đoạn văn *(“Tôi viết trong hai tiếng cộng cả cuộc đời!”)* và cho biết:

- Vị trí và công dụng của trạng ngữ trong câu?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

- Trạng ngữ và những câu tiếp theo có mối quan hệ với nhau như thế nào?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

- Việc lựa chọn cấu trúc câu này có tác dụng như thế nào? ………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

? 3. Từ kiến thức trên, theo em, cần chú ý điều gì khi lựa chọn cấu trúc câu?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

**Bài tập 1.** (Bài tập ngoài sgk) Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

*“(1)Cũng lời Văn Cao kể, đấy là một đêm mùa đông giá buốt của Hà Nội 1944. (2)Buổi chiều, ông đi dọc đường phố qua ga Hàng Cỏ (nay là ga Hà Nội), qua Hàng Bông rồi ra Bờ Hồ. (3)Ông vừa đi vừa ngẫm nghĩ tìm ý cho bản hành khúc mà tổ chức vừa giao trách nhiệm. (4)Hiện thực đập vào mắt ông là những tốp người đói khổ từ nông thôn tràn về Hà Nội, là ánh mắt của bé gái chừng ba tuổi, là ngọn lửa tím sẫm bập bùng trong hốc mắt mọi người. (5)Đêm ấy, về căn gác nhỏ số 171 phố Mông-gơ-răng (nay là 45 Nguyễn Thượng Hiền), nhạc sĩ Văn Cao đã viết nốt nhạc đầu tiên cho bản hành khúc. (6)Cũng phải mất rất nhiều ngày, bản hành khúc cho một dự báo mới hoàn chỉnh. (7)Do đang trong thời kỳ hoạt động bí mật, “Tiến quân ca” được ghi tên tác giả bằng mật danh Anh Thọ.”*

(Theo Nguyễn Thụy Kha– *“Nhạc sĩ Văn Cao và Tiến quân ca”* - Thứ Hai, 17 - 08 - 2015, nhandan.vn)

1.Tìm các từ ngữ chuyên dùng trong lĩnh vực âm nhạc được sử dụng trong đoạn trích trên*?* Các từ ngữ đó phù hợp với đề tài, tính chất và bạn đọc của bài viết như thế nào?

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

2. Phân tích tính mạch lạc, khoa học trong cách trình bày của đoạn văn được thể hiện trong các câu (1), (2), (3), (4), (5). (Chú ý mối quan hệ nguyên nhân – kết quả giữa các câu, cách dùng từ ngữ thay thế.)

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

**Bài tập 2.** (Bài tập 4 sgk/98) Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4 – 5 dòng) nói về cảm xúc của em khi xem một buổi biểu diễn văn nghệ hoặc một cuộc thi thể thao.

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

DỰ ÁN

Đề tài: Chào mừng kỉ niệm ngày giải phóng miền Nam 30/4 và ngày quốc tế lao động 1/5, liên đội TNTP nhà trường phát động phong trào làm Tập san. Hãy viết một văn bản thông tin tham gia sự kiện có ý nghĩa này.

- Bước 1: Lựa chọn đề tài

- Bước 2: Viết tiêu đề, sa pô

- Bước 3: Tìm ý, lập dàn ý bài viết, tìm hình ảnh minh họa

- Bước 4: Viết bài, lựa chọn hình thức trình bày

- Bước 5: Đọc, sửa chữa (nếu cần)

HẾT

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**NHỮNG PHÁT MINH " TÌNH CỜ" VÀ "BẤT NGỜ "**

**\_\_\_\_Lược trích theo Khoahoc.tv\_\_\_\_\_**

**Môn học: Ngữ văn : Lớp 6**

**Thời gian thực hiện: ... tiết**

**I. MỤC TIÊU: (Học xong bài học , HS sẽ đạt được)**

**1.Kiến thức:**

- Thông tin về những phát minh khoa học bất ngờ và tình cờ.

- Mục đích, diễn biến , kết quả và ứng dụng của các phát minh.

**2. Năng lực:**

- Nhận biết được một số khái niệm thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học.

- Hiểu được tác dụng của các phát minh đó để ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống.

- Hiểu được tình yêu, niềm say mê khoa học dù đó là những phát minh tình cờ và bất ngờ.

**3. Phẩm chất:**

- Trân trọng những nghiên cứu khoa học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, SBT.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nội dung bài giảng.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

- Giấy A4.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS:

- Kết nối tri thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn từ những tư liệu.

**b) Nội dung:** GV cho HS kể tên một số những thành quả nghiên cứu khoa học trong đời sống mà em biết.

**c) Sản phẩm:** HS nêu và trình bày được:

- Phát minh ra máy rút tiền ATM đặt ở các bốt gần ngân hàng; phát minh ra điện thoại có dây;

- Một số ứng dụng từ thực tiễn: Điều chế vỏ bưởi ra tinh dầu bưởi; tinh dầu sả; ....

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Cho HS trình bày những hiểu biết của mình.

**-** HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ .**

- HS trả lời câu hỏi GV đưa ra.

- Có thể trình bày theo nhóm bàn hoặc cá nhân.

- GV hỗ trợ hs trong quá trình các em trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

GV: - Cho các e đứng lên trình bày câu trả lời của mình.

* Hướng dẫn HS nếu các em còn gặp khó khăn.

HS: Trả lời câu hỏi của GV.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn dắt vào hoạt động đọc.

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề.

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**

**2.1: Đọc và kiểm tra việc đọc văn bản.**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS đọc và giải thích một số thuật ngữ trong nội dung bài học.

- Nắm vững được thể loại, xuất xứ các phát minh khoa học được nêu trong bài.

**b. Nội dung:** - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn cách đọc văn bản và đặt câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào phần chuẩn bị của HS ở nhà trình bày thông tin về tác phẩm:  - Xuất xứ  - Thể loại  - Giải nghĩa từ *“Huyền thoại”; “Tình cờ”; “Bất ngờ”*  - Cách đọc văn bản  - Đọc minh họa  - GV chia nhóm lớp báo cáo nhiệm vụ .  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - 01 nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV theo dõi HS trong quá trình báo cáo, hỗ trợ HS (nếu cần)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1.** **Xuất xứ**  - Lược trích theo khoahoc.tv.  **2. Thể loại**  **-** Văn bản thông tin .  **3. Giải thích nghĩa của từ**  + Huyền thoại: DT nói về những người họ đã đạt những thành tích vang dội, được truyền từ đời này sang đời khác, họ làm những việc mang tính chất lịch sử hay những việc họ làm mà khi nhắc đến ai cũng biết.  + Tình cờ: Không có chủ tâm, do ngẫu nhiên, vô tình gặp được hoặc nhận biết được.  + Bất ngờ: Không ngờ tới, không dự tính trước.  **4. Đọc**  - HS đọc đúng. |

**2. 2 : Tổ chức đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Rèn cách đọc văn bản thông tin (thuật lại sự kiện).

- Nắm vững được nguyên nhân, diễn biến, kết quả của mỗi phát minh .

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng kỉ thuật mãnh ghép cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, việc theo nhóm để trả lời câu hỏi.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi , nhận xét.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, tương ứng với 4 câu hỏi trong SGK.  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ:  **Tìm hiểu thông tin về mỗi phát minh (tên nhà phát minh, mục đích ban đầu, diễn biến, kết quả) và nêu ngắn gọn theo bảng dưới đây.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên phát minh – Người phát minh** | **Nguyên nhân** | **Kết quả** | | 1. Đất nặn |  |  | | 2. Kem que |  |  | | 3. Lát khoai tây |  |  | | 4. Giấy nhớ |  |  |   + Nhóm I: phát minh thứ nhất  + Nhóm II: phát minh thứ hai  + Nhóm III: phát minh thứ ba  + Nhóm IV: phát minh thứ tư  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS**: - Thảo luận theo nhóm.  - Viết kết quả vào phiếu học tập  **GV:** Theo dõi quá trình làm việc của HS.  Giải đáp vướng mắc, tháo gỡ khó khăn khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu HS trình bày  - Hướng dẫn HS trình bày.  **HS:** - Đại diện nhóm lên trình bày .  - Các nhóm theo dõi, quan sát và nhận xét bổ sung cho nhóm bạn.  **Bước 4 : Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc của các nhóm.  - Chốt kiến thức, trình bày bảng và chuyển mục. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Những phát minh tình cờ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên phát minh – Người phát minh** | **Nguyên nhân** | **Kết quả** | | 1. Đất nặn  (Giô-sép Mác Vích-cơ). | - G. Mác Vích-cơ bị thua lỗ (do người dân dùng ga thay đất sét làm chất đốt).  - G. Mác Vích-cơ nhớ lại bài học chị dạy về việc sử dụng chất bột nhão để mô phỏng độ dẻo của đất sét. | - Một loại đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn ra đời.  - Công ti của G. Mác Vích-cơ thu về hàng triệu đô la. | | 2. Kem que  (Ep-po-xơn). | - Ep-po-xơn vô tình dùng chiếc que trộn bột soda khô và nước lại với nhau trong một cái cốc để đùa nghịch và để quên ngoài trời. | - Kem que ra đời, trở thành sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại khi hè đến. | | 3. Lát khoai tây chiên (Cram). | - Khách hàng liên tục gửi trả lại món ăn đã phục vụ, yêu cầu phải thái lát mỏng và giòn hơn nữa.  - Cram đã mất bình tĩnh, cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể mỏng hơn và chiên chúng khô cứng. | - Lát khoai tây chiên ra đời, được nhiều người yêu thích, đặt mua. | | 4. Giấy nhớ (Xin-vơ). | - Xin-vơ tạo ra một chất dính tạm trong phòng thí nghiệm nhưng không biết ứng dụng.  - Đồng nghiệp của Xin-vơ không tìm ra cách gì để dán một số giấy tờ lên cuốn sách hợp ca.  - Hai ý tưởng lớn gặp nhau. | - Giấy nhớ ra đời  - Năm 1980 trở nên phổ biến. | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  - GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời làm việc nhóm đôi.  **PHIẾU HỌC TẬP**  \*Đối tượng độc giả (Bài viết hướng tới đối tượng độc giả nào?)  \* Hình thức trình bày  1. Bố cục (Việc lặp lại cách trình bày thông tin ở các phát minh trong văn bản có tác dụng gì?)  2. Sa pô (Vị trí, vai trò của sa pô?)  3. Hinh ảnh (Các hình ảnh đưa vào văn bản có tác dụng gì?)  4. Lời văn (Nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ của văn bản và ý nghĩa của đặc điểm đó trong việc tiếp cận bạn đọc?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS**:- Thảo luận theo nhóm đôi.  - Viết kết quả vào phiếu học tập  **GV:** Theo dõi quá trình làm việc của HS.  Giải đáp vướng mắc, tháo gỡ khó khăn khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  **GV:** - Yêu cầu HS trình bày  - Hướng dẫn HS trình bày.  **HS:** - Đại diện nhóm lên trình bày .  - Các nhóm theo dõi, quan sát và nhận xét bổ sung cho nhóm bạn.  **Bước 4 : Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc của các nhóm.  - Chốt kiến thức, trình bày bảng và chuyển mục. | | **2. Đặc sắc nghệ thuật**  \*Đối tượng độc giả (Bài viết hướng tới đối tượng độc giả nào?)  \* Hình thức trình bày  1. Bố cục (Việc lặp lại cách trình bày thông tin ở các phát minh trong văn bản có tác dụng gì?)  - Tạo tính khoa học, rành mạch cho bố cục bài viết  2. Sa pô (Vị trí, vai trò của sa pô?)  - Nằm dưới tiêu đề, được in đậm, dẫn dắt nội dung bài viết, thu hút sự chú ý của người đọc.  3. Hình ảnh (Các hình ảnh đưa vào văn bản có tác dụng gì?)  - Minh họa làm cho thông tin bài viết thêm sống động  4. Lời văn (Nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ của văn bản và ý nghĩa của đặc điểm đó trong việc tiếp cận bạn đọc?  - Ngắn gọn, rõ ràng, chính xác, phù hợp  🡪 Bài viết có cách đưa thông tin đa dạng, kết hợp kênh chữ với kênh hình (văn bản đa phương thức)  🡪 Phù hợp với nhiều đối tượng bạn đọc thuộc mọi lứa tuổi, ngành nghề, tầng lớp, vùng miền,… |

**3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức rút ra nội dung khái quát.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao bài tập cho HS.

**? Chỉ ra sự khác nhau trong cách trình bày thông tin giữa văn bản Những phát minh "tình cờ và bất ngờ" và hai văn bản Phạm Tuyên và ca khúc mừng chiến thắng, Điều gì giúp bóng đá Việt nam chiến thắng? Cách trình bày của mỗi văn bản phù hợp với mục đích của văn bản như thế nào?**

**? Trong số những phát minh được nhắc đến trong văn bản trên em thích phát minh nào nhất? Vì sao?**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS chú ý các nội dung chính trong mỗi văn bản đã học rút ra câu trả lời.

- GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

-HS trình bày, theo dõi, nhận xét và bổ sung ( nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

4. Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng.

**VIẾT**

**TÓM TẮT VĂN BẢN THÔNG TIN**

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm thế nào là tóm tắt một văn bản thông tin.

- Trình tự các bước tóm tắt một văn bản thông tin.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được đặc điểm văn bản thông tin khi đã tóm tắt.

- Biết tóm tắt một văn bản thông tin bất kì.

***3. Về phẩm chất:***

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.

-Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức lý thuyết để tạo lập văn bản tóm tắt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**Phiếu học tập số 1: Tìm ý**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Làm việc nhóm**  **Phát minh được trình bày trong văn bản:**  ?Tên phát minh:………………………………………………  ? Ai phát minh:……………………………………………  ? Mục đích ban đầu của việc phát minh:………………………  ? Diễn biến và kết quả của phát minh:……………………… |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **HĐ 1: Xác định vấn đề**   a, **Mục tiêu:**  **-** HS biết được kiểu bài về tóm tắt một văn bản thông tin.  **b, Nội dung:**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c, Sản phẩm:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.  **d, Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **GV hỏi:**  ? Em hãy kể tên một vài văn bản thông tin mà em đã được đọc và đã được học?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **HS:** - Suy nghĩ cá nhân. Dựa vào hiểu biết của bản thân để trình bày.  **B3: Báo cáo kết quả học tập.**  - GV chỉ định 1-2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn tóm tắt văn bản thông tin*”. | | | * Những suy nghĩ, chia sẻ của HS. | |
| **2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1: Định hướng**  **a, Mục tiêu:**  **HS biết được các yêu cầu của kiểu bài tóm tắt văn bản thông tin.**  - Khái niệm tóm tắt một văn bản thông tin.  - Trình tự các bước tóm tắt một văn bản thông tin.  b, **Nội dung:**  - HS đọc SGK  - GV chia nhóm lớp theo bàn  - Cho HS làm việc nhóm trên giấy A4.  - GV gọi 1-2 học sinh đọc bài mẫu.  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra  **c, Sản phẩm**: Phiếu học tập của học sinh; Câu trả lời của học sinh.  **d, Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV: Yêu cầu văn bản cầu học sinh quan sát phần ví dụ về văn bản thông tin “Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?” nguyên bản và 2 bản tóm tóm tắt theo cách thông dụng và trình bày bằng sơ đồ.  - GV yêu cầu 1-2 học sinh đọc 2 bài mẫu tóm tắt văn bản thông tin: **“Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?”**  ? Em nhận xét gì về sự giống và khác nhau của 2 văn bản trên?  ? Thế nào là tóm tắt văn bản thông tin?  ? Để tóm tắt văn bản thông tin, có thể tiến hành theo trình tự nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Dựa vào kiến thức SGK/102 để trình bày.   * Thảo luận theo bàn 3’   **-** HS chú ý quan sát, theo dõi  **-** Suy nghĩ và trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1-2 HS trình bày nội dung trong phiếu học tập của nhóm mình.  - HS trình bày  - Các bạn còn lại nhận xét về nội dung báo cáo của bạn đã trình bày.  - GV thu lại toàn bộ phiếu học tập (đọc, đánh giá vào phiếu cho học sinh sau).  - GV chỉ định HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục sau. | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **Bài mẫu**: “Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?”  *Giống nhau: Về nội dung, sự việc.*  *Khác nhau: Văn bản chưa được tóm tắt có dung lượng dài hơn và ngược lại.*  **1. Thế nào là tóm tắt văn bản thông tin?**  Tóm tắt văn bản thông tin là nêu ngắn gọn nội dung chính của một văn bản thông tin đó.  **2. Trình tự tóm tắt:**  a. Xác định thông tin chính của văn bản (thường nêu ở nhan đề và các đề mục lớn)  b. Xác định các thông tin cụ thể của mỗi đoạn hoặc phần trong văn bản (nếu văn bản có nhiều tiêu đề nhỏ thì các thông tin cụ thể thường nằm ở các tiêu đề ấy); giữ nguyên các mốc thời gian hoặc giữ lại những mốc thời gian quan trọng.  c. Kết nối các thông tin cụ thể và viết thành bản tóm tắt theo cách thông dụng hoặc trình bày bằng sơ đồ | | | |
| **2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: Thực hành.**  **a, Mục tiêu:** Giúp HS  - Viết bài theo các bước.  - Bám sát văn bản cần tóm tắt để tìm ý, viết bài.  - Dự kiến cách trình bày bản tóm tắt (theo cách thông dụng hoặc theo sơ đồ).  - Sử dụng ngôi kể thứ ba để tóm tắt văn bản thông tin.  b, **Nội dung:**  **-** GV sử dụng KT động não để hỏi HS về việc lựa chọn cách trình bày bản tóm tắt.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV. Làm việc nhóm theo dự án  **c, Sản phẩm học tập:** Sản phẩm trên giấy A0 của học sinh  **d, Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Chuẩn bị:**  Yêucầu 1 học sinh đọc lại văn bản: **“Những phát minh “tình cờ và bất ngờ””.**  Lựa chọn cách tóm tắt văn bản: “Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”” theo những cách nào?  **2**. **Tìm ý:** Dựa vào gợi ý trong SGK để trả lời các câu hỏi.  **3. Viết**  Có thể tóm tắt văn bản thành một đoạn văn, trong đó sử dụng lời văn của em kết hợp với việc sử dụng các từ ngữ chỉ thứ tự hoặc trình bày các thông tin chính của văn bản theo một sơ đồ nhất định.  - Bản tóm tắt phải có đầy đủ các thông tin về nguyên nhân và kết quả của sự kiện.  **4. Kiểm tra và chỉnh sửa**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhớ lại văn bản: “Những phát minh “tình cờ và bất ngờ””  - Làm việc cá nhân: 2’ trả lời câu hỏi.  ? Trong “Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”” đã thuật lại những phát minh nào?  ? Thứ tự của các phát minh ấy được trình bày ở trong văn bản?  - Liệt kê những thông tin chính và cụ thể có trong văn bản “Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”” theo những gợi ý sau:  ? Tên phát minh là gì?  ? Ai phát minh ra nó?  ? Mục đích ban đầu của việc phát minh đó là gì?  ? Diễn biến và kết quả của phát minh như thế nào?  - HS suy nghĩ cá nhân 2’và kết hợp với các bạn trong nhóm dự án để hoàn thành nhiệm vụ: HS làm việc theo nhóm: 5’ để thống nhất ý kiến và trả lời.  GV:  - Chia lớp ra thành 04 nhóm.  - Mỗi nhóm tìm ý cho một phát minh.  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phần tìm ý vào giấy A0.  **+ NHÓM 1:** Trong phát minh thứ nhất:  ? Tên phát minh là gì?  ? Ai phát minh ra nó?  ? Mục đích ban đầu của việc phát minh đó là gì?  ? Diễn biến và kết quả của phát minh như thế nào?  + NHÓM 2: Trong phát minh thứ hai:  ? Tên phát minh là gì?  ? Ai phát minh ra nó?  ? Mục đích ban đầu của việc phát minh đó là gì?  ? Diễn biến và kết quả của phát minh đó như thế nào?  + NHÓM 3: Trong phát minh thứ ba:  ? Tên phát minh là gì?  ? Ai phát minh ra nó?  ? Mục đích ban đầu của việc phát minh đó là gì?  ? Diễn biến và kết quả của phát minh như thế nào?  + NHÓM 4: Trong phát minh thứ tư:  ? Tên phát minh là gì?  ? Ai phát minh ra nó?  ? Mục đích ban đầu của việc phát minh đó là gì?  ? Diễn biến và kết quả của phát minh như thế nào?  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | | **II. THỰC HÀNH**  **1. Chuẩn bị**  - Đọc kĩ văn bản “Những phát minh “tình cờ và bất ngờ””.  - Có thể tóm tắt theo hai cách:thông dụng hoặc trình bày bằng sơ đồ.  **2. Tìm ý**  ***Vb*:** “Những phát minh “tình cờ và bất ngờ””   * **Những phát minh:** * Đất nặn * Kem que * Lát khoai tây chiên * Giấy nhớ * **Ở mỗi phát minh:**   **\* Phát minh thứ nhất:**  - Tên phát minh: Đất nặn.  - Người phát minh: Giô-sép Mác Vích-cơ người Mỹ.  - Mục đích ban đầu: Chế tạo một loại đất sét có công dụng loại bỏ các vết đen do bò hóng gây ra trong những căn nhà khi sử dụng than, củi để nấu nướng và sưởi ấm.  - Diễn biến và kết quả: Vích-cơ nhớ lại việc chị ông dạy cho về việc sử dụng những chất bột nhão để mô phỏng độ dẻo của đất sét. Năm 1957, ông đã biến thiết kế trên thành một loại đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn, đó chính là đất nặn, từ đó mang lại cho công ti hàng triệu đô la Mỹ.  **\* Phát minh thứ hai:**  - Tên phát minh: Kem que.  - Người phát minh: Phrăng Ép-pơ-xơn, người Mỹ.  - Mục đích ban đầu: Trong khi vui chơi cùng gia đình, cậu dùng chiếc que trộn bột soda khô và nước trong một chiếc cốc để đùa nghịch, sau đó bỏ quên hỗn hợp đó ở ngoài trời.  - Diễn biến và kết quả: Sáng hôm sau Ép-pơ-xơn phát hiện hỗn đó trở thành một que kẹo băng. Và cậu đặt tên sản phẩm theo tên của mình. Năm 1923, Ép-pơ-xơn đã đăng kí bằng sáng chế cho thiết kế này, cũng là thời điểm đánh dấu sự ra đời của kem que. Đây là sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại mỗi khi mùa hè đến.  **\* Phát minh thứ ba:**  - Tên phát minh: Lát khoai tây chiên.  - Nhà phát minh: Gioóc- Crăm, đầu bếp tại một nhà hàng ở Xa-ra-tô-ga, Niu Oóc, nước Mỹ.  - Mục đích ban đầu: Crăm khi ấy đang cố gắng phục vụ món khoai tây Pháp do một khách hàng đặt vào mùa hè 1853.  - Diễn biến và kết quả: Khách hàng ấy liên tục gửi trả lại món ăn đã phục vụ, yêu cầu thái lát mỏng hơn và giòn hơn nữa. Crăm đã mất bình tĩnh, cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể mỏng hơn rồi chiên chúng cho đến khô và cứng nhất có thể. Nó trở thành món khoai tây chiên, được rất nhiều người thích và đặt mua.  **\* Phát minh thứ tư:**  - Tên phát minh: Giấy nhớ.  - Nhà phát minh: Xpen- xơ Xin-vơ và Át Phrai, họ cùng làm việc tại một phòng thí nghiệm.  - Mục đích ban đầu: Năm 1968, Xin-vơ tạo ra một chất dính tạm trong phòng thí nghiệm nhưng không biết sử dụng nó vào việc gì.  - Diễn biến và kết quả: Chất dính mà Xin-vơ tạo ra có thể đính một vật có trọng lượng nhỏ như một tờ giấy chẳng hạn lên trên đó mà khi dính hoặc bỏ đi khỏi bề mặt mà không làm hư hại gì cả. Hơn nữa độ dính của chất này kéo dài rất lâu nhưng ông vẫn chưa tìm ra được ứng dụng của nó. Vài năm sau, đồng nghiệp của ông là Át Phrai vốn đang bực tức vì không thể tìm ra cách gì để dán một số giấy tờ lên cuốn sách hợp ca của mình. Và từ đó, ý tưởng lớn gặp nhau, giấy nhớ được ra đời. Dù vậy, phải đến năm 1980, nó mới được dùng phổ biến.  **3. Viết**  - Tóm tắt theo phần tìm ý  - Tóm tắt theo cách thông dụng hoặc trình bày sơ đồ.  **4. Kiểm tra và chỉnh sửa**  - Đọc và sửa lại bài viết. | | |
| **2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3: Trả bài.**  **a, Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho nhóm mình và cho nhóm bạn.  **b, Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c, Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh đã sửa  **d, Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS các nhóm nhận xét bài của nhau.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên phần tìm ý của bài viết.* | | | | **III. TRẢ BÀI**  Bài viết đã được sửa của các nhóm |
| 1. **Hoạt động 3: Luyện tập**   **a, Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  **b, Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập của GV giao.  **c, Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS.  **d, Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập: Hãy tóm tắt văn bản thông tin: **“Phạm Tuyên và khúc ca mừng chiến thắng”.**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Dựa vào các bước trong cách làm tóm tắt một văn bản thông tin để thực hiện đối với văn bản: **“Phạm Tuyên và khúc ca mừng chiến thắng”.**  - Chú ý tìm các ý, dự kiến cách trình bày bản tóm tắt.  Khi đọc văn bản thông tin thuật lại một sự kiện theo mối quan hệ nguyên nhân- kết quả các em cần chú ý:  + Văn bản được đăng hoặc in ở đâu, thời điểm nào? thời điểm đó có ý nghĩa gì?  + Văn bản thuật lại sự kiện gì? Sự kiện ấy được nêu ở phần nào của văn bản?  + Thứ tự triển khai nguyên nhân, diễn biến và kết quả của sự kiện  + Các yếu tố như nhan đề, Sapo, Đề mục, hình ảnh,… trong văn bản có tác dụng gì?  + Sự kiện được thuật lại có ý nghĩa gì với người đọc?  **HS**: Tìm các thông tin chính, lập ý, viết bài tóm tắt văn bản bằng lời của mình.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** .  GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét | | | | **IV. LUYỆN TẬP**  Bài viết đã được sửa của các nhóm |
| 1. **Hoạt động 4: Vận dụng**   **a, Mục tiêu:**Phát triển năng lực tóm tắt một văn bản thông tin.  **b, Nội dung:**Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c, Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d, Tổ chức thực hiện:** | | | | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | | | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy tóm tắt một văn bản thông tin (mà em đã đọc, đã nghe) theo cách thông dụng hoặc trình bày bằng sơ đồ.  - Nộp sản phẩm về cho cô giáo vào tiết học ngày hôm sau (hoặc qua Zalo)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV vào tiết học ngày hôm sau (hoặc qua zalo của cô giáo).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. | | | | **V. VẬN DỤNG** |

Bài tóm tắt văn bản: **“Những phát minh “tình cờ và bất ngờ”” trên giấy A0**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên phát minh** | **Nguyên nhân** | **Kết quả** |
| 1. Đất nặn | Người dân thay vì sử dụng than, củi để nấu và sưởi ấm thì họ chuyển sang dùng ga khiến ông thua lỗ và nhớ về bài học chỉ dạy ông cách sử dụng bột nhão mô phỏng độ dẻo của đất sét. | Trở thành loại đồ chơi cho trẻ em với nhiều màu sắc hấp dẫn thu về hàng triệu đô la Mỹ. |
| 2. Kem que  50 Que Kem Gỗ/Làm Kem Que/Đồ 11*1*0.2cm Loại Đẹp | Shopee Việt Nam | Ép-pơ-xơn vô tình dung chiếc que trộn bột soda khô và nước lại với nhau trong một cái cốc để đùa nghịch và để quên ngoài trời. | Trở thành sản phẩm bán chạy nhất mọi thời đại khi hè đến. |
| 3. Lát khoai tây chiên | Crăm đã mất bình tĩnh khi khách hàng liên tục gửi lại món ăn và cắt lát khoai mỏng đến nỗi không thể mỏng hơn và chiên chúng khô cứng. | Nhiều người thích nó và đặt mua rất nhiều. |
| 4. Giấy nhớ | Xin-vơ tạo ra một chất dính tạm trong phòng thí nghiệm nhưng không biết ứng dụng để làm gì.  Vài năm sau đồng nghiệp của ông là Át Phrai đang tìm cách dán một số giấy tờ lên cuốn sách hợp ca của mình tại nhà thờ. | Ý tưởng lớn gặp nhau, giấy nhớ ra đời. |

**KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Chính xác, hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**VIẾT**

**VIẾT BIÊN BẢN**

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Khái niệm biên bản và các loại biên bản thường gặp

- Quy trình và cách thức trình bày một biên bản.

***2. Về năng lực:***

- Viết được biên bản trong các tình huống khác nhau về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận,...

- Nhận thấy sự giống và khác nhau của từng loại biên bản

***3. Về phẩm chất:***

- Nghiêm túc, cẩn thân khi viết biên bản.

- Trung thực và có trách nhiệm trong việc tiếp nhận, truyền đạt thông tin về các sự kiện, sự việc diễn ra trong đời sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Làm việc nhóm (bàn)**  **QUY TRÌNH VIẾT BIÊN BẢN:**  ? Bước 1:…………………………………………………  ? Bước 2:…………………………………………………  ? Bước 3:……………………………………………  ? Bước 4:………………………………………………….. |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. HĐ 1: Xác định vấn đề**  a, **Mục tiêu:**  - Biết được đặc điểm của biên bản về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận…  b, **Nội dung:**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c, Sản phẩm:**  **d, Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao nhiệm vụ:**  ? Khi em chứng kiến một vụ việc hay tham dự một cuộc họp, thảo luận mà muốn ghi lại diễn biến của vụ việc, cuộc họp, thảo luận ấy, em cần sử dụng kiểu văn bản nào?  ? Kể tên một số loại biên bản mà em đã biết?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** tiếp nhận nhiệm vụ học tập.  - HS Suy nghĩ cá nhân.  - HS kể lại một số biên bản đã biết.  **GV**:  - Dự kiến KK HS gặp: không biết kể về các biên bản trong nhà trường hoặc trong đời sống.  - Tháo gỡ bằng cách đặt thêm câu hỏi phụ:  ? Trong nhà trường, em đã từng thấy những biên bản nào?  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với một biên bản?* | - Viết biên bản vụ việc, cuộc họp, thảo luận. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1:Định hướng**  ***a, Mục tiêu:***  **HS biết được các yêu cầu khi viết một biên bản.**  + Nắm được khái niệm biên bản.  + Nắm được nội dung của từng vụ việc để chia ra nhiều loại biên bản khác nhau:  Biên bản ghi chép về một vụ việc; một cuộc họp; thảo luận.  + Nắm được quy trình để viết được một biên bản.  + Kể tên được một số loại biên bản thường gặp trong nhà trường và ngoài xã hội.  **b**, **Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên giấy A0  **c,** **Sản phẩm:**  **d, Tổ chức thực hiện:** | |
| **Mục 1: Tìm hiểu: Khái niệm biên bản:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV giao nhiệm vụ  GV: chiếu biên bản theo mẫu để HS quan sát  GV: Yêu cầu HS đọc biên bản/sgk  ? Biên bản là gì?  ? Dựa vào yếu tố nào để chia ra biên bản ra nhiều loại khác nhau, đó là những loại biên bản nào?  ? Kể tên các loại biên bản thường gặp?  HS nhận NV: chú ý quan sát, theo dõi, nghe câu hỏi của GV  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến trình bày sản phẩm thảo luận trên giấy A0  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  **Mục 2: Tìm hiểu Quy trình viết biên bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV trình chiếu nội dung mục 2 lên máy chiếu  ? Để viết được một biên bản, người viết cần có những quy trình nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Làm vào phiếu học tập số 1.  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi vào phiếu học tập  **B3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV chỉ định 1 - 2 học sinh trình bày nội dung trong phiếu học tập của mình.  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng  GV cho HS quan sát trên máy chiếu một lần nữa về quy trình để viết một biên bản  - GV yêu cầu học sinh đọc mẫu biên bản trong nhà trường ở SGK/105,106 (Biên bản: Sinh hoạt chi đội tuần 9)  **Hs: quan sát và lắng nghe để nắm được bố cục của một biên bản (Phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc).** | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **1. Khái niệm biên bản:**  - Biên bản là văn bản ghi lại những gì thực tế đã và đang xảy ra để làm chứng cứ, làm căn cứ; hoặc là bản ghi lại tiến trình, nội dung, kết quả thảo luận...  - Dựa vào nội dung của từng vụ viêc để chia biên bản ra nhiều loại khác nhau: Bản ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận…  **2. Quy trình viết biên bản**  - Quy trình viết biên bản gồm 4 bước sau:  + Xác định nội dung của biên bản  + Thu thập nội dung liên quan  + Tiến hành viết biên bản theo mẫu  + Đọc, rà soát biên bản. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2:Thực hành**  **a, Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu lại kiến thức đã học. Viết được một biên bản đầy đủ bố cục theo yêu cầu.  **b, Nội dung:** Theo dõi SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập một cách độc lập trên giấy A4.  **c, Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS.  **d, Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm BT thực hành /sgk/106 theo nhóm:  *Để hưởng ứng Ngày trái đất 22-4, lớp em đã tổ chức thảo luận về chủ đề “Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa” trong giờ sinh hoạt lớp. Em hãy ghi lại biên bản của buổi thảo luận đó. Có thể viết tay hoặc tạo lập văn bản trên máy tính.*   * HS tiếp nhận NV   **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- HS:** suy nghĩ và làm việc cá nhân  **a. Chuẩn bị**  - Mục đích ghi biên bản: ghi chép nội dung cuộc thảo luận  - Phương tiện, dụng cụ để ghi biên bản: giấy, bút  - Xem lại mẫu biên bản, nắm bố cục của biên bản  - Thu thập thông tin trong buổi thảo luận để ghi biên bản.  **b.Viết**  - Quan sát, lắng nghe mọi người trình bày ý kiến thảo luận trong buổi sinh hoạt để viết biên bản theo yêu cầu.  - Thông qua biên bản đã được viết trước tập thể.  **c. Kiểm tra và chỉnh sửa**   * BS các ý kiến góp ý của tổ về biên bản (nếu có) * Đọc lại biên bản * Soát lỗi, sửa lỗi.   **B3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm  - Các nhóm khác nhận xét sp của nhóm bạn  **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá sp của HS, ghi điểm khuyến khích. | **II. THỰC HÀNH**  **1. Chuẩn bị**  **2. Viết bài**  - Quan sát, lắng nghe mọi người trình bày ý kiến thảo luận trong buổi thảo luận để viết biên bản theo yêu cầu.  - Viết biên bản đầy đủ bố cục 3 phần:  + Phần mở đầu  + Phần nội dung  + Phần kết thúc  - Thông qua biên bản đã được viết trước nhóm, tập thể lớp.  **3. Kiểm tra và chỉnh sửa**   * Bổ sung các ý kiến góp ý của các nhóm về biên bản (nếu có) * Đọc lại biên bản. * Soát lỗi, sửa lỗi. |
| **2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3:Trả bài**  **a, Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  **b,** **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c, Sản phẩm:** Bài làm đã sửa của học sinh.  **d, Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm việc theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | **III. TRẢ BÀI** |
| **3. Hoạt động 3: Luyện tập**  ***a, Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  ***b, Nội dung:*** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  ***c, Sản phẩm:***Bài làm của học sinh.  ***d, Tổ chức thực hiện:*** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập: Hãy viết biên tổng kết chi đội cuối học kì I.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Dựa vào các bước trong cách viết một biên bản để thực hiện đối với biên tổng kết chi đội cuối học kì I.  - Chú ý chuỗi sự kiện (phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc).  **HS**: Thu thập thông tin, viết biên bản tổng kết chi đội cuối học kì I.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:** .  GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét | **IV. LUYỆN TẬP** |
| **4. Hoạt động 4: Vận dụng**  **a, Mục tiêu:**Phát triển năng lực viết biên bản.  **b, Nội dung:**Giáo viên giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.  **c, Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).  **d, Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  ? Hãy viết một biên bản về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận,...  - Nộp sản phẩm về cho cô giáo vào tiết học ngày hôm sau (hoặc qua Zalô)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.  **HS**: Nộp sản phẩm cho GV vào tiết học ngày hôm sau (hoặc qua zalo của cô giáo).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà. | **V. VẬN DỤNG** |

**KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp;  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung;  - Chính xác, hấp dẫn, sinh động;  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học;  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc;  - Phiếu học tập;  - Hệ thống câu hỏi và bài tập;  - Trao đổi, thảo luận. |  |

**Mẫu bài tập thực hành trên giấy A4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường THCS Lê Lợi**  **Chi đội: 6A** | **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN THẢO LUẬN VỀ CHỦ ĐỀ “HẠN CHẾ SỬ DỤNG BAO BÌ NI LÔNG VÀ CHẤT THẢI NHỰA”**

Thời gian bắt đầu: 14 giờ ngày 09 tháng 09 năm 2021  
Địa điểm: Lớp 6A trường THCS Lê Lợi

Thành phần tham gia: giáo viên chủ nhiệm, 42 đội viên chi đội 6A

Chủ trì: Nguyễn Văn A- Lớp trưởng

Thư kí: Nguyễn Thị B- Lớp phó học tập

Nội dung sinh hoạt

(1) Lớp trưởng Nguyễn Văn A đứng lên tổ chức cả lớp thảo luận về chủ đề “Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa”

a. Về hoạt động thảo luận đưa ra ý kiến về  “Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và chất thải nhựa” :

Sau khi hoạt động thảo luận, tổ trưởng các tổ đưa ra ý kiến và được tổng hợp lại như sau:

1. Hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa, túi nilon tại đơn vị, thay bằng sản phẩm hữu cơ, sử dụng nhiều lần.

2. Sử dụng quy trình xử lí rác thải “ giảm thiểu- tái sử dụng- tái chế”

3.  Tổ chức thu hồi túi ni lông để tái chế

4.  Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng

5. Phía địa phương hỗ trợ  xây dựng một hệ thống thu gom, tái chế, tái sử dụng túi ni lông

Ý kiến của một số cá nhân bổ sung:

1. Tổ chức các chương trình thu gom rác thải, sáng tạo, tái sử dụng những rác thải không sử dụng nữa trở thành những đồ vật hữu ích

2. Bổ sung thùng chứa rác tại các vị trí sản xuất, phân loại rác có thể tái chế với rác thải hữu cơ, dễ phân hủy tại nguồn phát thải.

3. Tổ chức ra quân thu gom rác thải nói chung và rác thải nhựa nói riêng

Buổi sinh hoạt kết thúc lúc 15h45 ngày 09 tháng 09 năm 2021

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư kí** | **Chủ tọa** |

**Nguyễn Thị B Nguyễn Văn A**

**NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

***(Số tiết dạy học: 2 tiết)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thảo luận nhóm về nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc

**2. Năng lực**

- Biết thuật lại nguyên nhân dẫn đến kết quả một sự việc.

- Nói được nguyên nhân sự việc.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài về một vấn đề

**3. Phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học sinh:**

- Soạn bài; SGK, SBT Ngữ văn 6 tập hai, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| Nhóm hùng biện : .......................................... Nhóm đánh giá: ................................ | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | |
| **Chưa đạt (0 điểm)** | **Đạt (1 điểm)** | **Tốt (2 điểm)** |
| **1. Nội dung làm sáng tỏ yêu cầu đề bài.** | Nội dung chưa làm sáng tỏ yêu cầu đề bài. | Nội dung đã làm sáng tỏ yêu cầu đề bài. | Nội dung đã làm sáng tỏ yêu cầu đề bài, có những hiểu biết mới, sáng tạo về vấn đề... |
| **2. Nói to, rõ ràng, truyền cảm, thuyết phục.** | Nói nhỏ, khó nghe; nói bị lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. | Nói to; đôi khi còn lặp lại, ngập ngừng một vài câu. | Nói to, rõ ràng, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. |
| **3. Sử dụng phương tiện trực quan phù hợp.** | Chưa sử dụng phương tiện trực quan | Đã phương tiện trực quan nhưng chưa đẹp hoặc có chỗ chưa phù hợp. | Đã phương tiện trực quan phù hợp và sáng tạo. |
| **4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt...) phù hợp.** | Điệu bộ thiếu tự tin; ánh mắt không hướng về phía người nghe; nét mặt chưa biểu cảm/ biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe; biểu cảm phụ hợp với nội dung. | Điệu bộ rất tự tin, thoải mái, tự nhiên, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| **5. Phần mở đầu và kết thúc hợp lí.** | Không chào hỏi; không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi và có lời kết thúc bài. | Chảo hỏi và kết thúc ấn tượng, hấp dẫn và lôi cuốn người nghe. |
| **Tổng điểm: .................../10 điểm** | | | |
| **NHỮNG ĐIỀU CÒN THẮC MẮC: .............................................................................................................................................** | | | |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề**  ***a) Mục tiêu:*** Học sinh kết nối kiến thức đã học vào cuộc sống  ***b) Nội dung:*** HS lắng nghe câu hỏi và chia sẻ với các bạn để trả lời.  ***c) Sản phẩm:*** Học sinh xác định được nội dung của tiết học là nói về nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện.  ***d) Tổ chức thực hiện:*** | |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***B1:******Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV đưa ra đề bài và yêu cầu HS đưa ra hướng giải quyết ban đầu của đề bài:  ? Đã bao giờ em từng thảo luận nhóm để cùng tìm ra nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện nào đó chưa? Em nhận thấy thảo luận nhóm cho ta những lợi ích gì?  B2: ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ, chia sẻ cặp đôi và với cả lớp  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  ***B3: Báo cáo kết quả***  - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe HS trình bày.  - Dự kiến sản phẩm: Lợi ích của thảo luận nhóm:  + Rèn luyện kỹ năng lắng nghe.  + Rèn luyện kỹ năng tổ chức công việc.  + Giúp các cá nhân biết cách trợ giúp và tôn trọng lẫn nhau.  + Giúp cá nhân có trách nhiệm hơn với công việc được giao.  + Giúp bạn đưa ra được những quyết định đúng đắn...  ***B4:Đánh giá kết quả***  + HS tự đánh giá  + Hs đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá và kết nối vào bài.  **-> GV dẫn dắt vào bài:** *Trong cuộc sống và học tập, sinh hoạt có những vấn đề ta cần đưa ra nhóm để bàn bạc tìm ra những nguyên nhân dẫn đén những kết quả của một sự việc, sự kiện đó. Vậy tiết học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thực hành nói và nghe phần thảo luận nhóm về một vấn đề...* |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 1: CHUẨN BỊ BÀI NÓI**  ***a) Mục tiêu:***Nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói và thực hành nói và nghe (Kĩ năng nói, nhận xét, giải quyết tình huống, phản biện, nêu ý kiến...) trước cả lớp.  ***b) Nội dung:*** Tổ chức cho HS luyện nói, nêu ý kiến, phản biện...  ***c) Sản phẩm:*** HS tiếp thu kiến thức, rèn được kĩ năng nói, nêu ý kiến, phản biện, xử lí tình huống trước lớp.  ***d) Tổ chức thực hiện:*** | |
| ***B1:******Chuyển giao nhiệm vụ(GV)***  *-* GV yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1.  - HS:Tiếp nhận  B2: ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ, ghi ra câu trả lời.  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  *B3:* ***Báo cáo kết quả***  - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe Hs trình bày.  - Dự kiến sản phẩm:  ***B4: Đánh giá kết quả***  + HS tự đánh giá  + Hs đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá.  -> GV chốt kiến thức và ghi bảng | **I. Định hướng:**  ***1. Khái niệm***  Thảo luận nhóm về nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện là nêu lên ý kiến của các cá nhân và trao đổi, thảo luận để thống nhất trong nhóm về những nguyên nhân dẫn đến kết quả ấy.  **2.Những yêu cầu khi thảo luận nhóm**  ***-*** Xác định sự việc, sự kiện.  ***-*** Nêu kết quả của sự việc, sự kiện.  ***-*** Chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến kết quả của sự việc, sự kiện.  ***-*** Trao đổi, thảo luận về nguyên nhân mà các thành viên trong nhóm nêu ra; thống nhất ý kiến trong nhóm.  **3. Các bước thảo luận nhóm**  ***- B1:*** Chuẩn bị  ***- B2:*** Tìm ý và lập dàn ý  ***- B3:*** Nói và nghe  ***- B4:*** Kiêm tra và chỉnh sửa |
|  |  |

|  |
| --- |
| **Phiếu học tập số 1**  **Làm việc nhóm và trả lời các câu hỏi sau:** |
| **1. Điền từ vào chỗ trống:**  Thảo luận nhóm về nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện là ....nêu lên ý kiến.... của các ....cá nhân.... và ...trao đổi...., ...thảo luận... để ...thống nhất.. trong nhóm về những nguyên nhân dẫn đến kết quả ấy. |
| **2. Đánh dấu X vào ô trống trước trường hợp em cho là cần thảo luận nhóm tìm ra nguyên nhân dẫn đến kết quả của các sự việc, sự kiện.**  Điều gì giúp bóng đá Việt Nam chiến thắng?  Nguyên nhân nào làm cho nước sạch ngày càng khan hiếm?  An sẽ học giỏi nếu An chăm chỉ học tập.  My đã bị điểm thập vì My không ôn bài trước khi kiểm tra.  Tại sao lại phải đeo khẩu trang khi ra đường trong thời gian này?  Vì sao cuối học kì I, lớp em được tuyên dương và khen thưởng  Hoa mới mua chiếc váy mới rất đẹp.  Sân trường mùa hè thật vắng lặng.  Nguyên nhân em chưa đạt thành tích cao trong học tập ở học kì I?  Trăng hôm nay đẹp quá! |
| **3. Điền vào các ô trống sao cho thể hiện những điều cần làm khi thảo luận nhóm về những nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc, sự kiện?**  Xác định sự việc, sự kiện.  Nêu kết quả của sự việc, sự kiện.  Chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến kết quả của sự việc, sự kiện.  Trao đổi, thảo luận về nguyên nhân mà các thành viên trong nhóm nêu ra; thống nhất ý kiến trong nhóm. |
| **4. Sắp xếp các bước sau sao cho đúng thứ tự các bước thực hành bài nói: Thảo luận về một vấn đề? (3-2-1-4)**   |  |  | | --- | --- | | 3. Chuẩn bị  2. Tìm ý và lập dàn ý | 1. Nói và nghe  4. Kiểm tra và chỉnh sửa | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 2: THẢO LUẬN NHÓM** | |
| *a) Mục tiêu:* Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.  *b) Nội dung:* Thảo luận về vấn đề: “Nguyên nhân nào làm cho nước sạch ngày càng khan hiếm?”  *c) Sản phẩm:* Câu hỏi, câu trả lời, phần thảo luận của nhóm của HS.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| ***B1:******Chuyển giao nhiệm vụ:***  *-* GV yêu cầu HS thảo luận nhóm tìm ý và lập dàn ý như hướng dẫn ở mục b trong SGK- tr 108.  - HS:Tiếp nhận  B2: ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận  - HS lập nhóm, phân công nhiệm vụ, khuyến khích sử dụng phần mềm, tranh ảnh, tiếng anh cho bài nói của nhóm.  *-* GV hỗ trợ, góp ý cho HS.  *B3:* ***Báo cáo kết quả***  - HS trong nhóm thảo luận thống nhất ý kiến và tạo ra sản phẩm.  - GV quan sát, góp ý.  ***B4:Đánh giá kết quả***  - GV quan sát đánh giá ý thức làm việc nhóm của các nhóm và các thành viên trong các nhóm. | **II.Thực hành** |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 3: TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | |
| *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  *b) Nội dung:*  GV yêu cầu: HS nói theo dàn ý các nhóm đã thảo luận.  *c) Sản phẩm:*  - Sản phẩm nói của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| ***B1:******Chuyển giao nhiệm vụ:***  *-* GV tổ chức cuộc thi “Hùng biện nhí”: Trao đổi vấn đề “Nguyên nhân nước sạch ngày càng khan hiếm”.  - HS:Tiếp nhận  B2: ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - GV chia lớp thành 4 nhóm hùng biện (4 nhóm thảo luận)  - HS lập nhóm, phân công nhiệm vụ.  *-* GV hỗ trợ, góp ý cho HS.  ***B3: Báo cáo kết quả***  - HS cử đại diện nhóm trình bày bài hùng biện của nhóm.  - Nhóm khác chú ý, lắng nghe, ghi chép.  - GV nghe HS trình bày.  ***B4:Đánh giá kết quả***  + HS tự đánh giá bằng cách nghĩ ra ưu điểm và nhược điểm trong phần nói của đại diện nhóm mình vào giấy.  + HS đánh giá lẫn nhau: Hoàn thành bảng nhận xét GV đã phát  + Giáo viên ghi lại nhận xét đánh giá. |  |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**  **Nhiệm vụ 4:TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI**  *a) Mục tiêu:* Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài nói.  - Chỉnh sửa bài nói cho nhóm mình và nhóm bạn.  *b) Nội dung:*  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  *c) Sản phẩm:* Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| ***B1******Chuyển giao nhiệm vụ:***  *-* GV phát phiếu đánh giá theo tiêu chí  - HS:Các nhóm chuẩn bị câu hỏi  B2. ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ, ghi ra câu hỏi cho nhóm hùng biện  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  ***B3.Báo cáo kết quả***  - Nhóm cử đại diện đặt câu hỏi cho nhóm trình bày.  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi thắc mắc.  - GV nghe HS trình bày.  ***B4.Đánh giá kết quả***  - HS đánh giá lẫn nhau:  + Nhóm hùng biện đánh giá câu hỏi của nhóm thắc mắc.  + Nhóm thắc mắc đánh giá câu trả lời của nhóm hùng biện.  - Giáo viên nhận xét đánh giá. |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  *a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.  *b) Nội dung:* HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.  *c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  Giáo viên giao bài tập cho HS.  Bài tập: Hãy viết thành bài văn lí giải nguyên nhân làm cho nước sạch khan hiếm.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS:  - Dựa vào dàn ý của nhóm mình đã chuẩn bị  **HS**: Viết bài dựa trên dàn ý có sẵn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá bài làm của HS bằng nhận xét. |  |
| **Hoạt động 4: Vận dụng**  *a) Mục tiêu:* Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.  *b) Nội dung:* Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi ý kiến về vấn đề sau:  ? Vì sao cuối học kì I, lớp em được tuyên dương và khen thưởng là lớp đứng đầu khối 6?  *c) Sản phẩm:* Câu trả lời, bài nói của HS  *d) Tổ chức thực hiện:* | |
| ***B1:******Chuyển giao nhiệm vụ:***  *-* GV yêu cầu HS thực hành nói tại nhà và quay lại hình ảnh luyện nói của mình về vấn đề sau: Vì sao cuối học kì I, lớp em được tuyên dương và khen thưởng là lớp đứng đầu khối 6?  B2: ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ, lên kế hoạch, thảo luận tại nhà.  *-* GV hỗ trợ, tư vấn thêm.  ***B3: Báo cáo kết quả***  - Nhóm HS ghi lại quá trình thảo luận của nhóm và sản phẩm sau khi thảo luận của nhóm gửi về GV (sản phẩm có thể là sơ đồ tư duy trên giấy A0 hoặc PP)  - GV nghe HS trình bày.  ***B4:Đánh giá kết quả***  + HS tự đánh giá  + Giáo viên nhận xét đánh giá. |  |

***\* Hướng dẫn về nhà***

- Học bài cũ:

+ Thực hành luyện nói ở nhà.

+ Xem 1 số clip thuyết trình trên mạng để học hỏi

- Hoàn thành bài tập tự đánh giá SGK-tr 109, 110, 111.

- Tự học, chuẩn bị bài mới:

+ Trả lời các câu hỏi trong bài: “Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II”.

==================🙞🕮🙜=================